



BÁCH KHOA

SỐ 74 — NGÀY 1.2.1960

SỐ TÀNNIÊNCANHTÝTÀNNIÊNCANHTÝ

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh *Eau de Vieille* " 40° và 50°
— Rượu Tàu "*Lào-Mạnh-Tiểu*"
— Rượu Tàu "*Tch-Tho-Tiểu*"

SI-RÔ "*Verigoud*" :

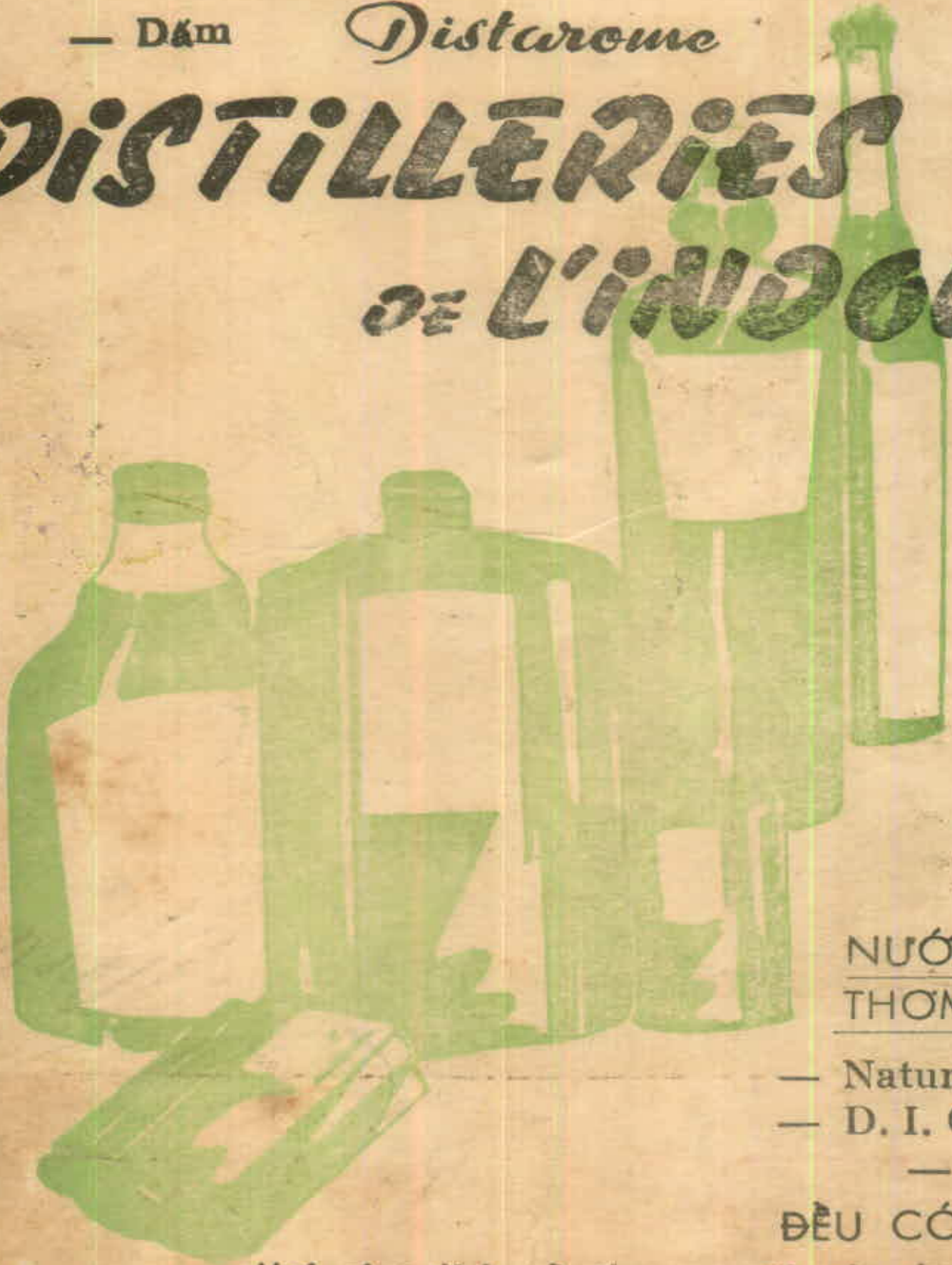
— Si-rô Cam, Quýt, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm *Distarome*

DISTILLERIES

DE L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG

HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ

6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE





NHỮNG GIẢM GIÁ ĐẶC BIỆT
TRÊN NHỮNG ĐƯỜNG BAY TRONG XỨ

CỦA

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

- 1) *Giảm giá gia-đình 15 %* trên vé bay cho hành-khách trong một gia-đình đi chung nhau và gồm có ít lắm :
 - 3 người lớn
 - 2 người lớn và 2 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi
 - 1 người lớn và 4 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi
- 2) *Giảm-giá cho các đoàn nghệ-sĩ và thể-thao :*
 - 15 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 5 người
 - 20 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 10 người
 - 25 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn 15 người trở lên

XIN HỎI CHI-TIẾT NƠI :

Tổng Đại-Lý VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ. T. : 22 446-47, 21.624-25-26

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

*Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime.*



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

-29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CA CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

**Mở các khoản tín-dụng về
Xuất-cảng — Nhập-cảng**

QUADROCHINE

(Pyrazolone + Phenacetine + Quinine + Vitamine C)

Le Remède par excellence contre la GRIPPE,
et les affections fébriles par refroidissements.

ERAVERM

(Hydrate de Piperazine)

Contre les oxyures et les ascaris (vers intestinaux)

Efficacité certaine — Bien toléré —

Goût agréable.

LABORATOIRES ASTA — WERKE A. G.

Chemische Fabrik

BRACWEDE — (Westf) ALLEMAGNE

Distributeur Exclusif pour le Viêt-Nam : **PHARMACIE MY-CHAU**

120 - 121, Bèn Chương Dương
SAIGON

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine



78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON



TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON. KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

*Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.*

VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MÁY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MÁY CHỮ, MÁY TOÁN
MÁY VIỄN ẮN
MÁY BƠM NƯỚC
MÁY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA
NECCCHI
MARELLI
OLIVETTI
LOMBARDINI
MONTECATINI

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN



6 tháng 12 số : **90\$00** — 1 năm 24 số : **180\$**

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON — Đ. T. 25.539

Nhà in : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn **BÁCH-KHOA**

hộp thư số 339 Saigon

ưu phiếu xin đề tên : **Ô. Huỳnh-Văn-Lang**

160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON



BACH - KHOA

Số 74 — Ngày 1 - 2 - 1960

	Trang
NGHIÊM-PHÚ-LƯU HOÀNG-MINH-TUYNH	Một định hướng mới : Tiết-Kiệm. . . 3
PHẠM-HOÀNG	Những khó khăn trong thực hiện dân-chủ 11
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	«Dòng tư-lưu»: khẩu hiệu và hô hào 15
TIÊU-DÂN	Vấn-đề dạy sinh-ngữ ở bậc Trung-học và dùng tiếng Việt làm chuyên-ngữ ở bậc Đại-học 23
ĐOÀN-THÊM NGUYỄN-HỮU-NGƯ	Năm 1960 với những khả-năng kiến-tạo hòa-bình 31
P. K. K. CÓ-LIÊU dịch BĂNG-ĐÌNH KIM-THU NGUYỄN-NGU-I	Mộng tâm xuân (thơ) 36
	1 bài thơ phải đợi 15 năm mới được đăng trọn vẹn. 40
	Hồn nam-nhi 43
	Thanh-niên Việt-Nam ngày nay . . . 46
	Xuân chiến-sĩ (thơ) 52
	Men xuân (thơ) 53
	Nhân ngày giỗ trận Đống - Đa: Nguyễn - Huệ hay là giấc mộng lớn chưa thành. 54
NGUYỄN-TRINH-DZOANH TRẦN-VĂN-KHÉ	Lunik III 61
MỘNG-TRUNG	Vài xu hướng trong âm - nhạc Âu, Mỹ cận đại. 67
QUAN-THỊ-CHÂU BÙI-KHÁNH-ĐÀN	Câm xuân (thơ) 76
	Nhân xem cuốn « Tìm về sinh lộ » của Kỳ-Văn-Nguyên 77
PHAN-VĂN-TẠO — ĐOÀN-THÊM LÊ-KHẮC-LÝ KIỀU-YẾU X. VÕ-PHIẾN YÃ-HẠC và TRINH-NGUYỄN VŨ-HẠNH	Thơ dịch : Phò Phi - Luật - Tân dự Quốc-lễ Đồng-tử-quân Đại-lộ dinh ngân - vịnh 83
	Dọn nhà 84
	Xuân hoài vọng (thơ) 93
	Tương-Quần (dịch Liên-trai) . . . 94
	Giò xuân (thơ) 100
	Tuổi thơ đã mất (truyện ngắn) . . 101
	Đêm, di thuyền máy trên Cửu-Long-Giang 113
	Người nữ lý (kịch truyện) . . . 114

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

BÍCH-QUANG	: Văn-hóa và văn-minh.
HOÀNG-MINH-TUYNH	: Dân-chủ đa-nguyên mà nhất trí.
NGUYỄN-HIỂN-LÊ	: Dịch sách.
NGUYỄN-VĂN-HẦU	: Việc thất thủ An-Giang năm Đinh-Mão.
NGUYỄN-QUANG-LỤC	: Cao-Biên
NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	: Thành tích 50 năm khoa-học.
CÔ-LIÊU	: Cơ-giới chỉ-huy.
NGUYỄN-NGU-Í	: Những « con đẽ » của cuộc phỏng vấn về truyện ngắn.
PHAN-KHOANG	: Các cuộc vận-động ngoại-giao với các cường-quốc của triều Tự-Đức.
H. Đ.	: Nghề xuất-bản với loại sách Tet cho thanh-thiếu-nhi bên Pháp.
TRẦN-NGUYỄN ANH-CA	: Lịch-sử cây Mã - dầu - đề - cốm cốm người Mông-cô.
TRẦN-VĂN-KHÊ	: Góp ý kiến về « Trống cơm ».
ƯNG-TRÌNH	{ Bài thơ « Xuân khuê » của Tùng-Thiện-Vương.
ĐOÀN-THÊM	: Khói và lửa.
NGUYỄN	: Kẻ bắt khuấy (truyện dịch).
VŨ-HẠNH	: Gổ quí. (truyện ngắn).
PHAN-DU	: Một món nợ (truyện ngắn).
MINH-HỮU	: Truyện kể cho người vợ chưa cưới (truyện ngắn).
KIỀU-YIÊU	: Cô Tiêm (dịch Liêu-trai).

*Bén lè những cuộc biểu-quyết vừa rồi tại Quốc-Hội
về dự-án Ngân-sách Quốc-Gia Tài-Khoá 1960...*

Một định-hướng mới :

TIẾT-KIỆM

★ ————— NGHIÊM-PHÚ-LƯU

SAU cuộc Đại-chiến thứ hai vừa qua tại các nước chậm phát-triển tại miền Nam và Đông-Nam Á-Châu một chính-sách Kinh-tế hữu-hiệu phải là một chính-sách gồm có hai giai-đoạn sau đây :

— Phục-hưng Kinh-tế hồi tiền chiến,

— Phát-triển và cải-tạo nền Kinh-tế Quốc-dân theo những định-hướng mới.

Ngoài những thiệt-hại về cuộc Đại-chiến vừa qua, miền Nam Việt-Nam lại còn bị phá hoại nặng nề do cuộc kháng-chiến dành Độc-lập đã gây nên từ ngày 19-12-1946 cho tới ngày 20-7-1954.

Vì các cuộc phá hoại chiến-tranh đó, vì sự tăng-gia dân-số mau chóng cộng thêm với mọi cản-trở của phong-kiến tham-ô, ích-kỷ trục-lợi và của các bè phái đối-lập nên công cuộc phục-hưng và phát-triển

Kinh-tế đã gặp rất nhiều khó khăn trong mọi lãnh-vực.

Thực-trạng đó đã làm :

1') hao hụt nhiều lợi-tức Quốc-gia,

2') suy giảm quan-trọng những mức-độ sản-xuất,

3') chênh-lệch một cách trầm-trọng cán cân chi-phó thương-mại.

Đề ứng đối hữu-hiệu với tình-trạng đó phải :

— cố gắng tiết-kiệm nhiều,
và

— tăng-gia sản-xuất mạnh mẽ,
đó là hai chỉ-tiêu phải đạt tới được trong mọi kế-hoạch Kinh-tế hiện nay.

Vấn-đề tăng-gia sản-xuất sẽ đề-cập tới sau. Trong bài này chúng ta nên ghi

xét một vài điểm tổng-quát về các biện-pháp tiết-kiệm.

1) Tiết-kiệm trong lãnh-vực chính - quyền

Dự-án Ngân-sách do Quốc-Hội Việt-Nam đã biểu-quyết trong tháng 12-1959 vừa qua là một văn-kiến cụ-thể-hóa định-hướng tiết-kiệm của Chính-phủ.

A) Một ngân-sách tiết-kiệm. —
những con số nên ghi :

Kể từ năm 1955 tới nay những Ngân-sách Quốc-gia đã kết toán liên tiếp với những tổng-số sau đây về phân thu cũng như về phân chi :

Tài-khóa 1955 . . .	17.030.709.000\$00
— nt — 1956 . . .	13.625.856.000\$00
— nt — 1957 . . .	14.919.990.000\$00
— nt — 1958 . . .	14.133.809.000\$00

Về tài-khóa 1959, sau khi tu-chính, Ngân-sách sẽ kết-toán với tổng-số là : 15.276.000.000\$00.

Theo các biểu-quyết vừa rồi tại Quốc-Hội thì Ngân-sách về tài-khóa 1960 sẽ dự trù với tổng-số là : 14.778.000.000\$00.

Như vậy, so với tài-khóa 1959, thì Ngân-sách 1960 sẽ giảm bớt đi 498 triệu tức là 3,26%.

B. — Việc thi-hành và kiểm-soát thi-hành Ngân-sách.

Những điểm ghi xét về Ngân-sách Quốc-gia năm 1960 đã chỉ rõ ý muốn hạn chế số hàng nhập-cảng để tiết-kiệm ngoại-tệ cũng như ý muốn giảm sút một số ngân-khoản để tiết-kiệm trong việc dự chi.

Song muốn được hữu-hiệu, chính-sách tiết-kiệm đó còn cần phải được áp dụng một cách tích-cực trong việc :

thi-hành Ngân-sách cũng như trong việc kiểm-soát trách-vụ thi-hành này.

1). Thi-hành Ngân-sách.

Nói tới việc thi - hành Ngân-sách thì phải liên tưởng ngay tới việc phân chia các kinh phí ra làm :

Kinh-phí điều-hành (nhân-viên, vật-liệu, tu bổ thường xuyên).

Kinh-phí đầu-tư gồm các ngân-khoản để mua máy móc và các dụng cụ trang bị, thực-hiện những tân công-tác và đại tu-bổ cùng mua sắm bất động-sản v.v...

a). Kinh-phí về nhân-viên (điều-hành).

Một Ngân-sách kiến-thiết và tiến-bộ là một ngân-sách chú ý nhiều tới các khoản dự xuất về đầu-tư.

Theo những con số kể trên thì trong tài-khóa 1960 kinh-phí đầu-tư sẽ tăng lên tới 1.484.577,000\$00 so với 1959 sẽ tăng thêm lên 38.872.000\$00 tức là 2,61%.

Trong giai-đoạn phục-hưng kinh-tế hiện nay, số tiền đầu-tư đó tương đối quá kém và còn cần phải tăng thêm lên nhiều trong các tài-khóa sau này nếu giảm bớt được những kinh-phí về điều hành nhất là kinh-phí về lương bổng nhân-viên phụ-cấp v. v. . .

Hiện chưa thu-thập được đầy đủ các chi-tiết dự trù về nhân-viên trong các Bộ trong năm 1960.

Song các cuộc thảo-luận về cuối năm 1958 tại Quốc-Hội về Ngân-sách Quốc-Gia tài-khóa 1959 thì :

— Trong số kinh-phí điều-hành trong tài-khóa 1959 vào khoảng 7 tỷ 300 triệu thì số lương bổng phụ-cấp nhân-viên đã dự

trù lên tới 4 tỷ 200 triệu (tăng hơn năm 1958 là gần 400 triệu).

Tỷ-lệ đó tương đối khá cao trong giai-đoạn Quốc-gia phải cần tiết-kiệm để dành kinh-phí vào các việc tiến hành các tân công-tác và việc mua sắm các thiết-bị cần thiết để phát-triển kinh-tế.

Theo một số tin tức thì ;

1) — tổng số nhân-viên tổng sự tại các cơ - quan dân - chính trong năm 1959 là 60.606 người.

2) — nhân số này sẽ sụt xuống còn có 58.343 người trong năm 1960 thôi nghĩa là bớt đi 2.263 nhân-viên.

Trong giai-đoạn hiện tại cần tận-dụng khả-năng của mọi phần-tử Quốc-gia, muốn tiết-kiệm về nhân-viên thì :

— nên đình chỉ ngay việc mở các kỳ thi tuyển dụng các nhân-viên mới,

— không nên thải hồi các nhân-viên cũ hiện đương phục - vụ trong mọi cơ - quan Hành-chính và chuyên-môn, mà :

— nên chuyển hướng toàn thể số 2.263 nhân - viên định dự trừ sa - thải đó vào các lãnh-vực sản-xuất nông công-nghiệp sau một thời kỳ học tập và huấn-luyện.

Việc sử dụng nhân-viên như thế cũng là một phương-sách tăng-gia các cán-bộ góp phần trực-tiếp vào việc tăng-gia tổng sản lượng tại các công-trường phát-triển cộng-đồng, tại các khu Dinh-diền và các khu trú-mật.

b) *Kiểm-soát công-tác.*

Có thể những khía cạnh thực-tế tại công-trường có thể làm thay đổi hẳn được một số điểm chính yếu của các dự-án.

Lại có thể từ lúc đệ-trình dự-án công-tác cho tới khi duyệt-y dự-án đó có nhiều yếu-tố mới làm thay đổi nhiều hay ít các hình-thái hay chỉ-tiêu của các dự-án.

Vậy ngày nay khi đã ước-chi rồi, ngay khi dự-án đã được duyệt-y và tống-đạt rồi một kỹ-sư hay một cán-bộ kỹ-thuật có ý-chí phục-vụ thực-sự cho Quốc-gia theo chính sách tiết-kiệm còn cần phải :

— vừa kiểm-soát chặt-chẽ các khối-lượng công-tác,

— vừa cố gắng tìm hiểu thêm và đề-nghị được các giải-pháp thi-hành mới hay thay đổi lối thi-hành mục-dích vừa tăng được hiệu-xuất của công-tác vừa làm giảm trừ được một số chi-phí có thể coi được là lãng-phí sau khi đã thu-thập và đối chiếu với các chi-tiết mới trên căn-bản mới của thực-trạng tại chỗ về tài-nguyên (vật-liệu, nguyên-liệu, dụng cụ) cũng như về nhân-sự (công-nhân, thợ-thuyền tuyển-dụng tại chỗ v.v...).

2 — *Kiểm-soát thi-hành Ngân-sách.*

Với việc tăng cường cơ cấu của hai cơ-quan ước chi và thuế-vụ, việc hành thâu các sắc thuế và việc kiểm-soát ước-chi đã đem lại thêm được nhiều kết-quả khả-quan.

Tuy nhiên trong giai-đoạn hiện nay phải cần thiết áp-dụng chính-sách tiết-kiệm và kiểm-soát chặt chẽ thêm việc thi-hành Ngân-Sách Quốc-Gia thì còn cần phải tăng cường hơn nữa các phạm-vi và phương tiện hoạt-dộng của một cơ-quan khác là :

Nha Tổng Giám-Đốc thanh-tri Hành-Chính và Tài-Chính hiện nay trực-thuộc Phủ Tổng-Thống.

Những kinh-phí dự trù cho nhà này trong năm 1959 là 2.668.000\$00 Trong tài-khoá 1960 ngân-khoản này đã tăng lên là 2.973.000\$00 tức là tăng thêm được 305 000\$00 Song vì quan-trọng của trách-vụ thanh-tra và kiểm-soát của cơ-quan này cần phải đề cao thêm nhiều trong giai-đoạn lãnh-mạnh-hóa việc chi và thu hiện tại thì một ngân-khoản là 2.973.000\$00 thật ra tương đối quá ít với một ngân-sách tổng-kết tới 14.778.000.000\$00.

Đứng trên khía cạnh xây dựng thêm các cơ cấu Quốc-Gia ta phải nên khen ngợi Ông Dân-Biểu Quốc-Hội Bùi-Quang-Nga đã có sáng kiến xin tăng cường thêm nhiều lên các ngân-khoản cho cơ-quan này trong cuộc biểu-quyết vừa rồi tại Quốc-Hội về ngân-sách 1960.

Những vụ hà-lạm công-quỹ, những vụ biến-thủ quan-trọng của một số các nhân-viên hoặc phụ-trách việc hành thâu các sắc-thuế hoặc phụ-trách việc quản-trị các quỹ dự-trữ, quỹ ứng trước hay kiểm-soát các tân công-tác đại-tu-bồ là những bằng chứng chỉ rõ việc cần-thiết cấp-bách phải :

1') tăng cường thêm sự kiểm-soát thi-hành ngân-sách,

2') thiết-lập các biện-pháp kiểm - soát hữu-hiệu các lợi-tức và tài-sản của một số công-chức hiện đương đảm nhiệm trực-tiếp những trách-vụ liên-quan tới các mục chi và thu trong mọi chương mục dân-phí cũng như quân-phí.

Đời sống ích-kỷ và quá xa-hoa, giả-tạo hiện nay của một thiểu số là một nguyên-động-lực đã thúc đẩy một số người khác quên cả những đức-tính cổ-truyền căn-cù, giản-dị và đầy đạo-lý của dân-tộc Việt-Nam.

II. — Tiết-kiệm trong lãnh-vực tư-doanh

Một chánh-sách tiết-kiệm chỉ có thể áp-dụng được một cách thắng lợi nếu toàn-thể các tầng lớp dân-chúng đều ủng-hộ và cùng tham-gia vào việc thi-hành chánh-sách này.

Ngoài việc hô hào Quốc-dân nên tiết-kiệm ngay trong cuộc sống hàng ngày và cố gắng chịu đựng mọi gian-khò, mọi thiếu thốn để khắc-phục mọi khó khăn, còn nên kêu gọi tiết-kiệm trong mọi ngành sản-xuất nông, công-nghiệp trong lãnh-vực Quốc-doanh cũng như trong lãnh-vực tư-doanh nữa.

Muốn có nhiều hiệu-xuất các xí-nghiệp, nhất là các xí-nghiệp tư-doanh, phải cần chú-ý tới :

a) — việc tiết-kiệm trong các kinh-phí sản-xuất để hạ giá Thành và góp phần vào việc hạ giá sinh-hoạt, cải tiến dân-sinh trước sự gia tăng dân-số mau chóng.

b) — việc tiết-kiệm để hạ giá các sản-phẩm đi đôi với việc cải tiến kỹ-thuật và tăng năng-xuất để cho các sản-phẩm này có thể vừa tốt, vừa rẻ — hai yếu-tố căn-bản — để cạnh-tranh được hữu-hiệu với các sản-phẩm ngoại-quốc theo các chương-trình xuất-cảng sản-phẩm nông, công-nghiệp.

Muốn áp dụng chánh-sách tiết-kiệm này các xí-nghiệp quốc-doanh và tư-doanh đều phải đem trọng tâm hoạt-động vào việc :

a) — tiết-kiệm ngay trong việc thiết-lập các dự án xây-dựng các thiết-bị cơ-bản,

b) — tiết-kiệm trong việc tổ-chức và thiết-lập các cơ-sở điều-hành để quản-lý xí-nghiệp.

c) — Áp-dụng chính-sách tiết-kiệm trong việc thiết-lập các đề-án và các kế-hoạch sản-xuất đề :

— vừa có thể tiết-kiệm được các dụng cụ sản-xuất cùng sử-dụng hợp-lý các dụng cụ này và tiết-kiệm các nguyên-liệu, nhiên-liệu và vật-liệu,

— vừa có thể giảm-bớt được cường-độ lao-động của công-nhân và nông-dân cùng bồi-dưỡng thêm sức lao-động đó.

d) — Hô hào các cán-bộ kỹ-thuật và các công-nhân, nông-dân tự ý nâng cao được trình-độ giác-ngộ và phát-huy nhiều sáng-kiến để khắc phục mọi khó khăn, giảm trừ các khuyết-điểm, khai-thác các ưu-điểm để tăng năng-xuất bình-quân của mọi ngành sản-xuất và tiến tới việc tăng thêm trước kỳ hạn nhiều số tổng-sản-lượng đã dự trù.



KẾT-LUẬN

Sau khi thu-hồi được độc-lập chính-trị, phải cố-gắng tiến tới nền Độc-lập kinh-tế.

Ngoài những chương-trình viện-trợ kỹ-thuật của Pháp của Mỹ, của kế-hoạch Colombo và của một số nước khác, ngoài những ngân-khoản ngoại-viện đã được trợ giúp theo hai mục :

— viện-trợ trực-tiếp

— quỹ-đối-giá

cho mọi ngành hoạt-động dân-sự, thì từ năm 1955 tới nay Ngân-sách Quốc-gia đã được thu-nhập những số đảm-phụ sau đây về quân-phí của Chính-phủ Hoa-Kỳ :

năm 1955	7.037.600.000\$00
» 1956	5.643.900.000\$00
» 1957	5.699.200.000\$00
» 1958	5.051.600.000\$00
» 1959	5.051.000.000\$00.

Tài-khoá 1960 đã được thiết-lập theo tạm cấ-bản những con số đã cấp về năm 1959 là 5.051.000.000\$00.

Trong khi đó thì vì nền sản-xuất nội-bộ kém thiếu, vì số tiêu-thụ sản-phẩm của ngoại-quốc đã tăng quá nhiều nên cán-xuất nhập-cảng đã ghi rõ những sự chênh-lệch như sau đây :

NĂM	XUẤT CẢNG		NHẬP CẢNG	
	Trọng-lượng	Trị giá	Trọng-lượng	Trị giá
1954	777.869 T	2 011.282.000\$	999 104 T	11.429 988.000\$
1955	433.082	2.423.731.000	1 089.450	9.211.570.000
1956	126 867	1.578.833 000	1.052.699	7.617.744.000
1957	388.981	2.819.200.000	1.221.746	10.104.119.000
1958	167.286	1.074.343.000	595.084	4 084.676 000

(6 tháng đầu)

Trong sáu tháng cuối cùng năm 1958 và trong năm 1959 tình-trạng đã cải tiến được rất ít.

Về một phương-diện khác, tại các nước chậm phát-triển, trong khi xây-dựng nền kinh-tế đề :

— nâng cao đời sống vật-chất và tinh-thần của giới cần-lao — thì các nước đó cần phải đặt trọng-tâm hoạt-động vào các chương-mục liên-quan tới :

a) — các kinh - phí y-tế xã - hội và văn-hóa,

b) — các kinh-phí đầu-tư, xây-dựng và kiến-thiết.

Không những thế, trái lại, còn phải tìm cách giảm trừ, đến mức tối-thiểu, các dự-xuất liên-quan tới :

a) — các kinh-phí về quân-sự,

b) — các kinh-phí về việc điều hành các cơ-quan hành-chính, vì các kinh-phí quân-sự hành-chính này không góp phần trực-tiếp được vào việc làm tăng thêm số lợi-tức quốc-gia để đem lại sự quân-bình cho ngân-sách.

Theo ngân-sách tài-khoá 1959 cũng như ngân-sách tài-khoá 1960 thì các con số dự trù về mục quản-lý hay điều-hành hành-chính còn tương đối quá cao đối với tổng-số ngân-sách và đối với các chương-mục dự trù về :

— y-tế, xã-hội, văn-hóa

— các công-tác xây-dựng cơ-bản và kiến-thiết.



Những con số kể trên đã chỉ rõ tình-trạng tài-chính tương-đối chưa được tốt đẹp hiện nay của Việt-Nam.

Với tình-trạng đó không nên quá ư chủ-quan, tự-cao, tự-mãn mà cần phải nêu công-nhận rằng hiện nay :

a) — rất khó tự ý tìm được nền quân-bình cho ngân-sách Việt-Nam nếu không có các ngân-khoản ngoại-viện,

b) — muốn cải-thiện tình-hình đó thì cần phải vừa cấp-tốc áp-dụng triệt-đề chính-sách tiết-kiệm để giảm-trừ mọi kinh-phí vừa khuyến-khích tăng-gia mọi lãnh-vực sản-xuất để tăng-cường số lợi-tức quốc-gia.

Muốn đạt tới được các chỉ-tiêu đó ngoài việc thiết-lập một ngân-sách tiết-kiệm còn cần phải :

a) — kiểm-soát tích-cực việc thi-hành ngân-sách đó ;

b) — thiết-lập ngay những kế-hoạch kinh-tế và tài-chính thích-nghị cho những giai-đoạn nhất-định và cố gắng thi-hành hay thi-hành vượt mức các kế-hoạch đó. Trong một nước chậm phát-triển, thiếu vốn đầu tư, thiếu chuyên-viên kỹ-thuật, thiếu thiết-bị cơ-bản thì việc thiết-lập các kế-hoạch ba hay năm năm trong mọi ngành hoạt-động là một việc rất cần-thiết.

c) — tiến-hành những công-tác tư-tưởng để nâng cao cảnh-giác và khuyến-khích sự tham-gia của mọi tầng lớp dân-chúng vào việc thi-hành thắng-lợi các kế-hoạch này.

d) — thiết-lập ngay hội-đồng kinh-tế quốc-gia tại Quốc-hội để lãnh-đạo việc xây-dựng kinh-tế cho xứ sở.



Trong thời kháng-chiến vừa qua, có nhiều trang lịch-sử Việt-Nam đã ghi rõ một cách vẻ vang :

— những đức-tính cần-cù nhẫn-nại.

— lòng can-dảm vô-biên,

và

— trí anh-dũng chịu đựng mọi gian-khò, vượt mọi khó khăn, của dân-tộc Việt-Nam.



Tác-phong cần-kiệm, liêm-chính — và cần-kiệm thực sự của các guồng máy chính-quyền — ý-chí tiết-kiệm của mọi lãnh-vực

tư-doanh đi song-song với việc chống đối với :

— Mọi xa-hoa lãnh-phí, mọi mưu-mô đầu-cơ trục-lợi tham-lam của một thiểu-số người vong-bản ích-kỷ phóng-đáng và có dã-tâm thao túng thị-trường.

Sẽ nâng cao niềm tin-tưởng của một số đông đảo nhân-dân.

Mà khi các tầng lớp dân-chúng đã tin-tưởng thì họ sẽ tự ý cố-gắng tham-gia tích-cực vào mọi kế-hoạch sản-xuất nông công-nghiệp của các cơ-quan chính-quyền.

Nếu được sự tham-gia của toàn-dân thì nền tài-chính và kinh-tế sẽ có thể cải-tạo và phát-triển mau chóng được theo các định-hướng và chính-sách hợp với nguyện-vọng của quốc-dân.

NGHIÊM-PHÚ-LƯU

Danh ngôn, danh lý

ĐẠO LUYỆN VÀ GIAO HÓA

- ★ Loài người chủ-yếu khác loài vật ở chỗ loài người có tự-do và biết trách-nhiệm. Đối với người lãnh-đạo, cách thể hay nhất làm cho người dưới quyền nhận-thức được giá-trị nhân-bản là giác-tỉnh cho họ nhận-thức được tinh-thần trách-nhiệm.
- ★ Người ta càng quyến cõ với công việc khi người ta thấy công việc làm có tính-chất một công việc xã-hội và người ta cảm thấy có trách-nhiệm phải làm.
- ★ Người dưới thường sẵn sàng đem hết khả-năng ra phục-vụ và cố gắng đem lại kết quả, khi thấy người trên tỏ ra tin tưởng họ.

NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG THẬT-HIỆN DÂN-CHỦ

HOÀNG-MINH-TUYNH

(biên khảo)

(Tiếp theo *Bách-Khoa* số 73)

Dân-chủ phải khởi sự ngay từ trong gia-đình và lớp học, nó phải thật thi ngay từ trong các trại binh và các bàn giấy của ông Cò hơn là ở các phòng bỏ phiếu.

Nhược-điểm của dân-chủ

TA PHẢI công nhận một điều là mục-tiêu dân-chủ nhằm thật hiện thường đi ngược lại với sách lược của mọi chính thể cựu truyền. Trong khi cần phải tìm kiếm cho ra phương thức tổ-chức và đặt người dân vào khuôn phép, thì dân-chủ lại cho người dân đủ mọi lý do để chống cưỡng lại một quyền uy vốn được coi như chính họ đã thiết lập ra. Pháp độ, thật ra, chẳng bao giờ đạt tới chỗ hoàn tất một cách viên-mãn, nên mỗi phần tử trong quốc-dân, mỗi hạng người trong xã-hội đều thấy ở trong nguyên-tắc dân-chủ một lý do để yêu sách, nếu không phải là để phản-kháng không cùng. Do đấy, phát sinh ra tình trạng hỗn loạn, đảo điên. Ít ai chịu nhận quyền uy độc tôn của nhà nước nữa và ai cũng coi mình như có quyền uy cả. Lần lần, tình trạng đi tới chỗ phải mời gọi một bạo chúa đến để thiết-lập lại nền

trật-tự, trong đó mọi người đều phải nép mình sống nhục-nhã dưới ách thống-trị của cường-quyền tàn ngược, Dân-chủ khiến cho người dân trở nên công-dân, một thứ công-dân « bất trị », không chịu được sự thống-trị của bất-luận ai nữa.

Nhà hiền triết Po-la-tôn (Platon) có nói một câu : « Dân-chủ phân phát quà tặng đồng đều giữa những vật đồng đều và không đồng đều ». Câu nói của nhà hiền triết thật đã chứa đựng được hết cả mọi điều người ta đem ra trách vấn dân-chủ và bất dân-chủ phải chịu trách-nhiệm : người ở trong phe chỉ trích phản-động thì cho dân-chủ đã bẻ gãy mọi phẩm - trật tự - nhiên và đem tài nghệ cùng uy-quyền trộn lẫn trong một thứ chủ-nghĩa bình-dẳng trừu-tượng ; người ở trong phe chỉ trích Mác - xít thì chứng tỏ dân-chủ — mà họ thường mệnh danh là

dân-chủ tư-sản —, khi trao quyền-hành cho kẻ mạnh và kẻ yếu một cách bình-đẳng thật đã tăng-cường quyền-uy của thế-lực tư-bản và huyễn-hoặc giới vô sản.

Ta phải đáp lại làm sao ? Nỗi khó khăn của dân-chủ là ở chỗ dân-chủ đã dựa vào hai quan-niệm bình đẳng ở cách xa nhau, ở cách nhau hai đầu cực đoan, mà cũng đều là trừu-tượng cả : theo quan-niệm thứ nhất dân-chủ chủ-trương mọi người đều bình-đẳng về lương-tri và lương-tâm ; và theo quan-niệm thứ hai, dân-chủ căn-cứ vào bình-đẳng trong phổ-thông đầu-phiếu một cách hoàn-toàn toán học để thật hiện sự bình-đẳng trên. Nói một cách rõ ràng hơn, là dân-chủ nghĩ rằng người ta ai cũng có lương-tri và lương-tâm bằng nhau, nay muốn thể hiện sự bình-đẳng đó, chỉ cần dùng sự phổ-thông đầu-phiếu để xem ai thắng số phiếu là người ấy thắng cuộc. Dân-chủ cho như vậy vừa thật hiện được chữ công, lại vừa thật hiện chữ bình, tức là đạt tới lý-tưởng rồi.

Tuy nhiên, giữa cái nguyên-lý tinh-thần hay đạo-đức và con số-thành toán-học đó, ai cũng thấy rằng thật tế xã-hội và cá-nhân vẫn còn tiếp tục gây nên biết bao nhiêu sự chênh-lệch trong các tập-thể với nhau và giữa các người với nhau, thì làm sao có thể có công-bình thật sự được ! Đó chính là chỗ yếu của dân-chủ, chỗ yếu khiến cho một chính-thể dù khoan-hòa đến đâu, một Hiến-pháp dù hoàn-hảo đến đâu cũng có thể đi tới chỗ tan vỡ. Bảo rằng dân-chủ dù sao duy-trì được điều-lợi này, là đảm-bảo cho con người được tự-do phát-triển nhân-bản-vị của mình, thiết-tưởng chưa đủ. Vì sự nhằm nguyên một mục-tiêu đạo-đức

suông như thế, không đủ uy-lực để tạo nên một căn-bản lý-thuyết, và càng không đủ hiệu năng để lập nên một nền tảng thật tế cho một chế-độ chính-trị.

Dân ước

Do đấy, người chủ-trương dân-chủ cần phải giả-thiết như có một lúc nào đó trong lịch-sử, loài người thỏa-thuận kết-thúc với nhau một khế-ước, trong đó, mỗi người đem, tất cả nhân thân cùng năng-lực của mình chung góp với nhau đặt dưới quyền chỉ-huy tối-cao của một ý-chí chung, nghĩa là ý chí của toàn thể. Do ý chí chung này, phát sinh ra chủ quyền tối-thượng của toàn thể mà mọi người đều phải tôn-trọng, vì không những nó tiêu-biểu ý chí của mọi người mà còn tiêu-biểu được ý chí của mỗi người nữa (1). Ý niệm « khế-ước xã-hội » của Rút-xô (Rousseau) đã không những đảm-bảo được đầy đủ quyền của cá-nhân mà đồng-thời còn đảm-bảo được cả quyền-uy tối-cao của xã-hội, nên ngoài ý-niệm ấy, ta thấy khó lòng tìm được một ý-niệm nào khác hay hơn để làm nền-tảng cho quyền-uy, khiến cho quyền-uy do chính tự trong nhân-dân mà ra, chứ không phải tự ngoài nhân-dân mà đến. Nếu quyền-uy tự ngoài nhân-dân mà đến, quyền-uy tất sẽ tách rời khỏi nhân-dân, trở nên đối kháng với nhân-dân, chia rẽ nhân-dân ra làm hai hạng trên dưới khác biệt, hạng chúa-tể và nô-lệ. Ý-niệm khế-ước xã-hội có cái lợi thể tốt đẹp vô cùng, là khiến quyền-uy có thể căn-cứ trực tiếp vào tự-do của cá-nhân (mỗi cá-nhân tự-do thỏa-thuận kết-thúc với nhau một

(1) Xin coi Bách-Khoa số 10 và 11 (1957) « Rút-xô với bộ Dân ước luận », do Hoàng-Minh-Tuynh biên-khảo.

khế-ước di-nhượng quyền mình cho xã-hội để chung sống và duy-trì sự tồn-tại của mình) và đồng-thời dùng sự hạn-chế tự-do của họ làm điều kiện trường-tồn cho chính-trị (cá-nhân không phải là kẻ bị xã-hội tước mất tự-do, họ đã cùng hết mọi cá-nhân khác tự ý di-nhượng tự-do cho xã-hội như nhau và bằng nhau cốt để giữ trọn được tự-do cho nhau). Chính nhờ cái ý-niệm khế-ước xã-hội của Rút-xô, một ý-niệm có tính-chất một cuộc đảo-chính triết-lý đó, mà có thể tránh được những cuộc đảo-chính chính-trị thường-xuyên, khiến cho kẻ cường-bạo không thể gì nắm giữ được chính-quyền. Trong khi tiến tới mục-đích thật-hiện tự-do và phàm-giá cho mỗi người, dân-chủ không những biện-minh được cho lý-do tồn-tại của mình, mà còn khiến cho nguồn-gốc của mình có một căn-cứ vững chắc. Điều làm cho lập-trường triết-lý của dân-chủ trở nên yếu ớt lại khiến cho lập-trường thật-tế của dân-chủ hóa ra cứng mạnh, vì lẽ dân-chủ chẳng bao giờ đạt tới chỗ hoàn-toàn chính đáng để có thể tự coi mình ở mức viên-mãn, cố-định, khác với những chế-độ kiêu-căng khác, tự thỏa với những kỷ-niệm nguồn gốc cao đẹp quá xa-xưa của họ một cách ngu-xuẩn; dân-chủ chỉ có thể lần lần đạt tới chỗ chính đáng là khi nào biết lần lần tiến tới trong công-cuộc bảo-vệ và giáo-hóa, cho nhân dân được ngày một trở nên tự-do và xứng đáng hơn, ngày một có khả-năng đoàn-kết để thật-hiện những cứu cánh chung và tiếp tục thi-hành khế-ước xã-hội vốn là nền tảng của sự đoàn-kết.

Vai trò của Quốc-gia

Còn có điều khó khăn nữa, người ta thường nêu lên về vấn-đề dân-chủ. Dân-chủ là một chế-độ thích-hợp với toàn-thể

hoàn-vũ, chứ không phải chỉ thích-hợp, riêng với một quốc-gia nào, vì dân-chủ coi mỗi người, bất luận thuộc xứ sở nào, chủng tộc nào, đều là một người đáng được tôn trọng. Nhưng cái « ý chí chung » mà người ta thường coi là nền tảng cốt thiết của dân-chủ, không thể thể-hiện một cách trừu-tượng; ý chí chung không phải là ý chí của mọi người trong cả hoàn-vũ, mà là ý chí riêng biệt của một tập đoàn, một dân-tộc, phối-hợp, tự-kết với nhau do bởi cùng sinh-hoạt với nhau trong một hoàn-cảnh vật-chất và cùng có chung với nhau một lịch-sử. Giả-thuyết của Rút-xô, thoát đầu chỉ có giá-trị một lý-thuyết, tới khi thể-hiện trong khuôn khổ một quốc-gia lại thấy rất tương hợp với thật-tế cụ-thể. Chỉ ở trong nội-bộ một quốc-gia, người ta mới có thể nhận định rõ rệt tư-cách công-dân tự-do của mình.

Và chẳng, chính về phương-diện lịch-sử, dân-chủ hiện-dại có liên-quan mật-thiết với ý-thức quốc-gia; dân-chủ của người dân nhờ có ý-thức quốc-gia mới trở nên hấp-dẫn, nồng-nàn. Khi người dân nổi lên đòi hỏi bình-dẳng và tự-do, thì sự đòi hỏi của họ chỉ có thể thật-hiện được trong khuôn khổ của một quốc-gia có chủ-quyền; chỉ trong khuôn khổ quốc-gia đó, người dân mới có cơ sinh-hoạt thật sự bằng thể xác và bằng ý-chí. Chúng ta không quên, khi người dân Pháp tạo lập chế-độ Cộng-hòa đầu tiên, họ say sưa trong ý nguyện thật-hiện dân-chủ, nhưng đồng thời cũng ngây ngất trong nhiệt tình ái-quốc nữa.

Muốn thiết bị một quyền uy khi toàn dân còn đang tha thiết và hăm hở đòi hỏi tự-do, tự nhiên cần phải có một qui-tắc, một phương-thức điều hòa và quyền uy cần phải tìm ra một chỗ nương tựa nào.

đề lập ra pháp độ làm tiêu-chuẩn chung cho quốc-dân : chính đó là vai trò của chủ-quyền quốc-gia mà nhà pháp học Sieyès đã giải rõ ràng như sau : « Ý muốn của quốc-gia thể-hiện ra cách nào cũng được miễn ý muốn ấy thể-hiện ra là đủ ; cách thể-hiện ý muốn nào của quốc-gia cũng đều là tốt hết và ý muốn của quốc-gia là pháp-độ siêu-đẳng ». Do một câu nói của Sieyès, ta thấy khi dân-chủ vừa phát-sinh là đã manh-nha ngay một ý-thức hệ quốc-gia cực-đoan, sau này sẽ nổi lên chống lại dân-chủ : « ý muốn của quốc-gia là pháp-độ siêu-đẳng... ». Song một khi cái ý muốn của quốc-gia ấy là ý muốn thôn-tính và ức-chế các quốc-gia khác thì ý muốn ấy liệu có còn đứng vững và có còn giá-trị nữa không ? Ai cũng biết sự phối hợp dân-chủ và quốc-gia là mầm giống phát-sinh ra chủ-nghĩa quốc-gia hiếu chiến từng làm đổ máu nhân loại về sau. Nhưng, dân-chủ nếu không qui định, hạn-giới trong khuôn-khò quốc-gia và nhờ chủ-quyền quốc-gia đặt vào khuôn phép, thì dân-chủ làm sao có thể thật hiện và tồn-tại được ?

Bởi dân-chủ lấy toàn-thể quốc-dân làm nguyên-tắc cho pháp-độ, cho nên dân-chủ lại càng cần phải có một uy-lực hiệp-nhất ý-chí quốc-dân ; bởi dân-chủ tự cho mình có một giá-trị siêu-đẳng, cho nên dân-chủ càng cần phải có tin-tưởng của nhân-dân làm hậu-thuần. Dân-chủ phải luôn luôn tự mình nuôi mình, luôn luôn « tự lực cánh sinh » ; dân-chủ chỉ có thể điều hành nhờ căn-bản nhân-dân, và nhờ căn-bản nhân-dân, dân-chủ mới có thật chất và mới cố kết được. Nếu không, dân-chủ sẽ đưa quốc-dân đến chỗ chia rẽ — ai cũng cho mình là hay, là phải, nhưng cũng chẳng ai căn-

cứ được vào tiêu chuẩn nào mà bảo người là sai, là quấy —, và rồi sẽ đi tới chỗ xâu xé, giết hại lẫn nhau, nghĩa là đi tới nội-loạn vậy. Có quốc-gia, mới có đảng phái, và chỉ quốc-gia mới có chủ-quyền. Hữu-phái hay tả-phái có thể tranh-đấu với nhau, miễn là cùng theo đuổi một sự vật chung ; nếu không, cuộc tranh-đấu sẽ biến thành cuộc bại vong của kẻ yếu, thành cuộc độc chiếm của kẻ mạnh. Một người Việt thuộc tả phái có thể thừa nhận quyền-uy tạm thời của hữu phái, vì người ấy biết nhìn nhận, bên ngoài những chính kiến dị đồng, có một tên chung với người Việt thuộc hữu phái ; hai người là đồng-bào, đồng-quốc với nhau và do đấy, có đảm-bảo, tránh được cho đa số khỏi thành độc-tài và thiểu số khỏi bị tiêu diệt.

Cái chế-độ « chấp nhận được sự bàn cãi » đó, chỉ có thể thiết-lập tại một nơi vốn đã sẵn có một tập-thể khởi nguyên, là đoàn thể sống động trong nhân-dân ; cái chế-độ « có lương-lâm ngay thẳng đó » đòi hỏi một nhiệt-tình, là sự phù-trợ của con tim khối óc chân thành ; cái người ta vẫn gọi là tinh-thần ái-quốc ái-quần hay đúng hơn tinh-thần công-dân vậy.

Nhiều người cho rằng dân-chủ hiện nay sở dĩ lâm cuộc khủng-hoảng là do bởi tinh-thần ái-quốc, ái quần của người dân đã suy-vi quá lắm ; bởi thiếu tinh-thần đó, nên dân-chủ thiếu khí huyết, khí lực và khí tiết. Ông André Philip nói : « Không thể có dân-chủ giới-hạn trong phạm-vi một đoàn-thể, một quốc-gia, một giai-cấp. » Câu nói của ông André Philip có lẽ đúng trên lý-thuyết và ai cũng công-nhận dân-chủ có một giá-trị phổ-biến, đại-dồng đối với khắp cả hoàn-vũ ; song thật tế, thiết tưởng vấn-đề phải đặt ra như

sau : dân-chủ nếu không giới-hạn trong một phạm-vi nào thì làm sao tồn-tại được? dân-chủ làm sao sống nổi ở ngoài khuôn khổ quốc-gia? Đại đồng trên nguyên-tắc, dân-chủ trở nên độc-thành trong thật tế, vì nó cần có hoàn-cảnh cụ-thể để thể-hiện. Chính ông André Philip gần đây cũng cho rằng : (1) « Dân-chủ không thích hợp cho những nước kém mở mang » (1). Tuy không dám vô đoán và vơ đũa cả nắm như ông A. Philip, chúng tôi cũng nghĩ rằng, trong một vài trường-hợp khẩn thiết, chính-quyền cần phải chăm lo trước hết đến việc lập, hoặc tái-lập hình-chất cho một xứ sở, tạo ra những cơ sở vật-chất và tinh-thần cho một tập thể, hầu cho có sự cộng-thông thỏa-dáng tối-thiểu trong đám dân-chúng, nhiên-hậu mới có thể đề-cập đến chuyện thành-lập một quốc-gia dân-chủ được.

Nói vậy là chúng tôi có ý nhấn mạnh ở điểm sau này : trên lý-thuyết, dân-chủ có tính-chất đại-dồng, thích-hợp cho cả hoàn-vũ, nhưng trong thật-tế, dân-chủ muốn thật hiện phải có những điều-kiện trường - tồn đặc - biệt mới được. Cho nên kẻ bảo chế-độ dân-chủ là một chế-độ ảo-tưởng, và bình-dẳng của chế-độ dân-chủ là bình-dẳng trừu-tượng, thật đã sai lầm : chính-thể dân-chủ là một chính-thể khó khăn nhất, và phiền tế nhất. Chính-thể thần-quyền hay chính-thể độc-tài thật-hiện ở đâu cũng được và thật-hiện lúc nào cũng được ; duy có chính-thể dân-chủ là đòi hỏi phải có một sự chuẩn-bị chu-đáo và kỹ càng, người dân muốn hưởng một chế-độ dân-chủ phải có sẵn truyền thống, đạo

lý, lại phải có năng-lực phối hợp, và cố kết để bù trừ lại được sự chia rẽ, sự rời rã mà dân-chủ trước sau rồi sẽ gieo rắc ngay trong nội-bộ. Một nhà nước dân-chủ cần phải có một xã-hội làm hậu-thuần cho nó và nuôi dưỡng nó thì nó mới tồn tại được. Do đấy, ta thấy nền dân-chủ Pháp sở dĩ yếu ớt ngay từ khi khởi đầu là bởi đã thiết-lập trên những nền tảng tập tục quá chuyên chế, nếu không phải là phong-kiến. Làm sao có thể tập cho người công-dân quen được với sự bàn cãi sự bao dung, sự gánh vác trách-nhiệm, khi chính người công-dân ấy từ ngày lên sáu cho tới tuổi hai mươi, qua từ ông thầy học ở trường làng lên cho tới viên thượng-sĩ ở trại binh, chỉ biết có một việc là tuân-hành kỷ-luật triệt-đề và chịu sự trừng phạt mà không được cãi lại. Muốn củng-cố dân-chủ thiết-tưởng cần phải củng-cố ngay từ các trường học và các công sở hơn là ở ngưỡng cửa các nghị-hội. Dân-chủ phải khởi sự ngay từ trong gia-đình và lớp học, nó phải thật thi ngay từ trong các trại binh và các bàn giấy của ông Cò hơn là ở các phòng bỏ phiếu. Dân-chủ không dạy-bảo cách tiêu hủy quyền uy mà chỉ dẫn-dụ cách-thức sử-dụng quyền uy sao cho hợp lý và có giáo-dục. Cho nên bản chất dân-chủ không phải là một cái gì bất di bất dịch, và không thể nào định nghĩa dân-chủ cho đích xác được ; dân-chủ chính là một tín-ngưỡng, một tin tưởng và một ngưỡng vọng phát-triển không ngừng ; dân chủ chỉ có giá trị khi nó thật trở nên một giá trị, và chỉ khi nó tiến bộ nó mới trở nên chính đáng vậy.

HOÀNG-MINH-TUYNH

(biên khảo)

KỶ TỚI : Dân-chủ đa nguyên mà nhất trí.

BÁCH KHOA LXXIV

(1) « La démocratie ne convient pas aux pays sous-développés », A. Philip : « Qu'est ce que la démocratie ? » (Cahier de la République, Sept-Oct. 1958).

dòng tư tưởng...

KHẨU HIỆU VÀ HỒ HÀO

« Xử tử bọn Việt-gian ! »

Khẩu-hiệu của những phần-tử cực-đoan trong những phong-trào cách-mệnh phản nhân-bản-nội, muốn lợi-dụng cảm-tính nhân-dân để đạt được kết quả mà không cần lưu-ý tới phương-tiện !

« Chặt đầu lũ bán nước ! »

Hồ-hào của những thủ hạ quá-khích trong những công cuộc khởi-hấn độc-quyền ái-quốc, muốn gây căm-thù trong quần-chúng, cốt thu được thắng-lợi nhất thời mà không nghĩ đến tai ương trong mai hậu !

Trong lúc xây-dựng, cần phải có những khẩu-hiệu xây-dựng hợp với nhân-đạo, nêu cao hiệu-lực của nhân-đạo và tin vào hiệu-lực của nhân-đạo.

« Xử tử » và « chặt đầu » thuộc quyền thăm-phán của Pháp-luật. Pháp-luật không đợi chúng ta đòi hỏi, mà cũng không cần chúng ta xúi giục.

PHẠM-HOÀNG



CỤ PHAN-BỘI-CHÂU Ở HÀNG-CHÂU

(Tiếp theo Bách Khoa số 73)

NGUYỄN-THƯỢNG-HUYỀN

Cụ Phan với cụ Mai-Sơn

Tháng 11 năm 1924, cụ Phan từ Quảng-Châu trở lại Hàng-Châu, có Hồ-Tùng-Mậu đi theo. Anh Hồ-Học-Lãm thì trở lại Hàng-Châu trước cụ Phan vài tuần-lẽ.

Khi còn ở Quảng-châu, cụ Phan đã quyết-định sai Tùng-Mậu về nước kén chọn thanh-niên đưa ra. Nhưng ngặt một nỗi là không có tiền, cụ không thể cho Tùng-Mậu về ngay được. Cụ phải đem Tùng-Mậu lên Hàng-Châu, đợi trừ được tiền thì cho về.

Về tới Hàng-Châu, cụ Phan đi gặp ngay cụ Mai-Sơn, đem công-chuyện nói cho cụ Mai-Sơn hay, và yêu-cầu cụ Mai-Sơn thu-xếp cho một số tiền khá-khả để cho Hồ-Tùng-Mậu về nước.

Cụ Mai-Sơn tuy không có nhiều tiền, nhưng cụ có nhiều người bạn Trung-Hoa rất tốt, khi cụ cần tiền làm việc gì nên làm, yêu-cầu họ thì họ vui lòng giúp ngay, dù chẳng nhiều lắm. Cứ như chỗ tôi nhận xét,

cụ Mai-Sơn bề ngoài không tỏ vẻ hoạt-động như cụ Phan, nhưng bề trong vẫn nhiệt-tâm về công-chuyện cách-mạng không kém gì cụ Phan. Từ ngày có tụi Phan-Bá-Ngọc ra làm bậy, cụ Mai-Sơn « kính nhi viễn chi » tất cả mọi người, nhưng vẫn giữ mối liên-lạc với cụ Phan. (Bấy giờ ngoài cụ Phan ra, cụ Mai-Sơn chỉ cho hai người nữa được gặp, là Hồ-Học-Lãm và tôi), Cụ Mai-Sơn thường có nhiều ý-kiến sáng suốt và ôn-kiện hơn cụ Phan, nên khi định làm việc gì, cụ Phan thường vẫn đến bàn bạc với cụ Mai-Sơn. Nhất là khi cần tiền làm việc, cụ Phan lại càng cần phải có cụ Mai-Sơn giúp lắm.

Khi đã thu-xếp tiền cho cụ Phan rồi, cụ Mai-Sơn sai tôi lo-liệu việc in một thứ tuyên-truyền-phẩm để giao cho Hồ-Tùng-Mậu đem kén về nước. Chỗ này có một điều đáng kể, là trước kia các cụ in tuyên-truyền phẩm để đưa về nước, cứ in bằng chữ nôm cả, nhưng lần này thì không in bằng chữ nôm nữa, mà in bằng Quốc-

ngữ, vì các cụ nghe lời tôi nói chuyện tình-hình trong nước, biết chữ nôm không thông - dụng nữa rồi. Tuyên-truyền-phần này do tôi viết bằng chữ Quốc-ngữ và in thạch-ấn, nội-dung là ba bài thơ quốc-âm vịnh vụ bom Sa-Diện. Trong ba bài thơ này, hai bài của cụ Mai-Sơn, một bài của tôi. Hai bài của cụ Mai-Sơn, tiếc lâu ngày nên quên mất rồi, nhưng bài của tôi còn nhớ như sau :

*Vang trời một tiếng nổ toang ra,
Xương thịt tan-tành giữa tiệc hoa.
Sa-Diện gió âm hồn quỷ khóc ;
Châu-Giang nước lạnh bóng hồng sa.
Non sông ba cõi kinh lòng giặc ;
Trời đất năm châu mở mặt ta.
Đồng-chí, anh em xin nổi gót,
Cường-quyền, trừ diệt quyết không tha !*

Sau khi Hồ-Tùng-Mậu đã từ Hàng-Châu trở lại Quảng-Châu để lên về trong nước, cụ Phan lại sống trở lại cái đời sống êm-dềm như trước khi cụ chưa đi Quảng-Châu, chỉ khác một điều là bây giờ cụ học chữ Quốc-ngữ càng chăm hơn trước và cụ đã đọc được lanh hơn trước nhiều.

Những bản điều-lệ Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng, bản tuyên-ngôn về chánh sách và chánh-cương của đảng, và bản thuyết-minh về *Dân-Bản Chủ-Nghĩa* mà cụ mang ở Quảng-Châu về, cụ đều giao cho tôi dịch ra Quốc-ngữ (16)

Ngoài ra còn một bản tuyên-ngôn của Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng về vụ bom Sa-Diện, nguyên viết bằng chữ nôm, cụ cũng giao tôi dịch ra Quốc-ngữ. Sau tôi lại dịch thêm một bản ra Anh-Văn nữa.

Tôi mới học chữ Anh, lại tự-học, chỉ năm bảy tháng, mà đã cả gan dám dịch

một bài tuyên-ngôn như thế, cụ Phan không tin là dịch được hoàn-hảo. nên cụ đem bản dịch của tôi gửi cho ông Hồ-Thích (Dr. Hu Shih), giáo-sư trường Đại-học Bắc-kinh, cậy ông chữa dùm. Ông chỉ sửa đổi qua-loa vài chỗ và trả lời rằng bản dịch này dùng được. Cụ Phan thấy tôi mới học chữ Anh chưa bao lâu mà đã có trình-độ như thế, cũng lấy làm lạ. Cụ bèn thương-lượng với cụ Mai-Sơn xin cho tôi vào học trường Chiết-Giang Anh-văn Chuyên-tu Học-hiệu ở Hàng-Châu, đề sau này có chỗ dùng.

Thế rồi đến tháng 2 năm 1925, tôi vào học trường này, lấy tên là *Trương-Nguyên*, vì khi ấy cụ Mai-Sơn lấy tên họ giả là *Trương-Thiên-Hạc*, cụ Phan là *Trương-Vân-Dực*, nên tôi cũng đổi theo hai cụ là họ Trương. Còn tiền ăn học của tôi thì do cụ Mai-Sơn cấp cho cả.

Sau khi nhập-học, tôi dọn vào ở trong trường, chỉ chiều thứ bảy mới về ở chỗ cụ Phan cho đến tối chủ-nhật lại vào trường.

Cụ Phan với Lý-Thụ

Vào khoảng tháng 3 năm 1925, một hôm là chiều thứ bảy, tôi ở trường ra, theo thường-lệ đến chỗ cụ Phan rồi cùng cụ « đi nhõn ». Khi hai người ngồi nghỉ trên

(16) Những bản-dịch này, cả nguyên-văn nữa, tôi vốn giữ được, nhưng đến cuối năm 1936 tôi rời khỏi Hàng-Châu, về Quảng-Châu giúp việc tại Thư-viện trường Trung-Sơn Đại-Học (Sun Yat-sen University), không dám đem theo, vì sợ khi đi qua Thượng-Hải, lỡ bị khám ra, thì có cái nguy-hiểm bị bắt về nước, nên tôi phải đem những văn-kiện ấy khóa vào một cái va-ly cùng các văn-thư quan-trọng khác, gửi ở nhà bạn tại Hàng-Châu. Từ đó tôi không có dịp nào trở lại Hàng-Châu để lấy cái va-ly ấy nữa, bây giờ thì có lẽ mất rồi.

một tấm ghế đá bên cạnh Tây-Hồ, cụ Phan bỗng lấy trong túi ra một bức thư mà bảo tôi rằng :

« Đây, mình vừa mới nhận được bức thư này do Hồ-Tùng-Mậu ở Quảng-Châu gửi lên. Người viết thư chưa rõ là ai. »

Tôi xem thì thấy thư viết bằng chữ nho, trong thư người ấy tự xưng là bậc con em của cụ Phan, nguyên ở Pháp, sau qua Nga, bây giờ mới từ Nga đến Quảng-Châu, nên biên thư lên kính chào cụ. Nhưng người này không nói rõ là ai, chỉ thấy cuối thư đề tên *Lý-Thụy*.

Tôi hỏi :

« Thừa cố, thế Tùng-Mậu cũng không biết người ấy là ai hay sao ? »

Cụ Phan trả lời :

« Trong thư Tùng-Mậu chỉ nói người này có vẻ thần-bí lắm. Nghe giọng nói thì biết là người Nghệ mà thôi. Người này biết chữ nho, nhưng không nói được tiếng Tàu, mỗi khi nói chuyện với người Tàu, chỉ nói tiếng Anh hoặc bút-dàm bằng chữ nho ».

« Không khéo thì *Nguyễn-Ái-Quốc*, cố a », tôi nói.

Nghe tôi nói thế, cụ Phan có ý ngờ-ngợ. Thì ra hồi đó cụ chưa biết *Nguyễn-Ái-Quốc* là ai. Những chuyện *Nguyễn-Ái-Quốc* hoạt-dộng ở Hội-nghị Hòa-bình Paris hồi năm 1919, cụ Phan chưa nghe ai nói bao giờ. Bây giờ tôi nói chuyện, cụ mới rõ. Nhưng có một điều, *Nguyễn-Ái-Quốc* tên thật là gì, thì tôi không được biết, mà ngay cụ Phan cũng không nghĩ ra.

Hai tuần-lễ sau, một hôm tôi ở trường ra, đến thăm cụ Phan, cụ vui-vẻ bảo tôi :

« *Lý-Thụy* quả-nhiên là *Nguyễn-Ái-Quốc* thật. »

Số là, cụ có biên thư về Quảng-Châu bảo Hồ-Tùng-Mậu- điều-tra, Tùng-Mậu trả lời đúng như thế, Đồng thời, Tùng-Mậu cho biết, *Lý-Thụy* một mặt giúp việc cho *Borodin*, đại-diện Nga-sô tại Quảng-Châu, một mặt đương tính chuyện tiến-hành công việc tổ-chức cách-mạng Việt-Nam ở Tàu, theo một đường lối mới.

Từ đó, cụ Phan và *Lý-Thụy* thư-từ đi lại luôn luôn. Cụ đem cả bài tuyên-ngôn của Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng, cả nguyên-văn của cụ lẫn bản dịch Anh-văn của tôi, gửi về Quảng-Châu cho *Lý-Thụy* xem. Rồi *Lý-Thụy* dịch một bản Anh-văn khác, gửi lại cho cụ Phan. Trong bản dịch này có nhiều chỗ *Lý-Thụy* sửa hẳn nguyên-văn. Đồng thời, *Lý-Thụy* đem cái tên Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng dịch là *Viet-Nam People's Party*, mà chê tôi dịch *Viet-Nam Nationalist Party* là « hủ ».

Cụ Phan không hiểu Anh-văn, chỉ tin rằng *Lý-Thụy* đã sang Anh, thì chữ Anh tất giỏi hơn tôi và dịch rất đúng hơn, chứ cụ có biết đâu thâm-ý của *Lý-Thụy* là muốn đổi Việt-Nam Quốc-dân-Đảng ra Việt-Nam Nhân-dân Đảng ! Cộng-sản hay dùng chữ *nhân-dân*, chứ không dùng chữ *Nationalist Party* quốc-dân.

Sau khi đã giao-thiệp với *Lý-Thụy*, cụ Phan có đem chuyện *Lý-Thụy* nói cho cụ Mai-Sơn hay. Biết *Lý-Thụy* từ Nga đến Quảng-Châu và đương giúp việc cho *Borodin*, cụ Mai-Sơn tin rằng *Lý-Thụy* tất đi theo đường lối cộng-sản và tất sẽ tính chuyện cộng-sản-hóa phong-trào cách-mạng Việt-Nam ở Tàu, nên cụ có khuyên cụ

Phan nên coi chừng đề khỏi vấp phải thất bại. Nhưng cụ Phan không đồng ý với cụ Mai-Sơn về chỗ này, cho cụ Mai-Sơn là « bảo-thủ » quá. Cho nên khi cụ Phan đi Quảng-Châu để gặp Lý-Thụy, cụ không bàn trước với cụ Mai-Sơn.

Cụ Phan bị bắt

Đã tháng 5 năm 1925, cụ Mai-Sơn đau, cần có tôi hầu hạ thuốc thang, tôi bèn dọn ở trường học ra ở hầu cụ. Khi ấy cụ Mai-Sơn trọ ở trong trụ sở Phật-Học Nghiên-cứu-hội tại Cô-Sơn giữa Tây-Hồ, Hàng-Châu. Chỗ này cách chỗ cụ Phan ở hơi xa, tôi vừa bận hầu hạ cụ Mai-Sơn, vừa bận học chữ Anh, nên đã lâu không có thì giờ đến chỗ cụ Phan được.

Một hôm (theo nhật-ký của tôi, hôm ấy là ngày 17 tháng 5 năm 1925, tức 24 tháng 4 năm Ất-Sửu), cụ Mai-Sơn sai tôi đi mời cụ Phan đến chơi nói chuyện. Tôi đến chỗ cụ Phan ở, không thấy cụ, chỉ thấy Hồ-Học-Lâm và Lý-Trọng-Bá (17) đương đánh cờ người.

Tôi hỏi thì Học-Lâm nói :

« Cố về Quảng-Châu rồi, anh không biết à ? »

« Không. Cố đi hôm nào anh ? »

« Non tuần-lễ rồi. Lâm-Đức-Thụy gửi lên cho cố một số tiền, mời cố về ngay Quảng-Châu để chuẩn-bị làm lễ kỷ-niệm

(17) Lý-Trọng-Bá, nguyên tên Lưu-Trọng-Quế, người Nghệ-An, năm 1924 đỗ Lý-học-sĩ (Licencié ès-science) trường Đế-Quốc Đại-Học Tiên Đài (Sandai), Nhật-Bản, rồi cuối năm ấy từ Nhật-Bản về ở Hàng-Châu, từ năm 1928 trở đi sống bằng nghề dạy học ở các trường cho đến bây giờ, mặc dầu cuộc đời đã mấy phen dâu bể; năm ngoái, nghe nói còn sống, đã gần 80 tuổi, vẫn làm giáo-sư trường Đại-học Chiết-Giang ở Hàng-Châu.

Phạm-Hồng-Thái và đề gặp Lý-Thụy bàn tính công-chuyện. Khi cố đi, cố có dặn tôi bảo anh nghỉ hè thì dịch xong cuốn truyện Phạm-Hồng-Thái đi, rồi đưa tôi gửi về Quảng-Châu cho cố ».

Trước đó, cứ vài ba tháng cụ Phan lại từ Hàng-Châu lên Thương-Hải một lần để gửi tiền sang Đức cho Trần-Trọng-Khắc đương tông-học tại trường Đại-học Bá-Lâm. Thường-lệ, lần nào cụ lên đến Thương-Hải rồi cũng gửi ngay mấy chữ về Hàng-Châu cho anh em biết cụ đã tới nơi bình-yên.

Nhưng lần này không thấy có thư của cụ gửi về, anh em đều nóng ruột. Trước còn tưởng cụ về đến Quảng-Châu thì tất thế nào cũng có thư lên. Sau đợi mãi, hết tuần này sang tuần khác, cũng chẳng thấy thư từ gì. Hồ-Học-Lâm gửi thư về Quảng-Châu hỏi, thì thư trả lời nói không thấy cụ Phan xuống đó.

Thế rồi, dùng một cái, có tin cụ Phan bị bắt rồi !

Ngày 19 tháng 7 năm 1925, tức ngày 18 tháng 5 năm Ất-Sửu, ông Lâm-Chi-Hạ (tức Lâm-Lương-Sinh), Tổng-Kinh-Lý *Bình-Sự Tạp-Chí*, mời anh Hồ-Học-Lâm đến nhà nói chuyện.

« Sào-Nam bị bắt rồi ! » Ông Lâm-Chi-Hạ vừa nói thế vừa đưa cho Học-Lâm xem một bức thư mà ông mới nhận được.

Thư này do một người sinh-viên đại-học Tàu từ Sán-Đầu (Swatow) gửi cho ông Lâm-Chi-Hạ. Thư này đề ngày 1 tháng 7 năm 1925, tức mồng 10 tháng 5 năm Ất-Sửu, người biên thư kể chuyện rằng, hạ tuần tháng 6 (Dương-lịch), hẵn ngồi tàu thủy từ Thương-Hải về Sán-Đầu để nghỉ hè, thấy trên tàu có một ông già đầu hói,

râu dài, mắt đeo kính trắng, tướng-mạo đường-hoàng nhưng có vẻ lo buồn. Bên cạnh ông già có một người ngồi kèm luôn luôn. Một bữa, rình lúc người ngồi kèm kia đi vào nhà tiêu, hần đến gần hỏi chuyện ông già, thì ông già cho biết ông là người Việt-Nam, bị bắt ở Thương-Hải, hiện đương bị giải về Hải-Phòng. Ông già hỏi xin hần một mảnh giấy và mượn bút, rồi viết mấy hàng chữ vào mảnh giấy này mà nhờ hần gửi đi Hàng-Châu cho ông Lâm-Chi-Hạ theo như địa-chỉ đề trên mảnh giấy.

Vì vậy, ông Lâm-Chi-Hạ đã nhận được mảnh giấy của cụ Phan mà người sinh-viên gửi kèm trong thư của hần.

Anh Hồ-Học-Lãm nhận rõ chữ viết trên mảnh giấy là bút-tích của cụ Phan. Trên mảnh giấy chỉ có mấy dòng chữ nho viết thảo, đại-ý nói : hôm cụ Phan từ Hàng-Châu lên Thương-Hải để đáp tàu thủy đi Quảng-Đông, xe lửa đến ga Bắc-Trạm ở Thương-Hải, cụ vừa bước ra khỏi cửa ga thì bị mấy tên Cảnh-Sát chộp lấy, đưa lên xe ô-tô, điệu đến Tô-giới Pháp. Người ta giam cụ vào một chỗ, tra hỏi ít lâu, rồi giải cụ về Việt-Nam.

Tôi còn nhớ rõ, khi anh Hồ-Học-Lãm đem tin cụ Phan bị bắt đến nói cho cụ Mai-Sơn và tôi biết, cụ Mai-Sơn khóc, Học-Lãm và tôi cũng khóc theo.

Khi ấy, vừa phẫn-uất vừa thương tiếc cụ Phan, tôi làm ba bài thơ như sau :

*Hăm mốt năm trời bỏ nước đi,
Chẳng thương chẳng tiếc chẳng tham gì.
Một tay toan chống non sông nọ,
Nửa bước nào ngờ sóng gió kia.
Ruột đứt nước nhà cơn hoạn-nạn.*

*Lệ tràn đất khách bước lưu-ly.
Tức gan muốn vạch trời xanh hỡi,
Trời lại say lì chẳng biết chi !*

II

*Dạ sắt gan vàng dễ mầu ai,
Mà sao phận bạc bạc như vôi !
Cây già khôn chống nhà to đờ.
Người tốt, người thương lá úa rơi.
Bước lỗ nửa gang trời đất hẹp !
Tình sâu muôn thương biển non khơi.
Tuốt gươm xin nguyện cùng thiên-địa :
Rửa sạch thù kia sẽ một mai.*

III

*Ngang-tàng trời biển bấy nhiêu nên,
Mà lại vào ngòi bồng tự-nhiên !
Gớm nhĩ chúng đương lên nước đỏ.
Ngán cho ta lại vấp hời đen.
Cứu đời, vẫn biết thân không quản,
Lấp bề, riêng thương nguyệt chữa đèn.
Mờ-mịt ngàn dâu trông chẳng thấy,
Bóng tà thêm giục giọng ai-quên.*

AI « bắt » cụ Phan ?

Sau khi được tin cụ Phan bị bắt, Hồ-Học-Lãm viết ngay thư về Quảng-Châu báo tin này cho Tản-Anh và Hồ-Tùng-Mậu biết.

Mười hôm sau, Học-Lãm nhận được thư của Tản-Anh, thư này nói, theo lời Lâm-Đức-Thụ thì người « bắt » cụ Phan là tôi, và đe giết tôi.

Học-Lãm đem thư này đến cho cụ Mai-Sơn và tôi xem. Trong thư chỉ nói dửng dưng như thế, chứ không đưa ra chứng-cứ gì hết. Thực thì lấy đâu ra chứng-cứ, vì sự thực tuyệt-đối không phải là tôi « bắt » cụ Phan. Khi cụ Phan lên Thương-Hải rồi bị bắt, tôi đương ở chỗ cụ Mai-Sơn,

thậm chí không biết sự cụ Phan định đi Quảng-Châu, cũng không biết hôm nào cụ Phan lên Thương-Hải để đi Quảng-Châu, thì tôi làm thế nào mà « bắt » cụ Phan được ?

Sự-thực rõ ràng như thế, nên cụ Mai-Sơn và anh Hồ-Học-Lãm đều tin là tôi bị vu oan. Nhưng sao người ta không vu oan cho ai khác, mà lại vu oan cho tôi ? Học-Lãm đoán vì có hai lẽ như sau :

1) Tôi bị ngờ oan. Khi tôi mới sang Tàu và đến Hàng-Châu, có Trần-Đức-Quý (3) cùng đi, sau Trần-Đức-Quý trở về Quảng-Châu, bị ngờ là làm mật-thám cho Tây, nên tôi cũng bị ngờ lây, mặc dầu hẳn đi đường hẳn tôi đường tôi. Huống chi, khi cụ Phan từ Hàng-Châu lên Thương-Hải rồi bị bắt, tôi đương ở Hàng-Châu, nên người ta ngờ là tôi mật-báo cho Tây biết hành-tung của cụ Phan.

2) Tôi bị đưa ra làm « con dê chuộc tội ». Người khác « bắt » cụ Phan nhưng đồ tội cho tôi. Vì có những lý-do vừa kể trên đây, đồ tội cho tôi thì dễ khiến người ta tin hơn là đồ tội cho người khác.

Cụ Mai-Sơn chẳng những đồng ý với Học-Lãm, mà lại còn ngờ người « bắt » cụ Phan và đưa tôi ra làm « con dê chuộc tội », chính là Lâm-Đức-Thụ, vì có hai lẽ như sau :

1) Lâm-Đức-Thụ vẫn có liên lạc với Phan Vĩ, tức là người mà các đồng-chí ở hải-ngoại bấy giờ gọi là *Thằng Nhung*, mật-thám của Tây ở Hương-Cảng.

2) Khoảng năm 1922 đến năm 1925, cụ Phan ở Hàng-Châu, cứ cách mấy tháng lại đi Thương-Hải một lần để gửi tiền sang Đức cho Trần-Trọng-Khắc, không

bao giờ xảy ra chuyện không may gì hết. Mùa hạ năm 1924, cụ Phan đưa Lê-Văn-Trí đi Ninh-Ba (Ning-Po) vào học trường Ngự-nghiệp, khi đi khi về đều qua Thương-Hải ; mùa thu năm 1924 cụ Phan từ Hàng-Châu đi Quảng-Châu, rồi cuối năm cụ lại từ Quảng-Châu trở về Hàng-Châu, hai lần đều đi qua Thương-Hải ; cuối tháng 12 năm 1924, cụ Phan lại đi Thương-Hải đón Lý-Trọng-Bá từ Nhật-Bản về. Bấy nhiêu lần, cụ Phan qua lại Thương-Hải đều bình-yên vô-sự. Thế mà lần này Lâm-Đức-Thụ gửi tiền cho cụ mời cụ về Quảng-Châu, thì cụ bị bắt liền khi cụ vừa tới Thương-Hải.

Nhưng, lúc đầu, đó chỉ là lý-luận mà thôi. Mãi về sau mới có sự-thực chứng tỏ Lâm-Đức-Thụ quả là người « bắt » cụ Phan thật. Sự-thực như sau :

— a) Năm 1939 khi tôi ở cạnh cụ Cường-Đề tại Thương-Hải, cụ có nói chuyện cho tôi biết : năm 1929 Hồ-Tùng-Mậu sang Đông-Kinh (Tokyo) thăm cụ, cụ có hỏi chuyện về Lâm-Đức-Thụ và sự cụ Phan bị bắt, vì cụ biết Tùng-Mậu từng ở cạnh Lâm-Đức-Thụ tại Quảng-Châu trong vài năm. Tùng-Mậu nói, chính Lâm-Đức-Thụ đã tự-nhận là hẳn bắt cụ Phan. Khi việc xử án Phan-Bội-Châu ở Hà-Nội đã trở nên một cuộc tuyên-truyền gián-tiếp có ảnh-hưởng rất lớn và rất hay cho phong-trào cách-mạng Việt-Nam, Lâm-Đức-Thụ ở Quảng-Châu thường khoe với mọi người đó là « công » hẳn, vì chính hẳn bắt cụ Phan. Hẳn nói, hẳn sở-dĩ bắt cụ Phan, là vì phong-trào cách-mạng Việt-Nam đã xoay một phương-hướng mới, cụ Phan vào hạng lạc-ngũ rồi, bắt quá biết làm mấy câu văn tuyên-truyền hão bằng chữ nho, ở hải-ngoại cũng

không được chuyện gì nữa, không bằng đưa cụ về trong nước làm tuyên-truyền-phẩm cụ-thể, lại có ích hơn nhiều.

— b) Theo lời cụ Nguyễn-Hải-Thần nói chuyện hồi năm 1948, thì Lâm-Đức-Thụ đã bắt cụ Phan với sự đồng-mưu của Lý-Thụy. Đầu năm 1925, Lý-Thụy từ Nga sang Quảng-Đông với sứ-mạng của Đệ-Tam Quốc-Tế giao cho, là cộng-sản-hóa phong-trào cách-mạng Việt-Nam ở Tàu. Phong-trào này tuy không có tổ-chức cụ-thể, nhưng cụ Phan bấy nay vẫn được coi là lãnh-tụ của phong-trào này, mà trong con mắt cộng-sản, cụ là một lãnh-tụ « phản-động ». Để dễ đạt tới mục-dịch cộng-sản-hóa phong-trào cách-mạng Việt-Nam ở Tàu, Lý-Thụy quyết-định khử cụ Phan đi mà giành lấy địa-vị lãnh-tụ. Với Lâm-Đức-Thụ là tay sai đắc-lực, Lý-Thụy định mưu-kế bắt cụ Phan và thực-hành mưu-kế ấy như sau : Trước hết, do Lâm-Đức-Thụ đi mật-mưu với « Thằng Nhung » ở Hương-Cảng về điều-kiện bán cụ Phan và cách bắt cụ Phan. Thứ nhì, do Lâm-Đức-Thụ gửi tiền lên Hàng-Châu cho cụ Phan, mời cụ về Quảng-Châu tính liệu việc làm lễ kỷ-niệm Phạm-Hồng-Thái vào ngày 19-6-25, để có cơ-hội bắt cụ, vì cụ phải đi qua Thượng-Hải. Thứ ba, Lâm-Đức-Thụ được tin cụ Phan định ngày nào từ Hàng-Châu lên Thượng-Hải để đáp tàu thủy về Quảng-Châu, thì báo tin ngay cho Tây biết, để khi cụ Phan lên tới Thượng-Hải, Tây sẽ bắt cóc cụ rồi đưa kín

về nước, làm như cụ mất tích một cách thần-bí. Nhưng nếu không giữ kín được mà chuyện lộ ra là cụ Phan bị bắt, thì bấy giờ Lâm-Đức-Thụ sẽ phao đồn là « Cử Huyền bắt cụ Phan », để che mắt thiên-hạ.

— c) Cụ Nguyễn-Hải-Thần lại nói, Lâm-Đức-Thụ cộng-tác với « Thằng Nhung » ở Hương-Cảng, « bán » cụ Phan cho Tây được sáu vạn bạc Cảng, hai đứa chia nhau. Vì vậy, khoảng năm 1925-1929, Lâm-Đức-Thụ ở Quảng-Châu có tiền mở hai nhà trà-lâu và lấy hai người vợ Tàu. Trong cuốn *Cuộc Đời Cách-Mạng Cường-Đề* (Trang 121-122) có một đoạn nói : « Cứ như Ngô-Thành và nhiều người khác ở Quảng-Châu biết đích-xác thì Lâm-Đức-Thụ có chia nhau với tên Nhung ở Hương-Cảng được một món tiền khá to, tức là tiền « bán » ông Phan. Lâm-Đức-Thụ sau thay chân tên Nhung làm mật-thám cho Pháp ở Hương-Cảng. Nhưng chẳng bao lâu, (hắn) vì tranh nhau quyền-lợi với một tên mật-thám Pháp, sinh ra hiềm-khích, bị đuổi về Saigon. Sau không biết vì cớ gì hắn lại trốn đến Quảng-Châu ở, hình như không làm việc cho Pháp nữa, nhưng người Việt-Nam không ai giao-thiệp với hắn ».

Nhưng, về phần cụ Phan, thì mãi đến lúc viết cuốn *Tự-Phán* (1929) cụ cũng vẫn không ngờ hay là không nghĩ ra người bắt cụ chính là người gửi tiền cho cụ làm lộ-phí từ Hàng-Châu về Quảng-Châu.

NGUYỄN-THƯỢNG-HUYỀN

★ Tinh-thần liên-dối có gia-tăng thì tinh-thần trách-nhiệm mới gia-tăng ; tinh-thần liên-dối là tinh-thần cộng thông trong công cuộc chung, coi công cuộc chung là công cuộc của mình ; người lãnh-đạo phải giác tỉnh tinh-thần ấy ở nơi người làm việc dưới quyền.

Vấn-đề dạy sinh-ngữ ở bậc Trung-học và dùng tiếng Việt làm chuyển-ngữ ở bậc Đại-học

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

(Tiếp theo B.K. số 73)

Phải biết một ngoại-ngữ, phải có một chứng-chỉ ngoại-ngữ, đã
đành rồi ; nhưng vào lúc nào ? lúc ở Đại-học ra hay trong thời-gian ở
Đại-học, hay khi mới vô Đại-học ? Đó là điều ta cần biết.

MUỐN trả lời câu hỏi đó, ta cần nhận
quy-tắc này :

— Sinh-viên Đại-học không phải chỉ
ghi chép lời giảng của Giáo-sư rồi về nhà
học, mà còn phải tập tinh-thần khảo-cứu,
đọc thêm sách để hiểu rõ thêm, rộng thêm,
và phân biệt hai trường hợp :

— trường hợp mà Viện Đại-học Sài-
gòn, vì những lý do gì đó, chưa thể dùng
tiếng Việt làm chuyển ngữ ngay được, tức
trường hợp khẩn-cấp hiện nay.

— trường hợp mà Viện Đại-học dùng
tiếng Việt làm chuyển ngữ.

Trong trường hợp thứ nhất, tất
nhiên sinh-viên phải nghe thạo, nói thạo

một ngoại-ngữ — ngoại-ngữ cần cho môn
học của mình — ngay từ khi bước chân
vô Đại-học, có như vậy mới theo nổi
chương-trình, mới khỏi có cảnh thương
tâm mà sinh-viên T.H. đã tả trong một
đoạn báo tôi đã trích.

Hiện nay Bộ Quốc-gia Giáo-dục, theo
chính sách của Pháp, cho học-sinh có tú-
tài được ghi tên vô Đại-học, rồi ai theo
nổi thì theo, không theo nổi thì mặc. Mà
họ không theo nổi chỉ vì trình-độ ngoại-
ngữ của họ thấp, mà trình-độ ngoại-ngữ
của họ thấp không phải tại họ làm biếng mà
tại chương-trình Trung-học. Chính sách đó
là chính sách tự-do, mà bỏ mặc. Kết-quả
ra sao, độc-giả đã thấy. Sở dĩ nó được tồn

tại tới nay là vì có một số đông sinh-viên ở các trường Pháp vô, theo nội bài giảng của Giáo-sư ngoại-quốc, nên lớp học không đến nổi tị h mị h. Nếu không có những trường Pháp, mà sinh-viên Đại-học đều ở những trường Việt lên, thì chính sách đó tất phải bỏ ngay từ năm đầu rồi, vì tám, chín phần mười sinh-viên theo không nổi.

Một chính sách nữa là tuyển những học - sinh có đủ khả năng về ngoại - ngữ — nghĩa là nói thông, nghe thông một ngoại - ngữ — rồi mới cho vô Đại - học ; và mở những lớp chuyên dạy ngoại - ngữ cho những học-sinh có Tú-tài học trong một năm để dự bị vô Đại - học. Chính sách này là chính sách hạn chế nhưng giúp đỡ, tất nhiên làm cho sinh - viên bất mãn vì đa số sẽ mất một năm học thêm sinh-ngữ. *Nhưng trong hoàn - cảnh hiện nay* ngoài giải pháp đó, chúng ta không thấy giải pháp nào khác. (1) Bộ Quốc-gia Giáo-dục nên điều tra tình-hình thương tâm của sinh-viên ra sao, số học-sinh ở trường Việt lên, theo không nổi bài giảng là bao nhiêu, rồi xét lại vấn-đề để giúp sinh viên mà không hạ trình-độ Đại-học.

Về phần sinh-viên, các bạn cũng nên nghĩ rằng thà mất thêm một năm học sinh-ngữ còn hơn là mất một, có khi hai năm ở P. C. B., M. P. C., hay M. G., mà rồi chán nản, phải đổi môn, có khi bỏ học luôn nữa. *Hoàn - cảnh đã như vậy, ta phải thích nghi với nó.*

Độc-giả sợ trong năm học thêm sinh-ngữ đó, sinh-viên sẽ quên hết chương-trình tú tài ư ? Quên thì có, nhưng không hết, mà có ôa lại những môn chính để vô Đại-học thì cũng không tổn công nhiều. Chỉ còn ngại nhất là học-sinh trường Việt sẽ phân bì với học - sinh trường

Pháp ; nhưng biết làm sao được bây giờ, trong khi ở Đại-học chưa có đủ giáo-sư Việt thay thế những giáo-sư ngoại-quốc ?

Tóm lại, thiết tưởng Bộ Quốc - gia Giáo-dục phải làm ngay cái gì để cứu những sinh-viên kém ngoại ngữ trong lúc giao thời này. Đồng thời, phải xúc tiến công việc dùng tiếng Việt làm chuyên ngữ ở bậc Đại-học.

Trong trường hợp thứ nhì — bậc Đại - học dùng tiếng Việt làm chuyên ngữ — sinh - viên khi vô Đại-học không cần có một trình-độ cao về ngoại ngữ ; theo nguyên-tắc thì ở các ban khoa-học họ chỉ cần có đủ sức tham khảo sách ngoại quốc về môn của mình. (2)

Ông Trương - Công - Cừu nói : « Bên Nhật, các sinh-viên muốn học chuyên môn ngành nào, buộc phải học một sinh - ngữ nhất định mới được theo học ngành đó ». Một giáo - sư Nhật cũng bảo : « Thanh-niên Nhật ở ban Trung-học ra, muốn vô Đại-học phải qua một kỳ thi tuyển, mà trong kỳ thi đó có một môn ngoại-ngữ : Anh-ngữ, nếu vô Y-khoa, Dược-khoa,

(1) Tôi đứng vào trường-hợp bắt buộc phải dùng giáo-sư ngoại quốc ở các lớp dự bị và cái năm thứ nhất các ban Đại-học. Nếu ở các lớp và các năm đó, ta có thể dùng giáo-sư Việt được thì vấn-đề sẽ dễ giải quyết : sinh-viên mới vô học những môn của họ bằng tiếng Việt và đồng thời học thêm ngoại ngữ, gắng sức trong một năm như vậy thì những năm sau có thể theo các lớp của các giáo-sư ngoại quốc được. Tôi mong và tin rằng điều đó có thể thực-hiện được ngay trong niên khóa tới.

(2) Nhưng tôi vẫn mong rằng họ có thể nói thông được một ngoại-ngữ, chẳng hạn về tiếng Pháp, có trình-độ cao đẳng tiểu-học Pháp Việt thời xưa, như vậy nền Đại-học của ta mới thực có giá-trị. Nhất là ở các ban văn-chương, sinh-viên bắt buộc phải có trình-độ như vậy.

Khoa-học ; Pháp-ngữ, Anh-ngữ, Đức-ngữ,... tùy, nếu vô Văn-khoa. Rớt kỳ thi tuyển đó, học-sinh có thể tự học lấy ở nhà, hoặc học những trường chuyên luyện thi vô Đại-học. Ở Đông-kinh có khoảng mười trường như vậy ». Nhật là một nước có thời đã ôm cái mộng di khai hóa các nước khác ở phương Đông, mà trong các sinh-ngữ phương Tây như vậy là vì họ hiểu rằng ở thời này, về khoa-học, người phương Đông còn phải học nhiều của người phương Tây. Nước Nhật mà còn thế, huống hồ là nước mình.

Cho nên dù ở Đại-học dùng tiếng Việt làm chuyên-ngữ, sinh-viên Việt-Nam cũng cần có trình-độ ngoại-ngữ đủ để đọc sách ngoại-quốc. Chương-trình Trung-học phải đào tạo nền trình-độ đó cho thanh-niên ; nếu không thì *ngay trong năm đầu ở Đại-học*, phải dạy thêm sinh-viên về ngoại-ngữ. Tôi nói ngay trong năm đầu, vì nếu chỉ tuyên-bố mơ hồ rằng : « sinh-viên phải có một chứng chỉ ngoại-ngữ », thì chứng chỉ đó có thể chỉ bắt buộc trong kỳ thi ra Đại-học, như vậy trái với quy-tắc là sinh-viên phải tập tinh-thần khảo-cứu, đọc thêm sách ngay từ khi còn học.



Bộ Quốc-gia Giáo-dục, trong chương-trình Trung-học 1958, bảo « sẽ tiến tới » việc chuẩn-bị cho bậc Đại-học dùng tiếng Việt làm chuyên ngữ, mà ông Cừu, trong Quốc-hội, cũng nói : « việc dạy tiếng Việt ở Đại-học sẽ tiến tới ». Chỉ tuyên bố như vậy thôi : « sẽ tiến tới ». « Sẽ » là bao giờ thì ta không được biết. Chúng ta hiểu những nỗi khó khăn của Bộ : thiếu giáo-sư, thiếu sách, thiếu tiền... nhất là

thiếu tiền, cho nên chúng ta không nóng nổi mà đòi một sự chuyển biến lớn lao trong một hai năm gần đây. (ai cũng nhận có một số giáo-sư ngoại quốc rất giỏi, ta chưa có người thay thế họ ngay được ; nếu nhất định thay thế ngay thì trình-độ Đại-học sẽ thấp) nhưng Bộ cũng có thể định một thời hạn tối đa nào đó chứ, nhất là khi bộ đã tuyên bố trong chương-trình 1958 : « việc này — tức việc dùng tiếng Việt làm chuyên ngữ ở bậc Đại-học — phải được chuẩn bị ngay từ bây giờ » (trang 8). Thời hạn đó là bao lâu ? Năm năm hay mười năm nữa ?

Theo tôi, có thể lấy năm 1965 làm thời hạn trễ nhất để thi hành xong sự chuyển biến ở bậc Đại-học. Sự chuyển biến đó có thể bắt đầu lần lần từ niên học 1960-1961. Muốn được như vậy, Bộ phải tính việc :

— đào tạo giáo-sư Đại-học,

— thống-nhất danh-từ

— biên soạn và dịch thuật các sách « ngay từ bây giờ » như đã ghi trong chương-trình Trung-học 1958.

Tôi không được biết công việc đó trong một năm nay đã tiến hành đến đâu.

Việc quan - trọng nhất là đào - tạo các Giáo-sư Đại-học. Về các môn khoa-học, kỹ-thuật, sự đào-tạo không khó lắm. Bộ Quốc-gia Giáo-dục tính trước năm năm nữa (tôi lấy năm 1965 là kỳ hạn cuối cùng như tôi đã nói) sẽ cần dùng bao nhiêu Giáo-sư về mỗi ngành, rồi lựa những vị học-giả, những người anh tuấn ở trong nước hoặc hiện trú ngụ ở ngoại - quốc, cấp học bổng cho mỗi người học về một môn với điều kiện này :

Học thành tài rồi về nước sẽ làm Giáo-sư Đại-học và sẽ giảng bằng Việt-ngữ. Muốn vậy trong khi học, nên lưu tâm ngay đến việc dịch lần lần những danh-từ ngoại-ngữ ra tiếng Việt, để cho khi học xong, có thể soạn ngay một bộ sách về môn sẽ dạy. Sách đó sẽ trình bộ. Về phần chuyên môn, bộ có thể tin cậy ở bằng cấp của các vị đó được; còn về phần diễn ra tiếng Việt, thì bộ không cần đòi hỏi nhiều: miễn danh-từ dịch không sai lắm, câu văn viết không quá lủng củng, là được. Không ai buộc có sự hoàn thiện ngay từ bước đầu.

Và ngay từ bây giờ, Bộ có thể yêu cầu các giáo-sư Việt ở viện Đại-học S.ignon soạn bài giảng bằng tiếng Việt cho niên họ tới, như viện Đại-học Huế đã làm. Các vị giáo-sư đó chắc dư hiểu rằng dù có bằng cấp ngoại quốc cao tới mấy mà không truen cho người Việt được cái sở đắc của mình thì cái sở đắc đó cũng không ích lợi gì cho đồng bào. Vậy tôi tưởng các vị đó sẽ vui lòng nhận sự soạn bài bằng tiếng Việt làm một bổn phận, hơn nữa, làm một vinh dự. Quốc dân đánh giá các vị ở chỗ đó, chứ không phải ở bằng cấp. Ai cũng kính cụ Trần-Trọng-Kim hơn các ông thạc-sĩ, tiến-sĩ ở Pháp về; mà người ta trọng ông Hoàng-Xuân-Hán chỉ vì ông đã soạn được cuốn *Danh-từ khoa-học* và bộ *Lý-Thường Kiệt*, chứ không phải vì các bằng cấp của ông ấy.

Thực ra sự chuẩn-bị như vậy cũng là hơi vội. Ở các nước Âu, Mỹ, Giáo-sư Đại-học phải là những nhà bác-học đã có công khảo-cứu; nhưng *hoàn-cảnh ở nước ta khác*, nếu cứ muốn được y như Anh, Pháp thì phải đợi ít nhất là nửa thế-kỷ nữa. Và lại, về một vài môn nào đó, ta vẫn có

thể và rất nên nhờ Giáo-sư ngoại-quốc tiếp sức (1); và nếu bộ trả lương Giáo-sư Đại-học khá ậu mà không bắt dạy nhiều giờ, lại cho các vị đó đủ phương-tiện khảo-cứu thì tôi tưởng chỉ dạy trong 5-6 năm, họ sẽ không kém những Giáo-sư ngoại-quốc là bao.

Vậy việc đào tạo giáo sư Đại-học và biên soạn dị h thuật các sách có thể giải quyết cùng một lúc như tôi đã đề nghị. Còn việc thống-nhất danh-từ? Hiện nay những danh-từ về luật học; về toán, khoa-học ở ban Trung-học và một số danh-từ y-học... có thể thống-nhất được rồi. Còn những danh từ chuyên môn về nhiều ngành khác, thì tất nhiên phải đợi có nhiều người đặt ra rồi mới thống-nhất được. Ta sẽ đợi đến khi bậc Đại-học dùng tiếng Việt làm chuyên ngữ trong vài ba năm, rồi sẽ hợp một ủy ban gồm các giáo sư Đại-học toàn quốc để thống-nhất những danh từ mà họ đã dùng tạm từ khi mới dạy. Mà sự dùng tạm đó, theo tôi, là một sự bắt buộc, không hại gì nhiều vì lẽ dĩ nhiên, mỗi giáo sư ở bậc Đại học khi dạy một danh từ chuyên môn tất phải ghi tên Anh, hoặc Pháp ở bên cạnh để sinh viên học, có vậy sinh viên mới đọc sách ngoại quốc được; tới khi thống nhất danh từ rồi, sinh viên chỉ chú ý trong một thời gian ngắn là bỏ được những danh-từ cũ và quen với danh-từ mới. Ta

(1) Như người Nhật đón Giáo-sư Đức dạy về hóa-học, máy móc, Giáo-sư Ý dạy về hội-họa, Giáo-sư Hòa-lan dạy về Thủy-lợi (Hydraulique)... Vì vậy mà ở một đoạn trên tôi mong rằng du tiếng Việt dùng làm chuyên-ngữ ở bậc Đại-học thì sinh viên Việt-Nam vẫn nên thông một ngoại-ngữ ngay từ khi mới vào Đại-học để dùng trong những trường hợp đó.

phải làm như vậy mới được, chứ cứ đợi, thống nhất danh từ rồi mới biên soạn, dịch thuật các sách, sau cùng mới cho dạy bằng tiếng Việt thì tôi e rằng năm chục năm nữa cũng chưa thực hành được. Cứ coi bậc Trung học thì rõ danh từ chưa thống nhất mà người ta đã dạy học được tám chín năm rồi đó, có hại gì lớn đâu ?

✱

Công việc khó nhất là đào tạo những giáo sư về những môn học riêng của Việt-Nam mà các trường ngoại quốc không dạy, chẳng hạn môn Lịch sử Việt-Nam, Ngôn ngữ Việt-Nam, Văn-học Việt-Nam... Những môn đó là những môn quan trọng nhất trong nền Đại-học Việt-Nam, thiếu nó thì nền Đại-học Việt-Nam không còn là nền Đại-học Việt-Nam. Chưa chắc có thể đề cho những người ở ngoại quốc mới về, dù họ có bằng cấp cao tới đâu, dạy ngay những môn đó được. Một ông tiến sĩ văn-chương Mỹ, hay một ông thạc-sĩ ngữ-pháp (grammaire) Pháp mới chân ướt chân ráo ở ngoại quốc đáp về Sài-gòn làm sao có thể giảng về Tản-Đà, Nguyễn-Khuyến, về cách phân loại Việt-ngữ, về chánh tả Việt-ngữ được nếu các ông đó chưa có gì đề chứng tỏ rằng có những hiểu biết khá sâu về văn-hóa Việt-Nam, và có một hức căn-bản về Hán-học. Không ai phủ nhận giá-trị các bằng cấp của các ông ấy, sức học chuyên môn của ông ấy; nhưng các ông ấy giỏi là giỏi về văn học Anh. Mỹ, về ngữ Pháp, La-Tinh, chứ đã chắc đâu biết nhiều về văn học Việt-Nam, về tính cách của Việt-ngữ? Tất nhiên, các ông ấy đã học được nhiều đấy, nhưng sở học đó chưa chắc gì đã có thể đem áp dụng ngay vào văn-

chương và ngôn ngữ Việt được. Tôi còn ngại rằng nếu các ông ấy không sáng suốt, không có lương tri, cứ thấy người ta dạy sao thì tin làm vậy, người ta làm sao thì mình cũng làm vậy, rồi ép văn học và ngôn ngữ Việt-Nam phải kết hôn với văn học và ngôn ngữ Anh, Pháp thì nguy lắm. Tôi nghĩ đến ông Phạm-Duy-Khiêm, và những giáo sư đã cho thế kỷ 19 trong văn học Việt-Nam là thế kỷ lãng mạn (y như thế-kỷ 19 của Pháp vậy !)

Không, những vị có bằng cấp đó muốn làm giáo sư về những môn học riêng của Việt-Nam, phải nghiên-cứu những môn đó ít nhất là ba bốn năm và tỏ ra có sáng-kiến, biết lựa cái gì của người hợp với mình, chứ không nhất thiết theo người.

Ta không nên quên rằng hiện ở trong nước có một số học-giả đã tốn công nghiên-cứu về các môn đó. Các vị này không được đào-tạo ở nước ngoài, thành thử sự hiểu biết có thể sơ sót; nhưng nhờ tự học lâu năm, nên về vài điểm nào đó, có những ý-kiến xác đáng; và nhờ không theo học riêng một trường ngoại-quốc nào nên tinh-thần khoáng đạt, biết giữ cái bản sắc của Việt-Nam, mà cũng biết trọng các sắc thái của ngoại-quốc.

Ta phải biết trọng dụng những học-giả đó, hoặc mời các người du-học ở ngoại-quốc về hợp tác với họ, hoặc gởi họ đi nghiên-cứu thêm ở ngoại-quốc, giao cho họ dạy những môn sở trường của họ. Bộ Quốc-gia giáo-dục đã biết dùng một vài vị, như ông Lê-Ngọc-Trụ, giảng-viên môn Chánh-tả Việt-Nam ở trường Đại-học Văn-khoa và trường Đại-học Sư-phạm, nhưng tôi tiếc rằng bộ vẫn chưa nhận được chân giá-trị của Lê-quân. Ở một nước như

nước Pháp chẳng hạn, một người có công nghiên-cứu tiếng mẹ đẻ hàng mấy chục năm, đã soạn được bộ *Chánh-tả Việt-ngữ* và bộ *Việt-ngữ chánh-tả tự vị*, đã tìm ra được nhiều luật biến âm, vần và thanh cho Việt-ngữ, tra được nguồn gốc của rất nhiều tiếng Việt như ông, tất được một địa-vị xứng đáng hơn. Hình như người ta vẫn chỉ biết nhìn cái bằng cấp trước hết (1). Như vậy thì còn ai ham nghiên cứu nữa ? Tôi biết một vị giáo-sư cặm cùi năm sáu năm nay đề dịch danh-từ khoa-học ; « người ta » biết chứ mà cứ phớt đi.



Sau cùng, còn điều này nữa tôi muốn bàn với độc-giả. Tôi đã nói ở nước ngoài, các giáo-sư Đại-học thường là những học-giả có công nghiên-cứu, phát-minh. Muốn cho nền Đại-học của ta có giá-trị thì chính-phủ phải khuyến khích công việc nghiên-cứu, phát-minh của các giáo-sư, nghĩa là phải trả lương các vị ấy cho xứng đáng mà đừng bắt dạy nhiều, để các vị ấy có thì giờ tìm tòi thêm.

Sinh-viên T. S. P. trong bài *Ý nghĩ của một nhà giáo tương-lai* tôi đã dẫn, phần nài rằng :

(1) Tôi nghe nói có người lại đánh giá những bằng cấp thời xưa một cách kỳ dị ! Một ông bạn cho tôi hay một nhà cựu học nọ trong giới khoa bảng, dịch *Kinh Thư* cho một cơ-quan nào đó, chỉ được lãnh 50\$ một trang đánh máy, trong khi những nhà tân-học dịch Anh-văn được lãnh 120\$ một trang. Người ta cho dịch *Kinh Thư* rất dễ, không thiếu gì người làm nời chẳng ? Hay người ta cho cò-học không có giá-trị bằng tân-học mà bằng cấp cò-học kém bằng cấp tân-học ? Như vậy, chừng 15 năm nữa, nền văn-hóa cò có mai một đi, thì cũng là phải !... Nhưng tôi vẫn chưa tìm hân lỗi ấy, chắc còn có nguyên do gì trong đó.

« Không có phương tiện để tậu tài liệu, chúng tôi đành trông đợi ở bài giảng của giáo-sư. Than ôi, chúng tôi làm sao có được, khi các giáo-sư của chúng tôi hầu như không có thì giờ để soạn bài học có hệ-thống, hoặc không có thì giờ để cập sâu rộng một vấn-đề văn-học hay triết-học nào. »

Có thì giờ làm sao được, khi người ta phải làm hai ba công việc mà cái việc dạy học chỉ là việc phụ. Có thì giờ làm sao được khi ở bậc Đại-học người ta phải dạy mười lăm mười sáu giờ mỗi tuần. Muốn soạn một bài cho kỹ-lưỡng, nhất là về những môn riêng của Việt-Nam (1) một giáo-sư có lương-tâm có khi phải mất một tuần lễ hoặc một tháng, vì tài-liệu rất khó kiếm mà họ lại người mở đường ; như vậy đề lãnh bốn trăm, hoặc ba trăm đồng một giờ thì tôi tưởng ở nước Việt-Nam này, một giáo-sư Đại-học có lương-tâm khổ hơn một giảng-tập viên dạy lớp tư, lớp năm, vì một giảng-tập-viên ở thôn quê lãnh 1800\$ một tháng, chắc chắn cả gia-đình có đủ gạo, muối, mắm, rau, để ăn và hai bộ quần áo vải mỗi năm đề mặc ; chứ giáo-sư khảo-cứu cả tháng may lắm soạn được bốn bài mà chỉ lãnh được 1.600\$ một tháng ; mỗi tháng 1.600\$, thôi cho là 3.200\$ hay 4.800\$ đi (nếu cũng một bài đó, dạy ở 2, 3 trường) thì giáo-sư Đại-học sống làm sao cho nổi, ở đất Sài-gòn này trong khi những tùy-phái đông con cũng lãnh được 6.000\$. Một ông bạn của tôi đã có lần nói với một ông Viện

(1) Tôi không nói những môn kỹ-thuật trong các trường Cao-Đẳng vì những môn đó cần dịch hoặc tham-khảo ít sách ngoại-quốc là soạn xong bài, không tốn công gì mấy.

trường Đại-học rằng Giáo-sư Đại-học V.N. lãnh lương không bằng một bác phó cạo. Lời đó thực đúng !

Tôi vẫn biết nghề giáo-sư Đại-học là cao-quý, là vẻ vang, và lời tôi mới bàn có vẻ thực-tế quá, nhưng thừa độc-giả, có thực mới vực được đạo, và giáo-sư có « vực được đạo », thì sinh-viên mới giỏi, nên Đại-học của quốc-gia mới có giá-trị, và ta mới khỏi phải đọc những lời chua chát này ở trên báo :

« Những ban văn-chương, hoặc vì thời gian không cho phép, chúng tôi không thể trong ba năm học hết cả một « lịch-sử văn-học » của một nước, hoặc vì tài-liệu tham-khảo rất thiếu thốn; chúng tôi dùng đến những tài-liệu rất tồi — cả các vị giáo-sư nữa cũng chẳng tìm đâu ra.

Chính sách « cóp » lẫn của nhau, chính sách « mượn » tài-liệu của người khác một cách vô liêm sỉ vì thế rất thường xảy ra trong giáo giới, học giới nói chung ?

Lời đó là của một sinh viên trường Đại-học sư-phạm (Sinh viên T.S.P. trong

bài tôi đã dẫn). Thật là đau lòng ! Đọc xong, tôi đã cố gạt đi, nhất định không tin. Tới nay tôi vẫn còn mong rằng lời đó quá đáng và chờ một tiếng chuông thứ hai.

Tôi biết rằng sửa đổi một nền giáo-dục là một việc rất quan-hệ, khó khăn, cần phải thận trọng, biết nhìn xa, tùy theo phương tiện, mục đích của quốc-gia mà lập chương-trình mà phương tiện của Bộ Quốc-gia Giáo-dục hiện nay rất hạn chế; tôi cũng biết rằng công việc gì có đem thực hành mới thấy nhiều trở ngại, nhiều chi tiết mà không ai tính trước hết được; nhưng tôi nghĩ rằng hễ đặt vấn-đề thì phải xét xem ta muốn gì, và viết bài này tôi chỉ có ý vẽ vài nét đại cương đề các nhà mô phạm và các bậc phụ huynh học-sinh góp thêm ý kiến với Bộ Quốc-gia Giáo-dục giải quyết vấn-đề đó cho hợp lý, cải thiện một tình trạng hiện đương làm con em chúng ta chán nản, chua xót.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Tái bút. — Bài này đã lên khuôn rồi, tôi mới được nghe thêm ý-kiến dưới đây của một ông bạn. Ông bạn ấy nói : « Tôi đã đọc bài của anh đăng trong Bách Khoa số kỷ-niệm đệ-tam chu-niên. Những nhận xét của anh đúng gần hết; nhưng anh có vẻ như thiên về sinh-viên, bênh-vực họ quá. Tôi biết rõ tâm-lý họ. Đại đa-số là làm biếng, cho rằng hễ lên Đại-học là khỏi phải học nữa. Nếu

họ siêng thì chỉ bỏ ngõ trong sáu tháng đầu rồi sẽ nghe quen những bài giảng của giáo-sư, vì về khoa-học, số danh-từ họ phải học có nhiều gì đâu ? Một số sinh-viên ở Huế vô, rất kém ngoại-ngữ mà cuối năm lại đỗ cao hơn những cựu học-sinh các trường Pháp. Cui chùng, đừng khuyến-khích sinh-viên làm biếng dấy ! »

Lời đó làm cho tôi hơi ngạc-nhiên. Bênh vực sinh-viên thì có, nhưng khuyến-

khích họ làm biếng thì không ; ông bạn đó có hiểu lắm tôi chẳng ? Tôi hỏi thêm vài người nữa xen số sinh-viên giỏi đó mỗi lớp được bao nhiêu, người ta cho tôi con số khoảng năm phần trăm. Năm phần trăm thì là một trường-hợp đặc-biệt rồi ; những sinh-viên đó chắc phải là hạng anh tuấn. Còn những sinh-viên căn mẫn mà tư chất trung-bình thì tình-trạng như vậy : họ có thể tìm hiểu thêm trong sách ngoại-quốc, được nhưng cũng hơi mệt ; mệt nhất là họ phải học thuộc lòng đề trả bài cho giáo-sư, vì họ có thể hiểu mà diễn bằng ngoại-ngữ không được ; họ rất bức mình về « bức tường ngoại-ngữ », nên chỉ mong sao các giáo-sư giảng bằng tiếng Việt để họ dễ hiểu, dễ học mà có thì giờ đọc thêm sách ngoại-quốc.

Tôi cũng nghĩ nên bắt sinh-viên gắng sức, để giữ trình-độ Đại-học cho được cao. Nhưng tôi không đồng ý với ông bạn đó rằng phải bắt sinh-viên gắng sức theo lối hiện nay : nghe cả giờ mà mỗi trang chỉ ghi được vài chục chữ, rồi phải

mượn bài của các bạn giỏi ngoại-ngữ, về nhà chép lại học thuộc lòng ; thì giờ đó để họ đọc thêm những sách ngoại-quốc thì có phải ích lợi cho họ biết bao không ?

Ông bạn tôi trách sinh-viên làm biếng. Dù nhận xét đó đúng chẳng nữa thì chúng ta cũng nên xét xem một phần có phải do nghe không nổi bài giảng, mà họ sinh ra chán nản, thối chí không ? Tôi xin nhắc lại lời của Georges Mauco (Giám-đốc về sư phạm ở Trung tâm Claude Bernard) :

« (...) Thường thường sự làm biếng chỉ là một triệu chứng tỏ rằng trẻ có một cái gì khó chịu. Sự khó chịu đó có thể do (...) lỗi lầm về sư phạm, chương trình và phương pháp không hợp với tâm lý, sinh lý của trẻ (...) ».

Trẻ như vậy mà thanh-niên và người lớn chúng ta có lẽ cũng như vậy. Điều đó, các nhà mô phạm cũng nên lưu ý tới.

N. H. L.

« Quá náo động vì món trứng rán »

Des Barreaux, thi sĩ Pháp, nổi tiếng là một kẻ vô thần hồi thế kỷ XVII. Một hôm đang ngồi ăn món trứng rán thịt mỡ giữa ngày thứ sáu, trong một quán cơm tại Saint Cloud, ông bị sét đánh ngang tai, mà vẫn còn giữ nổi bình tĩnh và thốt ra câu : « *Thật quá náo động đối với một món trứng rán thịt mỡ !* » (Voilà bien du bruit pour une omelette au lard !) Tuy nhiên, về sau, ông cũng trở lại tin theo Công giáo.

Năm 1960

VỚI NHỮNG KHẢ-NĂNG KIẾN - TẠO HÒA - BÌNH

• ——— TIỂU-DÂN

(Tiếp theo B.K. số 73)

Hội-nghị tối-cao Đông-Tây

Đến hôm nay thì mọi băn-khoăn không còn. Người ta được biết đích-xác rằng hội-nghị này sẽ họp vào ngày 16 tháng năm tại Ba-Lê.

Có lẽ trong những ngày gần đây người ta sẽ biết chương-trình nghị-sự và thành-phần hội-nghị.

Điều đặc-biệt trong vấn-đề này là cả Đông-phương lẫn Tây-phương đều không kỳ-vọng nhiều nơi kết-quả của hội-nghị, bởi lẽ cả hai bên đều hiểu rằng cuộc tranh-chấp Đông-Tây không thể được thanh-toán trong một cuộc hội-nghị.

Có thể rằng ông Cơ-rút-sét xem hội-nghị này như một sự kế-tục hữu lý của đường-lối chính-trị hòa dịu của mình.

Bên ngoài, ông ta sẽ có trước mắt những đối-phương cụ-thể và có thẩm-quyền nhất để bàn cãi, để thi-thố đường lối chính-trị Cơ-rút-sét. Bên trong, ông sẽ tăng thêm uy-thế chính-trị:

Tây-phương lại nhìn hội-nghị theo một quan-diểm khác. Điều mà người ta nhắm thu-hoạch — ở mức tối-thiểu — là sự tham-dự của Liên-Xô có giá-trị một hành-động cam-kết trước dư-luận: cam kết từ bỏ giải-pháp vũ-lực trong mọi vấn-đề tranh-chấp quốc-tế.

Thành thử từ những chỗ đứng khác nhau, hai phe đã mặc-nhiên nhìn về một hướng: Họ cùng xem hội-nghị tối-cao Đông-Tây sắp đến như một điều-lệ để giải-quyết mọi vấn-đề trên thế-giới một cách không đổ máu. Và hiểu như thế

này thì ta có thể thấy trước rằng Hội-nghị Ba-Lê 1960 sẽ không đến nỗi thất bại như Hội-nghị Giơ-Neo 1955.

Bá-Linh và nước Đức

Càng ngày người ta càng thấy rõ hai điều: 1) vấn-đề qui-chế Bá-linh chỉ là một vấn-đề ngụy tạ mà nguyên-nhân là sự lo ngại của Liên-xô về chiều hướng tiến-triển của Tây-Đức bất lợi cho phe Cộng.

2) Vấn-đề nước Đức là vấn-đề tranh chấp trực-tiếp giữa hai đại-cường, vai trò của các cường-quốc châu Âu ở đây rất là phụ-thuộc và điều đáng gọi là đau thương, vai trò của hai nước Đức cũng không có tính-cách quyết-định!

Về thứ tự tranh chấp thì vấn-đề qui-chế Bá-linh đặt ra trước vấn-đề Thống-nhất nước Đức. Thật ra, chính sự giải-quyết vấn-đề căn-bản này sẽ lôi kéo theo sự giải-quyết vấn-đề kia.

Từ bao nhiêu năm nay, cả hai phe đều kêu gọi Thống-nhất nước Đức nhưng đến khi bàn vấn-đề này thì lập-trường đôi bên lại chống nghịch với nhau. Tây-phương bảo Thống-nhất nước Đức trước rồi bàn vấn-đề an-ninh Châu-Âu. Liên-Xô đòi thỏa-thuận trước về an-ninh Châu-Âu rồi bàn vấn-đề Thống-nhất.

Theo một vài giới chính-trị Châu-Âu thì xét cho cùng, chưa chắc phe nào — trong không-khí chiến-tranh lạnh thời-gian qua — thật sự mong muốn thống-nhất sớm nước Đức bởi vì hình-ảnh một nước Đức thống-nhất hùng-cường, có một vai trò quan-trọng trên sân khấu quốc-tế, có thể không làm cho ai yên tâm. Cho nên đòi thì đòi mà trong thâm tâm mỗi phe đều

không phản-đối giải-pháp « giữ nguyên hiện-trạng ».

Hiện nay vấn-đề tài-binh có triển-vọng thu-hoạch vài kết-quả thỏa-hiệp có thể ảnh-hưởng thuận lợi cho việc giải-quyết vấn-đề an-ninh Châu-Âu. Những sự-kIỆN mới này có thể làm cho hai bên Hoa-Kỳ và Liên-Xô nhìn vấn-đề Thống-nhất nước Đức một cách khác hơn. Do đấy, vấn-đề qui-chế Bá-Linh có lẽ sẽ được hai phe tìm cách giải-quyết một cách tạm-thời, trong khi chờ đợi vấn-đề Thống-nhất được giải-quyết căn-bản.

Tài-binh và giúp đỡ các nước hậu-tiến về kinh-tế

Trong các vấn-đề tranh-chấp quốc-tế, chỉ có vấn-đề Tài-binh là có nhiều triển-vọng được giải-quyết phần nào năm nay.

Người ta được biết rằng các tiểu ban Đông-Tây phụ-trách nghiên-cứu về các vấn-đề thiết-lập hệ-thống kiểm-soát và thanh sát, ấn-định những biện-pháp chống một cuộc tấn-công bất-ngờ, đã ghi nhận được một vài kết-quả tích-cực.

Có lẽ dư-luận của nhân-dân thế-giới và đà tiến của kỹ-thuật phóng hỏa-tiến áp-dụng vào mục đích quân-sự sẽ thúc đẩy Hoa-Kỳ và Liên-xô quyết tâm hơn để kiến-tạo một vài thỏa-hiệp, gạt ra xa hơn nữa hiểm-họa chiến-tranh.

Mới đây tại Đại Hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc, ông Cơ-rút-sép có đưa ra một kế-hoạch tài-binh mới của Liên-xô, một kế-hoạch tài-binh toàn diện và triệt-đề. Nhiều người đã tỏ ý hoài-nghĩ về kế-hoạch này đậm-đà tính-chất không tưởng. Tuy nhiên cũng có ý-kiến cho rằng xét về mặt nào, ông Cơ-rút-sép đã thành-thật khi đề-nghị

loại-trừ tất cả quân-đội và vũ-khí. Thành thật theo ý-nghĩa là Liên-Xô không bao giờ muốn ai dòm dò vào việc nội-bộ của mình, tâm-trạng hữu-lý có nguồn gốc trong những chế-độ độc-tài thống-trị.

Kế-hoạch trên nếu không được chấp-thuận về nội-dung thì về hình-thức cũng có thể được xem như yếu-tố tích-cực đóng góp vào sự tìm kiếm một giải-pháp tài-bình.

Có ý-kiến đề-nghị nên đặt vấn-đề tài-bình trên bình-diện ngân-sách. Các quốc-gia sẽ đóng số tiền chi-phí về quân-sự được giảm vào một cơ-quan quốc-tế phụ-trách viện trợ cho các nước hậu-tiến về kinh-tế. Đây cũng là một yếu-tố xây dựng nữa.

Vấn-đề giúp-đỡ các nước hậu-tiến về kinh-tế là một vấn-đề được người ta thỏa-thuận dễ-dàng về nguyên-tắc nhưng lại gặp nhiều rắc rối tế-nhị trong sự thực-hiện.

Trong hiện-tình thế-giới, Tây-phương có thể tiến đến chỗ thỏa-hiệp với nhau không khó khăn lắm để đặt nhân-tài vật-lực của thế-giới tự-do dưới quyền sử-dụng của một cơ-quan quốc-tế phụ-trách viện-trợ cho các nước hậu-tiến. Thuận lợi này do chỗ Hoa-Kỳ sẽ phải nhận lãnh phần lớn gánh nặng viện-trợ.

Đối với Liên-xô thì không phải như thế. Người ta có thể nghĩ rằng Liên-xô sẽ tính toán cân nhắc về vấn-đề ảnh-hưởng thì người ta phải nhớ đến vấn-đề quyết-định tại Liên-Hiệp-quốc về các việc ấn-định chương-trình, khu-vực, thành-phần cơ-quan viện-trợ v. v... Công việc quyết-định này sẽ dựa theo nguyên-tắc nào? Thiều-số phục-tùng đa-số? Quyền

phủ-quyết được áp-dụng? Bao nhiêu rắc rối vậy.

Cho nên có lẽ sự giúp-đỡ các nước hậu-tiến về kinh-tế sẽ dựa theo một số nguyên-tắc tổng-quát nào đó do hai phe thỏa-thuận — nhất là nguyên-tắc « Tách rời chính-trị với viện-trợ hay nói cách khác, viện-trợ nhưng không can-thiệp vào nội-bộ nước được viện-trợ » — và rồi sự giúp-đỡ này sẽ diễn ra trong khuôn-khò một cuộc cạnh tranh hòa-bình.

Vấn-đề Trung-Cộng

Tình-hình Trung-Cộng tiến-triển ngược chiều với tình-hình Liên-Xô. Giới quan-sát quốc-tế cho rằng sau các phong-trào Chính-phong, Bách-hoa, Trung-Cộng đã cứng rắn lại trong chính-sách đối nội cũng như trong chính-sách đối ngoại. Đồng-thời lực-lượng kỹ-nghệ và chiến-tranh của đại-lực lớn-lao này phát-triển một cách đáng ngại.

Những sự-kiện trên đặt ra cho thế-giới tự-do hai câu hỏi :

1) Có nên điều-chỉnh tư-cách quốc-tế của Trung-Cộng không? hay nói rõ hơn, có nên thừa nhận Trung-Cộng vào Liên-hiệp quốc không?

2) Tình-trạng không thống-nhất về đường lối chính-trị giữa Bắc-kinh và Mạc-tư-khoa phải chăng báo hiệu một mối mâu-thuẫn sâu xa giữa hai nước Cộng-sản lớn nhất?

Về câu hỏi sau này, giới am hiểu tình-hình Cộng-sản cho rằng lâu dài về sau có thể có sự đò vớ giữa hai gã khổng-lồ trong việc tranh-chấp quyền lãnh-đạo thế-giới Cộng-sản nhưng hiện nay thì Trung-Cộng còn phải nhờ vả Liên-xô nhiều. Một giả-thuyết nữa về tình-trạng không thống-nhất chính-trị đối-ngoại giữa

Bắc-Kinh và Mạc-Tư-Khoa là Cộng-sản quốc-tế đang đánh một lá bài hai mặt, Liên-Xô mềm dẻo, Trung-Cộng cứng rắn, cuối cùng chỉ là một đồng, một cốt, phục-vụ những mục-phiêu chung mà thôi.

Vấn-đề « Có nên thừa nhận Trung-Cộng vào Liên-Hiệp-Quốc không ? » đã gây ra nhiều cuộc tranh-luận, nhiều ý-kiến bất đồng.

Vấn-đề này rất khó khăn về nhiều lẽ. Trước hết, thế-giới tự-do, nhất là Hoa-Kỳ không thể bỏ rơi bạn đồng-minh dân-chủ là Đài-loan. Nhân-dân Hoa-Kỳ còn nhớ cuộc chiến-tranh ở Triều-Tiên cũng không chấp-thuận dễ dàng một chính-sách hòa dịu với Trung-Cộng đến mức thừa-nhận chế-độ Bắc-kinh.

Thứ nữa, chính Trung-Cộng cũng luôn luôn chống lại nguyên-tắc « Hai Trung-hoa ».

Và điều cuối cùng, làm thêm rắc-rối vấn-đề là người ta thấy các vấn-đề tài binh, an-ninh khó được giải-quyết một cách căn-bản nếu đại-lực to tát và khối người lớn lao ấy ở ngoài mọi ràng buộc của các quyết-định quốc-tế.

Hiện thời, chưa có ý-kiến nào dám quyết đoán về tình-hình sắp tới của vấn-đề phức-tạp này.

Thế-giới Á-Rập và Hồi-Giáo

Trong thời-gian qua, mấy lần ngòi lửa chiến-tranh thế-giới suýt bùng cháy tại địa-khu này.

Đặc - điểm tình - hình của Trung, Cận Đông là từ sau chiến-tranh đến nay ảnh-hưởng của Tây-phương mất dần trong khi ảnh-hưởng Cộng-sản cũng không lấp vào chỗ trống ấy.

Có một thời - gian Tây - phương cứ lo ngại về những hậu-quả của việc mình ra đi. Người ta đã tin chắc Nát-Xe sẽ ngã vào nanh vuốt Cộng-sản, nhứt là sau vụ Xuy-E. Gần đây, sau cuộc cách-mạng ở la-rắc, người ta cũng cho rằng Kát-Xem thân Cộng. Thật ra lãnh-tụ Cộng-hòa Á-Rập Thống - nhất chưa bao giờ thân Cộng. Chính-sách trung-lập tích cực của ông ta cũng không ngăn ông tiêu-diệt Cộng-sản trong nước. Tình-hình la-rắc có phần rắc rối hơn nhưng giới quan - sát nhận rằng chưa có những yếu-tố nào chứng tỏ rằng lãnh-tụ la-rắc vâng theo mệnh-lệnh của Cộng-sản quốc-tế.

Những nhận-định sai lầm nói trên có nguyên-nhân ở một sự hiểu biết quá hời-hợt về các quốc-gia và dân-tộc Á-Rập.

Theo giới am-hiêu tình-hình, các nước Á-Rập hướng về một chế-độ xã-hội trong đó mọi sinh-hoạt được chỉ-huy chặt chẽ, một nền chính-quyền mạnh và một đời sống mới thoát rời khỏi mọi buộc ràng của tập-tục phong-kiến. Nói về kiểu mẫu xã-hội thì các quốc-gia Á-Rập xây-dựng một xã-hội có những điểm tương-tự với xã-hội dưới chế - độ Cộng - sản nhưng điều này không có nghĩa là trên bình-diện ý-thức, họ đã xa rời Hồi-Giáo để nghe theo chủ-chủ-nghĩa Cộng-sản. Tinh-thần quốc-gia ở địa-khu này rất mãnh-liệt, đôi khi có sắc thái cực đoan, bài-ngoại, dường như các dân-tộc Á-Rập chưa hết đau xót vì dĩ-vãng lệ-thuộc ngoại-bang.

Chính yếu-tố tinh-thần quốc-gia làm cho các quốc - gia Á - Rập phản - ứng lại mọi chính-sách khu-vực ảnh-hưởng của ngoại-bang, lãnh-đạm với những khối liên-minh quân-sự và luôn luôn hướng về một thế-giới thuần Á-Rập đoàn-kết, hổ-tương.

Chính nó là nguyên-nhân giải-thích vì sao đường lối ngoại - giao của phần lớn các quốc-gia Á-Rập lại từ-chối mọi liên-kết, mọi ảnh - hưởng, bất cứ từ Đông hay từ Tây lại.

Thành thử vấn-đề thế-giới Á-Rập và Hồi-Giáo không hẳn nằm tất cả trong vòng tranh chấp giữa Đông và Tây. Nó có một số yếu-tố đặc-biệt cho Trung, Cận Đông nữa.

Tuy nhiên, nếu chiến-tranh lạnh chấm dứt thì ít nhất Đông và Tây cũng tránh khỏi trường hợp bị lôi-cuốn vào một cuộc chiến-tranh rộng lớn, do một biến-cố xảy ra tại địa khu chiến-lược này, trong đó vì lợi-ích chính - trị, mỗi phe đều thấy phải có mặt.

Trong phạm-vi vấn-đề lớn, thế-giới Á-Rập, còn vấn-đề An-giê-ri. Cả Hoa-Kỳ lẫn Liên-Xô đều có thái-độ thận trọng, tế-nhị đối với cuộc chiến - tranh kéo dài từ bao nhiêu năm này. Đây là một vấn-đề có nhiều yếu-tố đặc-biệt, mà báo-chí đã nói đến nhiều. Ta chỉ ghi-nhận một sự-kiện mới : vừa rồi tổng-thống Pháp Đờ-Gôn đã đưa ra nguyên - tắc tự - quyết đề đề - nghị thương - thuyết với Chính - phủ lâm - thời Cộng-hòa An-giê-ri hầu tiến tới một cuộc ngưng bắn, tạo thuận lợi cho một giải-pháp chính-trị về An-giê-ri. Chính-sách mới của Pháp đã được cả Hoa-Thịnh-Đốn, cả Mạc-Tư-Khoa đồng tình.

Triển-vọng

Xuyên qua tình-hình tranh chấp giữa hai phe Đông Tây, và đường lối chính-trị quốc-tế của hai đại cường quốc Hoa-Kỳ và Liên-Xô, những vấn-đề trọng-đại của nhân-dân thế-giới trong năm nay hiện ra dưới mắt ta, đầy khó khăn, phức tạp.

Sự kiện Hoa-Kỳ và Liên-Xô cùng tiến hành một chính sách quốc-tế mềm dẻo, nếu một mặt có thể làm cho tình hình thế-giới hòa dịu thì về mặt khác không hứa hẹn đánh tan được mọi yếu-tố nghịch-thù. Lý do rõ ràng là hai quốc-gia ấy quan-niệm và thi-hành chính sách hòa-bình trên những lập-trường chống đối.

Trong bấy nhiêu vấn-đề, người ta chỉ có thể hi vọng rằng Hội-nghị tối cao sẽ đặt thành tiền-lệ đề các vị nguyên thủ quốc-gia tiếp-xúc với nhau khi cần, hầu giải-quyết bằng con đường không đổ máu những cuộc tranh-chấp ; và người ta cũng mong mỗi hai phe sẽ thấu đạt một vài kết-quả tích-cực về Tài-bình cũng như giúp đỡ các nước hậu tiến.

Nhiệm-vụ đấu-tranh trước mắt của thế-giới tự-do còn khó khăn nhiều, có lẽ khó khăn hơn trước nữa, vì đối-phương cộng-sản đã chuyề mình, tấn công dưới một hình-thức linh động hơn, trong khi họ vẫn không từ bỏ các mục phiêu chánh-trị, căn-bản nguy hiểm của họ.

Dù sao thế-giới tự-do đã ghi nhận một thắng lợi đầu tiên : Hoa Kỳ, với chính sách mới, đang giành thế chủ-động kiến-tạo hòa-bình trong tự-do.

Ngày xưa, người ta dám nói « không » đối với quả đấm đe dọa.

Bây giờ người ta lại biết nói « ừ, với điều-kiện .. » trước bàn tay cầu hòa.

Lòng can đảm, óc thực-tiến, thái-độ mềm dẻo tự nó đã là những yếu-tố thắng-lợi.

TIỂU-DÀN

Tài liệu tham khảo :

- Bài Perspectives của Edgar Faure đăng trong tạp-chí La Revue de Paris tháng 11 năm 1959.
- Các báo chí ngoại quốc.

MỘNG

TÂM

XUÂN



ĐOÀN-THÊM

*Tìm điểm-sắc kỳ-hương xây mộng đẹp,
Buổi xuân về non nước, bạn mơ hoa,
Rẽ cỏ nội, băng ngàn, rung lá thắm,
Nhẹ gót vườn xanh nhựa sống chan hoà.*

*Bén duyên nằng, phôi nhung, hồng rốn gió,
Đắm tình sương, lả lướt cánh nghiêng dài,
Sớm buông thả nhị vàng say bướm trắng...
Tiếc hương trời không giữ đến ngày mai !
Cúc rục dóa, phở trương màu hiền-quí,
Thiếu ngọc-bình, e chẳng xứng hoa-vương ;
Cầu hạnh-phước, không ưng mua giá đắt,
Thân ngàn vàng kiêu-hãnh, khó yêu đương.*

Cuống huệ nởn, búp lan ngà trinh-bạch,
Nếp đất lành, hương ngát đượm gia-phong ;
Ngại tuyết sạch băng trong, hồn lạnh ngát,
Mến thơ ngây, nhưng ưa đốt lửa lòng.

Khóm thược-độc, hướng dương cầu ánh sáng,
Khinh cát-dăng nấp bóng cạy tùng-quân ;
Chí tự-lập, thân mềm bông dễ lả,
Giống tre cần, nương tựa túi giai-nhân !

Bờ ruộng ướt, vệ đường khô, dốc núi,
Nhuộm phong-trần, hoa đại nở vô-danh ;
Phút cô-tịch tạm khuây sầu lữ-khách,
Thói giang-hồ, lưu luyến mặc Tràng-Khanh.

Quỳnh dọi tỏ trăng thanh,
Lựu mong bùng nắng hạ,
Đào then thò ửng má,
Mai lạnh-lùng cao giá chờ oanh...

MỘNG TÂM XUÂN

Bạn tốn công như kẻ khát khao tình,
Đã bao thuở mỗi manh chưa xứng ý ;
Tìm đâu thấy tuyệt-trần thiện mỹ ?
Mộng tâm xuân, hao phí hết ngày xanh....



Ước mảnh vườn con, chiết cắm mười cành,
Hội màu sắc, đan-thanh pha cầm-tú :
Hong ghép hạnh, phong-lưu hoà nhã-thú,
Huệ cùng lan ấp ủ, dậy thiên-hương,
Thắm mạch lành, hoa đại cũng hoàn lương...

Tìm đất tốt, bốn phương đi mỗi bước,
Từ vũng biển tang-thương
Đến góc rừng bạo-ngược,
Trồng thiện-căn, chưa này được kỳ-hoa,
Nhưng chẳng gian-lao, ngượng mặt với sơn-hà,
Đời hết quăng xông pha, lòng trống rỗng...

Tạm ngừng bước đường xa,
Cho tâm-thần giải phóng
Theo mây bạc bao la
Tới chân trời lộng sóng : ...

Vẫn thực-tế. Thôi, trong vườn trong mộng,
Hương không phai, hoa sống vạn niên xuân,
Lộng-lẫy cũng hiền, mộc-mạc sẽ thanh-tân,
Biển bào-ảnh hồng-trần, gây cõi phước.

Thoát tục-lụy, thả hồn theo nguyện-ước,
Giống đa-tình bắt chước thuật huyền-công :
Đem yêu thương và cây cỏ núi sông
Hòa kìm cò, trồng bông muôn ánh sắc....
 Khi trời rạng đông, khi trăng vằng vặc,
 Mưa náo lòng hay gió bắc se môi,
Nở cho tôi..... chẳng lẽ một mình tôi !...

Đ. T.

I BÀI THƠ PHẢI ĐỢI 15 NĂM MỚI ĐƯỢC ĐĂNG TRỌN VẸN

★ NGUYỄN-HỮU-NGUYỄN

« Người xưa róm bút theo đao cung,
« Cán bút ra nâng luống then thùng... »

.
P.K.K.

Vì bà Kiểm-duyet.

Xin nói mau với các bạn rằng bà Kiểm-duyet trên đây là bà Kiểm-duyet thời thực-dân phong-kiến, và câu chuyện tôi kể lại trong số tân-niên này vốn là một kỷ-niệm của mười lăm năm trước.

Mười lăm năm trước — năm 1944 — báo chí sống đời chim nhốt lồng, cá bỏ chậu. Kẻ cầm bút chân chính luôn luôn bị ám-ảnh bởi cái kéo bén của bà già Kiểm-duyet khắt-khe và cánh cửa của nhà lao sẵn-sàng mở rộng. Nhưng con nhà báo nhà văn bất-khuất cũng tìm đủ mọi cách để bày tỏ nỗi lòng mình.

Nỗi lòng của một người trai thời ấy — mà cũng là nỗi lòng của một lớp thanh-niên — được gói gắm trong một bài thơ mang tên là « **Hòn nam-nhi** ».

Tác-giả nó là một chàng trai xứ Nghệ, từng lăn-lóc trong nghề văn, nghiệp báo, và cả dưới ánh đèn sân-khấu Bắc, Trung. Lúc bấy giờ, tôi giúp việc cho tuần báo « **Thanh-Niên** » ở Nam, do một số tri-thức, văn - nghệ-sĩ và sinh - viên chủ-trương. Tôi giữ vai thầy cò, nhưng thêm nhiệm-vụ phụ anh thư-ký tòa-soạn và « đối phó » với bà già Kiểm-duyet, khi cần.

Gởi bài thơ « Hồn » ấy cho « Thanh-Niên », tác-giả cho chúng tôi hay rằng : ở Bắc, báo « **Thanh-Nghị** », rồi báo « **Tri-Tân** » khen nó hay, nhưng mà « ngại », *không dám đăng*, nên tác - giả cho nó theo đường của dân-tộc mà Nam-tiến, thử xem sao. Chúng tôi lại được biết riêng trước đó tác-giả có ngổ ý nhờ tác-giả « Tiếng gọi sinh-viên » phổ nhạc « Hồn nam-nhi », anh bạn này nhận lời, nhưng rồi từ-chối, vì nhận thấy hồn nhạc bằng - bạc cả bài thơ, không muốn nhốt nó vào một cái khuôn nào, dầu cái khuôn đó có làm bằng âm thanh đi nữa, mà nên để nó tự-do như chim trời cá nước, tùy người thưởng-thức phổ nó theo điệu nhạc của riêng mình.

Bao điều này càng khiến chúng tôi quyết cho nó công - khai thấy ánh sáng mặt trời, nhất là lúc bấy giờ, cảm thấy rằng tiếng nói của mình (tiếng nói thiết-tha và chân-thành của mình đã bị nhà cầm-quyền nhìn bằng cặp mắt khác thường : số đặc-biệt « **Hợp-nhứt** » để « gây tình đoàn - kết giữa người Việt ba kỳ », để « giúp đỡ đôi phần trong sự đau-khổ của đồng-bào bị nạn chiến-tranh » không được phép ra, công-cuộc vận-động việc thành-lập hội « Truyền-bá Quốc-ngữ » ở miền Nam bị nghi ngờ) có thể không còn chẳng biết lúc nào đây.

Cho nên, tòa-soạn quyết-định đưa « *Hồn nam-nhi* » ra trong số 37, ngày 12-8-1944.

Và nhiệm-vụ tôi được chuyển từ tòa-soạn một tờ báo đến ti kiểm-duyet một chánh-quyền.

Nỗi đoạn-trường bắt đầu.

Nhan-đề bài thơ, nội-dung của nó và trang báo in nó đã khiến bà Kiểm-duyet cắt phăng nó ngay. Chống đỡ, giải-thích, gán cho bài thơ một xu hướng phụng - sự lành - mạnh, một mục - đích hoàn - toàn văn-chương..., sau cùng bài thơ « rắc-rối » nói về nam-nhi này được phép chào đời, nhưng « ruột gan » bị rút, cái « đầu » đổi thay.

« *Thép kiếm xưa làm thép bút*
nay,

« *Hai thép bên nào hơn đấm*
say... »

ở đoạn đầu, cũng như

« *Bút nghiên mong chuộc hồn*
cung kiếm,

« *Nẻo chánh, đường say, lối*
dùng-cường »

đều bị xóa bỏ.

Bài thơ chỉ còn có một nửa. Nhưng mà được một nửa còn hơn không được gì.

Bài thơ chỉ được để trắng hai nơi, để người đọc tưởng là chỉ có sáu câu bị bỏ. Nhưng mà được để trống sơ - sơ vậy còn hơn không được quyền để trống.

« Đã có hai, thì phải có ba », nổi đoạn-trường tiếp tục.

Hờn, không được. Có gì mà phải hờn. Mà có hờn ai, hờn chi đi nữa, cũng không được nói ra.

Thế thì phải thế nó bằng gì đây ? Chặt đầu nó rồi thì tưởng chẳng hẹp lượng gì mà cho nó đầu thai kiếp khác.

Thôi thì lấy « **Mộng** » mà thế « **Hờn** » vậy.

Ôi chao ! Từ « **Hờn** » thành « **Mộng** », quả là một cuộc biến đầu !

Nhưng mà nghĩ lại, mộng dành là mơ-mộng, mộng-mị, mộng phấn son, mộng bạc tiền, mộng oai-quyền hống-bách, mà cũng còn có mộng nhỏ, mộng to, mộng vá biển lấp trời...

Bước vô ti Kiểm-đuyệt, là « **Hờn** ».

Ở ti Kiểm - đuyệt bước ra, là « **Mộng** ».

Người có nhiệm-vụ đối-phó với bà Kiểm-đuyệt lau mồ hôi trán, cúi đầu. Nhưng anh chàng thầy cò xăn tay áo,... ăn gian.

Bài thơ, để cạnh một bài luận về Nghệ-thuật. Cho bạn đọc thấy ngay trước mắt :

Thử vạch một con đường

« Mộng nam-nhi »

« Một con đường mộng nam-nhi... » Nghe nó ra sao. Hay là chặt

luôn cả thủ lẫn vĩ cái chữ thứ nhì trong tiếng « **Mộng** » thử xem sao. Mộng nam-nhi..., Mong nam-nhi. « Thử vạch một con đường mong nam - nhi ». Hay hơn hay không, chẳng biết, nhưng chẳng giống cái mà bà già Kiểm-đuyệt gán cho mình. E sau bả hỏi đi hỏi lại lời thôi ? Thì chọn chữ « **Eros** » vốn không có dấu. Còn « **ăn gian** » gì nữa được không ?

« Ngâm hoa sương bao lần ta luyến tiếc. » chữ thường, như tiếp câu

**« Nhưng lòng trai còn say đắm
mộng cao xa ! »**

cho in lớn và đậm.

« Làm sao chuộc lại mơ làm ấy ? »

Hãy cho sắp chữ lớn, chữ đậm câu kể, gạch một ngang ở đầu và thế cái chấm ở cuối bằng cái chấm kêu...

« Làm sao chuộc lại mơ làm ấy ? »

**« — Đời quyết lòng lên một khúc
ca ! »**

Đến

« Xuân hồng ơi ! Hỡi ơi Thu biếc ! »

« Có tiếc ta, nỡ nào ta chẳng tiếc : »

Cũng cứ cho in đậm, lớn và thêm ba chấm lửng-lơ câu kể :

**« Nhưng lòng ta không chỉ đón
sương hoa !... »**

Và hai câu kết, in xiên và cho chấm hỏi cho nó khang-khắc :

*« Xưa nay hiền-sĩ, tài-hoa-khách,
« Đã mấy ai đâu khỏi đoạn-trường ? »*

Bài thơ ra đời. Tác-giả, anh chủ báo, bà Kiểm-duyet, đều bằng lòng, tương-đối, và mỗi « người » bằng lòng một góc cạnh nào, riêng cái con người thầy cò của tôi là bằng lòng trọn vẹn !



Và « Hòn nam-nhi » phải chờ dịp Nhật phát-xít lật đổ Pháp thực-dân mới được « chánh danh » trong tập thơ nhỏ « Lòng nghĩa-khi » do tác-giả tự xuất-bản, ở Huế, nhưng cũng không trọn vẹn, thiếu mất một phần ba. Thu 1946, tôi gặp tác-giả ở nơi trú ngụ của người bạn đã chẳng nở dùng âm-thanh mà nhốt một trời « Hòn ». Hỏi lại, mới rõ tri nhớ của tác-giả không được trung-thành cho lắm. Rồi, nhà thơ ấy, nhà nhạc kia với người thầy cò này cùng cố nhớ, để dựng lại trọn « Hòn nam-nhi », có sửa đi vài chữ.

Bản cái, tôi giữ.

[...] Cho đến nay.

Phải chăng vì thấy bài thơ tình « nhớ » của viên công-chức Arvers trời Tây, bài thơ tình « thương » của cô gái vườn Thanh, T. T. Kh., được đồng-báo ngâm-nga, báo-chi nhắc-nhở... mà tôi chợt nhớ lại bài thơ tình « Hòn » này của người trai vùng đá sỏi của giống Lạc,Long?

[...] Mà tôi nâng lấy bút, ghi lại một « chuyện thơ » thời còn nô-lệ để làm sống lại một mối « Hòn nam-nhi », từng bị cắt xén, từng bị chôn vùi, từng bị đổi tên, một mối « Hòn » cũ-kĩ đã mười lăm năm...

Để nhớ lại một thời và để mong trang trải một món « Nợ » mà tự mình, mình không vay, nhưng tự mình mình, cho là phải trả, dầu trễ-tràng cho đến mười lăm năm...

THẦY-CÒ tuần báo THANH-NIÊN
(Sài-gòn — 1944)

Nguyễn-Hữu-Ngư



HÒN NAM-NHI

Tặng B.V.M., P.H.L., T.H.H.

Ai pha cho Xuân hồng ?

Ai tô màu Thu biếc ?

Xuân và Thu, bên nào ta luyến tiếc ?

Mĩa mai chẳng, hồng biếc lẫn chen nhau ?

Một ngàn dâu,
Đôi chòm lau,
Gió heo vút thổi, lòng ai lạnh ?
Ai ngậm ngùi trông, vấy lệ ngâu ?

Đôi cánh đào duyên,
Một bình thủy tiên,
Chim reo nắng mới, vườn nô thắm,
Một đỉnh trầm, hương tỏa khói nguyên.

Kiếp xưa chắc phụ bao hùng khí,
Ngày nay ngơ ngác làm thi-sĩ,
Ngọn bút mơ lăm ngọn kiếm linh,
Ngày nay chỉ lỡ, gươm han rỉ.

Người xưa ném bút theo đao cung,
Cán bút ta nâng luống thẹn thùng.
Vi bằng bút phụ lời ta nguyện,
Biết kiếp nào đây sáng nghiệp hùng.

Trần-Can, Phạm-Thái, ôi Kinh-Kha !
Bao nhiêu uất hận dày tim ta.
Gươm, bút một thời thôi để hận.
Ngàn năm sự nghiệp há tiêu ma ?

Thép kiếm xưa làm thép bút nay,
Hai thép bên nào hơn đấm say ?
Ngày xưa đâu những nơi vung kiếm ?
Ngày nay bút đọng sầu dâng mây...

Điêu hiu thu đất khách,
Ngơ ngác một hồn trai.
Giữa đời đông đúc, thân cô, chích,
Thiên hạ tri âm, nào những ai ?

Đời xưa, mong thanh trí,
Mà không biết Khổng-Khâu.
Đời nay, người mất trí,
Còn ai biết ai đâu ?

Ta hờn Kinh-Khơ
Mê bàn tay ngà,
Nhưng đôi khi đắm say hương, sắc,
Chỉ nhút, gan mềm, ai thương ta ?



Xuân hồng ơ ! hồi ơ Thu biếc !
Ngắm hoa sương bao lần ta luyện tiếc :
Nhưng lòng trai nào chỉ đón sương hoa ?

Hương phôi pha...
Sắc điêu ngoa...
Làm sao chuộc lại mơ lằm ăy?
— Đời quyết lừng lên một khúc ca !
Xuân hồng ơ ! hồi ơ Thu biếc !
Có tiếc ta, nữ nào ta chẳng tiếc :
Nhưng lòng trai còn say đắm mộng cao xa.

Mộng bốn phương,
Dồn trong văn chương.
Bút nghiên mong chuộc hờn cung kiếm,
Nẻo chánh, đường say, lối dững cường.
Xưa nay, hiền sĩ, tài hoa khách,
Đã mấy ai đâu khỏi đoạn trường...

THANH-NIÊN VIỆT-NAM NGÀY NAY

Dịch bởi « Jeunesse Vietnamlenne d'Aujourd'hui » của
Linh-mục F. Parrel đăng trên « Bulletin de la Société
des Missions étrangères de Paris » số 119 tháng 12-1958.
Trong bài, dịch giả ghi thêm những tiêu-đề để
người đọc dễ nhận.

L. M. PARREL
CÔ-LIÊU dịch

(Tiếp theo Bách Khoa số 73)

Ta phải làm gì cho thanh-niên

NHƯNG muốn được như thế có lẽ phải có một nước Pháp công-giáo, lo làm tròn sứ mạng, bởi vì Khổng-học đã để lại những giá-trị tinh-thần hiển nhiên, chỉ cần bồi bổ cho nảy nở khi tiếp-xúc với nhân bản công-giáo chân-chính. Không cần gì viện cớ thiếu một vài thứ mà phá vỡ ngôi nhà nhưng cần giữ lấy nhà và hoàn-thiện thêm. Trên kia tôi đã nói đến những mặc-cảm của tâm-hồn người Việt-Nam, những mặc cảm ấy phần nào có thể lợi-dụng được, ta chớ quên điều ấy. Thiên-chúa giáo đến góp phần xây-dựng vào lâu-dài văn-hóa ấy, sẽ đem lại quan-niệm Tuyệt-Đối mà tâm-hồn Việt-Nam còn thiếu và có thể lay động một ý thức còn mơ hồ. Phải rồi, chúng ta phải nhớ đến chân-lý này : ơn trên hoàn-thiện bản-tính con người chứ không phá-

hoại. Chúng ta cũng phải nhớ lời Chúa Ki-tô dạy : « Ta không xuống đây để bãi bỏ luật lệ nhưng để bổ túc luật-lệ ». Nền tảng Khổng-giáo rất giá-trị và người ta có thể xây-dựng một cái gì vững chắc lên trên. Tại làm sao cho đến ngày nay còn chưa thực hiện được gì theo hướng ấy ? Thật là đáng tiếc. Nhưng đã mất gì đâu, ta vẫn có thể thực hiện được một cuộc tổng hợp văn-hóa Đông Tây. Thánh Tôma Aquinô há đã chẳng lấy nhiều tư-tưởng của Aristote đưa vào trong đạo ? Tại sao ta lại không làm như vậy đối với Khổng-Tử ? Một nhà ngoại-giao Trung-Hoa vào dòng lấy tên là Dom Celestin Lou trong một cuốn sách có tiếng tăm thuở ấy, có kể lại từng giai đoạn quảng đường ông đã đi từ Khổng-học đến Thiên-chúa-giáo. Đáng tiếc rằng ông không đã động gì đến sự tổng hợp mà mọi người chờ đợi. Mong

rằng rồi sẽ có người làm cuộc tổng hợp ấy, và như thế thực là hữu ích biết mấy cho thanh-niên Việt-Nam, vì giới thanh-niên có một quá khứ huy-hoàng ấy, hiện đang thối-mắc về tương-lai như thanh-niên khắp hoàn-cầu. Họ tự hỏi ngày mai của họ rồi đây có phải chỉ còn những giá-trị căn-cứ vào nền kỹ-thuật vô nhân-đạo mà không còn những giá-trị tinh-thần, tôi còn muốn nói, những giá-trị tôn-giáo nâng cao đời sống.

Thực vậy sống giữa một ngã ba đường, họ chỉ tiếp-xúc với kỹ-thuật vật-chất mà Mỹ hay Nga đều có thể đại-diện được, thanh-niên hình như đang đi tìm một sự « bồ-túc cho tâm-hồn » mà Bergson đã nói đến. Ngoài mặt, thanh-niên có thể tỏ ra hoài-nghi, lơ đãng, có khi ưa dật-lạc, có khi mắc một thứ chán ngán giống như bệnh thời-dại. Tôi không tin rằng sự nhận xét ấy đúng với hết thảy thanh-niên. Không, đó chỉ là bề ngoài, một trạng thái khủng-hoảng rồi có thể qua đi như tất cả những khủng-hoảng khác. Muốn đối-phó với tình-trạng bi-thảm này, các bậc đàn anh trước hết chỉ cần vấn tâm xét lại cuộc đời của mình để tự thú rằng đã lầm lẫn về một vài điểm chính-yếu, đã khinh-xuất gieo rắc những tư-tưởng sai lầm và nguy-hiểm.

Thực thế, ta phải công nhận rằng cứ đề kỹ-thuật và khoa-học lên trên hết mà không ra điều-kiện, cứ tự-do vô giới-hạn mà không bận tâm đến tự-do và hạnh-phúc của người khác, cứ tuyên-ngôn nhân quyền mạnh bạo mà không nhắc đến bổn-phận, cứ quan-niệm quốc-gia lầm-lạc không biết đến sự ràng-buộc quốc-tế mà ai cũng có bổn-phận kính-trọng, đều là những tư-tưởng điên-rồ đã được nhồi vào đầu óc non

nớt thanh-niên Việt-Nam từ mấy thế-hệ rồi. Sao ta lại còn lấy làm lạ khi thấy những tư-tưởng ấy chín mùi ? Nhưng tôi xin đặt một câu hỏi : Lỗi về ai ? Không phải vô thường phạt mà người ta cứ bảo là không có Thượng-đế, cứ tách rời xã-hội khỏi tôn-giáo, cứ hạ thấp giá-trị ái-tình xuống ngang hàng súc-vật bằng những tiêu-thuyết loại Sagan, cứ đề cao một cuộc đời vô lý, cứ đòi ăm lên muốn sống thế nào cũng được, cứ cố tâm báng nhạo quan-niệm về hy-sinh xả kỷ, cứ cho rằng tổ-quốc ở trên hết không đếm xỉa đến những giá-trị vĩnh-cửu vượt lên trên ý-niệm đó, cứ lấy tiền bạc làm chủ tề, cứ nhận định con người theo số tiền gửi ngân-hàng và căn-cứ vào đấy để đánh giá sự khôn ngoan ở đời. Tôi còn đi xa hơn mà nói rằng : không phải vô thường phạt mà cứ dạy một thứ đạo Thiên-Chúa đã mất hết nội-dung, chỉ còn những hình-thức bề ngoài, trong khi đáng lẽ ra đạo phải là một cách sống thực sự... Tất cả những cái đó sẽ phải trả giá rất đắt, hàng ngày người ta hằng thấy hậu quả tai hại.

Thanh-niên Việt-Nam hơn thế nhiều. Ta hãy bắt đầu đề tâm tìm hiểu họ châu đáo hơn trước. Ta hãy tin cậy thanh-niên như ta đã tin cậy người lớn, bởi vì ta nhận thấy tâm-hồn thanh-niên Việt-Nam có một nét kỳ lạ : họ pha trộn cái đứng đắn quá sớm của người lớn và tính nết trẻ con. Vì thanh-niên bản chất dễ cảm — tôi còn muốn nói đa cảm — cho nên tính tình rất trẻ. Trong xứ này không hiếm những cậu con trai đã lớn còn chơi những trò con nít. Nhưng ta đừng căn cứ vào tuổi thật của họ mà đái ngộ họ vì họ sẽ giận ta.

Trước hết thanh-niên đòi hỏi ta yêu mến họ, yêu mến họ như thanh-niên, không phải yêu họ như người trên hạ cố đến kẻ

dưới, thứ tình yêu ngụ ý thương xót có thể làm phật ý thanh-niên. Tôi thiết nghĩ thanh-niên thế-giới ngày nay đòi hỏi cha mẹ, thầy học và người lớn phải yêu mến họ như vậy mới được. Đối với thanh-niên Việt - Nam điều ấy còn đúng hơn nữa. Vậy thì ta phải yêu mến họ, một cách đúng đắn, không phớt ểo lả, bởi vì nếu ta muốn giúp đỡ thanh-niên thì ta phải giúp họ trở nên đúng đắn, mạnh mẽ về tinh-thần.

Nếu ta yêu mến thanh-niên ta phải gắng công khuyên nhủ thanh-niên. Nhưng ta phải thận-trọng cách khuyên-nhủ. Bởi vì trên nguyên-tắc ta phải biết trước rằng sẽ đứng trước một tâm-tạng khá đặc-biệt. Người Việt-Nam, nhất là phái trẻ, tin-tưởng một cách quá giản-dị đến làm ta phải ngạc nhiên rằng từ khi nước họ độc-lập, không có vấn-đề gì họ không tự giải-quyết được. Người nào thận-trọng hơn thì biết rằng họ còn cần cả viện-trợ vật-chất lẫn sự giúp đỡ tinh-thần, thể hiện bằng sự có mặt của các cố-vấn đặc-lực, có khi là người ngoại-quốc. Nhưng họ lại luôn luôn giữ miếng, chưa chi đã cho rằng kẻ đề-nghị giúp đỡ chỉ có óc tính toán cầu lợi. Có lẽ kinh-nghiệm quá khứ cắt nghĩa được phần nào sự đa nghi quá đáng ngày nay ! Vậy thì những ai muốn giúp đỡ và khuyên bảo thanh-niên cần phải thông-minh lanh lợi để thắng lướt được mặc-cảm ấy của họ. Nhưng họ cần được yêu mến hơn hết bởi vì chỉ khi nào thanh-niên cảm thấy mình được người khác thành thật yêu mến và chứng thực tình-yêu ấy, họ mới tin cần và nghe theo lời khuyên bảo mà họ biết là không vụ lợi. Không thế thì chả cần thí-nghiệm làm gì vô ích, ta sẽ nắm chắc sự thất

bại, chẳng ai nghe đâu. Ngoại-viện cho xứ này kém hiệu-lực, có lẽ là ta có thể giải thích như mấy dòng trên đây.

Đề nói hết lời, ta cần phải thêm rằng tình yêu đó phải bền bỉ, đều đều và không sơ sót, vì chỉ một chút sơ sót, một chút vụng về cũng đủ làm hỏng hẳn việc. Người Việt-Nam không quên đâu. Họ rất dễ xúc động đến nỗi có khi hóa ra hay động lòng một cách quá đáng. Người ta rất có lý mà nhấn mạnh rằng người Việt-Nam tính tình điêu luyện, lễ độ, tế nhị, cái tế nhị của họ không giống người Tây-Phương. Biết bao lần người Tây-Phương làm họ buồn lòng mà họ không dè. Biết bao sự hiểu lầm trong quá khứ đều do đó mà ra. Tôi xin nhắc lại chỉ có cách yêu mến họ cho chân-thành và bằng hành-động là ta có thể giúp họ bỏ được một thái-độ như thế, một thái-độ cởi mở chỉ ở ngoài mặt, mà ta phải có kiên-nghen để tìm hiểu bề sâu.

Người Việt nào, nhất là thanh-niên, cũng có một nguồn thi cảm, hơn thế, một tâm-hồn thi-sĩ. Dĩ-nhiên, vì họ dễ xúc-cảm và tế-nhị. Họ sẵn sàng tự tạo ra một thế-giới mơ mộng để có khi tự giam mình như trong tháp ngà. Nét đặc-biệt của tâm-hồn người Việt-Nam ấy rất là rõ rệt đến nỗi người ta thấy thơ phú đăng trong bất kỳ tờ báo nào, thậm chí đến báo chuyên về những vấn-đề xã-hội và kinh-tế cũng có thơ. Thế nghĩa là họ đi xa quá, xa hơn ta có thể tưởng-tượng nhiều. Chúng ta phải để ý đến sự kiện ấy nếu chúng ta không muốn làm phật ý họ. Mà nghĩ cho cùng, không muốn quan-niệm đời theo tam đoạn luận, theo phương trình, có phải là một lỗi lầm không ? Thiếu gì người Tây-Phương có ý thử làm như

thế ? Như thế có phải là một khuyết điểm không ? Riêng tôi tôi nghĩ như thế không phải là khuyết điểm.

Kết cục ta phải coi thanh-niên Việt-Nam là thanh-niên Việt-Nam, tìm cách hiểu họ và hướng dẫn tính dễ xúc cảm có khi quá đáng của họ. Tại sao ta lại cố thủ mà nhất mực biến họ thành một người Tây Phương theo tinh-thần Descartes.

Vả chẳng, muốn gò ép như vậy, ta có thể động đến cái mặc cảm bất khuất tại hại tôi đã nói đến ở đoạn đầu thiên khảo-cứu này. Một lần nữa ta chớ chà đạp lên cá-tính, cá-tính vẫn là cá-tính và chắc là cũng có giá-trị như những cá-tính khác, nhưng nên tìm cách nhẹ nhàng hướng-dẫn tình-cảm của thanh-niên khiến cho họ suy ngẫm đề đạt tới một thể quân-bình, tới một nhịp điệu, một mức trung-dung do chính Khổng-Tử và tác-giả sách « Gương phước » đã đề xướng.

Ở Việt-Nam cũng như ở bất cứ nước nào, thanh-niên bông-bột và hừng khởi. Ta phải biết nuôi dưỡng lòng hừng khởi ấy và đừng làm họ thất-vọng bằng cách nhét đầy tư-tưởng hoài nghi vào đầu óc họ như đã xảy ra trong quá khứ. Không phải ta bốn cột với những tư-tưởng cao đẹp nhất, có khi thiêng-liêng nhất, hay hạ thấp những giá-trị nhân-bản vĩnh-cửu mà ta giúp ích được thanh-niên Việt-Nam đâu. Trái lại ta phải thúc đẩy họ hoạt-động, khuyến-kích cho họ có lòng hỉ xả, cho họ bền chí trong sự cố-gắng mà thường thường họ khiếm-khuyết. Ta phải tăng-cường ý-thức về gia-đình, về lòng kính trọng bản-thân và người khác, ta hãy làm thâm nhập vào đầu óc người thanh-niên Việt-Nam để cảm hóa, quan-niệm công ích ở trên tư lợi. Trong lãnh-vực này ta phải

tồn công lắm vì ta đã có dịp thấy người Việt-Nam quá thiết-tha với bản-thân ít khi biết đến người khác. Phản-ứng của họ tỏ ra họ có khuyết-diểm ấy và vì thế thường thường họ như thiếu ý-thức công-dân và xã-hội. Tuy nhiên ý-thức vị tha có thể tạo thành được bằng một nền giáo-dục thích-nghi. Ta hãy xem người Việt-Nam cần trọng bao nhiêu khi họ đối đãi với người được họ coi là bạn mà mời ăn. Họ trở thành chủ-nhân ông rất hào-phóng. Điều ta chỉ có thể chê trách được họ là họ đã làm quá sức lực và phương-tiện của mình. Người Việt-Nam có ý-thức về lòng Nhân-ái vì họ cũng rộng lượng khi nghĩ đến việc nghĩa, thường khi họ cũng đi quá mức nữa. Nhưng đôi khi họ kém ý-thức công-bình. Tôi nghĩ rằng cần phải khuyên bảo họ biết phân biệt công-bình và nhân-ái để họ có ý-thức rõ-rệt về hai điểm ấy.

Người có trách-nhiệm dậy dỗ thanh-niên Việt-Nam chớ quên rằng phải xác định quan-niệm về ái-tình. Về phương-diện này nhiều tiểu-thuyết và phim ảnh đang thịnh hành thường thường chỉ chú-trọng đến cạnh khía vật-chất — tôi còn muốn nói vật dục. Quan-niệm ái-tình khá trong sạch trong lễ giáo Khổng-Mạnh nay đã suy đồi quá rồi. Đó là một sự thực hiển nhiên. Sự thần ảo hóa người đàn bà, thể hiện một cách tinh-vi bằng điện ảnh ngày nay, được lan rộng quá mau, nhưng người ta nhận thấy không phải vì thế mà người đàn bà được nể vì. Đã đến lúc phải có phản ứng. Ở một thời-đại mà người ta khinh xuất, viện dẫn những lý do bênh vực nữ quyền quá đáng, ta không thể nào không lo ngại cho chính bản thân người đàn bà, vì một sự tiến triển quá mau chóng có thể trở nên một thảm họa.

Bồn phận của các bậc đàn anh là phải đem lại cho thanh-niên những lý lẽ dễ hành-động và hy-vọng, phải nhắc đi nhắc lại rằng vật dục hủy diệt, tinh-thần vun đắp, rằng hôn-nhân quan-trọng, không nên vội vàng và phải có sự ưng thuận của người muốn cùng ta đi chung cả quãng đường đời. (Trong lãnh vực này còn phải cố gắng nhiều lắm, bởi vì ta còn thấy nhiều cuộc hôn-nhân do cha mẹ đặt đâu yên đó hay quyết-định sớm quá, không có sự sửa soạn chu đáo. (Nhân tiện xin nói qua : Trong vấn-đề này Giáo-hội với tư cách bênh vực tự-do của con người, cần phải lên tiếng...)). Bậc đàn anh cũng vẫn có phận sự giảng dạy cho thanh-niên biết trách-nhiệm tinh-thần cũng như vật-chất. Phải chỉ dẫn cho họ hiểu thế nào là một quý gia-đình để tránh nạn vay nợ nó cũng là một ung độc xã-hội, phải huấn-luyện cho họ nhìn xa rộng và biết phân biệt cái gì to tát với cái gì choáng lộn, cái hính với cái phụ, phải tập cho họ quen cân nhắc trước hậu quả của việc làm, phải hướng dẫn họ vào những chức nghiệp làm cho nước nhà cường-thịnh chứ không phải những nghề làm ra tiền hay nhàn nhã, hoặc vào những nghề quan liêu bàn giấy chẳng bao giờ làm cho một nước giàu mạnh. Người ta nhận thấy thanh-niên đua nhau đổ xô đến những khu-vực mà các nhà kinh-tế học gọi là khu-vực thứ 3, một khu-vực theo định-nghĩa không sản-xuất gì cả. Thanh-niên hãy nhớ rằng ở Việt-Nam còn phải làm nhiều và họ có tỏ ra yêu nước bằng việc làm chứ không phải nguyên bằng lời nói hay không là chỉ còn tùy ở họ mà thôi.

Mặt khác, thế-hệ ngày nay cũng như các thế-hệ thanh-niên thế-giới, có khuynh-

hướng về kỹ thuật càng ngày càng nhiều, khuynh hướng ấy tự nó không phải là dở vì ta phải sống thời-đại của ta. Tuy nhiên, cho thanh-niên biết cái nguy-hại của một sự thay đổi quá đột ngột thiết tưởng cũng hợp tình hợp cảnh chớ sao ? Điều ta phải hết sức tránh là phong-trào dân quê bỏ làng ra tình nhiều quá và ồ ạt quá, bởi vì một sự di-chuyển như thế có thể làm mất thăng-bằng đời sống ở tỉnh thành. Ta chớ nên bắt chước những nước khác, phong-trào di-chuyển này đã đem lại những hậu quả khốc-liệt : nghèo khổ, mất vệ-sinh, trộm cắp, tội lỗi... Tôi xin nói thêm rằng không phải vì thế mà để thanh-niên thôn quê ngưng đọng trong một nếp sống văn-minh, có quyền được dự vào đời sống văn-minh, nhưng văn-minh ấy phải hợp với nhu-cầu của họ.

Thanh-niên phải biết rằng một nước chỉ giàu mạnh nhờ sức sản-xuất và khả-năng sản-xuất. Về phương-diện này, muốn đạt được mức cao, cần phải có kỹ-sư trên cấp bậc chỉ-huy. Nhưng chưa đủ, nhất là ngoài thực-tế người ta còn phải xét lại vấn-đề này tùy theo hoàn-cảnh của mỗi nước, chớ không nên áp-dụng một cách sống sượng những điều học được trong sách vở. Lúc này điều tối-khẩn không phải là tăng-gia số kỹ-sư mà là huấn-luyện những cán-bộ điều-khiển khả-năng và thợ chuyên-môn làm nền móng cho tòa lâu đài văn-hóa đang xây dựng. Kỹ-sư có thể ví với cái nóc tòa lâu đài ấy, mà cái nóc phải làm sau mới là hợp-lý. Do đó cần phải tạo lập những trung-tâm huấn-nghiệp, những trường công-nghệ để thanh-niên thâm-thái những kiến-thức kỹ-thuật,

nhất là những phương-pháp làm việc mà họ hiện-thời khiếm-khuyết. Thực vậy ở đây không phải là vấn-đề tổ-chức theo phương-pháp Taylor đề tăng-gia năng-xuất như bên Nga bên Mỹ. Ở đây phải kể đến khí-hậu oi bức làm người chóng mệt, đến tạng người yếu ớt vì thiếu ăn hay cách nuôi dưỡng không được thích-hợp, vì thể sức làm việc của người công-nhân không thể nào bì với các xứ ôn-dới. Tuy nhiên tôi tin rằng sự cải-thiện tình-trạng ấy có thể thực-hiện được mà không phạm đến nhân-phẩm người cần-lao.

Ta đừng ngần-ngại mà cho thanh-niên hiểu rõ hai phương-diện vinh-nhục của kỹ-thuật, ta phải nhắc lại cho biết rằng kỹ-thuật không có lương-tâm sẽ trở nên vô cùng tai hại, ta phải luyện cho họ quen tính làm việc cần thận, đến nơi đến chốn, về điểm này ta phải cố-gắng nhiều vì hiện thời rất ít người thực có lương tâm nghề nghiệp hay tỏ ra có tinh-thần trách-nhiệm.

Sau hết ta nhấn mạnh vào ý nghĩa một cuộc cách - mạng thực hiện ở Việt - Nam cũng như ở nước khác, cuộc cách-mạng đó phù hợp với tính húng khởi, óc thần bí của thanh-niên và hướng về sự giải phóng con người. Ta phải chứng minh cho họ thấy rằng chế-độ tư-bản như còn tồn tại ngày nay, đã phá sản khi nó dung dưỡng những bất công xã-hội, những mức lời quá cao cho người kinh-doanh. Vâng, chế-độ tư-bản như ta được biết đang đẩy chết vì chỉ hoàn-toàn căn cứ vào một nền kinh-tế vụ lợi tiêu biểu bằng công thức Business is Business (công việc là công việc). Mới đây Đức Giáo-Hoàng lên án công thức ấy vì nó

đã thường đem lại những hậu quả vô nhân-đạo. Giờ ta hãy thay thế nền kinh-tế vụ lợi đó bằng một nền kinh-tế tùy sở cầu, nghĩa là một nền kinh-tế nhân-đạo đặt nền tảng trên ý-thức công bằng và nhân-ái. Đó là một công cuộc cao đẹp đáng khích lệ ta theo đuổi, không phải vì bị cưỡng ép mà lòng cương quyết của ta, quyền lợi ích kỷ và dễ dãi không lung lạc ta được. Thay vì tạo cho thanh - niên một bầu không khí tranh-dấu mà chung cục chỉ có lợi cho những phần tử phá hoại thường lợi dụng triệt để tình-trạng ấy, chúng ta hãy cương quyết hướng thanh-niên đến một bầu không khí thỏa hiệp, thống-nhất ý chí để theo đuổi một mục-dích chung trong khuôn khổ một số tổ-chức nghề nghiệp thiết thực. Nếu thanh - niên ngày nay dốc lòng tin tưởng rằng một cuộc cách-mạng như thế rất cần thiết, họ sẽ sửa soạn một tương-lai sán lạn biết bao !

Đó chỉ là một vấn-đề giáo-dục, không biết tôi có cần nhắc lại lần nữa không ? Trong thời buổi tao loạn này, chúng ta, người huynh trưởng, ta có trách-nhiệm về sự giáo-dục ấy. Như trên kia đã nói, ta hãy nhìn xuống thế-hệ thanh-niên, trước hết là thiếu-niên, với hết lòng tin tưởng và yêu mến của ta, bởi vì thanh-niên Việt-Nam đâu có dở hơn thanh-niên nước khác, họ chỉ lạc hướng đó thôi. Chúng ta hãy hướng dẫn họ cho thật khéo, thế là chúng ta sẽ được lòng cảm mến của thanh-niên và của tất cả những ai yêu quý nước Việt-Nam.

CÔ-LIÊU dịch

XUÂN CHIẾN SĨ

Thân tặng các bạn đang hiện dịch
B. Đ.

Hẹn ước mùa xuân khơi nếp sống,
Muôn bàn tay quyết định tương lai.
Đất bao nhiêu mảnh, tình lai láng
Cảnh vật nghìn năm rạng chí trai.

Ta thuở tung hoành bạn kiếm cung,
Càng tha thiết mái tóc phiêu bồng,
Dặm đường da ngựa chưa mòn mỏi ;
Hồn lịm từ lâu hương nhớ nhung.

Sương gió càng già tuổi mến yêu,
Đời trai chưa bận ý cô liêu,
Rủ nhau về vá trời quê cũ ;
Cho núi sông tươi nét mỹ miều !

Nắng chuyển sang mùa reo khúc ca,
Nghe như đất khởi nhịp sông hồ.
Mười phương hoa lá cười ngây ngất,
Mộng hé bình minh tươi ước mơ.

Ta đón mùa xuân trên hoa súng,
Hồn say khói pháo vọng kinh kỳ ;
Hân hoan phóng bút : bài thơ mới,
Tha thiết vài hàng gửi cố tri !

MẾN XUÂN

Mến gửi Ch...

Đêm nay xuân về bên gối
Hoa mai bừng nở lung-linh,
Đêm nay đất trời mở hội,
Núi sông lên khúc thanh-bình.
Chiều xuân dặt-dìu tiếng sáo,
Áo em còn ngát hương trinh,
Đêm xuân dịu-huyền, diễm-ảo,
Hồn say nhạc rót men tình...
Ta nghe mạch đời rộng mở,
Thơm lừng mái tóc vương hương,
Ta nghe hồn xuân bờ-ngõ,
Nhân-gian bừng sáng Thiên-Đường !
Đêm xuân dịu-huyền, diễm-ảo,
Tiếng lòng dặt khúc Trinh-Nguyên
Mùa xuân về dăng sắc áo.
Huy-hoàng : Em một nàng Tiên !
Ô hay ! Xuân về phơi-phới !
Mắt huyền ngập ánh trăng, sao
Ô hay ! men xuân diệu-vời...
Tình em thơm, mát, ngọt-ngào !
Ta về thăm em một sớm,
Trông chừng lạc lối Thiên-Thai,
Nợ duyên xuân đời mới chớm,
Dư-ba nồng, ấm vương hoài...

Xuyên-Lộc, những ngày đầu xuân

KIM-THU

NHÂN NGÀY GIỖ TRẬN ĐỒNG-ĐA

(mùng 5 tháng giêng âm - dương - lịch)

NGUYỄN - HUỆ

(1752 - 1792)

hay là « giấc mộng lớn chưa thành » (1)

NGUYỄN - NGU - I

Cứ mỗi lần « thịt mỡ dưa hành đến ngự-trị » trong tất cả gia - đình người Việt — thì dù hoa xuân của Đất Trời không một loạt tô điểm cỏ cây, thì dù pháo Tết của người làm không nhuộm đỏ phố phường và vườn sân đi nữa — là lòng ta không hẹn mà cùng nhớ một ngày : ngày Giỗ Trận, mà cùng hướng về một nơi : gò Đồng-Đa. Sự tưởng nhớ của chúng ta càng tha-thiết, khi Non Sông chưa chung về một mối, khi kẻ thù gần như là truyền kiếp của dân-tộc này còn ngự-trị từ « con sông Gianh mới » trở lên, dưới một hình-thức xâm-lãng mới nghìn lần nguy-hiêm hơn là cuộc xua quân ồ-ạt của vua tôi Mãn-Thanh trên trăm rưởi năm về trước.

Chẳng hiểu bạn đã mơ áo bào đen thuốc súng của Bắc-Bình-Vương hay đã cười cái cảnh « lũ quân chàng Tôn sập

cầu trôi đầy sông », chớ riêng tôi, tôi đọc lại cái hịch này của Sĩ-Nghị :

« Giúp người nguy, nâng người ngã,
« nghĩa nên làm có ngại chi đường xa ;
« vớt kẻ đắm, cứu kẻ cháy, chẳng được
« đừng phải dùng đến binh cách. Nghĩ
« đến nhà Lê nước Nam, vẫn là công-
« thần nước ta hơn 300 năm nay,
« cống hiến không lúc nào khuyết. Nay
« phải anh em Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-
« Huệ khởi binh làm loạn, đánh vỡ
« Kinh-thành. Vua trước nhà Lê lo sợ
« đến nỗi phải chết, cháu là Duy-Kỳ
« trốn tránh ở ngoài. Quan nước Nam
« là Nguyễn-Huy-Túc mang mẹ và vợ
« vua chạy sang nước ta, xin quân về
« cứu. Cứ như nhời bọn Huy-Túc có
« trình rằng : « Duy-Kỳ hiện đương

(1) Các bạn có thể xem lại loạt bài này đã đăng ở B. K. các số 28, 30, 34, 39 và 51.

« ở địa phận Lạng-Sơn, thần dân hãy
 « còn có bụng yêu mến. Lữ Nguyễn-
 « Nhạc lòng tựa chó dê, ác hơn hùm
 « cọp, tàn hại nhân dân, trăm họ oán
 « vào xương tủy ». Tội nó tàn ác hoành
 « hành như thế, quyết không dong được.
 « Nay ta kính vâng lệnh Đại Hoàng-
 « đế, rộng thương vua nhà Lê lưu-lạc,
 « không nỡ để nước Nam lâm than
 « Đã trao cho Đốc-phủ cầm ấn Đại-
 « tướng-quân đem 50 vạn quân thẳng
 « đến La-thành, hỏi tội Nguyễn-Nhạc,
 « không cho nó trốn được lướt trời. Còn
 « như thần-dân nước Nam, đội ơn vua
 « Lê đã lâu, không nên quên vua mà theo
 « giặc. Ai hay xướng nghĩa cũ hợp những
 « người đồng-chí, cùng lòng đánh giặc
 « giúp nước, sau khi thành công, ta sẽ
 « tâu lên, phong cho đất cát, cùng với nhà
 « Lê hưởng phúc, như là việc cũ chúa
 « Trịnh. Hịch này đưa đến đâu, các
 « người nên phải gắng sức, cố cho thành
 « công.

« Nay hịch »

« Lời lời châu ngọc » trịnh-trọng tuyên-
 bố với dân Nam là thế, nhưng số tâu về
 vua Bắc thì lại có đôi câu :

[...] « Nhân dịp này, nếu hưng-phục
 cho Lê được rồi, ta sẽ đặt thú-bình mà
 giữ lấy nước. Thế là vừa có ơn với Lê,
 lại vừa lấy được An-Nam : nhất cử lưỡng
 lợi ! »

Năm tháng có qua nhiều, thời-thế có
 đổi thay, nhưng ai dám thành thật quả
 quyết rằng dã tâm xưa của Hán-tộc không
 còn ?

Và lời này : « Đợi mười năm nữa,
 nước ta dưỡng được sức phú-cường rồi,
 thì ta không cần phải sợ chúng nó nữa »

của người anh hùng áo vải đất Tây-Sơn
 lúc sắp truyền cho tướng-sĩ ăn Tết trước,
 ở đèo Tam-Điệp, nay vẫn còn vang dội
 trong lòng ta.

Nhưng kế-hoạch mười năm quyết làm
 cho dân mạnh, nước giàu, quân vô-dịch,
 chỉ thực-hiện mới được bốn năm, thì cái
 chết bất ngờ của vị anh-hùng nhìn xa làm
 mạnh ấy làm tan giấc mộng lớn ấp ôm kia.
 Mà giấc mộng lớn ấy, nào phải là chỉ
 riêng người cầm đầu vận-mệnh dân-tộc Việt
 này thấy cần phải biến nó thành sự thật,
 mà là mộng chung của nòi Việt từ thuở
 xa xưa, thuở bế bồng nhau lia bờ Động-
 Đình-Hồ, rồi lưu-vực sông Dương-Tử
 để tiến về phương Nam tìm sự sống-còn,
 trước sự lấn áp mạnh, dữ của dòng Hán.

Thực-hiện mộng lớn kia được, tức là
 đập tan cái « sợ » nghìn đời, tức là diệt
 hẳn cái « ám-ảnh » bị kẻ láng-diềng phương
 Bắc nuốt tươi.

Giấc mộng lớn ấy, Quang-Trung nhắm
 mắt chưa kịp thực-hiện, ta thử xem người
 nay, giữa thế-kỷ XX, hiểu nó như thế
 nào.

Những nhận-xét cùng ý-kiến sau đây
 của một tờ tạp-chí, do cụ Ứng-Hoè
 Nguyễn-Văn-Tổ chủ-trương, tưởng cũng
 đủ để đưa ra làm tiêu-biểu.

Giấc mộng lớn ấy, phải chăng là
 đây ?

Mời bạn cùng tôi dở lại « Đông-Thanh
 tạp-chí », số ra mắt, ngày 1-7-1932. Hai-
 mươi tám năm về trước, lớp đàn anh chúng
 ta đã ngậm-ngùi...

[...] « Chúng ta ngậm-ngùi nghĩ đến
 nòi giống Bách-Việt và cội đất Giao-Chỉ
 ta xưa.

« Phàm bàn đến cái phạm-vi lãnh thổ của một nước nào, trước phải xem giống người gốc ở nước ấy, bàn-cứ, sinh-lự những nơi nào, rồi mới có thể quyết-định được.

« Chúng ta nguyên là nòi giống Bách-Việt, sinh-trưởng ở phía Nam Ngũ-Lĩnh, tức là vùng đất Lương-Quảng, Phúc-Kiến với Bắc-Kỳ và Nghệ-Tĩnh của ta bây giờ, đời thượng cổ, gọi là nước Giao-Chỉ. Sách Trúc-thư kỉ-niên chép rằng : « Đời vua Xuyên-Húc (Tàu), người Giao-Chỉ ta bắt đầu thông với Trung-Quốc và về đời Ngu (Thuấn), đất nước Tàu phía Nam giáp với Giao-Chỉ. » Gọi Giao-Chỉ tức là miền Lĩnh-Nam đó.

« Về đời vua Kinh-Dương-Vương ta lập nước ở phương Nam (2.879 tr T.l.) đến đời vua Hùng, xưng hiệu nước là nước Văn-Lang, bộ-lạc Bách-Việt đều thống thuộc vào trong bản đồ. Vậy nên sử ta chép cương giới nước Nam, nói rằng : phía Nam giáp với Hồ-Tôn (sau tức là nước Lâm-Áp), phía Bắc giáp với hồ Động-Đình (nay thuộc về đất tỉnh Hồ-Nam bên Tàu) là đúng với sự thực lắm.

« (...) Sau mãi đến vua nhà Đông-Ngô là Tôn-Quyền (226) và Tôn-Hạo (264) hai lần phân đất Giao-Chỉ ta làm hai : Nam-Hải, Uất-Lâm, Thương-Ngô là Quảng-Châu ; Giao-Chỉ, Cửu-Chân, Nhật-Nam, Hợp-Phố làm Giao-Châu. Giao-Quảng chia ra từ đấy, mà đất nước ta vẫn phải phụ thuộc về Tàu.

« Đến đời Lương (Tàu), Lưu-Cung (917) chiếm cứ đất Quảng-Châu và quận Hợp-Phố, xưng là nước Nam-Hán, sau bị nhà Tống lấy cả, từ đấy Quảng-

Châu và quận Hợp-Phố mất luôn vào bản đồ nước Tàu, cho đến ngày nay.

« Còn về phần đất Giao-Châu, từ Ngô-Vương-Quyền (938) nổi lên dựng lại nước Nam, cho đến triều Đinh (971), chỉ lấy lại được miền đất ba quận là Giao-Chỉ, Cửu-Chân, Nhật-Nam, còn quận Hợp-Phố và phần đất Quảng-Châu vẫn bị nước Tàu chiếm cứ mãi. Thế là hơn nửa phần nòi giống Bách-Việt ta xưa, hóa thành người Tàu, máu mủ lìa tan, non sông chia rẽ, cho đến ngày nay, nghĩ đến lịch-sử, sao không ngậm ngùi ? »

Tác-giả (1) kể mấy phần đất bị mất tiếp : cuối Trần, 59 thôn gần miền Lạng-Son, rồi 6 động gần miền Quảng-Yên, đầu Mạc, và sau cùng, 6 châu gần miền Hưng-Hóa cuối Hậu-Lê (1780). Rồi than :

« Ôi ! kể cả trước sau phần đất Giao-Chỉ ta hăm vào Tàu quá nửa, dòng dõi Bách-Việt ta bị đồng-hóa với Tàu quá nửa, nghĩ đáng tiếc chẳng ? »

Và sau đây, tác-giả mượn ý-kiến người xưa mà nói ý-kiến mình.

« Về cái vấn-đề cội đất nước ta xưa, lâu nay cũng có nhiều nhà chủ-trương phải ghi theo phạm-vi nước Giao-Chỉ của dòng Bách-Việt ta xưa, mà nhất là cụ Phạm-Huy-Hồ. Lúc sinh tiền, cụ nghiên-cứu đến địa-dư, lịch-sử rất là uyên-bác, cụ thường quả quyết chủ-trương cái thuyết Lương-Quảng và Phúc-Kiến là đất của Việt ta, và nói bao giờ khôi-phục lại được mới thỏa lòng. Cụ thường có tập câu thơ Tàu đề tỏ ý mình rằng :

« Ngày nào Lương-Quảng mà khôi phục,
Nhớ vãi ông mày đề biết cùng. »

(1) Bài này không ký tên người viết.

Xem đây thì biết cái hào-khí của cụ hăng hái biết chừng nào ! »

Thì ra lớp đàn anh của chúng ta nặng lòng về « đất cũ », quyết sao khôi phục giang-san xưa của nòi Bách-Việt ! Khiến chúng ta liên-tưởng đến người Xiêm đòi đất người Miên, người Miên đòi đất người Việt, và người Chiêm-Thành còn lại trên đất nước ta cũng có lần xi-xăm đòi nước họ đã bị ông bà ta lấn lấy từ mấy trăm năm ! Và nếu trên trái đất luôn luôn lắm chuyện này, mà quốc-gia nào cũng đòi và cố thực-hiện yêu sách « chánh đáng » của mình : lấy đất đai của giống nòi mình từ thuở vừa dựng nước, thì biết bao là rắc-rối sẽ gây nên !

Nhưng mời bạn nghe tiếp tập-chí nói trên nói thêm, trong số 2, ra ngày 15-7-1932 :

« (...) ... Vua Quang-Trung có đưa thư sang Tàu đòi lại châu Hưng-Hóa, là sáu châu bị thờ-ti huyện Kiến-Thủy của Tàu xâm-chiếm (...) »

« Sáu châu ấy là : Quảng-Lăng, Tuy-Phụ, Hạp-Phì, Khiêm-Châu, Hoàng-Nham, Lễ-Tuyền, từ xương uyên thuộc về phủ An-Tây, xứ Hưng-Hóa, tiếp giáp cương giới tỉnh Vân-Nam.

« Về cuối đời nhà Lê, năm Cảnh-Hưng nguyên niên (1740), bọn thờ-ti huyện Kiến-Thủy (Vân-Nam) thừa cơ nước ta có dân Thờ ở sáu châu ấy là Hoàng-Công-Thư làm loạn, rủ nhau sang xâm chiếm, thu các thứ thuế, và bắt đòi y-phục dóc bím theo Tàu. Năm Cảnh-Hưng 41 (1780), chúa Trịnh-Sâm có đưa thư sang Tàu cùng Tổng đốc Vân-Quí tranh biện đất đai ấy. Việc chưa có kết quả gì, chúa Trịnh liền

mất, rồi không ai chú ý đến, vì thế việc ấy nửa chừng bỏ dở, trọn đời Lê, không thu hồi lại được.

« (...) Nhưng tiếc thay ! vua Quang-Trung cũng liền mất, có chí khôi phục, mà chưa thành. Từ đấy về sau cho đến bây giờ, các nhà đương cuộc không ai chịu nghĩ gì đến cõi đất ấy nữa, làm cho sáu châu ấy thành lãnh-thò huyện Kiến-Thủy thuộc về tỉnh Vân-Nam.

... (...) Vì nếu vua Quang-Trung chưa mất sớm, thì ngài sẽ luyện binh tập mã, đem quân sang Vân-Quí, ra oai một trận như trận đánh Tôn-Sĩ-Nghị, vì tổ tông ta khôi-phục lại chỗ đất đã hãm-một kia, và cũng làm cho bọn thờ-ti ở duyên biên nước Tàu, không được khinh-dể nước láng giềng nữa, mà lãnh-thò nước ta đã thành một cái kim khâu hoàn toàn từ bao giờ, có đâu đề đến ngày nay, chúng tôi khảo cổ, còn phải than vãn đến vấn-đề ấy ? »

Lớp cụ-học nghĩ thế, còn phải tân học ? Ông Phạm-Văn-Sơn đã từng lên tiếng :

— Hơn nữa, Ngài là một người có rất nhiều cao vọng. Ngài muốn mở-mang bờ cõi thêm về phía Bắc bằng cách đòi lại các đất đai của ta ở hai miền Quảng-Đông, Quảng-Tây nước Tàu.

(Việt-Nam tranh-dấu-sử, Hà-nội, 1949)

Rõ ràng là sự phản-uất mấy mươi đời dồn ứ được tung ra, cái chua xót và nhục nhã của ngàn năm đô hộ thốt nên lời, không khéo có nhà duy-vật nào đây dán cho chúng cái nhãn : một thứ chủ-nghĩa Đại-Nhật-Nhĩ-Mãn (Pangermanisme) hay một thứ Đại - Tư - Lạp - Phu - chủ - nghĩa ! (Panslavisme).

Nhưng có người của nửa sau thế-kì XX không đồng ý-kiến trên đây, mà lên án cái mộng này của người đại thắng quân Tàu từng mượn máu nhân nghĩa toan bề cướp khéo nước Nam. Ta hãy nghe một nhà giáo nói cùng môn-đệ, trong bài diễn-văn thường lệ một buổi lễ phát phần thưởng cuối niên-học, cách đây bốn năm (1)

« Thay vì nhấm vào quyền-lợi dân-tộc, ông [Nguyễn-Huệ] chỉ lo củng-cố ngai vàng để bảo vệ quyền-lợi riêng cho mình, cho gia-tộc mình. Tại sao ông dòm ngó đất Lưỡng-Quảng xa-xăm mà không lo bình-định đất Nam-Kỳ là nơi Nguyễn-Ánh tung hoành ? Giặc trong nước chưa yên, tại sao ông lại lo tập tén-bài, tổ chức Bắc-chính mà không thấy rằng dân-chúng đã kinh-khấp vì giặc-giả, dờ sống dờ chết vì giặc-giả ? »

Có người lại sung-sướng vì giấc mộng kia không thành, vì họ cho đó là cuồng-vọng : đánh thắng sau được người Tàu trên đất họ ? mà dầu có lấy lại được Lưỡng-Quảng đi nữa, thì chỉ là rước cái họa vào mình : đất ấy rộng gấp mấy lần đất Việt, dân ấy đông gấp mấy lần dân Việt, hẳn là sự họ đồng-hóa ta là việc phải đành, khi cùng nhau « chung sống ? »

Nhưng chúng ta có thể trả lời những ý-kiến vừa nêu — gần hai trăm năm về trước, củng-cố địa-vị riêng mình, bảo-vệ quyền-lợi gia-tộc mình, nó không đáng tội, đáng phi nhò như giờ đây, thời của tự-do, của dân-chủ ; vả lại, xưa kia, hòa quyền-lợi riêng mình, quyền-lợi gia-tộc mình với quyền-lợi dân-tộc, là điều thường thấy ;

(1) Xin xem lại bài « Một số ý-kiến đối với triều Tây-Son và Nguyễn-Huệ » đăng ở « Bách-Khoa » số 51.

— sao không lo miền Nam mà lại dòm phương Bắc ? Một Nguyễn-Ánh, Huệ xem như một mụn ghẻ ngoài da, nhưng cả khối dân Tàu với cái đá-tâm tràn xuống, Huệ cho đó là một chứng bệnh nội-thương ; bệnh bên ngoài chỉ làm ta mệt, bệnh bên trong có thể giết ta ;

— mưu cuộc yên, vui lâu dài cho dân-tộc, thì sự phiền hà, khổ cực nhất thời, người cầm đầu nào mà lại phân-vân ;

— bị đồng-hóa trong cuộc « sống chung », sự thật hiển-nhiên đó, ai là người chẳng thấy, thì hẳn là kẻ có cái nhìn vượt người đồng thời đôi ba thế-hệ phải dự biết và phải có lắm phương đối-phó ;

— còn mộng kia là cuồng vọng, thì biết nói sao giờ : một Bonaparte với bao hoài-bảo lúc mới bước chân vào đời khi nước Pháp đang suy bên trong, đang bị hiếp bên ngoài, một Hitler với bao mơ-ước trong đầu khi nghề thợ sơn chưa nuôi sống nổi, lúc nước Đức bại trận còn nghệt thờ trong cái rọ hòa-ước Versailles, người đồng thời mà nghe hai gã « phiêu-lưu » và phi-thường này cho biết những mộng lớn mộng con của họ, thì sao chẳng bảo là họ điên khùng !

Xin đề một nhà viết sử luận về vụ « trứng trời đá » này, nhân dịp bàn về « châu chấu đá xe » dưới thời nhà Lý.

« Nước ta có một cái cơ hội rất tốt ở trận đánh Tống mà ta không lợi dụng được vậy.

« Xem như ở sứ Tàu, người Mông-Cồ phá trận Đại-Thủy-Lạc mà rồi lấy Kim, lấy Tống, vào làm vua Trung-Hoa, một trăm năm nhà Nguyên vậy. Người Mãn-Châu phá trận Sơn-Hải-Quan mà lấy Minh, cũng làm vua Trung-Hoa, ba trăm

năm nhà Thanh vậy. Người Việt hơn một phen đánh được ba châu này Châu Khâm, Châu Liêm, Châu Ung, mà tiến quân sang nữa, biết đâu ở lịch-sử Trung-Quốc, không có mấy trăm năm nhà Lý từ trước ru ?

«... Xin thử hết dọc ngang mà nghĩ : lấy tình thế mà nói, nước Tống khi ấy, Bắc có giặc Liêu, Tây có giặc Hạ, quân thua của hết, nước yếu dân hèn, trong triều lại chia ra bè đảng, Duy-tân, thủ-cự, chính sự mỗi ngày một nát ; nước ta thì vua tốt cùng lòng, quân dân mạnh chí, ba đời vua trước ngót trăm năm, công đức còn ở giang-sơn vậy. Lấy tài đức mà nói, người Mông-Cồ đánh được Trung-Quốc, mà quân Nguyên thua ta, người Mãn-Châu đánh được Trung-Quốc mà quân Thanh thua ta ; quân khí không hơn nhau mà quân-pháp thời Tống từng theo Lý vậy. Nếu lấy về lớn nhỏ mà nói, thời Mãn-Châu, Mông-Cồ, đất cũng không rộng hơn Trung-Hoa, người cũng không nhiều hơn Trung-Hoa vậy. Tóm lại chỉ là tự yên lòng làm dưới thời không dám mong hơn, ấy thực là một cái căn tính của người mình từ trước đến sau, tưởng không riêng gì mấy vua tướng nhà Lý.

« ... Tiếc thay ! »

Tân-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu
(Quốc-sử huân mông, Hà-Nội, 1924)

Về đây, phải chăng là
giấc mộng lớn ?

Không, con người xuất-chúng như Quang-Trung không ngu, dại gì mà nuôi cái mộng hơn thua với Trung-Hoa để thực-hiện cái thèm chiếm đất hầu tước tự-kieu được thỏa. Con người ngoại hạng ấy thuộc về số người rất hiếm « sinh ra đã biết », rồi học, rồi hành làm cho cái biết thiên phú kia càng thêm chín, chắc. Tôi tin rằng Người đã ý-thức sâu, xa hơn ai cái hiềm-họa tày trời, cái gươm bén kề bên cổ : Khố Hán-tộc mạnh, đông sát vách, với cái ý-định xóa tên nòi Việt trên lịch-sử loài người. Mà nòi Việt chỉ còn hai đường sống : tràn xuống phương Nam và chặn đứng người Bắc. Tiến vào Nam để sống, chặn phương Bắc để còn : xây một Vạn-lý trường-thành ư ? Gương thất bại của Tần-Thỉ-Hoàng còn đó. Sao bằng xây một... biên người ? Quảng - Đông, Quảng - Tây, Phúc - Kiến, Chiết-Giang, hồ Động-Đình, sông Dương-Tử,... đại-gia-tộc Bách-Việt... còn rải-rác đó đây : Ưu-Việt, Mãn-Việt, Đông-Việt, Tây-Việt, Nam-Việt... thì Lạc-Việt may-mắn thoát khỏi vòng Hán-hóa, sao chẳng giờ cao ngọn đuốc : đoàn-tụ dưới một mái nhà to ?

Còn giấc « Mộng Lớn » của chúng ta, giờ đây ?

23 tháng chạp năm Kì-Hợi (1959)
NGUIỄN-NGU-Í

- ★ Người ta thường có khuynh-hướng phản-đối công việc bị bắt buộc phải làm và hoan-ngheh công việc được giao phó cho làm.
- ★ Người trên có hai cách giao việc cho người dưới làm : cách dành cho họ những việc khó chịu và những việc không quan-trọng, và cách giao cho họ những việc họ có khả-năng làm được.

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

SAIGON

135, *Đại-lộ* NGUYỄN - HUỆ
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. E 5

PHNOM - PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(Ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B. P. 122

Succursale de Hongkong

8/8 A Queen's Road Central

Tel. 21.000 et 23 000

P. O. Box no 763

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

LUNIK III

Nguyễn-Trinh-Đoanh

NGÀY chủ-nhật 4/10/1959, ngày kỷ-niệm hai năm phóng vệ-tinh nhân-tạo đầu tiên trong lịch-sử loài người, các nhà bác-học Nga đã phóng một hỏa-tiên vũ-trụ thứ ba, có mang theo một trạm nghiên-cứu tự-động giữa các hành-tinh.

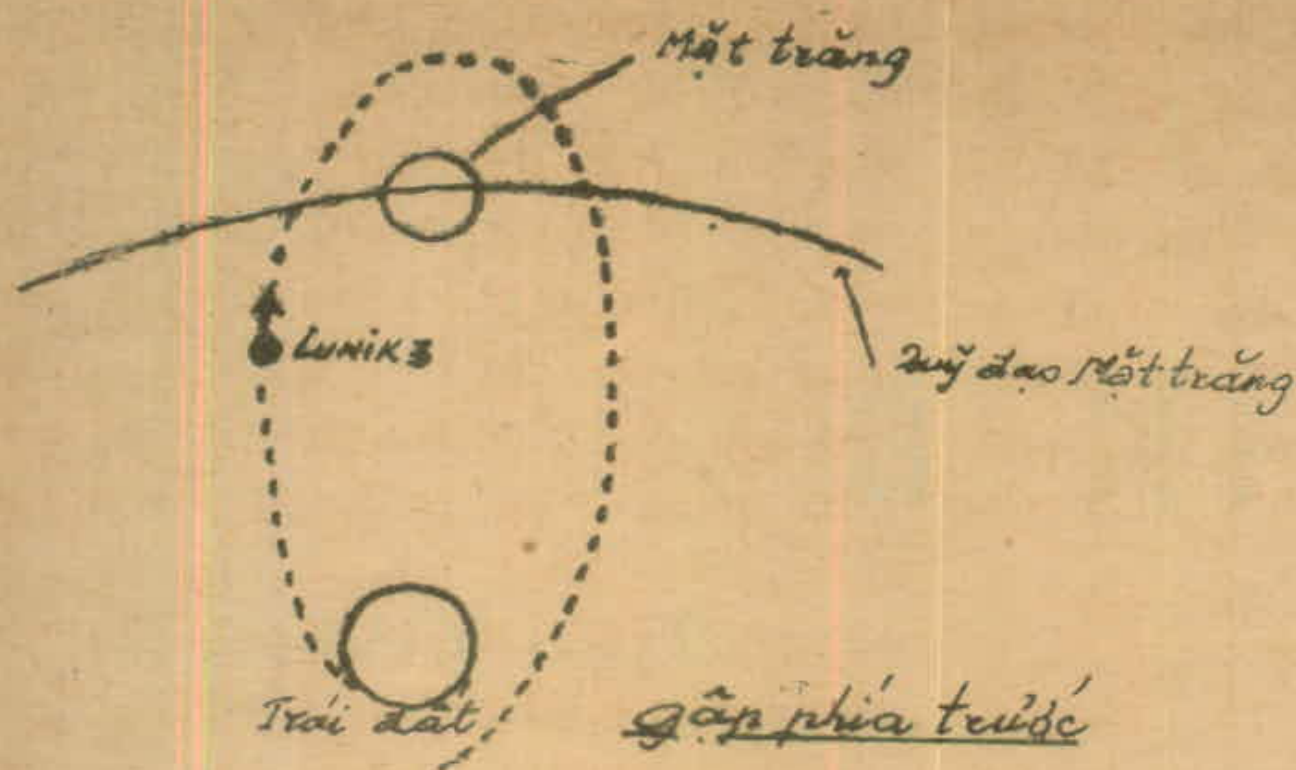
Giờ phóng hỏa-tiên này không được chính-thức công-bố. Ta chỉ biết rằng hỏa-tiên bay tới điểm gần mặt trăng nhất vào lúc 15 giờ 20 ngày thứ ba 6/10/1959. Để khỏi bị mặt trăng hút như Lunik II, Lunik III phải có một tốc độ giới hạn thích hợp ở điểm này vào khoảng 1km 300 mỗi giây đồng hồ. Bằng chứng vào tốc độ đó, ta ước lượng cuộc hành-trình của hỏa-tiên lâu chừng sáu mươi giờ, nghĩa là hỏa-tiên vũ-trụ thứ ba đã phóng từ đất Nga vào khoảng hai giờ sáng ngày chủ-nhật. Thế mà mãi 8 giờ 30 sáng thế-giới mới hay tin. Sự cố ý loan

báo chậm này lẽ dĩ nhiên là có lý do, nhưng ta không tiện bàn ở đây vì nó đã ra ngoài phạm-vi khoa-học.

Quỹ - đạo của trạm nghiên - cứu tự - động giữa các hành - tinh cũng không được chính - thức công - bố một cách khoa-học. Ta chỉ được biết sơ qua là Lunik III sẽ đi gần mặt trăng khoảng 10.000km và vòng quanh sau vị hành-tinh này rồi trở về gần trái đất chừng 2000km. Điều đó cho phép ta dự đoán được rằng tốc độ của hỏa-tiên lúc khởi hành nhỏ hơn tốc độ giải phóng sức hút một ít. Theo sự tính toán của các nhà thiên-văn-học, tốc độ của tên lửa từ trái đất phải là 11km 1 mỗi giây đồng hồ.

Những dữ-kiện thu lượm được về cuộc thí-nghiệm Lunik III không được chính xác lắm, làm cho các giới khảo-sát đề đạt lên nhiều giả

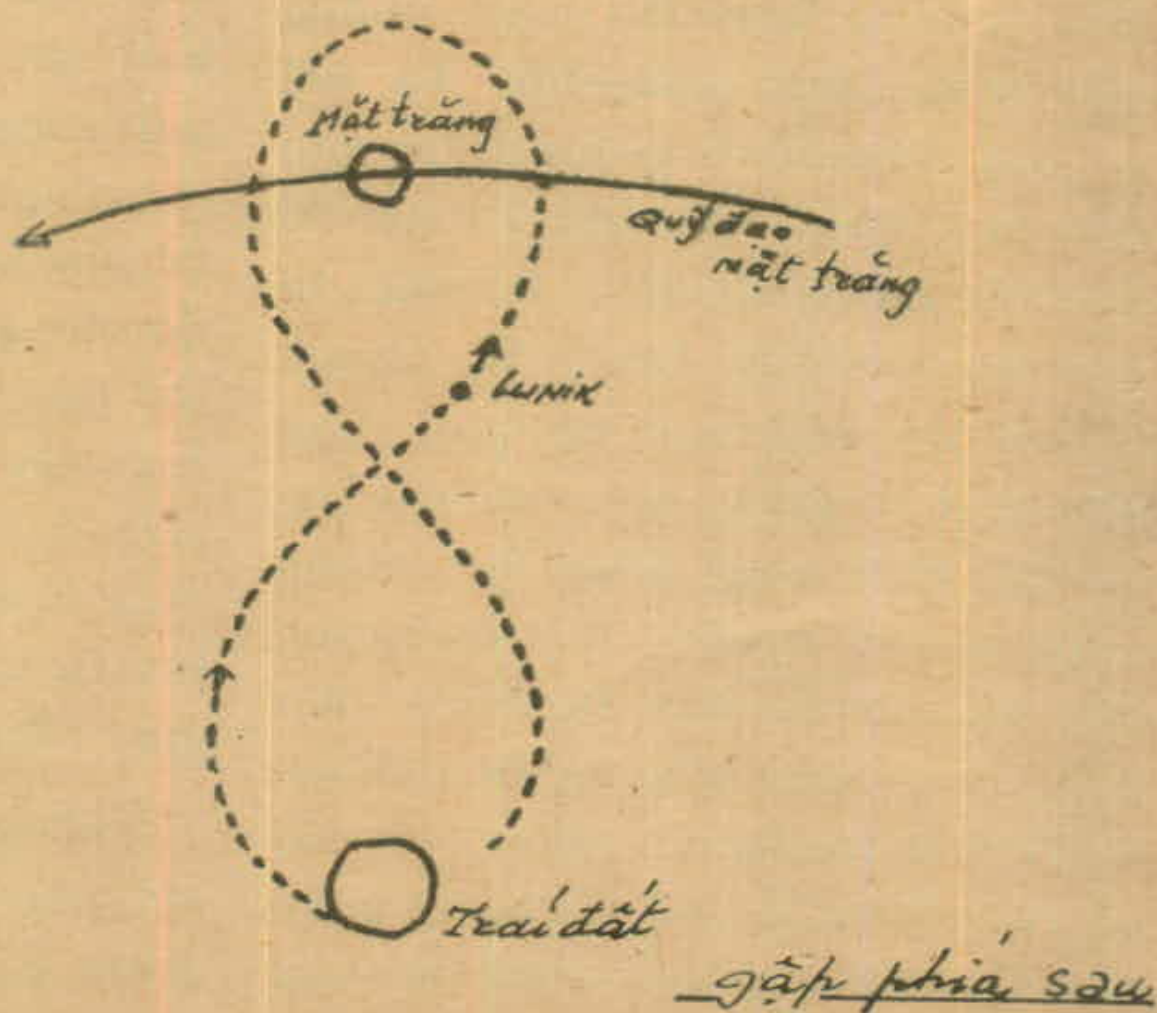
LUNIK III



trời như Lunik I. Còn nếu tốc độ hơi yếu ở một điểm tương đối gần quá thì sẽ bị rơi vào mặt trăng dưới sức hút như trường hợp Lunik II. Nhưng nếu tốc độ quá yếu thì sẽ không vượt nổi sức hút trái đất mà biến thành vệ-tinh của địa - cầu như Spoutnik.

thiết. Theo ý-kiến của một số người, hỏa-tiên vũ-trụ thứ ba chỉ chịu sức hút của trái đất, mặt trăng và mặt trời mà thôi. Muốn đi được vòng sau mặt trăng, Lunik III phải có một tốc độ giới hạn thích hợp ở một điểm thật xác định cách xa mặt trăng là bao nhiêu đó thì mới có thể bắt đầu lượn theo quỹ-đạo hình lưỡi liềm hay hình quai nón đã dự đoán. Thỏa mãn được hai điều kiện trên cùng một lúc là cả một công-trình đầy gai góc của cuộc thử thách. Thật vậy nếu tốc độ nhanh quá ở một điểm hơi xa mặt trăng thì sẽ đi vụt thẳng mà thành vệ-tinh của mặt

Xem vậy Lunik I, II, III ở ba trường hợp khác nhau. Lunik I không chịu chuyển động theo ý muốn của các nhà bác-học Nga là vì tốc độ lúc khởi hành không được



thích hợp. Họ nhận thấy tốc độ hơi nhanh quá khi Lunik I đã đi được một nửa đường. Nhờ có kinh-nghiệm ấy thành thử việc phóng Lunik II được tương đối dễ dàng hơn và giúp ích rất nhiều kinh-nghiệm quý báu cho Lunik III thành công.

Hỏa-tiên này sẽ gặp đường quỹ-đạo mặt trăng ở phía trước hay phía sau (xem hình vẽ).

Trong trường hợp trên, vi-tơ tốc độ Lunik III có thể đối chiều với vi-tơ tốc độ mặt trăng. Ở trường hợp dưới, hai vi-tơ tốc độ sẽ có thể cùng chiều nhưng quỹ-đạo của Lunik III có thể có điểm uốn.

Đối với một số người khác, muốn được hoàn hảo như ý, phải sửa đổi đôi chút quỹ-đạo của Lunik, III bằng một phương tiện thích hợp thí dụ : làm hơi nén tự - động phun ra. Quan-niệm này thiết-lập phỏng theo lời tuyên-bố của các nhà bác-học Nga rằng : trạm nghiên - cứu tự-động nặng 278kg5 chứa nhiều máy móc có thể sai khiến được từ xa bằng vô tuyến điện. Như vậy ta có thể nghĩ rằng tới một lúc nào đó, vật bay sẽ bị kìm chậm lại, để sức hút của mặt trăng đủ làm cho quỹ-đạo Lunik III queo về phía trái đất. Còn cho rằng tăng cường-độ gia-tốc để bắt rẽ về phía địa-cầu thì khó mà

tưởng tượng được, nhất là Lunik III đã đi được phân nửa đường quỹ-đạo hình bầu dục. Sự thật vừa giản dị vừa phức tạp hơn nhiều. Thật vậy, Lunik III chỉ không hoàn-toàn theo quỹ-đạo dự tính trước của các nhà bác-học Nga mà thôi. Vị trí của mặt trăng và Lunik III do hằng thông-tấn Tass công-bố chứng tỏ rằng hai vật chuyển động này đã giao nhau (chứ không phải là chạm nhau). Lẽ tự nhiên quỹ-đạo của vật chuyển động nhỏ bị sức hút của vật chuyển động lớn làm thay đổi. Song vì không biết rõ ràng quỹ-đạo của hỏa-tiên trước khi giao nhau với mặt trăng, thành thử khó mà ước lượng được rằng bị thay đổi nhiều hay ít.

Ta thử xem Lunik III đã vòng sau mặt trăng ra sao ? Theo các nguồn tin chính-thức hỏa-tiên đã tiến tới gần ngang mực với mặt trăng về phía đằng trước và ở dưới một chút. Hai vật chuyển động cách xa nhau 7000 km, gần hơn là khoảng cách đã được công bố. Vì đường chiều vi-tơ tốc độ Lunik III trên quỹ đạo mặt trăng đối chiều với vi-tơ tốc độ của-hành tinh này mà Lunik III đi được về phía mặt sau chưa biết của mặt trăng ; song vì ảnh hưởng sức hút nên Lunik III bị dạt về phía Bắc.

Ngày 6-10-1959 hồi 18 giờ, theo nguồn tin của hãng thông tấn Tass, ta có thể tưởng-tượng Lunik III ở trên đường quỹ đạo trực với mặt phẳng của quỹ đạo mặt trăng. Hai vật cách nhau chừng 15 000 km. Xem vậy, thật tình ra Lunik III không vòng được sau mặt trăng một cách hoàn-toàn, mà chỉ bèn băng tới mặt sau và thoáng trông thấy bán cầu nam, vì tốc độ không đủ mạnh để chống lại với sức hút nên quỹ-đạo bị vát đi một chút.

Máy ảnh tự động trong trạm nghiên-cứu chỉ chụp được tấm hình biến dạng của một phần mặt sau mà thôi. Hãng Tass chỉ công bố có máy ảnh tự-động trong trạm nghiên cứu giữa hành tinh khi Lunik III về gần tới trái đất. Tại sao không tuyên bố cùng một lúc với Lunik? Phải chăng là các nhà bác học Nga muốn được chắc chắn rằng sự vô-tuyến chụp hình đặc lực rồi hãy công bố để khỏi mang tiếng thất bại. (Trong lĩnh vực điện tử và vô tuyến điện, từ trước tới nay kỹ-thuật của Nga bị coi như là còn kém Mỹ).

Dù sự chụp hình không được hoàn-toàn như ý muốn, Lunik III cũng đã ở chung quanh mặt trăng đủ lâu để thu lượm những nhận xét về từ-trường, đai bức

xạ và lớp khí i-ông hóa v.v..., để góp thêm vào kho tàng kiến thức khoa-học những tài liệu quý báu. Tiếc đây chúng tôi tưởng cũng nên nhắc lại hỏa tiễn vũ-trụ thứ hai, trước khi rơi vào mặt trăng cũng đã truyền cho ta những dữ-kiện chứng tỏ rằng vùng mặt trăng từ-trường rất yếu và không có những đai bức-xạ như chung quanh trái đất, nhưng có một tầng khí i-ông hóa làm ta có thể liên-tưởng đến sự hiện diện của một « Trường », tuy nhiên cường độ cũng không quan trọng lắm.

Theo ý kiến của một nhà chuyên môn Nga, ta có thể bằng cứ vào quỹ đạo mà Lunik III đã vạch ra ở gần mặt trăng để suy luận ra nhiều kiến-thức về hình thể vệ-tinh này. Trong khi du hành trong không gian, vật bay sẽ dần dần thoát khỏi vùng mà ảnh-hưởng sức hút của mặt trăng chiếm phần ưu-tiên. Ta có thể tạm công nhận rằng, trong khoảng thời gian đó, vật bay đã vạch một ngành hình lưỡi liềm rồi quỹ đạo sẽ trở thành hình bầu dục như cũ, trước khi lại rơi vào vùng ảnh-hưởng sức hút mặt trăng và rồi cứ tuần tự như thế mãi cho đến khi bị triệt-liêu hẳn (đụng chạm với văn-thạch chẳng hạn).

Khi hành trình như vậy, tốc độ của hỏa-tiên luôn luôn thay đổi.

Thí dụ ngày thứ bảy 10-10-1959, ngày mà vật bay ở xa trái đất nhất, tốc độ là 0km4 mỗi giây đồng hồ. Còn ngày 18-10-1959 vào lúc 17 giờ 20 vật bay ở gần ta nhất thì tốc độ nhanh gấp mười lần hơn lên. Theo nguồn tin chính thức mới nhận được, quỹ đạo của Lunik III xấp xỉ trục với mặt phẳng quỹ đạo mặt trăng. Như thế nếu dựa vào dữ kiện đó mà suy ra thì trạm nghiên cứu tự động sẽ không thể tới gần mặt trăng trong lúc này. Theo một nhà thiên văn học người Nga thì đến khoảng năm 1967 Lunik III mới có thể lại gần mặt trăng độ 10.000 km. Trong khoảng thời gian từ đây đến đó, những nhiễu loạn gì sẽ làm thay đổi được quỹ-đạo của hỏa-tiên, khó mà có thể biết trước được.

Còn về các máy móc trong trạm nghiên cứu tự-động nhất là máy phát vô-tuyến-điện hồi đầu ta không biết xác thực đến bao giờ thì ngừng chạy. Muốn được bền bỉ các nhà kỹ-thuật Nga chỉ cho chạy mỗi ngày hai giờ và chỉ chạy khi lệnh truyền từ quả đất lên bắt phải chuyển về những kết quả thu lượm được.

Thành công trong việc sai khiến bằng vô tuyến điện ở một khoảng xa gần nửa triệu cây số, kể cũng là

một kỷ lục vẻ vang trong lịch sử kỹ-thuật vậy. Kỷ lục thứ hai rất đáng phục là sự chính xác. Thật vậy muốn cho Lunik III trở về trái đất như ta đã nói ở trên, phải tìm tốc độ cho thích hợp. Như vậy cuộc hành trình sẽ lâu hơn và do đó sự chọn tốc độ khi bắn từ trái đất lại càng phức tạp thêm. Ngay như nhằm bắn hỏa-tiên vào lúc mặt trăng gần ta nhất cũng phải kiểm điểm tốc-độ thật kỹ càng từng ly từng tí và phải hiểu biết vấn-đề du-hành trong vũ-trụ của một vật thật là chu đáo mới không bị những thất bại bất ngờ.

Ta nhiều khi tự hỏi, liệu cuộc thí nghiệm đã phát triển đúng như là dự-ước của người Nga hay không? Thực hư chỉ có trời biết. Thật vậy khó mà có thể tin được rằng họ đã chọn một quỹ đạo thích hợp từ bảy giờ đề cho Lunik III và mặt trăng được gần nhau cách đây những hàng mấy năm.

Dù sao sự thật cũng đáng khám phục, lần đầu tiên loài người đã gián tiếp du hành từ mặt trăng tới trái đất đi đi về về và chụp được hình diện chưa biết của chi Hằng.

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

Địa chỉ : 40-48 đường Ngô-đức-Kế Saigon

Địa chỉ mới kể từ ngày 1-7-59 :

gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)

và đường De Lattre de Tassigny

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Vietnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

VÀI XU-HƯỚNG TRONG ÂM-NHẠC ÂU, MỸ CẬN-ĐẠI



TRẦN-VĂN-KHÊ

CHÚNG tôi không thể, trong phạm-vi một bài báo, nói qua tất cả các phong-trào âm-nhạc Âu, Mỹ trong thời-kỳ cận-đại. Có rất nhiều vấn-đề phức-tạp. Và nếu nói chung đến âm-nhạc, thì phải đề-cập đến nhạc sân-khấu, nhạc giao-hưởng, phòng nhạc, nhạc khiêu-vũ, bài hát mới. Chúng tôi không có đủ tài-liệu về các loại nhạc cũng như, về các nhạc-sĩ, nhạc-sư, nhạc-trưởng, nhạc-công ở các nơi.

Chúng tôi chỉ muốn nói đến vài xu-hướng đặc-biệt trong âm-nhạc Âu, Mỹ cận-đại, chữ âm nhạc ở đây dùng với nghĩa hẹp của nó, không phải bao gồm tất cả loại nhạc; âm-nhạc đây chỉ là một lối nhạc có hệ thống, có qui-cử, do các nhạc-sĩ, nhạc-sư sáng-tác trong thời-kỳ cận-đại. Chúng tôi không dùng danh-từ nhạc cổ-điển (musique classique) vì trong âm-nhạc-sử có một giai-đoạn gọi là giai-đoạn cổ-điển. Lối nhạc cổ-điển

có những đặc-tính mà nhạc cận-đại không còn giữ, cũng như nhạc cận-đại có nhiều đặc-tính mới mà chúng ta không tìm thấy trong nhạc cổ-điển. Nếu dùng danh-từ âm-nhạc cổ-điển (*musique classique*) để chỉ tất cả các lối nhạc từ Johann Sebastian Bach (Yô-Han Xê-ba-Xian Ba-Kh') đến ngày nay, thì có thể bị lẫn lộn các phái, các giai-đoạn. Bên này, người ta thường gọi là « *grande musique* » (đại-nhạc) lối nhạc mà chúng tôi định nói đến trong bài này, lối nhạc do các nhạc-sĩ, nhạc-sư sáng-lạc theo những qui-cũ, phương-pháp dạy trong các trường nhạc hoặc do các bậc ấy chế định ra. Muốn thấy rõ những điểm khác nhau giữa nhạc Âu, Mỹ cận-đại và nhạc Âu, Mỹ ngày xưa, chúng tôi tưởng cần xem qua một cách sơ-lược sự biến-chuyển của âm-nhạc Âu, Mỹ từ Trung-cổ đến ngày nay.



Âm-nhạc Âu, Mỹ bắt nguồn từ âm-nhạc Cổ Hi-lạp. Từ thế-kỷ thứ VI (thứ V) trước Tây-lịch, những nhà triết-học Hi-lạp Pythagore (Pi-Ta-Go-Rơ : 580-500 trước Tây-lịch) Platon (Pô-La-Tông : 429-347 trước Tây-lịch), Soerate (Xô-Cô-Ra-Tô : 470 — 399 trước Tây-lịch) Aristote (A-Ri-Vơ-Tô-Tô 384-322 trước Tây-lịch) đã viết nhiều đoạn biện về âm-nhạc mấy « *modes* » (mà chúng tôi tạm-dịch là *điệu*) được các nhạc-sĩ thời ấy áp-dụng thường là điệu *dorien* (đô-riêng) *mí-ré-do-si — la-sol-fa-mi* điệu *phrygien* (phờ-ri-giêng) *re-do-si-la — sol-fa-mi-ré* điệu *ly dien* (li-điêng) *do-si-la-sol — fa-mi-ré-do* (1).

(1) Sau này, vào thế-kỷ thứ VI, một triết-lý-gia La-Mã tên là Boèce (Bô-E-Xơ) lại cho rằng điệu *dorien* (đô-riêng) là điệu *ré-do-si-la — sol-fa-mi-ré*.

Rồi từ đó đến sau, nhiều nhà triết-học, nhạc-sĩ đề-cập đến các vấn-đề *điệu* và *âm-giai*, nhưng mỗi người lại dùng các danh-từ *dorien*, *phrygien*, một cách khác, nên người học-giả hiện giờ phải rối trí vì mấy chục bản kê danh-sách các *điệu* với những *âm-giai* khác nhau. (2) Đến sau, vào thế-kỷ thứ IV, thánh Ambroise (Ăng-Rô-Ro-Zơ) và vào thế-kỷ thứ IV Đức-giáo-hoàng Grégoire (Gờ-Rê-Goa) dựa theo các điệu Hi-Lạp mà chế ra các giọng của nhà thờ (*tons d'église*, hay là *tons ecclésiastiques*).

Đến thời-kỷ Trung-cổ, các nhạc-sĩ cũng dựa vào các điệu cổ-nhạc Hi-Lạp và các giáo-đường mà sáng-lạc nhạc giáo-đường (*musique religieuse*) hoặc tục-nhạc (*musique profane*). Thuở ấy, tùy theo bản nhạc chấm dứt bằng giọng *đô*, giọng *ré* mà nhạc-sĩ liệt bản-nhạc ấy vào điệu *đô* hay điệu *ré*.

Đặc-điểm của nhạc thời ấy là điệu (mode) vào lúc cuối thời Trung-cổ (3), chỉ có điệu đô, được gọi là tonalité (thể) (4). Còn các điệu khác đều mang tên là điệu.

(2) Giáo-sư Jacques Chailley (Jắc-Sai-Ê) đã so-sánh trong một niên-khoá tất cả các bảng-kê danh-sách ấy, (có hơn 30 bản khác nhau).

(3) Trung-cổ thời-đại, theo sử Âu-châu, bắt đầu từ lúc đế-quốc La-Mã bị chia xẻ (năm 395 sau Tây-lịch) đến lúc thành Constantinople (Cộng-xơ-tăng-ti-nôp-lơ) bị quân Thổ-Nhĩ-Kỳ chiếm (năm 1453 sau Tây-lịch). Nhưng đây, chúng tôi nói đến lúc cuối thời Trung-cổ.

(4) Chúng tôi tóm gọi *tonalité* là *thể* như Tống-Ngọc-Hạp vì chúng tôi chưa tìm ra một danh-từ khác xác đáng hơn. Và lại lập một tự-vựng hay một bản danh-từ âm-nhạc là công việc sau này của một ủy-ban, sau khi thảo-luận. So-sánh, đối chiếu các danh-từ khác nhau do các nhạc-sĩ đề-nghị.

Mà *thề* (tonalité) là gì ? *Thề* trong âm-nhạc có nghĩa là một sự nhận-thức tự-nhiên về thứ bậc của các âm-thanh. Do sự nhận-thức ấy, chúng ta có cảm-giác rằng các âm-thanh dùng để viết nhạc đều có một địa-vị nhất-định đối với một âm-thanh căn-bản gọi là *nguyên-âm* (tonique). Có vài âm-thanh quan-hệ hơn các âm khác. Thí dụ trong *thề do*, âm *do* là nguyên-âm. *Sol* là *át-âm*. *At-âm* quan-hệ hơn âm *fa* là *hạ-át-âm*.

Quan-niệm về *thề* càng ngày càng ăn sâu vào tâm-trí của các nhạc-sĩ và từ giai-đoạn *cổ-diễn* đến lúc cuối thế-kỷ thứ XIX, nhạc Âu, Mỹ đều căn-cứ vào *thề* (tonalité) Một bản nhạc phải bắt đầu và kết-thúc bằng một *thề* nhất-định trước. Thí-dụ như *Giao-hưởng-khúc số 6* của Beethoven (Bết-Hô-Fân) bắt đầu và kết-thúc bằng *thề fa*. Trong bài, nhạc-sĩ có thể chuyển cung, chuyển *thề* để thay đổi màu sắc và âm-điệu nhưng trong mấy đoạn kết cũng phải trở về *thề* dùng để mở đầu bản-nhạc. Rồi thì âm-nhạc Âu, Mỹ trải qua các giai đoạn :

1) Giai-đoạn *tiền cổ-diễn* lúc nhạc đi từ *đơn-âm* đến *đa-âm* (polyphonie) với những nhạc-sĩ danh tiếng như nhạc-sĩ Pháp. *Pérotin* (Pê-Rô-Tanh) vào đầu thế-kỷ thứ XIII, nhạc-sĩ Pháp *Guillaume de Machaut* (Ghi - Ô - Mơ Đơ Ma - Sô : lối 1300 — 1377 ?) Nhạc - sĩ Ý *Francesco Landini* (Fờ-Răng-Sê-Xơ-Cô Lăn-Đi-Ni : 1325 — 1397), nhạc-sĩ Pháp *Guillaume Dufay* (Ghi-Ô-Mơ Duy-Fây) lối 1400-1474) nhạc-sĩ *Josquin des Prés* (Jô-Xơ-Canh Đề-lờ-Rê : 1455 (?) — 1521) mà các nước Pháp, Ý, Đức đều nhận là của mình ; bắt đầu thế-kỷ thứ XVI, nhạc đa-âm cực-thịnh với các nhạc-sĩ Pháp *Clément Janequin* (Cờ-Lê-Măng Ja - Nơ - Canh :

1495 — 1560 (?)). *Claude de le Jeune* (Cờ-Lô-Đôn Lơ-Jơ-Nơ : 1530-1600 ?) ; *Roland de Lassus* (Rô-Lăng Đờ-La-Xu-Xơ 1530?— 1594, nhạc-sĩ Ý *Palestrina* (Pa-Lê-Xơ-Tờ Ri-Na. Sinh năm 1524 (?) — 1526 (?)— quá vãng năm 1594) (1). Trong giai-đoạn ấy, các nhạc-sĩ viết những bài hát *đa-âm* cho thể-tục hay cho giáo-đường và dùng khoa *đối-diểm* (contre point).

2) Đến thời - kỳ *cổ - diễn* (thế - kỷ thứ XVII và XVIII), trong loại ca-kịch, có nhạc-sĩ Ý Monteverdi (Môn-Tê-Ve-Rơ-Đi 1567 - 1643), nhà nhạc - sĩ J.B. Lulli (Luy-Li 1632 - 1687 sinh tại Ý, sống tại Pháp từ khi lên 15), nhạc - sĩ Đức H. Shutz (Shuyt-Zơ : 1585-1672) nhạc-sĩ Pháp J. P. Rameau (Ra-Mô 1683-1764) nhạc-sĩ Đức Ch. W. Gluck (Gờ-Luc-Cờ 1714 — 1787) nhạc-sĩ Áo W. A. Mozart (Mô-Txat'-Tô) 1756-1791).

— Trong loại nhạc giáo-đường (musique religieuse), nhạc-sĩ Ý Monteverdi A. Scarlatti (Xô-Ca-Rơ-Cat-Ti : 1659-1725), nhạc-sĩ Đức H. Shutz, nhạc-sĩ Pháp J. P. Rameau (Ra-Mô).

Trong loại đàn phong - cầm (orgue) nhạc-sĩ Ý G. Frescobaldi (Fờ-Rê-Sơ-Cô-Ban-Đi : 1583-1643) nhạc-sĩ Pháp François Conperin (Fờ-Răng-Xoa Cu-Pro-Ranh 1668-1733).

Trong loại nhạc-khí (musique instrumentale) Ngoài các nhạc-sĩ kể trên có nhạc-sĩ Pháp F.I. Gossec (Gô-Sách 1734-1829) nhạc-sĩ Ý A. Corelli (Cờ-Rê-Li 1653-1713). A. Vivaldi (Vi-Van-Đi : 1678-1743).

(1) Trong nhạc-giới, người ta biết tên ông Palestrina. Tên thật của ông là Giovanni Pierluigi (Giô-Van-Ni Pi-Êc-Luy-Ghi).

Trong giai-đoạn cổ-diễn có 4 nhạc-sĩ trội hơn cả các nhạc-sĩ thời ấy là :

G. F. Haendel (Hăn-Đơ-E : 1685-1759)

J. S. Bach (Ba-Khơ : 1685-1750)

J. Haydn (Hai-Đơn : 1732-1809)

W. A. Mozart (Mô-Txat' : 1756-1791)

3) Giữa giai-đoạn cổ-nhạc và giai-đoạn lãng-mạn (thế-kỷ thứ XIX) có nhạc-sĩ Đức L. V. Beethoven (Bết-Hô-Fann 1770-1827) một nhạc-sĩ chịu ảnh-hưởng cổ-diễn nhưng đã gieo mầm lãng-mạn.

Không thể, trong phạm-vi một bài báo nêu các đặc-tính của mỗi giai-đoạn. Nhưng đại-đề nhạc cổ-diễn có một hình-thức chặt-chẽ, một khuôn-khổ nhất-định. Còn nhạc câu-phương, cách hòa-âm và đối-diểm ít ra ngoài các hoàn-toàn hợp-âm (accord parfait), cách kết-cấu dùng nhạc - đề (thème) rồi viết biến khúc (variations) cho các nhạc-đề.

Đến thời-kỳ Beethoven, thì trong phần hòa-âm có những hợp-âm thứ 9 (accord de neuvième) trong khi nhạc-sĩ Mozart dùng hợp - thanh thứ 7 (accord de septième) một cách e-dè (1). Về hình-thức nhạc đi đến loại nhạc có chương-trình (musique à programme) như giao-hưởng-khúc số 6 của Beethoven có nhiều đoạn tả cảnh : cảnh bờ suối, cảnh ngày hội trong thôn-dã, cảnh sấm-sét bão-bùng v.v...

4) Qua giai-đoạn lãng-mạn với các nhạc-sĩ Đức hoặc Áo : K. M. Von Weber (Vê-bơ : 1786 — 1826) và F. Schubert (Su-bơ-tơ 1797 — 1828) R. Schumann

(Su-man : 1810 — 1856) F. Mendelssohn (Men-đel-zôn : 1809 — 1847) và 3 nhạc-sĩ A. Berlioz (Bec-li-ô-zơ : 1803—1869) Pháp.

F. Chopin (Sô-panh 1810 — 1849) Ba-Lan và F. Listz (Li-zơ-tơ : 1811—1886) Hung-Gia-Lợi.

Và trong loại nhạc-kịch, có R. Wagner (Va-gơ-ne : 1813 — 1883). Nhạc phóng-khoảng, tả tình, tả cảnh hơn là cấu tạo theo nhạc-đề. Cách hòa-âm, đối-diểm dạn-dĩ hơn trước. Nhạc tuy còn theo lối *thề* (tonal) nhưng đã bắt đầu ra ngoài khuôn-khổ cổ-diễn.

5) Đến cuối thế-kỷ thứ XIX, bắt đầu thế-kỷ XX) các nhạc-sĩ Pháp và nhạc-sĩ Nga nổi tiếng hơn cả các nhạc-sĩ Đức-Ý.

Không thể kể tên tất cả các nhạc-sĩ Pháp danh tiếng vào giai-đoạn *hậu lãng-mạn*. Chúng tôi chỉ nhắc tên đến hai nhạc-sĩ Pháp danh tiếng nhất là Claude Debussy (Cờ - Lô-Đơ Đề-Buy-Xi : 1862-1918) và Maurice Ravel (Mô-Ri-Xơ Ravel 1875-1937). Hai nhạc-sĩ này đi xa hẳn các phương-pháp hòa - âm cổ-diễn, muốn bỏ lối *thề* để trở về *diệu*, và dùng những âm-giai lạ như âm-giai toàn cung (gamme par tons), âm-giai Trung-Hoa v.v... Đồng thời âm-giai Nga, tuy đã được phát-triển trong nước từ trước dưới ba hình-thức dân-ca, nhạc giáo-đường và đại-ca-kịch theo lối Ý, nhưng ít được ngoại-quốc biết đến. Từ thế-kỷ XIX, nhạc-sĩ Glinka (Gờ-Linh-Ca 1804-1857) và nhất là vài khoản 1856-1862 có nhóm 5 nhạc-sĩ Balakirev (Ba-La-Ki-Ref : 1837-1910. Cui (Kuy) 1835-1918) Moussorgsky (Mu-Xoọc-Xơ-Ki : 1839-1881) Rimsky-Korsakov (Rim-Xơ-Ki Coọc-Xa-Côf : 1844-1904) và Borodine (Bô-Rô-Đi-Nơ : 1834-1887) và nhạc-sĩ Tchaikowsky (Trai-Kôf-

(1) Xin các độc-giả thứ lỗi vì mấy chi-tiết về nhạc-thuật có thể cần ích cho người học nhạc, nên chúng tôi bắt buộc phải nêu ra.

Xơ-Ki : 1840-1893) làm cho ngoại-quốc đề ý đến nhạc Nga thời ấy, một lối nhạc đượm màu-sắc dân-ca, một lối nhạc có chương-trình (*musique à programme*) hoặc loại ca-kịch mà tuyệt-nhiên không có những sáng-tác theo phương-pháp cổ-diễn như loại *sonate* (xô-nát : mô-phạm-khúc).

Dầu trải qua nhiều giai-đoạn, nhạc Âu, Mỹ sau thời-kỷ *diệu* (*modal*) đến thời-kỷ *thể* (*tonal*) và còn theo lối *thể* cho đến khi nhạc-sĩ A. Choen berg (Sơn Beec, người nước Áo : 1874-1951) trong các sáng-tác đã phá lối *thể* (*tonal*) ngày xưa, gieo mầm cho lối nhạc *vô-thể* (*atonal*) và lối nhạc thập-nhị thanh (*do-décaphonisme* và *bộ-môn-nhạc* (*musique sérielle*)).

Trước nhạc-sĩ Schoenberg, (Sơn-Beec) đã có Wagner (Va-Gơ-Nơ) Debussy (Đề-Buyt-Xi) và đồng thời với Schoenberg cũng có Strawinsky (Xơ-To-Ra-Vin-Xơ-Ki), muốn tìm một nhạc-pháp mới. Như Wagner về phép cấu-tạo nhạc kịch, muốn ra ngoài khuôn-khố nhạc-kịch Đức, Ý, và nói rõ quan-niệm của mình về kịch, trong quyển *Nhạc-kịch và kịch* (*Opéra et drame*, 1850 - 1851). Trong phép viết nhạc, Wagner chỉ mới nhất trong cách dùng nhạc-khí ; — giàn nhạc có khi gồm 134 nhạc-khí và có rất nhiều kèn đồng — và cách hòa-âm. Debussy cũng mới trong cách dùng âm-giai (*gamme*) *la*, hoặc cách hòa-âm không theo lẽ lối cũ, nhưng Wagner hay Debussy vẫn còn trong lối *thể* (*tonal*).

Strawinsky (Xơ-To-Ra-Vin-Xơ-Ki sinh năm 1882.) với nhạc-phẩm *Le sacre du printemps* (Lễ dâng quang mùa xuân, 1913) đem sự mới lạ trong cách dùng

tiết-tấu (*rythme*). Màu sắc giàn nhạc cũng được đổi mới đến người quen nghe nhạc cổ-diễn hoặc nhạc giai-đoạn lãng-mạn phải ngạc-nhiên. Nhưng theo giáo-sư Olivier Messiaen (Ô-Li-Viê Mê-Xi-Âng) thì sau khi phân-tách nhạc-phẩm của Strawinsky, có nhiều « nhân-vật tiết-tấu » (*personnages rythmiques*) xuất-hiện. Những nhân-vật ấy biến-chuyển như những con người sống. Sau này, nhạc-sĩ Pháp Pierre Boulez (Pi-E-Rơ Bu-Lê-Zơ) cũng nhấn-mạnh vào đặc-điểm đó. *Tiết-tấu* (*Le rythme*) như những tế-bào (*cellule*) có liên-hệ với nhau để cấu-tạo một nhạc-phẩm trong ấy nhạc-khúc (*mélodie*) và tiết-tấu (*rythme*) đều được đề-cao, mà nhất là tiết-tấu. Trong nhạc-phẩm *Les nocces* (Hôn-lễ) tiết-tấu cũng là yếu-tố chánh.

Phải đợi đến thời-kỷ nhạc-sĩ Schoenberg (Sơn-Beec) âm-nhạc Âu, Mỹ cận-đại mới chuyển - hướng một cách rõ - rệt, Schoenberg : sinh tại Vienne (Viên) ngày 13 tháng 9 năm 1874, mồ - côi từ lúc lên 8, bắt-đầu học vĩ-cầm từ năm lên 12 và tự - học sáng - tác nhạc. Để sanh sống Schoenberg, làm thơ-ký trong ngân-hàng và sau đến Bá-Linh (Berlin) điều-khiển giàn tạp - nhạc (*musique de variétés*) và tiểu-ca-kịch. Lúc đầu, đến năm 1905, Schoenberg theo truyền-thống cũ. Nhưng đến năm 1912, Schoenberg sáng-tác *Pierrot lunaire* op-21 (*Pierrot của mặt trăng*, số tác - phẩm 21) một bi - kịch với giọng nói lối (*déclamation mélodique*) và giàn nhạc nhỏ, lối nhạc *vô-thể* (*atonal*) đã bắt đầu được khai-sinh. Không ai có thể tìm được một *nguyên-âm* (*tonique*) hay một *âm-át* (*dominante*). Tiếp theo lối *vô-thể*, Schoenberg đề-xướng gam 12 âm. Từ trước, trong một âm-giai có những

âm chính như *nguyên-âm*, *âm-út*, và những âm - phụ. Trong gam 12 âm của Schoenberg, mỗi thanh đều có giá-trị bằng nhau, không có thanh nào giữ địa-vị nguyên-âm cả. Rồi nhạc-sĩ ghép 12 âm ấy vào một môn (*série*), muốn ghép thế nào cũng được. Chính lúc lựa thứ-tự cho 12 âm ấy là nhạc-sĩ bắt-đầu công việc sáng-tác. Mười hai âm được lựa thành một môn. Phải nghe tất cả 12 âm ấy theo thứ tự rồi mới nghe một môn khác. Môn sau này phải theo môn đã lựa trước, nghĩa là thứ-tự các âm không thay-đổi. Có thể dùng cao-độ, trường-độ khác, hoặc tiết-tấu khác hay là đảo-ngược thứ-tự âm-thanh, thí-dụ như 12 âm-thanh dùng trong nhạc-đề đánh số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, thì trong môn sau nhạc-sĩ có thể dùng 12, 11, 10, 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2, 1. Trong bộ môn âm-nhạc (*musique sérielle*) không có âm nào là chủ-âm, nguyên-âm (*tonique*) không âm nào là *át âm* (*dominante*). Nhạc-khúc, tiết-tấu, hòa-âm biến-chuyển liên-liên.

Sau Schoenberg, có hai nhạc-sĩ Áo: Alban Berg (An-Băng-Bec-Gờ: sinh tại Vienne năm 1885) và Anton Webern (An-Tôn-Vê-Bơ-Nơ sinh tại Vienne năm 1883) đều là môn-đệ của Schoenberg và sáng-tác theo lối bộ môn (*série*) và dùng gam 12 âm.

Khắp nơi, nhạc-sĩ đều tỏ ý muốn tìm một cách diễn-tả mới cho âm-nhạc. Nhạc-sĩ Hung-Gia-Lợi *Bela Bartok* (Bê-La Bạt-Tóc: 1881 — 1945) đã quay về *điệu* (*modal*) và viết nhạc vô-thể (*atonal*). Đồng-tời nhạc-sĩ Đức Hindemith (Hin-Đơ-Mit sinh năm 1895) quay về cổ-diễn: « trở về với nhạc-sĩ cổ-diễn Bach » (*retour à Bach*) nhưng dùng gam nửa cung (*chromatiste*) và thay đổi tiết-tấu.

Nhưng về hình-thức và cách hòa-âm còn theo lối cổ-diễn. Vì thế nên người ta gọi xu-hướng Hindemith là xu-hướng «tân cổ-diễn», (*neo-classicisme*), xu-hướng này được nhạc-sĩ Ý Goffredo Petrassi theo. (Gô-Phờ-Rê-Đô Pê-Tô-Ra-Xi sinh năm 1904).

Nhưng chỉ có xu-hướng *vô thể* (*atonal*) thập nhị âm-giai hay là gam 12 âm (*dodécaphonisme*) và bộ-môn âm-nhạc (*musique sérielle*) là được các nhạc-sĩ trẻ tuổi đề ý, nghiên-cứu và áp-dụng. Bên Đức có Hans Werner Henze (Hân-zơ Weec-Nơ Lien-Zơ, 1926) Stockhausen (Stoc-Hao-Zơ 1928), ở Áo có Krenek (Cơ-Rê-Nách 1900). *Apostel* (A-Pô-Xơ-Tê-Lơ sinh năm 1901) ở Thụy-Sĩ có *Frank Martin* (Fờ-Răng-Cơ Mạc-Tanh 1896), ở Bỉ có *André Souris* (Ang-Đờ-Rê Xu-Ri) Pierre Froidebise (Pi-E Rơ Fờ-Roa-Đờ-Bi-Zơ) ở Ý có Dallapiccola (Đa-La-li-Cô-La 1904) bên Pháp có René Leibowitz (Lai-Bô-Vit-Zơ sinh tại Varsovie Ba-Lan năm 1913 sống tại Pháp từ 1925). Pierre Boulez (Pi-E-Re Bu-Lê-Zơ sinh năm 1925) đều theo lối *vô-thể* (*atonal*) hoặc thập-nhị âm-giai (*dodécaphonisme*), mỗi người với một nhạc-thuật riêng nhưng đường lối chung của họ là không dính-dáng với nhạc cổ-diễn về cách sáng-tác, hòa-âm, và dùng nhạc-khí. Người nhạc-sĩ đã thử lối nhạc bộ-môn (*musique sérielle*) và làm chấn-động dư-luận có lẽ là Stravinsky (Xơ-tơ-ra-vin-xơ-ki) trong nhạc-phẩm *Agon* (chữ Hi-Lạp có nghĩa là *Đánh vấp*) một nhạc-phẩm loại vũ-khúc cho 12 vũ-sinh (*Ballet pour 12 danseurs*) trình-bày tại Los-Angeles (Lô-Xơ Ăn-Đơ Lê-Xơ) năm 1957 và tại Ba-Lê mùa đông 1957. Lần đầu Stravinsky dùng lối nhạc bộ-môn và trong số nhạc-sĩ theo xu-

hướng bộ-môn có lẽ Strawinsky là người đã có một đường lối, một bút-pháp riêng mà chịu thử lối nhạc do Schoenberg đề-xướng.

Ngoài ra, bên Pháp còn có nhóm Độc-lập (Indépendants) với các nhạc-sĩ. Jean Martinon (Jăng Mạc-Ti-Nông, 1916) Jean Franaise (Jăng For-Răng-Xe 1912), và trước nữa Marcel Dupré (Mạc-Xen, Duy-Pơ-Rê, 1886) Georges Migot (Joc-Jơ Mi-Gô) Henri Tomasi (Hăng-Ri Tô-Ma-Zi, 1902) Henri Challan (Hăng-Ri Sa-Lăng, 1907) Jony Aubin (Tô-Ni O-Banh, 1907) Jacques Chailley (Jắc-Cơ Sai-E, 1910) Roland Manuel (Rô-Lăng Ma-Nuyên, 1891) v.v... không theo các xu-hướng mới, còn dùng lối nhạc loại *thể* (tonal) nhóm « La jeune France » (nước Pháp trẻ-trung) với bốn nhạc-sĩ Olivier Messiaen (Ô-Li-Vi-ê Mê-Xi-Ang 1908) André Jolivet (Ăng Đơ-Rê Jô-Li-Vê, 1905) Daniel Lesur (Đa-Nien Lơ-Xuya 1908) và Yves Baudrier (I-Vơ Bô-Đơ-Ri-ê, 1906) Mục-dịch của nhóm là sáng-tác nhạc « sống » (musique vivante), về mặt tinh thần thì hơi thiên về tôn-giáo (religieuse), về mặt nhân-loại thì họ muốn viết nhạc thể nào cho người da trắng, da đen, da vàng đều có thể cảm-thông được, về hình-thức thì mỗi người tìm một lối đi. Riêng nhạc-sĩ Messiaen nghiên-cứu khúc-điệu và tiết-tấu của nhạc Ấn-Độ để tìm cách dùng các *điệu* của nhạc Ấn-Độ trong khi sáng-tác nhạc Âu-châu. Các nhóm khác như nhóm Ecole d' Arcueil (trường Arcueil) với các nhạc-sĩ Henri Sauguet (Hăng-Ri Xô-Ghê, 1901), Maxime Jacob (Mặc-Xim Ja-Cốp, 1906), Henry Cliquet Pleyel (Hăng-Ri Cơ-Li-Kê Pơ-Lê-En), Roger Désormière (Rô-Jê Đê-Zơc-Mia 1898), hay là nhóm « Groupe des six » (nhóm 6 người)

với Georges Auric (Jơc-Jơ-Ô-Rich 1899), Louis Durey (Luy Duy-Rê 1888), Arthur Honegger (Ăc-Tuya-Hô-Nê-Ghea 1892 — 1956), Darius Milhaud (Đa-Ri-Uy-Xơ-Mi-Io, 1892), Francis Poulenc (Fơ-Răn-Xi-Xơ Pu-Lanh-Cơ 1899), Germaine Tailleferre (Jêc-Me-Nơ Tai-O'-Fea 1892), đều không có một nhạc-pháp mới hay một xu-hướng mới. Vài nhạc-sĩ trong nhóm đó đề ý đến sự tiến-bộ trong kỹ-thuật mà dùng những nhạc-cụ mới, nhưng cách sáng-tác vẫn theo lối *nhạc-thể* (musique tonale).

Lại có nhóm nhạc-sĩ cấp-tiến (les progressistes) bên Pháp như Serge Nigg (Xeec-Jơ Ni-Gơ). Michel Philippot (Mi-Sen Fi-Li-Po), Louis Durey (Luy Duy-Rê), theo các nguyên-tắc qui-định Đại-hội quốc-tế các nhạc-sĩ, các nhà phê-bình và nghiên-cứu nhạc tại kinh-đô Tiệp-Khắc : *Pra-ha*, năm 1949.

Đại-hội nhận thấy nhạc nghiêm-trang (musique sérieuse) — tức là lối đại-nhạc (grande musique) — bị có tánh cách cá-nhân và chủ-quan trong nội-dung và về hình-thức đi đến chỗ phiền-phức làm cho quần - chúng không thưởng - thức được ; nhạc cho quần-chúng lại đi đến chỗ quá tầm-thường nên Đại-hội đề-nghị.

1.— nhạc nên dùng đề ca-ngợi tình-cảm hoặc ý-tưởng cao-thượng, cấp-tiến của quần-chúng. (Đó là về nội-dung)

2.— nên hướng về màu-sắc dân-tộc.

3.— đề-nghị nhạc-sĩ nên dùng hình-thức các lối bài hát nhỏ, hợp - ca hay « cantate », một loại hợp-ca giáo-đường hay thể-tục.

Các nguyên-tắc ấy do ông Jdanov (Đa-Nôf) đưa ra trong bài diễn-văn đọc trước hơn 70 nhạc-sĩ, nhạc-trưởng, nhạc-sư Nga-sô tại Mạc-Tư-Khoa đầu năm 1948.

Các nhạc-sĩ Nga như Prokofiev (Pô-Nô-Cô-Fi-Êf, 1891 — 1953), Chosta Kovitch (Sô-Xơ-Ta-Cô-Vit-Sơ, 1906) Katchaturian (Cat-Cha-Tu-Ri-An, 1904) đều tán-thành các nguyên-tắc ấy. Prokofiev trong giai-đoạn đầu, mấy lần chuyển-hướng từ cổ-diễn đi đến tân cổ-diễn và nét nhạc cũng như cách hòa-âm có vẻ bạo đến người ta cho rằng nhạc-sĩ thuộc về phái « tương-lai » Nhưng sau này, Prokofiev cũng như các nhạc-sĩ danh tiếng Nga-sô đều theo đường lối « thực-tế xã-hội » (réalisme Socialiste) cũng như các nhạc-sĩ nhóm « cấp-tiến » bên Pháp và các nước xã-hội chủ-nghĩa.

Bên Mỹ, nhạc không có một đường lối nhất định: nhạc-sĩ Charles Ives (Tcha-Lơ Ai-Vơ-Zơ 1874) nghiên-cứu về tiết-tấu (rythme) Vittorio Rietli (Vi-Tô-Ri-Ô Ri-E-Ti (1898) chuyên về nhạc-kịch, Walter Piston (U-An-Tơ Pi-Zơ-Tôn 1894) theo phái cổ-diễn Aaron Copland (A-A-Rôn Cô-Pơ-Len-Đơ 1900) và Babbitt (Ba-Bit) theo phái thập-nhi âm-giai Georg Gerohwin (Djoor-Djơ Gơ-Sơ-Uyn, 1898 — 1937) một nhạc-sĩ được người Mỹ cho là một ngôi sao sáng của họ, danh tiếng nhất trong nhạc-phẩm « *Rhapsodie in blue* » (Nhạc-phẩm đượm màu xanh) « *Concerto en fa, Un Américain à Paris* » (Một người Mỹ tại Ba-Lê) và Duke Ellington (Đi-u-Cơ E-Ling-Tôn 1895) trong giới nhạc jazz, nhưng có sáng-tác một số bài loại giao-hưởng.

Sau hết hiện giờ, có một nhóm gọi là nhạc cụ-thể (musique concrète) do

nhạc-sĩ Pháp P. Schaffer (Sa-Fe) và P. Henry (Hăng-Ri) đề-xướng. Họ thu-thanh những tiếng động như máy bay đâm đầu xuống đất, đàn piano cũ, tiếng tu-hít, tiếng chai bể, tiếng con vù quay, hoặc họ thu một giọng đàn vào máy ghi-âm rồi cho chạy với một tốc-lực khác. Giọng đàn sẽ cao hơn hoặc trầm hơn và thu nhiều tiếng động, tiếng đàn, ráp lại thành một bản nhạc nhạc-ủy gọi là nhạc cụ-thể (musique concrète). « Cụ-thể trong nhạc-liệu, nhưng trừu-tượng trong nội-dung », nhạc-sĩ Messiaen đã nói rất đúng. Hiện giờ, tại đài phát-thanh Pháp, có một phòng thu thanh, nhưng cũng như phòng thí-nghiệm. Chúng tôi đã gặp nhà khảo nhạc Phi-Luật-Tân Macécla, nhạc-sĩ Nhật Shinohara Mako đến đây nghiên-cứu nhạc cụ-thể và khắp các nước khác nhất là nước Đức với nhạc-sĩ Stockhausen (Sơ-Tóc-Hao-Zơ) và bác-sĩ Meyer-Eppler (Mê-Yơ Ê-Pơ-Lơ) một trong những người tiên-phong trong lối điện-lỗ-nhạc (musique électronique), nước Mỹ với nhạc-sĩ John Cage (Đjôn-Kê-Djơ) đang nghiên-cứu về nhạc cụ-thể.



Xem qua vội-vàng các nhóm, các phái trong giới nhạc Âu, Mỹ cận-đại, chúng ta thấy rằng tuy mỗi phái, mỗi nhóm theo một phương-pháp, một đường lối, một nhạc-thuật riêng, nhưng chung-qui, tất cả đều nhắm vào một mục - phiêu: thay đổi nhạc-ngữ và vượt ra ngoài khuôn-khố của lối nhạc cổ-diễn hay lối nhạc-thể (musique tonale). Thay đổi bằng cách nào?

1.) Hoặc trở về với vốn cổ, học lại các « điệu » thời Trung-cổ. (modes anciens, modes du Moyen Âge).

2.) *Tim màu sắc nhạc trong các lối nhạc khác hơn nhạc Âu.* (nhạc Phi-châu, và nhất là nhạc Á-châu.

3.) *Bỏ khuôn-khô của nhạc thề theo nguyên-phát của phái bộ-môn âm-nhạc (musique sérielle).*

Luôn-luôn, nhạc-sĩ đi trước quần-chúng. Các nhạc-sĩ thuở sinh-tiền, ít người được quần-chúng hiểu và yêu-chuộng. Nhưng thú thật, các điệu nhạc loại vô-thể (atonal), loại bộ-môn (sérielle) hay loại cụ thể (musique concrète), đối với chúng tôi là những âm-thanh hoặc ghép chung theo vào nguyên-tắc trừu-tượng, hoặc là những tiếng động chát tai. Lẽ tất-nhiên, âm nhạc như mọi ngành của văn-hóa phải được tiến-triển. Chúng tôi

chỉ xem qua cái xu-hướng của nhạc Âu, Mỹ cận-dại mà nghĩ rằng hiện giờ các nước Âu, Mỹ đang tìm màu sắc lạ trong cổ nhạc Châu-Phi, Châu-Á, trong khi tại Châu-Phi, Châu-Á, một số nhạc-sĩ bỏ vốn cổ của mình, chạy theo một lối nhạc mà bên này họ đã cho là quá thời.

Riêng ý chúng tôi, nếu âm nhạc không còn là một tiếng nói của một dân-tộc, là một nguồn an-ủi cho người nghe nhạc thì âm-nhạc mất đi một cái nhiệm-vụ cao-quí của nó để biến thành một môn thí-nghiệm cho một thiểu số người có lẽ là nhà kỹ-thuật hơn là nhạc-sĩ.

Paris, mùa đông 1959

TRẦN-VĂN-KHÊ

Từ năm **CHUỘT** 1960, sẽ lần lượt ra :

25 truyện Việt hay nhất

(chọn theo cuộc phỏng-vấn về truyện ngắn của tạp-chí **BÁCH-KHOA** năm 1959)

do **NGUYỄN-NGU-Í** trình bày

PHỤ : Ý-kiến trọn vẹn của 47 học-giả, văn-gia, nghệ-sĩ, nhà báo, nhà giáo đã hưởng-ứng cuộc phỏng-vấn nói trên.
(Bản dịch ra tiếng Pháp, tiếng Anh sẽ được xuất-bản ở 2 nước này, sau khi bản tiếng Việt được xuất-bản ở nước nhà).



KHI NGƯỜI CHẾT CÓ MẶT

TIỂU-THUYẾT TÂM-LÍ

của **NGUYỄN-NGU-Í**

(Một cô gái luống tuổi, xinh xinh, một chàng trai góa vợ, ki ki, hai cuộc đời sao lại dính liền nhau..., và đâu đây, lảng-vảng bóng hình một người không còn nữa...).

CẢM XUÂN

TRÊN ĐẤT KHÁCH

Đêm nay hương pháo ấm bên trời,
Chậu cúc cành mai đượm sắc tươi.
Đây lạc tình quê trên đất khách,
Ngắm vườn thơ nở dưới xuân côi l

Đêm xuân đàn trời tiếng âu sầu l
Rung mộng xuân tàn giữa đất Au,
Nhớ nắng phương Đông về rục rờ,
Than tình đất nước với canh thâu.

Bâng khuâng hoa tui cánh phai màu,
Nhớ người bén gốc ở nơi đâu,
Nhớ vườn xuân cũ rau xơ xác,
Thấp thoáng hàng cau với dãy trầu.

Xuân quê nắng ấm rọi lưng trời,
Xuân đất người sao tuyết vẫn rơi ?
Ai ngắm pháo xuân tung đỏ đất,
Ta nhìn tuyết nở trắng trên đồi.

Tuyết trắng trinh, tuyết lạnh lòng,
Thay màu pháo đỏ, nến hồng, mai duyên.
Lòng xuân vẫn ngát hương êm,
Tình xuân vẫn ngấm, trong đêm giao thừa

Ba-Lê, một đêm giao-thừa
MỘNG-TRUNG

"TÌM VỀ SINH LỘ"

của Kỳ-Văn-Nguyên

★ QUAN-THỊ-CHÂU

NGÀY 1-12-1959 tôi hân hạnh đọc cuốn « Tìm Về Sinh Lộ » của Ông Kỳ-Văn-Nguyên. Đây là một cuốn sách tôi có ý tìm đọc từ sau khi biết « Tìm Về Sinh Lộ » đã được Văn-Hóa Vụ tặng giải về bộ môn Tiểu-Thuyết trong kỳ tuyển lựa chính-thức năm 1958.

Sách dày 340 trang, giá bán 60\$ và ở ngoài bìa, nhà xuất bản (hay tác-giả?) đã có cho ghi thêm hàng chữ trang trọng « Những Tác-Phẩm Thời-Đại ».

Trong các trang đầu của « Tác-Phẩm Thời-Đại » này tác-giả ngỏ lời phân-trần cùng ghi các hàng kính dâng, kính tặng và trao gởi. Tác-giả phân trần mục-đích chính là để tránh nhiều hiểu nhầm. Ông viết: « Chuyện không ám chỉ một đoàn thể hay cá-nhân nào đương thời.

Nếu có chỗ giống nhau chỉ là do sự tình cờ mà thôi. » (T.V.S.L. trang 3).

Sự thật, « Tìm Về Sinh Lộ » không đáng đề cho « Đoàn thể hay cá-nhân đương thời » bận tâm vì nó không thể ám chỉ gì hết. Tôi muốn nói nó rất xa thực-tế.

Riêng về việc đề vài hàng trao tặng trên trang đầu của tác-phẩm, âu cũng là chuyện thường tình. Nhưng, nếu vừa kình dâng, kính tặng mà lại còn trao gởi như Ông Kỳ-Văn-Nguyên đã làm thì quả hơi lố.

Lại quá lố hơn nữa là tác-giả kính dâng tác-phẩm cho các liệt-sĩ Quốc-Gia đã chết, kính tặng các chiến-sĩ tự-do còn sống và trao gởi... Cộng-Sản.

Tôi xin trình bày trang thứ nhứt của « Tác - Phẩm Thời - Đại — Tìm Về Sinh Lộ » :

— « Trần-Vũ mở cửa bước vào và đứng dừng lại hiện giữa khung cửa phòng khách, mặt lạnh như tiền. Chàng đứng im không nhúc nhích, nhìn khắp mọi người. Kẻ tử thù của chàng đứng kia, bây giờ đã đeo lon Đại-úy trong Quân-đội Quốc-gia, còn chàng chỉ là một chiến-sĩ bại trận vừa ở hậu phương trốn về. Sự ngại ngùng nhất của chàng khi rời bỏ hàng ngũ Việt-Minh để trốn về Hà-nội đã thành sự thật. Nhưng biết làm thế nào. Việc nào đến sẽ phải đến. Làm sao mà tránh nổi ».

Mới hàng đầu tác-giả đã làm người đọc mất cảm tình vì lối viết không suy nghĩ. Tác-giả chỉ có thể viết: Trần-Vũ « hiện giữa khung cửa phòng khách » khi những người khác ngồi trong phòng thấy Trần-Vũ đứng trước cửa mà không thấy lúc anh ta bước vào. Nếu có: « mở cửa bước vào » rồi « đứng dừng lại » thì hiện thế nào được.

Lại nữa, việc « đứng im không nhúc nhích, nhìn khắp mọi người » của Trần-Vũ không được tự nhiên.

« Việc nào đến sẽ phải đến ». Có lẽ câu này thật ra tác-giả định viết: *Việc phải đến đã đến*.

Đoạn kể, ông tả hai kẻ thù nhìn nhau: « Một cái nhìn đầy sát-khí căm hờn lại dấu thêm một vẻ đắc thắng trong tia mắt long lanh sáng và đôi môi hơi nhếch mép. Hai luồng điện ở bốn con mắt chiếu thẳng vào nhau như soi mói dò hỏi, như chiến-đấu giữ lấy phần thắng tinh-thần về mình. Không chịu nổi tự nhiên là đầu gối sẽ run rẩy, con người mất đảm lược, mất tự chủ, và sự thua đã căm chắc trong tay rồi. » (Trích hết trang 7, T.V.S.L, phần thứ I).

Rồi tiếp tục loại văn như trên (hai luồng điện, bốn con mắt, đôi môi nhếch mép, đầu gối run rẩy v...v...), Ông Kỳ-văn-Nguyên kể lẽ làng nhàng suốt 340 trang giấy một cốt truyện như sau:

Trần-Vũ, một thanh-niên Hà-nội yêu Quỳnh-Châu và cũng được nàng yêu lại. Trong khi đó, anh ruột Quỳnh-Châu (Hồng-Linh) lại lấy em gái của Trần-Vũ (Bích-Trang). Dù sự phối-hợp của bộ tư kẻ trên hơi lộn xộn, nhưng tác-giả không lưu-ý đến mà lại chú trọng đến việc dựng lên cho Trần-Vũ một kẻ tử thù. Kẻ tử thù này tên là Phụng-Anh. Nguyên do vì Phụng-Anh cũng yêu Quỳnh-Châu nhưng không được nàng yêu lại, nên anh ta không thể đội trời chung với Trần-Vũ.

Ngày cách mạng bùng nổ, Trần-Vũ và Phụng-Anh đều hoạt-động cho Việt-Minh. Nhưng sau, Phụng-Anh theo Quốc-Dân Đảng và bị Trần-Vũ bắt được đem tra tấn rất dã man. Để giải thích hành động của Phụng-Anh trong việc phản bội Việt-Minh, tác-giả viết:

— « Vì ghen với tôi (Trần-Vũ) hay vì chủ nghĩa khác nhau. Phụng-Anh uất ức vì mất Quỳnh-Châu hay là Phụng-Anh căm thù chế độ Cộng-sản thật? Hay là vì cả hai nguyên nhân, khó mà biết rõ được. » (T.V.S.L trang 45 — 46).

Sau Phụng-Anh được các bạn cứu thoát còn Trần-Vũ theo Việt-Minh kháng chiến lập nhiều chiến công, nhưng bị Việt-Minh dự tính thủ tiêu vì « có một cái vốn trí thức » (T.V.S.L trang 54). Nhờ một thôn nữ có cảm tình mật báo, nên Vũ kịp trốn về thành ở nhà em gái (Bích-Trang)

và em rề (Hồng-Linh) lúc đó làm thanh tra Hành-Chánh Bắc-Việt.

Quỳnh-Châu lúc này còn ở chung với Hồng-Linh và vẫn còn yêu Trần-Vũ tuy sắp lấy Phụng-Anh hiện đã là Đại-Úy Quân-đội Quốc-gia.

Phụng-Anh đến chơi nhà Quỳnh-Châu gặp Trần-Vũ và đánh Trần-Vũ như đánh một con chó (ý của tác-giả T.V.S.L trang 10).

Trần-Vũ bị đòn, tởn thán : — « Trần-Vũ, Trần-Vũ sao thân mày lại khốn khổ đến như vậy ». (T.V.S.L trang 11).

Kể đó, Trần-Vũ buồn bã bỏ đi định tự tử, nhưng sau nghĩ ra là mình đã can đảm chịu đựng trước Phụng-Anh nên cười rộ lên và bước vào một tiệm nháy (?). Trong tiệm nháy, Vũ gặp Kiều-Phong, một nữ gián điệp Việt-Cộng. Kiều-Phong đưa Vũ về nhà để khai thác thêm tài liệu cho đảng (?). Vì yêu Trần-Vũ, không muốn Vũ bị Việt-Cộng thủ tiêu nên Kiều-Phong báo cho Kim — trưởng-ty Công-an Hà-nội — bắt Vũ vào tù. Việt-Cộng lại cho người vào tù để chỉ cách cho Vũ trốn ra, hầu ngấm bắt lại Trần-Vũ cũng để khai thác tài liệu thêm nữa (?).

Vũ không chịu ra vì cho là ở tù yên thân. Ở tù — « Đời sống đã quen quen, Trần-Vũ có vẻ béo khỏe hơn trước, nước da đen nhánh vì bêu nắng nhiều » (?) (T.V.S.L. trang 117).

Sau Vũ được thả ra nhờ em rề là Hồng-Linh can-thiệp và Linh muốn cộng-tác cùng Vũ để xoay sở làm tiền các « sâu dân một nước » (chữ của tác-giả T.V.S.L.).

Vũ không thuận, và bỏ đi đến nhà Kiều-Phong sống với nàng một đêm. Đến sáng, Kiều-Phong trốn ra hậu-phương để lại ngôi nhà của nàng cho Vũ. Trần-Vũ cho một gia-đình nghèo và hai « trẻ em đánh giầy » (chữ của tác-giả TVSL trang 151), ở nhờ, và đồng thời Vũ bắt đầu viết báo công-kích bọn quan lại đục khoét của dân nên tiếng tăm lừng lẫy. Sau, văn nghiệp bị gián đoạn vì phải động-viên vào Trường Sĩ-Quan Thủ-Đức.

Ra trường, Thiếu-Úy Vũ về Bắc cùng ở Tiểu-Đoàn với Thiếu-Tá Phụng-Anh. Phụng-Anh đã lấy Quỳnh-Châu nhưng vẫn ghét Vũ nên tổ-chức một cuộc đấu súng để giải hận (?)

Trong thời gian này, Vũ gặp Kiều-Phong tại tiền tuyến và nhân lúc đôi uyên-ương Phong-Vũ tình tự, Vũ đã tiết lộ việc đấu súng cho Kiều-Phong biết.

Ngày hôm sau, Trung-sĩ An làm giám khảo cho cuộc đấu súng và Phụng-Anh vừa bắn Vũ bị thương nặng thì Kiều-Phong đến báo tin có Việt-Cộng tấn-công.

Trần-Vũ dù bị thương vẫn cố bắn bảo vệ cho Phụng-Anh rút lui và sau chết trên tay Kiều-Phong.

Đoạn kết, tác-giả cho Kiều-Phong (vẫn còn là nữ gián-điệp Việt-Cộng) cùng Thiếu-Tá Phụng-Anh đi thăm mộ Trần-Vũ. Trần-Vũ chết đi để lại một cuốn tiểu-thuyết tựa là « Tìm Về Sinh Lộ » (?) được Đại-Tá (?) Phụng-Anh truyền bá kèm với chương-trình Quyết Sống (?) vang dội khắp miền Nam.

Sau cùng Ô. Kỳ-Văn-Nguyên hạ bút

viết câu chốt cho tác-phẩm « Tìm Về Sinh Lộ » :

— « Trần-Vũ đã trở thành bất diệt trong cuộc sống đang lên của dân-tộc Việt-Nam. » (T.V.S.L. trang 338).

Với cốt truyện ấu-trí kể trên, được diễn đạt bởi một lối văn không có cú pháp, « Tìm Về Sinh Lộ » thật đáng thẹn mà phải mang danh là *Tác-Phẩm Thời-Đại* trong khi thật ra nó chỉ thuộc loại võ-hiệp, trinh-thám, kỳ tình, tiểu-thuyết, xuất-bản từng tập nhỏ 24 kỳ trọn bộ.

Lối văn của Ô. Kỳ-Văn-Nguyên không những bất chấp văn-phạm mà còn có những đoạn rất lảm cảm :

— « À ra một điệu nhạc bay ra từ tiệm nhảy. Du-dương là phải. Chắc ở trong kia vui lắm » (T.V.S.L. trang 15).

— « Tôi (Trần-Vũ) được đòi sang công-tác khác. Chuyên môn phá-hoại, gài mìn, đốt xe, phá cầu. Với một tinh-thần mãnh-liệt hơn trước. Xung-phong và xung-phong. Hết việc này đến việc khác, tôi làm cán-bộ chánh-trị, cán-bộ tuyên-truyền. Trường-kỳ kháng-chiến và kháng-chiến trường-kỳ » (TVSL. trang 52).

— « Một đôi khi Bích-Trang có đến thăm chàng và đem quà bánh đến. Nghĩ cũng thương hại Bích-Trang, nó thương mình khổ sở bị tù mà nó không làm gì được. Quỳnh-Châu cũng có đến thăm chàng một lần. Cô nhân-tình cũ thấy chàng tiểu tụy quá đã oà lên khóc. Chàng phải gắt lên và đuổi về. Kề cũng hơi tàn nhẫn, nhưng cho nó xong chuyện đi. » (TVSL trang 117).

Các nhân-vật của Ông nói những câu

rất sáo và vô lý. Ta hãy nghe một tên tù du-côn xỏ nhơ :

— « Nhập gia tùy tục, đao giang, tùy khúc, con ạ, truyền đời cho mày biết, muốn sống thì liệu cái thần hồn. »

Vân, một cô gái buôn thúng bán mẹt nói :

— « Anh vừa hỏi tôi có mong ước điều gì không ?, Anh Vũ... tôi mong ước suốt đời được làm người em gái anh, anh có nhận không ? » (T.V.S.L. trang 188).

Một đoạn khác, Ông tả một sen ân ái :

« Nàng (Kiều-Phong) từ từ ôm lấy Trần-Vũ như sợ chàng tan lên như mây khói » (T.V.S.L. trang 139).

Pha giọng triết-lý giữa các đoạn tả tình thường là sở-trường của tác-giả « Tìm Về Sinh Lộ ». Sau đây là một trong muôn một, xin dẫn chứng :

— « Anh (Phụng-Anh) tự nhủ thăm như vậy và quyết-dịnh rằng phải cưới gấp Quỳnh-Châu mới giữ được nàng. Trong tình yêu cũng phải áp-dụng chính sách việc đã rồi mới có thể thành-tựu được. Biết đâu sau này sẽ ra sao. » (T. V. S. L. trang 104).

Ngoài ra, Ông cũng sở-trường về lối văn trinh-thám võ-hiệp :

— « Nàng mở cửa hăm bước xuống... bước tới một cái cửa sắt, gõ vài tiếng ra hiệu... và tấm cửa hể mở Kiều-Phong lách vào » (T.V.S.L. trang 62).

— « Người có sẹo nheo hăn một bên mắt mà nói... người thứ ba đứng dậy như nóng ruột. Hăn cầm lưỡi dao tung lên và cầm phập xuống bàn giữa mặt mọi người

và nói rít trong hai hàm răng » (T.V.S.L. trang 64).

Như trên tôi đã viết, ngoài cách hành văn đáng phàn nàn, tác-giả « Tìm Về Sinh Lộ » đã trình bày hình ảnh của nước Việt 1945-1955 xa với thực-tế.

Độc-giả không hề thấy cũng như không tưởng tượng được cảnh một Đại-úy Quân-đội Quốc-gia đánh đập tàn nhẫn một cán-bộ Việt-Cộng vì mang án tử hình của Cộng-sản phải trốn vào thành. Nếu tác-giả cho là vì tư thù Đại-úy Phụng-Anh bắt tên cán-bộ Trần-Vũ vào tù đánh đập thì còn có lý (tuy rằng thật đáng buồn cho ông Đại-úy Quân-đội Quốc-gia).

Đằng này, Ông Kỳ-Văn-Nguyễn đã tả vụ đánh đập (và toan hạ sát) phi lý kẻ trên xảy ra tại nhà của em rể nạn nhân làm thanh-tra hành-chánh Bắc-Việt.

Đoạn khác Ông tả Kiều-Phong tức cán-bộ nội-tuyển của Việt-Cộng khai thác tài-liệu của Trần-Vũ rất giả tạo và độc-giả không thể biết là Kiều-Phong đã khai thác được những gì ?

Để giúp Trần-Vũ vượt ngục Ông thu xếp Việt-Cộng cho một cán-bộ (Phạm-Tân) « *phạm một tội không dấu* » để được Pháp bắt giam chung với Trần-Vũ (chắc Ông Kỳ-Văn-Nguyễn cũng thừa biết tù chính-trị không thể giam chung với tù thường).

Tả hãy nghe Phạm-Tân chỉ cách cho Trần-Vũ vượt ngục :

— « Mưu rất thường, chúng ta cứ việc nhin dối dẫn cho là người đi, bắt buộc chúng phải đưa mình đi nằm nhà thương. Ở đây canh phòng không có gì, ta sẽ liên

lạc với bên ngoài và vượt ngục như bốn » (T.V.S.L. trang 109).

Quả thực là như bốn, mưu kế thánh thật. Tuy nhiên, điều làm tôi ân hận nhất là những đoạn Ông Kỳ-Văn-Nguyễn tả về sinh-hoạt của Quân-đội Quốc-gia.

Ông trình bày tại một Tiểu-đoàn nọ, vị Tiểu-đoàn Trưởng họp các Sĩ-quan lại để công-khai bắt buộc các Sĩ-quan thuộc cấp nộp tiền đã ăn chặn được của Binh-sĩ.

Tôi nhìn nhận nạn tham nhũng không thiếu gì trong thời Quân-đội Viên-chính Pháp còn có mặt trên nước ta. Nhưng xin thưa với tác-giả « Tìm Về Sinh Lộ » tôi đoán chắc với Ông nhất định không có cái cảnh công khai như trên, nếu không phải tất cả các sĩ-quan thuộc quyền của vị Tiểu-đoàn Trưởng kia đều là đồng lõa để cùng chia ngọt sẻ bùi.

Hơn thế nữa tác-giả lại tả Đại-úy Phụng-Anh khi lên Thiếu-tá đã đấu súng với Thiếu-úy Trần-Vũ như câu chuyện màn ảnh. Đây là một đoạn văn loại « Bản chậm thì chết ».

— Phụng-Anh rút súng lục ra chìa về phía gốc cây trước mặt, bắn ngay mấy phát. Sáu viên đạn nổ tung ở thân cây thành một hình tròn (T.V.S.L. trang 26!).

Một đoạn khác Ông tả Binh Tư rủ Hạ-Sĩ Sơn đào ngũ, Thiếu-Úy Trần-Vũ thoảng nghe được bèn buồn bã và lửng lơ bỏ đi. Trong khi đó chắc tác-giả thừa biết (tôi đoán thế) tội đào-ngũ trong thời giặc có thể bị xử tử-hình.

Xem hết « Tìm Về Sinh Lộ » tôi thiên nghĩ tác phẩm này chỉ còn có được hai ưu điểm : T.V.S.L. muốn chống Cộng và Ông Kỳ-văn-Nguyễn khao khát một sinh lộ.

Lẽ dĩ nhiên, T.V.S.L. không thể đạt được mục đích trên, cũng như chúng ta không thể nào hiểu được cái sinh lộ mà tác giả muốn đề cập đến, cái sinh lộ quyết sống của Thiếu-úy Trần-Vũ, người đã chết vô nghĩa lý trong tay một nữ cán bộ Việt-Cộng sau khi đã đấu súng oai hùng như một tài tử màn bạc.

Theo đoạn chót của cuốn « Tìm Về Sinh Lộ » thì truyện T.V.S.L. lại do chính Trần-Vũ viết (tự thuật cuộc đời mình).

Cũng theo cuốn T.V.S.L. của ông Kỳ-văn-Nguyên thì cuốn T.V.S.L. của Ông Trần-Vũ được Đại-tá (?) Phụng-Anh

giới thiệu trên đài phát-thanh Sài-gòn và được tờ nhật báo Ngày-Mai tán dương :

— « Quyền truyện T.V.S.L. đã mở đến một giai đoạn mới của thời đại, trong vòng nửa tháng, 50 vạn người đã đọc « Tìm Về Sinh Lộ » (T.V.S.L. trang 333).

Thật chỉ có trời hiểu Ông Kỳ-văn-Nguyên định viết gì.

Với những khuyết điểm dầy dẫy về cách bố cục cũng như lối hành văn kể trên, « Tìm Về Sinh Lộ » nếu xứng đáng được giải (dù là giải an ủi hay khuyến khích) văn chương 58 thì chỉ là điều đáng buồn cho nền văn-học nước nhà.

QUAN-THỊ-CHÂU

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT (INDEO)

Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON

Tél : 20.821 — Boite postale : 276

1, Duong Nguyen-Sieu — SAIGON



IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES,
CATALOGUES, TOUS IMPRIMÉS DU COMMERCE,
REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES,
ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES,
CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS
MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES
DE VISITE ET D'INVITATION, CALENDRIERS DE FIN
D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR,
TYPO — OFFSET.

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO

"DOREL"

**PHÓ PHI-LUẬT-TÂN DỰ QUỐC-TẾ ĐỒNG-TỬ-QUÂN
ĐẠI-LỘ DINH NGẪU VỊNH**

ĐI PHI-LUẬT-TÂN DỰ LỄ QUỐC-TẾ ĐỒNG-TỬ-QUÂN
Ở DINH ĐẠI-LỘ NGẪU VỊNH

I

Thái bình dương thượng thái bình thiên
Viễn thủy trường thiên nhất sắc tiên
Trần cầu dĩ thanh nhân thoát tục
Vân tiêu trực thượng khách đẳng tiên
Không gian hảo giữ thời gian chuyển
Kinh tuyến thiên đồng vĩ tuyến thuyền
Phi đảo phi cao diệp phi viễn
Phùng nghinh quốc tế hữu kỳ duyên

II

Phùng nghinh quốc tế hữu kỳ duyên
Ốc thủ Đồng quân các tỷ kiên
Nam Bắc dị hương phi dị khách
Đông Tây đồng hội diệp đồng thuyền
Cộng hòa tứ hải giai huynh đệ
Chí đạo thiên phương nhất bản nguyên
Giai nguyệt đề Phi giai nguyệt khứ
Quy lai quang cảnh giác vô biên

III

Quy lai quang cảnh giác vô biên
Hải bất dương ba trước đạm yên
Hà lạc không dư hoàn phổ nhận
Nhật trầm do chiếu lệ thiên diên
Lâu đài phác địa tinh quang sạ
Châu ngọc thành đôi diện hòa nhiên
Nhập dạ cánh tri hương cảnh hảo
Sơn hà cầm tú thái bình thiên

Linh-Mục J.M. THÍCH

I

Trên Thái-bình-dương cảnh thái-bình
Trời xa biển thăm, một màu thanh
Thời-gian chuyển, hiện không-gian đẹp
Kinh-tuyến đời, theo vĩ-tuyến quanh
Rủ bụi người đà xa cõi tục
Lên lên khách đến sát trời xanh
Đảo Phi nào có cao xa mấy
Duyên lạ, bao nhiêu nước đón mình

II

Duyên lạ, bao nhiêu nước đón mình
Đồng-quân, em nắm chặt tay anh
Xa xôi, Nam Bắc cùng chung ý
Gặp gỡ, Đông Tây vẫn hợp tình
Bốn bề Cộng-Hòa nhiều bạn hợp
Nghìn phương chí-đạo một nguồn sinh
Đi, về Phi-đảo trăng đưa lối
Quang cảnh hai lần đẹp tựa tranh

III

Quang cảnh hai lần đẹp tựa tranh
Bề yên, sóng lặng, khát mong manh
Cánh diều bóng xế tn vừng nhật
Chiếc nhận mây sa lượn mặt ghềnh
Lầu gác thủy tinh soi rục rở
Ngọc châu ánh điện tỏa long lanh
Về đêm thấy cảnh càng thêm đẹp
Gấm vóc non sông cảnh thái-bình.

BÙI-KHÁNH-ĐÀN phụng dịch

DỌN NHÀ

L.T.S. Vì một sự ngẫu-nhiên không ai bảo ai, hai bạn Phan-Văn-Tạo và Đoàn-Thêm có gửi cho bài cùng thuật lại việc dọn nhà. Bách-Khoa xin đăng liền cả hai bài để bạn đọc xét hai tâm-trạng trước một vấn đề.

☆ BÀI CỦA PHAN-VĂN-TẠO

VĂN đang cúi húi vẽ ngang vẽ dọc trên một trang giấy có kẻ ô vuông bỗng vút bút ra một bên rồi kêu ầm lên :

— « Cho tôi một tờ giấy khác đi. Vẽ nhầm mất một ô rồi ».

Thì ra Văn đang vẽ bình đồ căn nhà mà anh sắp dọn tới. Ba thước tám bề ngang, một thước hàng ba, bốn thước phòng ngoài, năm thước phòng trong, ba thước sân, ba thước bếp. Anh thuộc lầu những kích thước đó rồi thu lại trên giấy theo một tỷ lệ. Khi anh đặt xong vị trí các cửa sổ và cửa ra vào, anh bắt đầu kẻ đến đồ đạc.

Đây là bàn ăn. Anh vừa vẽ chiếc bàn và sáu chiếc ghế vừa lầm bầm : « có lẽ phen này phải mua bộ sa-lông mới được ». Đây là giường bà cụ để ra anh, giường hai đứa con gái, đây ghế bố của đứa con gái út, giường của vợ chồng anh. Ngọn bút của anh đang đi nhanh bỗng dừng lại ngập ngừng « Bây giờ mua cái tủ nữa thì kê đâu đây ? ».

Còn gần nửa tháng nữa anh mới sang nhà mới thế mà ngày nào cũng vậy, anh cũng huỳnh huých vẽ đi vẽ lại, kê vào kê ra, dọn nhà một cách tuy là tinh thần mà thật là vất vả.

Chị Văn thực tế hơn nhiều. Chị thu xếp

thúng thàng mà gợn gàng được việc. Để mặc chồng loay hoay tính toán ở những phạm vi cao-siêu, chị thu nhặt những mảnh giấy, màu giấy, cái đinh, thanh gỗ, vật gì cũng nhìn thấy công dụng của nó. Chị bỏ va-li, hộp giấy ra phơi phong rồi những thức gì chưa dùng đến ngay, chị đóng lại, gói ghém vuông vắn. Phải nhìn thấy chị đóng đồ mới thấy cái tài của người đàn bà biết khai thác sức chứa của những dụng tích chật hẹp.

Chị lặng lẽ làm việc, bận luôn tay mà không lúc nào cần phải om sòm rồi rít. Văn đôi khi coi sự im lặng của vợ như một thách thức, hình như vợ chỉ là một người giỏi về thực hành mà giám khinh nhờn một bộ óc đầy những công thức.

Văn còn lạ gì việc dọn nhà nữa? Từ lúc còn là học trò đi trọ học, giang sơn vòn vẹn một chiếc rương sơn đồ với một chiếc cặp da, đến khi lấy vợ đẻ con mà đồ đạc ngoài chòi cùn, rế rách có cả đến bình sữa, vú cao-xu, kim băng, tã lót, anh đã biết bao nhiêu lần thay đổi chỗ ở.

Có lần tung tăng như chim non mới mọc cánh đi với vợ về ngôi nhà mới, theo sau là chiếc chăn bọc sa-tanh với cặp gối hồng thêu đôi chim nhạn.

Có lần kinh hoàng, tay lôi vợ rũ rượi, tay ghì con đồ hỗn, chạy chữ chỉ trên những con đường đào giao thông hào, gối đã mỏi mà còn muốn bước nhanh hơn làn đạn réo sau lưng.

Từ Hà-Nội dọn về quê, long tong hết các tỉnh Khu ba, Khu bốn rồi lại từ quê dọn về Hà-Nội. Rồi cùng với non triệu người nữa dọn đi Saigon, hành lý có hai mươi cân mà nặng chiu gánh sấu đất nước.

Sang được căn nhà thì Bình-Xuyên lại bán phá, anh lại dọn.

Mỗi lần dời chỗ đi như thế là một lần vương vãi thất lạc, không phải chỉ những đồ vật hữu-dụng có thể mua sắm thức khác thay thế được mà còn cả những kỷ-niệm vô giá vì không bao giờ có nữa như bức ảnh độc nhất của bà nội anh hay chiếc hoa hồng ép đẹp giữa quyền tự vị mà chị tặng anh khi chị còn là nữ-sinh trường Đồng-Khánh.

Nghĩ đến những ngày đã qua, Văn sơ dọn nhà lẩm rỗi. Đừng ai nói chuyện đổi chỗ nữa. Văn chỉ mong yên ổn sống tại ngôi nhà đang ở, thêm khát một cái gì bền chặt sau bao nhiêu bồng bênh.

Ấy thế mà lần này Văn lại dọn nhà, dọn một cách thích thú, say sưa. Chỉ vì căn nhà anh sắp dọn tới là căn nhà anh vừa mới mua, là căn nhà của anh. Anh đã nghe nói nhiều và cũng đã bàn tới nhiều về quyền tư-hữu, nhưng anh mới chỉ hiểu quyền đó một cách thẩm thía từ khi anh mua căn nhà mới.

Năm năm trời dành dụm, thêm hai bát họ mua non, cộng với một số tiền vay của hai cô em gái mới đủ trả tiền nhà. Tính mỗi tháng ăn tiêu dè sẻn để ra được một nghìn, thì cũng phải bốn năm mới hết nợ. Nhưng đó là chuyện về lâu về dài. Bây giờ thì anh hãy dọn nhà đã. Và anh cặm cùi, vẽ vẽ, súa súa, mãi chưa thấy hài lòng. Mới trông thì bài toán nào có khó gì cho cam. Xếp một số đồ đạc vào hai căn phòng. Vòn vẹn có thể thôi.

Nhưng xếp đồ vào căn nhà thuê của người khác thì đâu có thành vấn-đề. Chỉ có xếp đồ vào căn nhà của mình mới mua

thì mới thật là nát óc. Chính cái mối tương-quan mới giữa đồ-dạc và căn nhà là cái diêm tể-nhị.

Chị Văn thấy chồng cứ loay hoay mãi, cũng phải nói vào : « Đề đến nơi thì mới trông ra chứ cứ kê trên giấy thì biết đến bao giờ xong ». Văn đứng lên nhưng vẫn cố giữ phần phải về mình :

— « Có tính trước vẫn hơn chứ ! Thôi bây giờ tôi còn phải đi ăn cơm tiễn anh Long đi Mỹ. Cho tôi bộ quần áo với cái cravate đi ».

— « Em gói kỹ lắm rồi bây giờ không thể lấy ra được ».

Có lẽ lúc khác thì Văn đã bực mình lắm. Nhưng lần này Văn thản-nhiên mặc sơ-mi ngắn tay đi ăn cơm khách mà không thấy chút gì mặc cảm. Chúng bạn ai cũng biết anh sắp dọn sang nhà mới. Ai mà còn khắt khe về y-phục với một anh mới mua nhà.

Văn muốn dọn vào một hôm chủ-nhật cho tiện. Nhưng chị Văn đã đi xem bói và thầy giầy mồng tám mới được ngày, không những hợp tuổi anh, tuổi chị mà lại còn lợi cả cho tuổi bà cụ nữa. Nhưng mồng tám là thứ sáu, anh phải đi làm. Bà cụ và chị Văn muốn anh xin nghỉ một ngày. Anh hơi ngại vì tháng trước anh đã nghỉ ba ngày rồi. Sau cùng đi đến giải-pháp dung-hòa. Thứ sáu mồng tám sẽ dọn lấy ngày và chủ-nhật mồng mười dọn hẳn.

Sáng sớm mồng tám, trước khi đi làm Văn đưa vợ qua chợ mua cái hỏa lò, một nắm củi thông, một bao diêm. Sau đó hai vợ chồng lại đăng nhà mới. Chi lau quét trong bếp cho thật sạch sẽ, kê hỏa lò ngay ngắn, trịnh trọng đặt nắm củi thông và

châm diêm đốt. Củi cháy phừng phụt. Chị gọi chồng đến bên rồi nhón vào ngọn lửa bằng một con mắt chứa chan hi-vọng. Chị bảo chồng : « Lửa reo mình ạ, dọn đến đây nhất định làm ăn phát tài ». Văn gật gù tán thưởng. Không biết lửa reo thật hay là lòng hai người đang reo.

Sau đó hình như là không muốn cho hàng xóm trông thấy, chị Văn đóng các cánh cửa lại, rồi mắt nhắm lim dim, chị chấp tay vái bốn phương, vừa vái vừa suýt soa khấn khứa. Văn không nghe thấy vợ khấn những gì nhưng cứ trông giáng điệu thì thấy vợ đề hết cả thành tâm kính ý van xin Trời Phật phù trì.

Tối thứ bảy, chị Văn mua một ít giò chả về kho đề hôm sau khỏi đi chợ mua thức ăn. Còn Văn thì gọi ba đứa con lại, căn dặn chúng cách thức sống ở nhà mới làm sao cho gọn gàng ngăn nắp. Anh nói rất kỹ nhưng chúng nghe bằng một tai rất lơ đãng.

Sáng chủ nhật, một chiếc xe chở hàng lù lù đưa cái lưng có mui cao gỗ vào sát bậc cửa nhà anh. Trẻ con reo ríu rít : « Xe đến, xe đến. » Anh chạy ra thì vừa gặp cô hàng xóm nhoẽn miệng cười rồi nói với anh : « Ông ở đây đang vui, bây giờ dọn đi thì xóm này buồn chết ». Lời nói chỉ là xã-giao mà sao hôm nay anh thấy tình tứ lạ. Và thoáng một giây, anh thấy cô hàng xóm đẹp hẳn lên, khác xa ngày thường. Anh lựa một câu mà anh cho là duyên dáng nhất để đáp lại :

« Chúng tôi đi cũng nhớ xóm láng lăm ».

Tiếng guốc chị Văn ở đằng sau cắt rất mau cái phút ờ ở đó và Văn hồi hải dục những người phu chuyên đồ lên xe. Có những thứ mà anh không hiểu còn thu vén

mang đi làm gì cho thêm bận. Anh bảo vợ vứt đi nhưng chị Văn trả lời bằng một giọng không ai có thể cãi được.

— « Cứ để đấy cho tôi. Rồi dùng có việc hết ».

Bà cụ thân sinh ra anh ngồi yên một chỗ, hai tay ôm bức ảnh Phật Bà Quan Âm, ngoài có bọc một cái màn cho khỏi vỡ. Hai đứa con gái, mỗi đứa xách một cái cặp nặng mà còn chạy ra đá một trận banh tiễn biệt với lũ trẻ bạn chúng. Đứa con gái út thì chỉ lo nhặt các nút chai nhét đầy hai túi.

Đồ đạc chẳng có gì nên chỉ một giờ sau đã lên xe hết. Văn khóa cửa chính lại rồi nghĩ ngợi thế nào, lại mở ra, đi rảo vào hết các buồng một lượt nữa, soát xem có quên gì không. Mấy con nhện lừng lờ du ở trên trần như không có để ý gì đến cảnh đổi thay bên dưới.

Văn trở ra, khóa hẳn cửa lại rồi ra hiệu như một vị tướng chỉ-huy : « Thôi, ta đi ».

Lũ trẻ bạn của các con anh bám tay vào dây cái xe chở đồ đang rồ máy. Chúng chạy theo một quãng và chỉ đứng lại khi không theo kịp tốc-độ xe nữa.

Văn theo sau bằng xe máy nhưng trước khi lên xe còn ngoái cổ sang nhà bên cạnh nói với cô hàng xóm :

— « Xin chào cô. Chắc còn nhiều dịp gặp cô ».

Khi Văn về tới nhà mới thì đồ đã rỡ xuống xe. Anh móc ở túi ra cái bình đồ đã vẽ từ mấy hôm trước và bảo mọi người cứ theo đó mà kê. Song chỉ được một lúc là ai nấy đều thấy không thể

theo ý-kiến kỹ-thuật của anh được. Cái mặt bàn cao hơn mép cửa sổ trông rất khó coi, giường lấn ra lối đi, và để được cái kệ sách thì không mở được cửa ra vào.

Lại đến chị Văn giải quyết và chỉ độ hai giờ sau trông đâu đã tạm vào đấy. Riêng anh vẫn có vẻ không chịu sự sắp đặt này và một vài cử chỉ của anh để thoáng lộ một sự phản đối âm thầm. Giữa lúc đó có tiếng trẻ reo lên. Huy, bạn thân của vợ chồng Văn, từ ngoài bước vào, tay mang một bọc kín. Huy đến gần bà cụ sinh ra Văn trao cái gói tận tay cụ và nói :

« Gọi là mừng cụ với hai bác ».

Lũ con Văn nhảy với đến tận tay Bà để bóc cái gói và khi tờ giấy bọc đã tung ra mọi người kêu ầm lên :

« Quả gấc ! Quả gấc ! »

Bà cụ cảm động lắm, đứng một hồi lâu rồi mới trả lời : « Được Ông đến sông nhà, cậu mợ cháu làm ăn nhất định là may mắn. Tên ông nghĩa là sáng đẹp, tính nết ông vui vẻ, quả gấc lại đỏ như thế này, thật là mọi sự tốt lành. »

Mọi người xử sự như việc Huy đến là một việc rất tự nhiên không có xếp đặt gì ở trong tuy rằng ai ai nấy đều rõ hôm trước chính chị Văn đã đi chợ mua quả gấc đó và đưa đến nhờ Huy tới sông nhà hộ. Lại dận đúng giờ nào phải tới, e có người nào đến trước mà vía không lành chăng.

Khi Huy ra về thì Văn cũng biến đâu mất. Chị Văn không nói ra nhưng giận lắm, không hiểu làm sao giữa lúc nhà bận thế mà Văn còn bụng dạ đi chơi được.

Chị đã nấu xong nồi cơm và đã dọn lên với món giò kho sẵn. Lú trẻ kêu đói, chị đã cho ăn trước. Văn chưa thấy Văn đâu cả. Muộn lắm mới thấy tiếng xe xích lô đỗ ngoài cửa và tiếng Văn kêu ơ ơ :

« Ra đỡ hộ tôi một chút ».

Văn khệ nệ bung vào một cái ghế kính dựng đôi cá vàng vẽ mặt đầy đặc thủng. Rồi lại chạy trở ra ôm vào hai chậu hồng.

Cả buổi chiều hôm đó anh chỉ loay hoay, kê ghế cá, đặt chậu cây, tưới hồng, cho cá ăn. Anh thoáng nghĩ tới mấy người bạn giờ này chắc đang ngồi trong mấy rạp chiếu bóng thường-trực và thấy thương

hai họ một cách thật thà làm sao họ lại có thể giải-trí một cách nghèo nàn như vậy được.

Buổi tối, sau một ngày nhọc mệt cả nhà đi ngủ sớm. Văn vẫn đề đèn, hình như còn muốn ngắm kỹ thêm căn phòng mới. Hai vợ chồng cũng ngửa mặt nhìn lên trần, không ai nói với ai. Có một cảm giác gì êm đềm quá và họ muốn im lặng thật lâu để kéo dài giây phút đó. Bỗng Văn nói thật nhẹ :

« Này mình. Công nợ trả xong, thằng lớn lấy vợ, ta coi lên một tầng lầu ».

P. V. T.



☆ BÀI CUA ĐOÀN-THÊM

(Gút cậu M. Paris)

TỪ khi di cư vào Nam, Tư đã ngụ tại một căn lầu tầng ba, ở một đường khá đông đúc. Chân ướt chân ráo tới Saigon vừa khi đất nước chia đôi, giữa lúc bao nhiêu bạn khác phải chui rúc trong những túp nhà lụp sụp, Tư được trú nơi phong quang, kẻ thì tốt phước lắm rồi. Tư còn tự-mãn hơn, khi bà con tằm tắc : chà, ngăn nắp quá, cao thế này thảo nào mát mẻ, phố xá vui vẻ thật...

Nhưng lâu dần, những ưu-diễm vừa kể, khốn thay không còn hiệu-lực buổi đầu, và Tư chỉ thấy toàn những bất-tiện. Ngẫu nắp ? Hai phòng 4t x 3t và một 5t x 5t, đủ sao cho sáu con, hai vợ chồng và hai người làm ? Cứ chín giờ tối là ba đứa trẻ phải bắc ghế bố nằm ở phòng lớn, lỡ ra có khách, chúng lại đành chờ đợi hay nằm vạ nằm vạ... Cao và mát ? Leo sáu

thang lầu bảy mươi hai bậc, vừa đi vừa thở như trèo núi chùa Hương, thân thích cũng ngại không đến thăm, trừ những ai muốn tiêu hóa dễ dàng ; trông từ bao-lan xuống, thấy mọi khách qua đường đều lùn, và hoa mắt chóng mặt đến nỗi phải chẳng chịt dây thép cho khỏi té nhào ; gió lắm khi thổi lộng, mấy đứa nhỏ hay bị cảm ho, cánh cửa thường tự-động đóng sập như bị những bàn tay cái kinh hất mạnh. Còn như cảnh đông đúc thì ôi thôi ! hai đầu đương hai rạp điện-ảnh lúc nào cũng nhan-nhan người dọn dẹp cho tới một giờ đêm ; sau nhà, là đại-bán-doanh của xích-lô máy, từ bốn giờ sáng đã nổ động-cơ ran như pháo giao-thừa để tiêu tan mộng bướm...

Tại Tư khó tính ? hay tại con người nói chung, được voi đòi tiên ? Bạn Ân mến Tư nên bào chữa hộ : theo luật tiến-hóa,

ai cũng nên cố-gắng nâng cao mức sống mỗi ngày một hơn, sao cứ bắt vợ con chịu mãi chật hẹp? Nhưng bạn Lý bảo: rõ khéo nỡn nường! Còn nhớ hồi loạn-ly gói dầu cánh tay ngủ đờ Nho-Quan hay nằm co cho muỗi đốt ở xó rừng Tuyên-Quang không? Bác họ Tư là cụ Liên cũng khuyên: được sao hay vậy, khéo ăn thì no, khéo co thì ấm...



Tư đương phân-vân thì ngẫu-nhiên có người quen gọi cho thuê ngôi nhà mới xây cất, có một tầng lầu, bốn phòng rộng rãi. Vợ con dĩ-nhiên reo mừng, khiến Tư bị lôi cuốn mừng theo: lý-thuyết gì cũng chẳng bằng tăng hạnh-phúc cho người thân, nếu có dịp. Nhưng Tư còn ngần ngại: chắc sẽ tốn kém gấp bội, e phải thất lưng buộc bụng, vợ và các con nông nỗi quên mất đời sống mặc-mỏ, chẳng tính toán, chỉ ăn sàng lao mình theo sở-thích...

Song tội này, chính Tư lại mắc trước tiên; khi tới xem ngôi nhà để tìm yếu-tố quyết định, Tư thấy có mảnh vườn 5t X 6t: thế là ưng thuận ngay, không « tính toán » gì nữa, còn nài van ông chủ đừng cho người khác mượn, Tư hứa sẽ dọn sớm... Xin các bạn tha thứ cho một kẻ mơ hoa, chỉ mong một khoảng trồng cây, mua được nơi đủ vun cấy mười khóm tường-vi ở Hà-Nội, lại bị cán-bộ Quảng-Đông Phúc-Kiến chiếm cứ và nhổ cây làm củi.

Nhưng người thân vẫn trách Tư vội vàng nóng nảy, chẳng chịu xét kỹ: lấy vợ đàn-bà, tìm nhà hướng Nam, ai hy-sinh tiền bạc mà thuê nhà hướng Tây nắng suốt từ mười giờ sáng đến năm giờ chiều, đương

ở phía chính-nam, lại muốn xô về nơi bức bối. Bác Năm bảo thế, gì Thúy lại chớ: anh đồ thật đại, tránh ồn ào, mà đến ở khu inh ỏi, liền ngay cái chợ họp từ bốn giờ sáng... Nhưng mặc dầu mỗi người bàn tán một khác, Tư đã ưa thì mặt trời cứ rọi, hàng rau cứ việc cãi nhau, tốn tiền cũng cố lo, hoa của Tư đẹp là được rồi; lấy vợ còn lắm khi mắc nợ; và cũng như hỏi vợ thì cưới liền tay, tìm nhà cũng phải dọn ngay, chớ để lâu ngày Tư e chính mình sẽ đổi ý-kiến. Nên Tư hối thúc vợ con sửa soạn... Tối nay Tư còn băn-khoăn tự hỏi: hành-động như vậy vì gia-đình hay vì mình nhiều hơn?

Trong khi Tư nóng sốt dời sang nhà mới, trí não đầy hình ảnh hồng nhung huệ nởn tương-lai, Hạnh, vợ Tư, ngăn lại, bảo hãy thư thả. Rồi, một cách thiết-thực mà Tư không ngờ, Hạnh chuẩn-bị cả một kế-hoạch di-chuyển: tới thăm ngôi nhà, đếm từng ô gạch vuông để liệu kê đồ đạc cho vừa diện-tích, ngắm phòng nhỏ phòng lớn để chọn khu-vực dành cho mỗi thành phần gia-đình, đo thang lầu xem có khiêng nổi cái tủ áo qua không, ghé mắt vào các miệng cống hay ống khói bếp, dự trù số dây thép mắc trong sân, hỏi mãi lúc mưa thì sẽ phơi ở đâu? Tư chỉ biết từ thêm ra còn có thể cầm được sáu bảy khó n hồng, dọc hàng rào, sáu gốc bông giấy, còn thì mặc.

Nhưng mặc sao được khi sắp đến ngày dọn, mọi người cùng bận rộn? Theo lệnh nội-tướng, ai nấy phải thu xếp gói ghém một phần vật-dụng, các con thì sách vở và đồ chơi, Tư thì báo chí tranh ảnh quần áo, còn Hạnh cùng người

nhà lục lọi mọi móc các tủ, các giường. Quả thiệt... dọn nhà ra rác, nay mới thấy không biết bao nhiêu đồ lặt vặt, lọ chai lớn nhỏ, giấy lộn, báo cũ, và... tất riêng của mỗi cá-nhân : lũ trẻ buộc phải vứt bớt những nắm sỏi, đá, màu gỗ nhặt từ bao giờ để chứa đầy các va-li và ngăn kéo của chúng, có đứa buồn rầu vì phải xé bớt những tập chương-trình xi-nê gom góp hàng năm, chị hai Sinh xuýt xoa kêu van cho mang theo mấy chục hộp sữa bò rỗng : chiều tinh-thần bảo-thủ đáng thương, thỉnh-cầu của chị được chấp-thuận với điều-kiện hy-sinh vài đồng giẻ rách. Còn về phần riêng Tư bị gán hàng hà sa số dầu màu thuốc lá vứt các xó các gậm giường, góc tủ, cả ở túi áo rét lâu ngày không bỏ ra phơi, ấy là chưa kể những mảnh vé điện-ảnh cũ hoặc bức thư của bạn gửi cho từ hơn hai năm nay chưa bóc.

Bởi thấy mình đầy tội tội lỗi, Tư sẵn lòng tha thứ cho mọi người. Song Tư không thể nén giận, khi đứng trước một vài cử-chỉ khiến Tư có cảm-tưởng không tốt đẹp về nhân-tình thế-thái : thằng Thu, con thứ ba, muốn đem theo lọ mực, lại đồ mực cũ lênh láng ra nhà tắm ; chị hai bàn tay bàn quạt luôn lên tường và cánh cửa, bị mắng lại trả lời : sắp đi khỏi còn cần gì ? Quả là hữu thủy vô chung, « sau ta sống chết mặc bay, tùy trời mưa lụt, après moi le déluge ». Lòng ích-kỷ của con người sao trắng trợn như vậy mà dám coi như tự-nhiên ? Không thể được, phải lau chùi cho kỹ, quét hết rác rưởi, để lại cho người đến sau dù chưa biết là ai, một căn nhà tinh tươm sạch sẽ. Những cái đinh kia, lúc đóng phải dò từng kẽ gạch, những chiếc dây thép kia mắc phải vặn đinh khuy căng

mãi mới thẳng, cấm tháo đi : chẳng phải vì giá không đáng bao nhiêu, nhưng vì lười ra thì dễ, mắc, đóng tốn nhiều công mới tránh được cảnh lở tường dơ mắt...



Trăng đã lên cao, rạp điện-ảnh đầu đường đóng cửa tắt đèn rồi, Tư mới tạm xong việc, đáng lẽ nằm để sáng mai dậy sớm cho những người lao-công tới khuôn vác... Nhưng đặt mình xuống, chợt nhớ rằng chỉ còn đêm nay nữa thì rời khỏi nơi đây, có lẽ mãi mãi, bất-giác sinh tình luyến tiếc, tuy buổi chiều còn sốt ruột mong chóng ra đi. Tất cả các cuộc giá-từ đều được buồn thì phải, dầu đối với một khung cảnh vô-tri. Ưa hay không, hợp hay chẳng hợp, tại căn lầu này mưa nắng vui buồn phút chốc ngót năm năm, khỏi sao nổi băng khuâng bja rjn ? Nhưng tự bảo vậy cũng chưa giải đáp gì hết. Chắc gì Tư bận tâm đến những bức tường này, nó cũng chỉ là vôi gạch, chẳng thú chi con đường om sòm cát bụi kia... Có lẽ buồn gì một quãng đường đời sắp qua, với nhiều hy-vọng, tâm-tư, bản-khoản thắc-mắc đương lui về dĩ-vãng để rồi cùng bao nhiêu sự vật khác xóa nhòa trong bóng tối thời-gian... Cứ nghĩ miên man như vậy, làm sao ngủ được ? Thôi thì trở dậy viết lãng nhăng đôi câu giải muộn, cho nên có vài dòng lãn thần dán vào mặt tủ placard liên tường, mặc cho kẻ đến sau cười :

*Trái mấy xuân thu ngụ chốn này,
Ngửa nghiêng trời đất, ngắm đông tây,
Thấp cao thang bậc chân chưa mỏi,
Nóng lạnh ngày đêm giấc khó say.
Bằng-hữu chê bai đường gió bụi,*

*Tâm-tình vương vút nợ trắng mây...
Mơ hoa rấn bước sang vườn mới,
Tùy lượng người sau xét dở hay.*



Được cái, những nỗi niềm liên-quan đến nhà cũ, ngay bây giờ sáng hôm sau hầu như bị tràn ngập bởi mọi sự bận rộn.

Khi những người lao-công của hãng dọn nhà đã xếp xong đồ đạc và ràng buộc gọn gàng, Tư nhìn qua một lượt để kiểm điểm lại xem còn quên gì, chợt thấy trái tim hình như hơi thất lại: đó, tất cả cơ-nghiệp, đến khi đầu sắp hai thứ tóc, gồm lại chưa đầy hai chiếc xe đồ. Trong khi đó, thằng út hoa tay khoe với bạn nhỏ láng giềng xúm xít đến tiền chân: bồ ạ, ba tôi có cái nhà mới đẹp ghê! Giọng nói và nét mặt hãnh diện như thể ba nó sắp thu cả một Bồng-Lai vào trong túi rỗng. Nhưng khi hỏi nó có chịu lên xe đồ hay không để hộ tống những chum nước và nồi niêu soong chảo, nó lắc đầu: ý chừng không muốn xấu mặt với bạn và chưa chịu nhận rõ thực-cảnh của ông thân-sinh, thôi thì cứ mặc cho tuổi xanh vui sướng.

Bước chân tới nhà mới, nó cùng các anh các chị nhỏ chạy lăng quăng thám hiểm các góc các xó, và vỗ tay reo: a ha, chỗ này mà chơi hú tùm đi trốn thì phải biết! Trong lúc đó, Má chúng bình tĩnh chỉ dẫn cho người khuân vác: vì đã liệu trước đồ nào kê nơi nào, từ giường ghế đến chậu hoa, nên chỉ độ non một giờ, việc bày biện đã hoàn tất, để có thể trang hoàng ngay phòng khách. Song Tư nghĩ bộ sa-lông năm thì mười họa mới dùng, ghế ngồi có xấu xí chắc bạn bè thân thích cũng chẳng nở chê cười vì ai cũng thừa

rõ gia-cảnh. Cho nên Tư chăm lo hơn về phòng ngủ vì giấc ngủ đối với Tư cần hơn là việc xã-giao nói khoác; và lại, xưa kia chốn an giấc ngàn năm còn được ông cha chú trọng từ lúc sinh-thời, huống chi nơi di-dưỡng để còn vui sống; vì thế, Tư có tranh ảnh hay đồ vật nào ưa thích, cũng để trong phòng ngủ, và mua cả giường mới để thay hai tấm bọc gỗ đầu vẫn dùng để trần trọc canh khuya từ khi vô Nam.

Mấy con nhỏ thấy đệm cao-xu, thích lắm, cứ lăn lên nhảy, và ao ước ba má mua cho mỗi đứa một, nhất là khi ghế bố đã được thay bằng giường. Hạnh đã xiêu lòng, nhưng Tư chỉ thỏa-hiệp cho con gái, vì thiếu-nữ cần giữ thân hình sắc đẹp, còn đối với con trai, nhất định phải tập cho cứng rắn, tránh sống ủy-mị trong êm ấm, vì biết đâu rồi ra không phải xông pha năm gai nếm mật để thành người?



Tối đầu tiên tại phòng mới, trên giường mới, Tư thấy lạ chưa ngủ được: Hạnh nằm yên, chắc dọn mệt nên say giấc rồi, ngờ đâu lại nói nheo nhéo: « tôi có cảm-tưởng như hôm cưới... » Tư cũng đồng tình tuy chưa kịp nói ra. Hạnh tiếp: « cái gì cũng mới cả... trừ có vợ thôi nhĩ?... » Tư vội vàng đánh trống lảng: « Tây nó bảo hai lần dọn nhà bằng một lần cháy, mình dọn mấy lần rồi nhĩ?... » Câu chuyện theo đà đó, thì chỉ có việc ngáy thôi, để sớm hôm sau tỉnh dậy càng thấy bở ngỡ hơn.

Giơ tay tìm ly nước lọc ở tủ nhỏ đầu giường như mọi khi: làm gì có? À, tủ đó nhường con gái lớn từ hôm qua. Mặc xong quần áo, chẳng biết đôi giày để đâu, ngẩn mặt ra chừng năm sáu giây mới nhớ

là nó được an-vị tại nơi dành riêng cho nó và guốc dép của các con, một cái-cách của nội-tướng. Muốn bật đèn, phải du-lịch quanh buồng như Xavier de Maistre, để khám phá ra nơi vẩn... Nhất cử nhất động đều phải tập lại : thời cũng là một dịp hiếm có để thay đổi nếp sống hàng ngày từ trước đến nay, và theo những thói quen khác cho con người bớt tánh-cách máy móc. Sự đổi mới xét ra cũng nhiều thú-vị, tỉ như khi được xới đất trồng cây.

Từ bao năm nay, thực ra ít khi Tư được thưởng hoa, chỉ biết qua nhìn thoáng ở nơi bán cây, trên các vỉa hè, lúc qua các vườn, ở tranh ảnh, sách thực-vật-học khô khan hay các bài thơ bóng gió. Bây giờ cần tìm màu chọn giống mới rõ hơn mình thích hay không ưa loại nào : hoa *Trang* hay *Giả-mẫu-đơn* chẳng hề vì sao cứ buộc Tư liên-tưởng đến cái gì loè loẹt của vài ông chánh-tổng bá-hộ thời xưa ; tú-câu, lạ thay cũng nhắc cho Tư câu « áo gấm đi đêm »... nên Tư đã biểu lại bạn khi được bà con đem tặng. Trái lại, Huệ mà bao lâu Tư vẫn coi thường, — có lẽ tại thấy nhan nhản ở các chợ hay cửa đền chùa, — nay ngắm kỹ nhiều lần, hồi lâu mới nhận ra những chùm nụ xinh-xắn và thân yếu điệu. *Hồng* thì không mê sao được ? Bạc-mệnh cũng trồng la liệt, nay nở mai tàn mới quý vì luyến-tiếp. Lại những *Hoa mười giờ* mà Tư chú ý lần đầu, cổ sức quyến rũ lạ thường ; sớm mai chưa

thấy, buổi trưa nở rực, Tư định đề chiều về ngắm kỹ thì đã biến đâu mất rồi : cứ ngày nào cũng ần hiện như vậy, khác chi một người đẹp chấp chờn mà không cho gặp ? Hoa điểm-lệ, thắm tươi duyên-dáng còn hơn cả Đào và Mai, nhưng sao thì nhân họa-sĩ cò-lai chỉ đua nhau vịnh hay vẽ Mai và Đào ? Thực quả vô-lý, bất-công, Tư thương nên càng thích, và tự hỏi : chắc còn rất nhiều hoa khác có vẻ đẹp riêng nhưng vì thành-kiến Tư không chịu tìm mà ngắm, cần định lại thang bậc giá-trị trong vườn cũng như ở nhiều phạm-vi khác để khỏi oan-uổng bao nhiêu màu sắc.

Tư dương « triết-lý » thì nghe tiếng vợ : « thôi, từ nay ông có vườn riêng thì ở nhà mà ngắm hoa nhà... »

Cái đó còn xem... Dù sao Tư thấy mảnh vườn con cũng như tấm lòng Tư, tràn đầy hy-vọng sáng tươi. Mỗi bận mang cho Tư một vài gốc nhân dịp lễ Giáng-Sinh, để thay những tờ thiệp xanh đỏ với sáo-ngữ chúc mừng mà Tư chưa bao giờ đủ can-đảm trả lời. Tư chờ đợi xem cây của ai này nở tốt đẹp hơn, *Bông giấy* của Chi hay *Trúc-đào* của Phước ? Mỗi cây là một thiện-cảm sông động lâu dài, một nguyện-ước lặng thầm đầy ý-nghĩa : xin đừng ai nở đuôi ra khỏi chốn này, một kẻ đã mất hết cả, trừ số người thân và những tình thương...

Đ. T.

★ Nguyên sự việc làm việc chung với nhau dưới một mái nhà không đủ để tạo nên sự cố kết và sự thống-nhất. Bất-luận đoàn-thể nào muốn tránh đi tới chỗ rời rã vì nỗ-lực không kết quả và có chỗ mâu-thuẫn, cần phải rán trở thành một đoàn-thể linh-hoạt, trong đó mỗi phần tử, từ cấp cao nhất cho tới cấp thấp nhất, đều làm việc cho ăn nhịp với nhau.

XUÂN

HOÀI VỌNG

Đêm xuân sâu giải mộng sông hồ
Mắt ai rờn-rợn sóng cô-tô
Một kiếp trầm-luân duyên bội-bạc
Nửa thân tro bụi mộng thờ-ơ.
Thế-nhân đâu bề mồn năm tháng
Cổ-sự đầy vơi cạn ước mơ
Tỉnh, say một giấc Xuân hoài-vọng
Đời vẫn còn kia vết máu khô !



Xưa giữa đường trăng Ta với Em
Nhịp Xuân sâu mộng vẫn êm-đềm
Tám thân diễm-lệ thơm trinh-tuyệt
Tắc dạ nao-nao nặng ước-nguyên
Một giấc hoài-xuân tuy chữa tỉnh
Nghìn năm tao-ngộ hãy còn duyên.
Đứng cay về giữa Xuân hoang lạnh
Hoa rớt rơi đầy trắng mái hiên !



Ta trách rằng Xuân chẳng vẹn thề
Năm đầy tâm-sự một mình nghe
Cổ-nhân một thưở làm ân-ái
Thế sự nhiều phen lỗi trúc-tì
Ta vẫn còn đây ôm ảo-vọng
Em chừng riêng đấy đắm mê-ly
Đêm nay Xuân chẳng về trong mộng
Hoa lá ngoài kia, Xuân cánh quy !



Xuân lại về đây, Xuân đến đây
Mệnh mang thương nhớ, vóc xương
gầy
Đêm xuân vàng-vỡ duyên tình bạc
Ngày Tết tha-hồ hương rượu cay
Bốn phương tri-kỷ buồn heo hút
Một gót phù-hoa vui ngất ngây
Ta lặng nhìn Xuân im tiếng khóc
Năm nghe hơi rượu ngậm-ngùi say.

TƯƠNG QUẢN

ÁN TRỌNG, người phủ Diên-An, tỉnh Thiểm-tây, ở chung nhà với anh là An Bách, yêu mến nhau thật đậm thắm.

Bách đến ba mươi tuổi qua đời, không ai nối dõi. Rồi vợ cũng mất. Trọng lấy làm thương xót, vẫn định bụng bao giờ sanh được hai con, thì để một đứa lo hương khói cho anh. Vừa để một mụn trai, vợ Trọng lại chết. Trọng sợ vợ kể chắc không thương con mình, nên định mua một người làm bé.

Miễn quê có kẻ muốn bán tờ gái, Trọng bèn đi xem thử, thấy không ưng ý cho lắm,

lòng riêng phiền muộn. Chợt có người bạn cầm lại uống rượu, đến khi say khướt mới về.

Nửa đường bỗng gặp đồng học thuở nhỏ là Lương-Sanh, tay bắt mặt mừng vồn vã, mời quá bộ ghé nhà. Dương túy lúy quên lửng chàng kia đã là người cõi âm, dạn tay cùng đi.

Bước vào cổng, nhận ra không phải nhà cũ độ nào, sanh nghi gạn hỏi : Đáp : « Mới dời về đây thôi. » Vô trong định bày tiệc

rượu, té ra rượu nhà đã ráo sạch. Dặn Trọng ngồi đợi, xách bầu đi mua.

Trọng ra ngoài cổng đứng chờ, trông thấy một người đàn bà cỡi lừa đi qua, có đứa bé theo sau, tuổi chừng tám chín, mặt mũi đáng điệu giống hệt anh ruột mình. Dạ ngùi ngùi, rảo bước đi theo, hỏi cậu bé họ gì. Nghe đáp là họ Ân, Trọng càng giật mình. Lại hỏi phụ thân tên gì, nhoe cười nói rằng chẳng biết.

Lời vừa dứt thì đã tới cửa nhà : người đàn bà xuống lừa. Trọng cầm tay cậu bé mà nói : « Cha cháu có nhà không ? » Đứa bé thưa vâng, rồi đi vào.

Giây lát, một người đàn bà đứng tuổi bước ra dóm, rõ là chị dâu. Chừng hững hỏi : « Chú làm sao lại đây ? Trọng bị thăm trong lòng, theo gót bước vào. Nhận thấy nhà cửa cũng ngăn nắp lắm, bèn hỏi : « Anh đâu rồi ? » Đáp : « Đòi nợ chưa về. » Lại hỏi : « Người cỡi lừa là ai vậy ? »

Đáp : « Vợ lẽ của anh đấy, họ Cam, sanh được hai trai rồi. Đứa đầu tên Đại, đi chợ chưa về. Còn đứa chú thấy đây tên Tiểu. »

Ngồi chơi khá lâu, rượu hã hơi dần dần, tỉnh ra mới hay chỉ toàn là ma. Nhưng tình anh em thâm thiết, nên cũng chẳng sợ gì. Người chị dâu lo hâm rượu, nấu cơm. Trọng sốt ruột muốn gặp mặt anh, giục Tiểu đi tìm.

Hồi lâu trở về, khóc thút thít mà nói : « Ông Lí thiếu nợ đã không trả, lại cãi nhau với cha ồm tỏi : » Trọng nghe vậy, lật đật ra đi với Tiểu.

Thấy có hai người đương vật anh chú xuống đất, Trọng nổi xung, nắm tay lại hăm

hăm xông tới. Hai người kia bị đánh ngã hết, chàng vội đỡ anh dậy, phe địch bỏ chạy. Đuổi bắt được một người, vung gậy đập bất kể số. Bấy giờ mới cầm tay anh, giậm chân sùi sụt bị thương. Ông anh cũng sùi sụt.

Trở về, cả nhà đều hỏi thăm an ủi. Rồi dọn rượu thịt, anh em ăn mừng. Chẳng mấy chốc, một thiếu niên bước vào, tuổi chừng mười sáu, mười bảy. Ân Bách gọi tên : « Đại, con », bảo lạy chú. Trọng kéo lên, khóc thốn thức, quay lại anh mà than : « Anh ở dưới đất có hai cháu, nhưng mồ mà không quét được. Em thì con thơ, lại góa vợ, biết tính sau bây giờ. »

Bách nghe cũng bùi ngùi. Người chị dâu nói với chồng : « Kêu thằng Tiểu theo chú nó, cũng được mà. » Tiểu nghe thế, rúc vào dưới khuỷu tay chú, quẩn luyến chẳng rời. Trọng khẽ vỗ đầu nó, dạ càng chua xót, hỏi : « Cháu chịu theo không : » Đáp : « Thưa chịu. »

Trọng sức nhớ ma tuy chẳng phải là người, nhưng chút thân tình ấy cũng còn hơn không, bởi thế chàng hoan hỉ ra mặt. Bách nói : « Thì cho theo chú đấy. Mà nhớ đừng nuông chiều. Nên cho ăn những món thịt có máu. Ngày nào cũng phải bắt nó ra ngoài trời phơi nắng, quá Ngọ mới thôi. Con nít sáu bảy tuổi làm như thế hết xuân sang hè, là sẽ lại nảy nở đủ thịt xương, có thể cưới vợ sanh con được. Chỉ e không trường thọ đó thôi. »

Trong khi chuyện vãn, ngoài cửa có thiếu nữ đứng nghe lỏm, đáng điệu rất nhu mì. Trọng nghi là con gái anh mình, liền hỏi cho biết. Anh đáp : « Dì út nó tên Tương-Quần, là em vợ nhỏ của tôi. Mồ côi từ

thuở bé, không nơi nương tựa, ngụ tại đây đã mười năm trời. »

Hỏi : « Hứa gả chỗ nào chưa ? » Bách nói : « Vẫn chưa. Mới đây có mẹ mới đánh tiếng cho con nhà làm ruộng ở xóm đông ». Á từ bên ngoài cửa sổ, khế nói : « Em không ưng cái thứ chăn bò làm ruộng đâu. » Trọng thấy lòng rung động, mà chưa tiện ngỏ ý cùng anh.

Rồi Bách đứng dậy, dọn giường bên thư phòng cho em ở đêm. Trọng vốn chẳng muốn lưu ngụ, nhưng vì cảm mến Tương-Quần, định tìm cách dò thử ý anh, bèn xin phép anh đi nghỉ.

Bảy giờ đầu xuân, khí hậu còn lạnh. Trong thư phòng lâu nay không có lò lửa. Chàng rét đến sờn gai ốc, ngồi co ro đối ngọn đèn cầy (1), ước có rượu uống chơi. Giây lát Tiểu ở đâu chợt đẩy cửa bước vào, đem chén đồ nhắm và bầu rượu dọn lên bàn.

Trọng mừng lắm, hỏi ai bày vẽ thế. Đáp là dì Tương. Lúc rượu sắp hết, Tiểu lại bùng ra chậu than hồng, phủ tro, đặt ở gầm giường. Trọng hỏi : « Ba má ngủ chưa ? » Đáp : « Ngủ lâu rồi. » — « Cháu ngủ chỗ nào. » Đáp : « Chung giường với dì Tương. » Tiểu đợi chú nhắm mắt, mới khép cửa đi ra.

Trọng xét thấy Tương-Quần thông minh, chiều đón, nên càng ái mộ. Lại hay rằng ả biết chăm nom cho Tiểu, thì lòng muốn được ả càng thêm cương quyết, trần trọc trên giường, suốt đêm không ngủ.

Sáng dậy sớm, nói với anh : « Em nay

(1) Nguyên Văn là : Đồi chúc lãnh tọa. Trong Hán văn, CHÚC không bao giờ có nghĩa là duỗi, như nhiều tự điển Hán Việt đã giải thích sai lầm.

một mình chưa vợ, phiền anh nhớ để ý lo liệu giùm » Bách nói : « Nhà ta chẳng phải bần cùng, tìm vợ tự nhiên là chắc được. Dưới đất dầu có người đẹp, nhưng e không lợi ích gì cho em đấy chứ. »

Trọng nói : « Người đời xưa cũng lấy vợ ma, có hại gì đâu. » Bách dường như hiểu ý, liền bảo : « Tương-Quần cũng khá. Nhưng phải dùng kim lớn, chích vào mạch tay trái cô ấy, như máu chảy ra lâu không ngừng, thì mới làm vợ người dương gian được. Việc này không nên sơ suất cầu thả. »

Trọng nói : « Nếu được Tương-Quần sẵn sóc cháu Tiểu, thì nhất cử lưỡng đắc. » Bách chỉ lắc đầu. Trọng theo năn nỉ không ngớt. Chị dâu bèn nói : « Để mình bắt Tương-Quần, chích máu nghiệm thử, chừng nào chẳng có vậy, sẽ thôi. » Nói đoạn, cầm kim rời khỏi phòng.

Chợt gặp Tương-Quần ngoài cửa, vội nắm lấy cánh tay, thấy dấu máu còn ướt. Thì ra, nghe trộm lời Bách nói, ả đã tự làm thử. Chị dâu buông tay ra mà cười, trở lại cho Bách hay : « Cô ấy đã phải lòng ông khách tài tình khôn khéo từ lâu rồi, còn phải lo liệu giùm nữa sao ? »

Người vợ bé nghe chuyện, nổi giận, chạy lại gần Tương-Quần, xía xối vào mặt mà mắng rằng : « Đồ gái dâm không biết xấu hổ, định trốn theo chú nó phải không ? Tôi nhất định chẳng để cô muốn ngang nào được ngang nấy đâu. » Tương-Quần vừa thẹn vừa tức, khóc nức nở, muốn chết cho rồi. Cả nhà xôn xao lên.

Trọng bẽ bàng quá, bèn già anh chị, dắt Tiểu ra về. Anh nói : « Thôi em hãy về đi. Thằng Tiểu, đừng cho nó trở lại đây

nữa, sợ tổn sanh khí của nó chẳng. » Trọng xin vâng.

Về nhà, Trọng nói dối tăng tuổi cháu, bảo rằng lúc anh mất, bán tì nữ đi nơi khác, không ngờ có để lại cho y mụn con tư-sanh này. Người ta thấy gương mặt giống hệt, cũng tin là con rơi của Án-Bách.

Trọng dạy nó học chữ, ngày nào cũng bắt ôm sách ra ngoài nắng mà đọc. Ban đầu Tiểu lấy làm khổ, lâu rồi cũng quen dần. Giữa tháng sáu, bàn ghế ngồi thiếu điều phồng, nhưng cậu bé cứ chơi, cứ học, tịnh không oán trách tí nào.

Cậu bé rất thông minh, mỗi ngày học hết nửa quyển, ban đêm ngủ chung với chú, thường nằm đọc sách thuộc lòng. Trọng rất thỏa dạ. Mà vẫn không quên được Trương-Quần, nên chẳng tính lập gia thất với ai khác.

Một hôm có hai bà mai đến bàn việc hôn nhân của Tiểu, sực nghĩ chính mình không người nội trợ, lòng rất phiền não. Bỗng chị dâu họ Cam ở ngoài bước vào nói : « Xin chú đừng lấy làm lạ. Tôi đưa Trương-Quần lại rồi kìa. Cô ấy không biết mắc cỡ, nên dạo nọ tôi cố ý làm nhục nó. Chớ tài đức như chú, mà chẳng gả, thì còn gả cho ai ? »

Thấy Trương-Quần đứng sau lưng, lòng mừng khắp khởi. Mời chị dâu ngồi, nói đương có khách ở phòng giữa, rồi ra ngay.

Trương-Quần lột nữ trang, đi xuống bếp. Tiếng dao thót vang lên inh tai. Chẳng mấy chốc, thịt cá dọn ra la liệt, nấu nướng cực ngon. Lúc khách đi rồi, Trọng bước vào thấy Trương-Quần trang điểm xong, ngồi trong buồng, bèn cùng nhau giao bái thành hôn.

Đến tối, ả cứ muốn ngủ chung với Tiểu. Trọng bảo : « Tôi cần phải lấy khí dương ấp ủ nó, không thể rời ra. » Bởi thế nên sắp đặt cho ả ở buồng riêng, nhưng tối tối đều sang, cùng uống vài chén rượu, vui vầy một lát thể thôi. Trương-Quần nuôi con của vợ trước cũng như chính mình, nên Trọng càng kính mến ả.

Một tối vợ chồng đương đầm ấm ân tình, Trọng đùa hỏi : « Cõi âm có giai nhân không ? » ả ngẫm nghĩ hồi lâu, mới đáp : « Chưa thấy bao giờ. Chỉ có người thiếu nữ hàng xóm tên Uy-Linh-Tiên, ai nấy đều cho là đẹp. Dòm kĩ dung mạo, thì cũng như phần đông kẻ khác. Chỉ nhờ y trang sức dõm dáng đấy thôi. Đi lại với thiếp lâu lắm rồi, bụng thầm khinh y là kẻ dâm đang. Như muốn gặp, chỉ giây lát có thể vờ lại ngay. Nhưng hạng người ấy, tưởng không nên dính dấp đến làm gì. »

Trọng nóng muốn gặp một phen, ả liền cầm bút tựa hồ toan viết thư. Nhưng lại buông quăn bút xuống mà rằng : « Không được, không được. » Giục năm lần bảy lượt, thì nói : « Xin chàng chớ để bị mê hoặc. » Trọng đồng ý. ả bèn vẽ lên giấy vài nét nguệch ngoạc như bùa, rồi đem ra ngoài cửa mà đốt.

Khoảnh khác, tấm màn lay động, móc lách cách khua, có tiếng ai cười khanh khách. ả đứng lên dắt vào : búi tóc thắt cao, làn mây chải mượt, phảng phất như mi nữ trong tranh. Dịu ngồi xuống đầu giường, rót rượu cùng nhau tỏ nỗi hàn huyên.

Thoạt thấy Trọng, ban đầu còn nâng tay áo che miệng, dăm chửa cợt nói tự do. Sau vài ba chén rượu, thì là lời không ngại gì

nữa. Dần dần lại thò một bàn chân đạp lên áo Trọng. Trọng mê mẩn trong lòng, chẳng còn biết thần hồn phiêu bặc tận đâu đâu. Trước mắt chỉ ngai Tương-Quần. Tương-Quần lại cố giữ riết, dầu một chốc cũng không rời nửa bước.

Uy-Linh-Tiên bỗng vụt đứng dậy, vén màn đi ra. Tương-Quần vội theo, mà Trọng cũng nổi gót. Uy-Linh-Tiên nắm tay Trọng, chạy sấn vào phòng khác. Tương-Quần tức lắm nhưng không biết tính sao, đành ôm phần oán lui về buồng, ai làm gì mặc ý.

Xong cuộc, Trọng trở vào, Tương-Quần trách móc : « Không nghe lời tôi, sợ sau này rầy chẳng được đấy chứ. » Trọng nghi ả ghen, bụng không vui, bỏ đi một nước.

Tối hôm sau, Uy-Linh-Tiên không ai mời, tự dẫn xác lại. Tương-Quần chán ghét vô cùng, khinh bỉ đến không thèm chào hỏi. Tiên cứ việc cùng Trọng dặt nhau sang phòng khác. Như thế luôn mấy hôm. Thấy y lại, là ả mắng nhiếc, mà chẳng tài nào tổng cổ đi được.

Đâu hơn một tháng, Trọng phát bệnh, ngồi dậy không nổi. Bảy giờ mới hồi hận, kêu Tương-Quần ngủ chung, mong có thể lãnh mát. Nhưng vô luận ngày đêm, hễ phòng-bị có phần xao lãng, thì người vớ ma liền đã vầy duyên cá nước. Tương-Quần xách gậy đuổi đi, ma sấn sổ đối địch lại. Tương-Quần yếu đuối, tay chân đều bị thương. Bệnh Trọng mỗi ngày một nguy kịch, Tương-Quần thốn thức mà rằng : « Thiếp còn mặt mũi nào nhìn chị thiếp được nữa. » Vài bữa sau, Trọng thoát mê man rồi chết.



Thoạt tiên thấy hai tên lính lệ, cầm tờ công văn tiến vào. Chàng bắt giắc đi theo. Ra tới lộ, lo về nỗi trong lưng không tiền, bèn cầu xin lính lệ tiện đường ghé qua chỗ anh ở. Người anh chợt thấy em, kinh hãi thất sắc, hỏi em độ sau này làm gì. Trọng đáp : « Cũng chẳng có gì thay đổi. Ngặt một nỗi mắc bệnh ma. » Rồi thú thật tất cả. Anh nói : « Thôi được ».

Đoạn lấy ra một gói bạc nén, bảo lính lệ : « Hai bác vui lòng nhận đi cho. Tôi em tôi không đáng chết, xin thả nó về. Để tôi kêu thành con tôi đi theo, chắc sẽ không có gì trục trặc đâu. » Bèn gọi Đại ra nâng cốc với bọn lính lệ cho có bạn. Còn mình thì quay vào nhà, kể lại cả sự tình cho mọi người cùng biết, rồi bảo Cam-thị đi kêu Uy-Linh-Tiên ở cách vách.

Một lát Tiên đến, vừa thấy Trọng toan chạy trốn ngay. Bách túm lấy tóc, mắng

rằng : « Đờ dâm dật ! Sống làm gái mất nết, chết làm ma tối tàn. Chẳng đếm xỉa gì tới dư luận từ lâu rồi, nay định hại em ta nữa phải không : » Liền tát y một cái : như bong bong, tóc tuyết rơi tung, trong thoáng chốc mặt sưng ử rử.

Hồi lâu, một bà lão đi vào, sụp xuống đất van lơn thăm thiết. Bách lại trách bà lão thả con gái công nhiên làm điều dâm dăng. Nhức móc một chập, mới cho đem con đi về.

Bách bèn đưa Trọng ra cửa. Giây phút đã về đến buồng nằm như bừng tỉnh mộng, mới hay vừa rồi mình đã chết.

Bách trách Trương-Quần : « Tôi với chị của cô đều bảo cô hiền hậu giỏi giang, nên cho cô về với em tôi. Cô lại muốn làm em tôi chết sớm sao. Nếu không hiềm về chút tình quyến thuộc, thì đáng lí tôi phải đánh cô một trận nên thân. » Trương-Quần vừa thẹn, vừa sợ, khóc sụt sướt, quỳ dưới chân Bách mà tạ tội.

Bách ngoảnh nhìn Tiểu, mừng nói : « Có ai dè con đã thành người sống. »

Trương-Quần muốn đi nấu cơm, Bách từ chối mà rằng : « Vụ của chú nó dàn xếp chưa ổn, tôi quả không rảnh. » Tiểu mười ba tuổi, dần dần biết mến cha, thấy cha bước ra, rung rung nước mắt đi theo. Cha bảo : « Ở với chú vui biết bao nhiêu. Cha đi còn trở lại mà. » Trọng chớp mắt đã biến đâu mất. Từ đó không lui tới nữa, bắt cả tin tức.

Về sau Tiểu cưới vợ, sanh một con, cũng đến ba mươi tuổi là qua đời. Trọng nuôi đứa cháu mồ côi, như lúc cha nó còn sống. Năm Trọng tám mươi tuổi, thì con Tiểu trên hai mươi. Bảy giờ mới cho ra riêng.

Trương-Quần không sinh nở lần nào. Một hôm bảo Trọng : « Để thiếp xuống dưới đất trước, lo việc khu trừ hồ-li-tinh, chàng nghĩ có nên không : » Đoạn, phục trang lộng lẫy, lên giường nằm mà tắt nghỉ. Trọng không bi thương cho lắm, nửa năm sau cũng chết.

KIỀU-YIÊU

CẦN GẤP

Chúng tôi cần gấp mấy tập thơ, tuồng thời tiền-chiến sau đây :

- « Kim-Túy tình-từ » của Phạm-Kim-Danh
 - « Tuồng Kim-Vân-Kiều » của Trương-Minh-Ký
 - Hận chiến-trường của Trần-Thanh-Tịnh
 - Tần-Ngọc, Yêu-đương, Con voi già, Tây-Thi, Hận chiến-sĩ của Phạm-Huyền-Thông
 - Sóng thơ của Thu-Hồng
- và những bài thơ của Không-Dương, Việt-Châu, Tân-Phương, Phi-Yến (nhà thơ miền Nam, đã qua đời) để làm tài-liệu. Ban nào còn giữ, xin cho chúng tôi mượn để sao lại — tại chỗ, hay được đem về —

chúng tôi rất cảm ơn

B. K.

GIÓ XUÂN

Gió quẩn bên mình như giải lụa.
Gió em, gió mát, gió chơi vơi !
Gió về, mang tự muôn xa lại
Hương lạ tràn lan khắp hướng trời.

Gió vuốt ve cành, cây này lộc.
Nhựa non sôi réo, lá xôn xao.
Đài nghiêng rạo rức bao tươi thắm,
E-lệ tình hoa muốn gửi trao...

Chim chóc đua nhau lời chúc tụng.
Gió xuân thổi sạch lớp trần ai.
Đất trời nghe bỗng hồi sinh lại.
Thao thức muôn phương vạn mạch đời.

Gió tự trời xanh hồn bất diệt,
Về đây cất cánh với lòng ta.
Yêu đương nhẹ trải lên muôn vật,
Khắp mặt non sông bỗng trở hoa.



TUỔI THƠ ĐÃ MẮT

(Tiếp theo B.K. số 73)

VÕ - PHIÊN

NGUỜI đàn ông thật tên là Bành ngừng lại. Trong gian phòng âm âm tối, tôi thấy y gục gặc cái đầu nhẹ nhẹ nhịp nhàng. Rồi bỗng y ngẩng lên hướng về tôi. Đôi mắt của y thành hai cái lỗ hồng đen ngòm. Y nhe răng ra cười, nhưng cái cười lặng lẽ không phát thành tiếng. Có lẽ đó là thói quen của đôi môi, chứ thực ra tâm trí của y lúc ấy không theo dõi kiểm soát cử chỉ y nữa. Hàm răng trắng và hai lỗ mắt đen cứ yên lặng nhắm vào tôi lâu quá đến nỗi tôi đâm bối rối. Trước mặt tôi không còn con người huênh hoang ồn ào nữa. Trái lại, người ấy đã dần dần bị thu hút vào những thắc mắc suy tưởng khó hiểu. Biến đổi ấy thực hiện cùng một lúc

với sự tràn ngập của bóng đêm vào trong phòng, tưởng chừng những cử động múa may của Bành là do sự kích thích của ánh sáng, tắt cái động lực ấy đi, y nguội dần và trở nên bị quan buồn thảm.

Trong bóng tối, y cất tiếng lên nói tiếp :

« Vào trường hợp lạ lùng đó người ta cũng có thể nghĩ rằng mình gặp một kẻ có tầm vóc mặt mũi giống mình, có thể ngờ cho sự lăm lăm của cặp mắt trong đêm tối chứ. Nhưng tự nhiên lúc đó tôi không nghĩ như thế. Tôi tò mò ngắm nghía một lát, rồi cái hình thù ấy làm cho tôi thất vọng, buồn buồn, tôi không muốn dò biết lai lịch của hắn

ta, tôi quay gót vào. Đi được mười bước, tôi bắt đầu có ý-thức và cố ý bước nhanh hơn, tránh thoát cái hiện-tượng bất thường kỳ lạ ấy. Nhưng ngoảnh mặt lại, tôi vẫn thấy hắn đi theo tôi. Tôi không ghé vào phòng mà đi thẳng ra đường. Hắn lặng lẽ nối gót. Thoạt tiên tôi lấy làm lạ là những người qua lại ngoài đường gặp chúng tôi không ai tỏ vẻ ngạc-nhiên cả. Lẽ nào họ không chú ý đến sự giống nhau kỳ dị giữa hai chúng tôi? Dần dần sự thản-nhiên của họ lây sang tôi, và chính tôi cũng bớt quan-tâm đến tình-trạng của mình. Tôi coi sự có mặt của hắn bên cạnh như là sự có mặt của một người bạn thường.

« Đến quãng đường vắng chỗ ngã ba trước mặt nhà thờ, vắng người, tôi lén lén liếc mắt nhìn hắn. Hắn vẫn thản-nhiên bên cạnh tôi. Dưới ánh sáng đèn điện tôi chú ý đến mái tóc hoa râm của hắn, và thấy sự chải chuốt của mình phản ảnh trên hình dáng hắn có vẻ quá đáng, dễ ghét. Nhưng hắn không mấy may quan-tâm.

« Ông đã biết rằng tôi không phải là người miền Nam, tôi chưa quen thuộc mấy đường sá ở thành-phố này. Chúng tôi đi lạc vào một khu phố nghèo nàn, đường lối quanh co, chật hẹp, long lở. Cách xa xa có một ngọn đèn, dưới chân trụ đèn người ta ngồi bán bắp nướng, khoai lang luộc, bán quýt, bưởi v.v... Có lúc, đến một chỗ rẽ, tôi ngập ngừng chọn một ngã đường thì vài người đàn bà mời tôi mua quýt. Họ vừa mời qua loa vừa cười, không tin chắc được chú ý. Tôi ngạc-nhiên nghe họ nói: « Ông mua quýt? » mà không hỏi: « Hai ông

mua quýt? ». Tuy vậy, tôi cũng dừng lại, chọn mua vài quả, vừa đi vừa bóc ăn.

« Có lẽ chính do quả quýt ấy, do cái dáng đi thản thơ lơ lửng của tôi lúc ấy mà những anh phu xích-lô, những chủ quán giải khát hai bên đường bắt đầu gán cho cuộc đi dạo của tôi một mục-dịch xấu xa. Tôi nghe một người gọi:

— Thầy hai!

Tôi quay lại. Người đàn bà bạo dạn hơn:

— Vô đây chút đi, thầy hai. Đi đâu vậy? Bộ thầy định làm lơ đi luôn sao?

« Tiếp theo là một chuỗi cười dòn tan. Lây cái vui tự nhiên tôi cũng cười theo, và ghé vào nhà. Đang cười là một người đàn bà gần năm mươi tuổi, mặc một chiếc áo cụt vẽ từng vệt màu đen đỏ lẫn lộn, cò bẻ kiêu cò sơ-mi, tóc phi-dê, một người đàn bà trông có vẻ là một mẹ tây già, gầy nhom, hai vú chỉ còn nhô lên một chút xíu dưới làn áo mỏng. Lúc ấy tôi mới sức nhớ là giọng nói và con người ấy quả thực có vẻ quen quen, tôi đã gặp ở đâu một vài lần rồi. Thì ra những câu mời bạo dạn vừa rồi không phải là những câu nói liều. Tôi cố soát lại mãi trong trí cũng không nhớ được bà ta là ai. Trong lúc đó người đàn bà vẫn giữ nụ cười lơ đãng, nhìn chăm chăm vào mặt tôi như theo dõi sự hoạt động của ký ức trong tôi.

« Giữa nhà là một chiếc bàn tròn và bốn cái ghế nệm bọc vải bốn màu. Người đàn bà ngồi dựa ngửa trên một chiếc ghế, hai chân vắt lên một tay ghế, dáng bộ là lơ đãng thong thẹo.

« Cho tới lúc là ta đứng lên đi lấy chai bia tôi vẫn chưa nhớ ra bà là ai, và tôi vẫn tiếp tục quan sát những đồ vật trong nhà trông có vẻ quen thuộc. Tôi lấy thêm một chiếc ly cho người bạn mà bà ta không đề ý đến.

« Trong lúc tôi uống bia thì bà ta bước ra phía sau lưng tôi. Tôi nghe tiếng vệt một tấm màn, tiếng những chiếc khoen chạy trên giấy thép set set, rồi tiếng guốc của người đàn bà đi xa lặn. Cuối cùng tiếng guốc giậm lên sàn gỗ lộp bộp rồi im bặt. Mãi không thấy người đàn bà trở lại, tôi quay mặt ra phía sau. Tấm màn bị vệt ra vừa rồi để lộ một căn phòng nhỏ. Trong phòng một người con gái mặc chiếc áo dài màu xám tro có sọc trắng, ngồi co một chân gát lên trên một chiếc ghế trệt, cúi đầu cắm cúi bên một chiếc bàn to tướng.

« Tôi liếc nhìn người bạn đồng hành kỳ dị. Hắn vẫn lặng lẽ thản nhiên như không. Tôi đứng dậy, hắn không chú ý. Tôi bước tới bên người con gái. Cô ta vẫn cúi đầu chăm chú vào công việc như không biết có tôi đến. Tôi nhìn xuống hai tay, thì cô ta đang nặn một hình nhân bằng sáp. Và trên mặt bàn đã có sẵn ngót một chục người tí hon bằng sáp như thế, lớn bằng ngón tay cái, hoặc ngồi hoặc đứng, mở những cặp mắt nhỏ xiu đen lay láy.

« Tôi đứng bên cạnh cô gái một lát, cô ta không ngẩng lên, nói :

« — Kéo lá màn lại cho em.

« Giọng nói trong trẻo và cao quá, đến nỗi tiếng « em » sau cùng vang dài như một tiếng mèo kêu.

« Tôi kéo tấm màn cho kín căn phòng như cũ. Trước khi quay vào tôi vẫn thấy

người bạn đồng hành ngồi y chỗ cũ, trước ly bia, quay lưng lại phía tôi.

Tôi vừa bước trở lại, người con gái đã rút chân bỏ xuống đất, nhường chiếc ghế trệt cho tôi mà không lên tiếng mời, cử chỉ thân mật như hai chúng tôi đã từng sống bên nhau lâu ngày. Tôi ngồi xuống ghế, nhìn theo những ngón tay mơn mơn, trắng muốt của cô ta, vân vè miếng sáp màu hồng. Tôi vừa sung sướng bên cạnh một sắc đẹp trong khung cảnh thân mật ấm cúng và yên tĩnh bất ngờ, vừa buồn bã nghĩ rằng thái độ thản nhiên gây một sự gần gũi mau chóng với khách lạ như thế tất phải là ở một người đã thành thạo trong nghề quá rồi. Tôi liếc nhìn hai chiếc gối trắng tinh trên giường, và một quyển an-bum bìa cứng vút bên cạnh.

« Người con gái không lưu ý đến sự dò xét tò mò của tôi, ngẩng đầu lên, thở ra một hơi dài nhẹ nhẹ, rồi nhìn tôi, nở một nụ cười dè dặt mệt mỏi, nói :

— « Bất cứ giờ nào cũng có tiếng tàu lửa bên tai !

« Người con gái nói lơ-lửng, không than phiền, nhưng tôi cảm thấy rõ rệt một sự chán nản nhẩn nại. Lúc ấy tôi nghe tiếng đầu máy xe lửa kêu phì-phì, tiếng xình xịch, tiếng còi huýt, bên cạnh nhà. Thì ra khu phố nghèo nàn này ở gần bên ga của thành phố. Nhưng tại sao những tiếng ồn-ào hoạt động như mới vừa xuất hiện cùng một lần với câu nói của cô gái, tại sao ngay từ lúc đi lạc vào xóm này tôi có thể không nghe thấy, không đề ý đến những tiếng ấy ?

« Vừa nghĩ hoặc vẩn vơ, tôi vừa nói :

— « Tiếng còi tàu và cảnh náo nhiệt

ở sân ga bao giờ cũng làm cho tôi rối ruột, nhất là về ban đêm. Tôi nhớ những cuộc đi xa và bè bạn...

« Người con gái lại mỉm cười, nhắc nhỏ nhỏ :

— « Nhớ !

« Tôi nhận thấy một vẻ mĩa mai nhẹ nhàng trong tiếng ấy, làm cho tôi đỏ mặt. Lẽ cố nhiên tôi không hề nói đến cái ý nhớ nhung lãng mạn, tôi không hề muốn nói đến những trò tình cảm lỗi thời. Tôi đã quá cái tuổi ấy rồi và lấy làm xấu hổ khi bị một cô gái hiểu lầm, giễu cợt tôi về điểm ấy.

« Tôi chưa biết cái chính thể nào. Người con gái tiếp tục nụ cười và nhón tay sắp xếp các hình nhân bằng sáp trên bàn, nét mặt vẫn có vẻ tinh nghịch mĩa mai dịu dàng như khi giễu cợt tôi.

« Tôi nhận xét :

« — Em... em tên... ?

« — Lan.

« — Lan, ít khi một người con trai còn nhỏ hơn em như em mà lại có thể có cái chán chường mĩa mai kín đáo như em. Mà chắc gì em đã từng trải dày dạn hơn những người con trai vào tuổi em ? Đó là cái đặc điểm của con gái !

« Cô ta nghiêng đầu liếc nhìn lên, hỏi tôi :

« — Anh trông em còn non trẻ lắm sao ?

« Vẫn cái giọng mĩa mai đùa nghịch, làm cho câu nhận xét của tôi hóa thành một lời tăng bốc, nịnh dăm vụng về sáo cũ của một gã ngây thơ. Và điều lạ lùng là vụt một cái người con gái ngồi trước mặt tôi

không còn trẻ như tôi vừa trông thấy nữa. Thực khó nói ra sự chuyển dời đột ngột của tuổi tác trên một gương mặt, cũng như khó diễn tả bằng lời sự phân biệt giữa một vẻ tinh nghịch ngây thơ và sự châm biếm tinh quái già dặn hiện trong một khóe mắt. Nhưng thỉnh lình nhìn lại khuôn mặt của người con gái nghiêng nghiêng hướng lên, nước da trắng bạc ấy, tôi thấy mình lầm rõ ràng : ít nhất cô ta cũng đã ba mươi tuổi. Tôi ngạc nhiên mở to hai mắt như cổ tra vẫn từng đuổi con mắt, từng nét nhu trên sống mũi, tìm cho ra dấu vết sự thay đổi vừa rồi.

* Người con gái vụt phá lên cười. Tiếng cười dòn vui cởi mở như cốt xóa bỏ một sự đùa nghịch trước vẻ lúng túng của tôi. Và càng cười nét mặt cô càng dần ra, nở ra, tươi trở lại, nét mặt dần dần lấy lại vẻ trẻ non như một cành lá héo vừa nhúng vào nước. Khi cô con gái dứt tiếng cười, cô ta đã hoàn trở lại như cũ, là một thiếu nữ vào khoảng 18, 19 tuổi.

« Bất giác tôi quay đầu ngó ra ngoài bức màn như tìm một sự cứu viện. Ở phòng ngoài không còn ai cả : không còn người đàn bà già, cũng không còn người bạn đồng hành kỳ dị của tôi nữa.

« Cô gái giả vờ không để ý đến sự lo lắng nghi ngờ của tôi ; nhoẻn cười vui vẻ, đứng dậy, bước lại giường, với lấy quyển an-bum, lật ra vài trang, gọi tôi :

« — Anh có nhận ra đứa bé mười tuổi này là em không ?

« Tôi đến ngồi sát bên cạnh, nhìn qua vai cô gái. Mùi hương thoả ra từ mái tóc, vai và cổ của cô ta, cái hơi ấm từ người cô ta tỏa lên đánh tan hết mọi nghi hoặc

của tôi. Tôi cúi xuống đặt môi lên cái cổ trắng nõn của cô ta, và nói :

« — Anh nhận ra sao được ? Đối với anh, em không có dĩ vãng.

« Người con gái bỗng phá lên cười :

« — Hết thấy những người đến đây đều không muốn gặp cái gì quen thuộc. Ai cũng muốn tìm một chút hạnh-phúc mới. Mới ! Mới lần mới mới. Mới luôn, mới luôn đó là cái lẽ vui. Trốn sự quen thuộc, trốn cả thứ hạnh-phúc quá quen thuộc. Như vậy đủ biết cuộc sống thường nhật chán lắm phải không anh ?

« — Cuộc sống thường nhật » ! đó là cái tên em đặt cho cuộc sống ngoài những gặp gỡ bất ngờ ở đây ?

« — Chớ sao ?

« — Còn như em thì không có cuộc sống đó, cuộc sống của em toàn là những gặp gỡ bất thường.

« — Nhưng không phải vì vậy mà cuộc sống trở thành bất thường. Trái lại, nó thành ra thường đối với em rồi. Những bất ngờ liên tiếp góp lại thành cuộc sống thường nhật của em...

« — Bởi vậy em không trốn đi đâu được nữa ?

« — Vừa rồi, lúc vệt tẩm màn ra, anh tò mò muốn nhìn xem em đẹp hay xấu, trẻ hay già, nhưng còn em, em chẳng cần biết anh ra sao, em chẳng cần cái tò mò nữa. Bây giờ ngồi đây anh cũng còn tò mò chờ đợi coi em còn trẻ gì nữa hợp ý anh chẳng, nhưng em, em không chờ đợi gì ở anh hết. Như vậy buồn lắm phải không anh ?

« — Cuộc sống của anh chán lắm phải không anh ? Của em buồn lắm phải không anh ? » Em thật là một người con gái dễ thương. Dù trong lúc vô tình, ít cần nhất, em vẫn lộ cái nữ tính rất quyến rũ. Đàn ông nhiều tự ái lắm, dù là xác nhận một sự thật với họ mà dùng hình-thức dò hỏi ý-kiến như thế, họ khoái lắm. Em có thể làm một người vợ khéo.

« — Vợ anh hả ? Không được đâu, anh xấu lắm.

Cô ta cười. Tôi đưa tay véo tai cô ta một cái. Cô gái kêu « ái ».

« Tiếng kêu dứt rồi, tôi nghe như dư-âm còn vang lại là dư-âm một tiếng mèo kêu, chứ không phải của tiếng « ái » vừa rồi. Tôi ngơ ngác như hướng tai đuổi theo cái thanh âm lạ lùng đang tan biến trong gian phòng.

« Người con gái vẫn nhìn xuống cuốn an-bum. Tôi đặt tay lên hai vai, kéo nhẹ cô ta ngửa về phía sau, ngã xuống giường. Mắt tôi vô tình trông thấy cái hình đứa bé mười tuổi trên trang giấy xám. Một con bé hiền lành, tóc hớt bông-bê, phủ xuống trán, con bé mặc cái áo dài đen đứng bên cạnh một bà cụ già đang đặt tay lên đầu nó, cả hai trông có vẻ nghiêm trọng. Có lẽ Lan đùa với tôi. Con bé trong hình không giống cô ta một chút nào. Tôi chợt nghĩ. « Một người con gái sống cuộc đời như Lan đời nào lại giới thiệu tung tích, kỷ-niệm gia-dình của mình. Không biết cuốn an-bum gia-dình này của ai lại lạc vào chỗ này ». Tôi lấy chân gạt nó ra một góc giường.

« Trong lúc người con gái ngửa mặt nhìn lên mặt tôi, tôi bỗng thấy trong hai

mắt tròn tròn của cô ta một vẻ gì ngơ ngác. Tôi để ý đến màu da thịt non đỏ ở nách, ở ngực, ở những chỗ mà tay tôi vừa bấm mạnh mới buông ra. Cái da thịt non đỏ như da thịt trẻ con ấy tự nhiên làm tôi xôn xao. Hai mắt tôi tìm kiếm trên thân thể người con gái. Ở phía vai bên tả, giữa màu da trắng nõn có ba cái dấu tròn bằng đầu ngón tay, trông như ba hạt nút áo màu đỏ hồng xếp ngay một hàng. Tôi lấy tay xoa nhẹ lên chỗ ấy, hỏi :

« — Dấu gì vậy em ?

« — Trồng trái hồi nhỏ.

« Thường thường tôi chỉ thấy người

quê hương chung của chúng tôi. Chúng tôi là hai kẻ xa lạ đang hôn hèn khao khát nhau, nhưng vụt một cái trên da thịt đỏ hồng của cô ta chúng tôi gặp nhau như ở một chỗ quê hương chung, làm cho hai người gần nhau như hai anh em. Chúng tôi như hai nhánh cây tách chẳng xa nhau, càng lớn càng xa nhau, nẩy nức ra vô số lá cành chi chít, phức tạp rắc rối, nhưng dò tìm ngược lại vẫn gặp ở một gốc và lấy làm ngạc nhiên vì sự gần gũi. Vẫn sự săn-sóc chặt chẽ ấy của cha mẹ. Sự săn-sóc thương mến mà chuyện đời bận rộn đã làm cho tôi quên mất từ lâu, và cô ta



ta chích thuốc ngừa đậu mùa trên cánh tay, ở cô gái này chỗ chọn lựa thật là kỳ cục. Chi tiết ấy làm cho tôi vụt thấy rung rung thương cảm. Nó nhắc đến sự săn sóc của cha mẹ thời ấu thơ. Tôi thấy mình đối diện với một kỷ niệm cảm động, thấy như người con gái chưa thoát khỏi tuổi thơ ấu. Tuổi thơ ấu !

chắc chắn cũng quên mất lâu rồi. Nhưng màu thịt da và một vài dấu vết trên da thịt cô ta đã đưa tôi về cái tuổi vô tội của chúng tôi.

« Chúng tôi buông nhau ra. Và nằm bên cạnh cô ta, tôi kể lại những cảm tưởng của tôi. Cô ta yên lặng, không nói gì.

« Lúc dứt câu nói, tôi mới để ý đến

tiếng huýt sáo một điệu nhạc dịu dàng nổi lên không biết tự lúc nào. Tôi sực nhớ tới người bạn đồng hành kỳ dị ở phòng ngoài. Tôi nhòm người ngồi dậy nhìn ra. Qua bức màn, thấp thoáng bóng anh ta chống tay trên cửa sổ chồm mình nhìn ra ngoài.

« Tôi toan lên tiếng nói chuyện với cô gái. Nhưng tự nhiên tôi cảm thấy không thể cất tiếng lúc ấy. Giữa tịch mịch của đêm khuya tiếng huýt sáo của hắn nổi lên làm bá chủ. Thứ tiếng khinh thanh trong trẻo ấy phát ra đông lạnh lạnh. Có lẽ ông không để ý đến tiếng sáo mồm trong đêm về khuya. Đối với những kẻ như chúng tôi, trong giới quen thuộc những cuộc vui chơi về đêm, nó gợi đến cuộc sống phong phú và bí ẩn của ban đêm, nó nhắc nhở nhiều lắm nhiều lắm, nó uy hiếp chúng tôi, bắt chúng tôi dừng lại nghe ngóng và... như là tỏ một thái độ kính cần, tựa hồ đón tiếp bài đoàn ca của giới mình vậy. Thừa ông, thường thường những ai có thể huýt sáo mồm như thế? Chắc hẳn không phải là những người công chức sống trong gia đình ấm cúng, tối tối phụ với vợ đỡ nách đưa con mới tập đi, đùa với nó một tí, đọc tờ báo mới ra buổi chiều, vặn máy thu thanh nho nhỏ để nghe nhạc chờ giấc ngủ. Không phải người chủ tiệm già vừa kết toán xong những chi thu trong ngày, trong khi chờ đợi đứa ở buong mừng và quạt muối, sắp sửa uống mấy chỉ tè thập toàn hay bát vị quế phụ. Không phải những người học trò trung học con nhà nề nếp làm xong bài vở, nhìn đồng hồ đúng chín giờ, chải răng và rửa ráy mình mẩy cho hợp vệ sinh trước khi đi ngủ. Chắc hẳn không phải là những hạng người đó. Khi nghe nổi tiếng huýt sáo vào một giờ khuya khoắt người ta chỉ

có thể nghĩ đến hoặc một anh chàng chằm đi guốc, tay thọc vào túi quần, một mình lang thang dưới ánh đèn đường, hoặc một người nghiêng mình dựa vào thành cửa sổ trên căn gác nhỏ, gương mặt mờ đi như trong qua một lớp sương dày, lơ đãng nhìn quanh cả dãy phố vắng hiu, hoặc một anh chàng về ngồ ngáo xác lác sau cuộc hành lạc thời vang điệu ca thỏa mãn qua khắp các ngã đường vắng vẻ...

Dù là phát ra do những tâm trạng chán nản tuyệt vọng hay do những tâm hồn thô bạo ngồ ngáo, tiếng sáo mồm vào một giờ khuya khoắt nghe cũng có vẻ ngang tàng như đông đặc giành phần sống cho cái sinh-hoạt u ám phóng túng, như muốn tuyên-bố rằng: « Đến đây là chấm dứt cái phần sinh-hoạt cần lao, cái phần sinh-hoạt giao-tế đứng đắn theo lễ nghi của xã-hội! Hãy để cho những u uất, ngao ngán, giấu giếm, che dầy đè nén suốt ngày được phát lộ ra. Hãy tránh xa, ngủ kỹ đi cuộc sống đạo đức, cần lao. Giờ đây những dục vọng đen tối xấu xa chồm dậy như rắn rít bò ra khỏi hang múa men vùng vẫy. Bởi vậy tiếng huýt sáo vươn dài lên ngồng ngoèo giống như những con rắn, những con thủy quái vươn ra uốn éo từ những hang hóc của cuộc sống tiềm thức lộn xộn của xã-hội... »

Nghe tiếng sáo mồm lúc ấy tôi bất giác rút lại, như một kẻ nhường bước. Rồi cả tôi và cô gái cùng nín thinh, nằm bên nhau, như hai con rắn bị tiếng sáo thần mê hoặc. Giọng huýt sáo của hắn ta có gì để thu hút chúng tôi? Không phải hắn đang thổi một điệu nhạc hay. Thật ra chúng tôi cũng không ai biết là hắn

huýt sáo theo điệu nhạc gì. Nhưng có điều cả hai chúng tôi đều cảm thấy cái chán nản ghê gớm, thứ chán nản có thấp thoáng cái ý liễu lĩnh táo tợn bao tàn, qua dáng điệu hần và giọng sáo của hần. Chúng tôi quay mình nằm nghiêng, nhìn ra cái bóng đen của hần ngoài tấm màn. Đầu hần nổi lên, nép về một bên khung cửa sổ. Và giữa khoảng trời đen thui ngoài cửa chúng tôi trông thấy một chiếc đèn điện ở một đường phố xa, sáng chói vơi.

« Một lát sau thì chúng tôi lần mò bước ra phòng ngoài, vẫn như là những con rắn mon men theo tiếng sáo thu hút. Người đàn bà gầy dẹt mặc áo loang lổ đã trở lại ngồi ở chỗ cũ từ lúc nào. Chúng tôi rón rén đến ngồi trên những chiếc ghế bên cạnh mẹ ta. Cô gái có một lúc quay đầu nhìn người khách đồng hành của tôi, thoạt thấy sự giống nhau kỳ lạ giữa chúng tôi, cô ta hoảng hốt kinh ngạc nhìn thẳng vào mặt tôi như tìm câu giải đáp. Thấy vẻ thần-nhiên của tôi và mẹ già, cô ta lưỡng lự lo ngại, rồi thu mình lại, nín khe.

« Đêm càng về khuya, sự im lặng của chúng tôi càng nặng nề khó chịu. Tiếng huýt sáo như một ám ảnh của số kiếp đè lên chúng tôi, bao vây chúng tôi, thức dậy những chán chường mà từ lâu chúng tôi cố làm lơ không nhìn đến. Tôi đang cúi đầu ngó xuống đất, bỗng rung mình có cảm tưởng một sự gì khác thường vừa xảy ra đâu đó bên mình. Tôi ngược mắt nhìn lên. Thực là kỳ dị. Khuôn mặt người đàn bà già lống dài thòng xuống, dài như một cái lưỡi bò to tướng: vầng trán cao và thu hẹp lại, cái cằm thòng và nhọn hoắt, bao nhiêu răng tua tủa dài như

anh thú, cặp mắt dài chiều dọc hơn là chiều ngang. Cả khuôn mặt quắc lên ghê rợn khiến tôi suýt hét lên. Nhưng tức thì nó lại thu tròn như cũ ngay. Thừa ông tất cả những chuyện đó diễn ra rất nhanh, thoáng một cái đầu lại vào đó, khiến tôi bàng hoàng nghi hoặc, không biết những điều xảy ra trước mắt có thực hay không. Tôi lấy một ví dụ, ông hãy tưởng tượng một giọt nước tròn tụ ở đuôi tranh. Giọt nước nặng vụt dài thòng xuống, thỉnh thoảng rung đi, rồi ta vừa quay mặt lại thì ở đuôi tranh đã treo lủng giọt nước tròn như cũ. Vâng, cái khuôn mặt của mẹ me tây già đối diện với tôi bỗng nhiên dài xuống như một giọt nước rụng đi vụng trộm, như thế là nghĩa thế nào? Tôi ngơ ngác nhìn vào mặt mẹ, rồi quay về phía cô gái. Họ vẫn yên lặng nghiêm trọng, nhưng trong mắt họ tôi đọc thấy sự áy náy lo sợ. Im lặng càng kéo dài, họ càng áy náy lúng túng sợ hãi.

« Tôi vừa ngoảnh về phía cửa sổ — chỗ hần đứng — rồi quay mặt vào thì lại có cảm tưởng trong khi khuất mắt tôi, hai tai của người con gái vụt nở to và phát phới như hai cánh bướm. Mắt tôi vừa nhìn lại, chúng liền hiện nguyên hình hai tai và đứng yên phắc lại. Sự hóa hình lén lút đó nhanh quá, không thể cho tôi kịp bắt gặp một tang chứng rõ rệt nào.

« Nhưng tôi vừa lơ đãng ngó xuống đất rồi ngược lên thì khuôn mặt người mẹ tây già lại dài thòng ra lần nữa, và hai mắt người con gái thì như là hai con chuột lấp ló toan phóng ra chạy mất bỗng thụt lại hóa nguyên hình, và len lét sợ hãi nhìn tôi như van lơn.

« Tôi bàng hoàng tự hỏi không biết

mình đang sống ở đâu, những người vật xung quanh tôi có thật hay không ? Tôi nhấc hai ly bia óng ánh vàng còn đứng giữa bàn, xung quanh ly ướm những giọt mồ hôi của đá lạnh. Tôi đưa bàn tay nắm lấy ly bia xoay nhẹ nhẹ như bầu vịn vào một cái gì có thực. Đá đã tan hết, ly đã hết lạnh từ bao giờ, nhưng chắc chắn đây vẫn còn là ly bia từ lúc tôi mới bước chân vào.

« Tôi ngàng đầu lên. Tấm áo màu xám xám của cô gái như hai mảnh lá bị gió phất lên, trên ngực là hai hoa sen gần nở toát. Mắt tôi chiếu lên làm cho hoa lá vội vàng chụp lại, áo và hai vú lại hiện nguyên hình. Nhưng mùi hương hoa sen còn phảng phất. Tôi kinh hãi, khẽ kêu lên :

« — Lan !

« Cô gái sợ hãi, nhìn tôi khóc nức nở, nước mắt trào ra, lăn rưng xuống bàn. Tôi dăm dăm nhìn cô ta. Tôi không còn nhớ đến màu thịt da cô gái nữa, nhưng những cảm tình gần gũi thân thiết vừa rồi trở lại xôn xao trong lòng tôi. Trời ơi ! cái gì đã xảy đến cho cô ta ? cho người con gái vừa mới nhắc lại tôi một thời ấu thơ trong trắng ? Tôi có cách gì cứu cô ta khỏi những phép thuật yêu ma này chăng ?

« Tôi gục đầu trông xuống bàn. Chợt tôi giật mình : trên mặt bàn không còn giọt nước mắt nào, không hề còn lấy dấu vết một giọt nước mắt nữa ! Rõ ràng vừa rồi từ mi mắt cô gái lăn ra từng giọt từng giọt rưng xuống bàn. Thế mà bây giờ ngay tại chỗ ấy chỉ còn lại hai con dán nhỏ bằng hai hạt ngô, màu nâu, tang vội vã chạy trốn ra phía góc bàn. Tôi đưa bàn tay đón chặn lại. Chúng lanh lẹ lách trốn thoắt. Vừa bắt hụt con dán xong, một ý nghĩ vụt đến trọng trí tôi : bao nhiêu giọt

nước mắt của người con gái rơi xuống bàn đều hóa thành ra dán ?

« Tôi ngàng phất đầu lên nhìn thẳng vào mặt cô gái, ngạc nhiên. Một hạt lệ vừa rớt trào ra liền ngừng ngay lại ở bờ mi mắt như hoảng hốt. Người con gái tức thì nín khóc, nhìn tôi với một vẻ van lơn sợ hãi bối rối hết sức. Trong lúc ấy tôi lại cảm tưởng khuôn mặt người mẹ tây già vừa nhều thõng dài xuống sát mặt bàn. Tôi vùng xoay mình quay lại. Khuôn mặt lại tròn như cũ, nhưng lần này người mẹ tây già cũng bối rối sợ hãi ra mặt. Cả hai người đàn bà họ đều run sợ nhìn tôi.

« Như thế là nghĩa lý gì ? Hoàn cảnh tôi lúc ấy thực là khó xử. Thoạt tiên tôi bước đến đây chỉ mang theo một sự kỳ dị là cái bóng của mình. Nhưng bây giờ, về khuya, giữa một căn nhà lạ, trong khu phố lạ, tất cả, cả ba, họ đều hóa kiếp thành những nhân vật dị kỳ ma quái. Một cái bóng vẫn điềm nhiên nhô đầu ra ngoài cửa sổ như bị đèn tối thu hút. Hai người đàn bà thì mỗi chốc mỗi muốn phân thân, tan rã. Sự tồn tại của thân hồn họ có vẻ rất là lỏng lẻo. Hình như chỉ nhờ có cái nhìn của tôi mà họ được lưu giữ lại, hình như tôi chỉ lơ dềnh một chút, ngó lảng ra một chút là họ liền hóa ngay ra bướm, ra chuột, ra dán v. v. . . Do đó tất cả chúng tôi như ở trong một thế chấp chờn, lỏng lẻo. Từ phút này sang phút khác chúng tôi có thể ngã sang một thế giới khác. Tất cả trông cậy vào đôi mắt lưu giữ của tôi. Hai người đàn bà nhìn tôi van lơn, nài nỉ.

« Làm thế nào bây giờ ? Làm sao thoát được khỏi tình thế này ? Hay tất

cả chỉ là một sắp đặt âm mưu của bọn họ ?

Tôi thờ ra, đứng dậy, bước về phía cửa sổ. Mặc kệ, sau lưng tôi muốn xảy ra điều gì cũng mặc. Tôi không quay lại. Tôi tiến đến bên cạnh cái bóng của tôi, và bắt chước hẳn, tôi từ cùi chỏ lên cửa sổ, theo hẳn nhìn ra ngoài trời tối. Hẳn dứt tiếng huýt sáo, cũng như lần trước, khi tôi bước đến gần hẳn ở sau vườn khách sạn. Mắt hẳn đắm đắm trông theo một đoàn người đông đảo nối nhau lặng lẽ đi từ phía ga về một con đường hẻm tối đen. Tôi chú mục nhìn kỹ, Đó là một đoàn lính nhiều vô số, lộn xộn đổ xuống từ những goong tàu lửa xam xám đậu trước ga, rồi theo nhau rút đi. Tất cả đều nai nịt đầy đủ và mang xách nặng nề. Nhưng lạ là bước chân họ êm như ru. Họ đi như trong mơ. Thưa ông, ông đã biết về cuộc đời của tôi trong những năm chiến-tranh, quang cảnh hành-quân không sao khỏi làm tôi xao động, nhớ tới nhiều kỷ-niệm. Tôi mê mãi trông theo quân lính kéo đi như thể được một lát, bỗng tôi kinh hoàng buộc mồm la lên : « Kìa ! » Tất cả những lính ấy đều không có đầu !

« Bên cạnh tôi hẳn vẫn chăm chú triển miên theo dõi những bóng quân ma cụt đầu dồn dập bước đi như nước chảy. Sau tiếng kêu hoảng hốt của tôi hình như hẳn có một tiếng cười khẩy rất nhỏ. Tôi nói « hình như » vì trong lúc thần trí hoang mang, vừa nghe xong tôi lại đắm ra ngơ vờ hai tai mình ngay, không biết thực hẳn có phát ra tiếng cười hay không. Và lại, sau đó hẳn trở lại im lìm một cách bí hiểm

« Mắt tôi đảo nhìn quanh quất thất lạc, như một đàn chim nghe tiếng súng nổ vụt bay tán loạn lên giữa trời. Mái nhà ga đen thui lẫn giữa những tán cây gòn to lớn, những bóng đèn nhỏ treo lơ lửng giữa lừng trong đêm,... chiếc đầu máy đen thui kêu phì phì, phun một luồng khói nhớp nhúa, tỏa lên cao, đổi ra màu vàng vấy mờ ánh đèn điện ngoài sân ga. Nhưng mắt tôi vừa đậu lại ở chiếc ống khói thì nó liền phát ra một tiếng còi huýt lạnh lốt, tưởng như chính cái nhìn của tôi là nguyên-nhân của tiếng huýt ấy, như nó hét lên phản đối tôi. Đồng thời hàng ngũ lính trắng rã ra, lộn xộn rồi rít náo loạn như cảnh vỡ chợ. Tiếng còi xe lửa vừa dứt thì trước mắt tôi đã không còn một người lính nào nữa. Trong sự im lặng phăng phắc không còn một bóng dáng nào cử động nữa. Tất cả đều như bị một âm thanh mạnh mẽ quét đi. Chỉ còn đêm tối vời vời, và những ngọn đèn vàng vọt treo lơ lửng chết trăn giữa trời.

« Cùng lúc ấy ở về phía sau lưng tôi phát ra một tiếng động. Tôi quay lại. Giữa bàn, một con mèo mướp giật mình ngoảnh đầu ngó lại, rồi vọt và phóng xuống đất. Đụng nhằm ly bia ngã xuống bàn, nó kêu lên một tiếng « meo... eo » nho nhỏ. Khi con mèo đã chạy biến mất, dư âm tiếng kêu vang lại trong trẻo như một giọng con gái.

« Trên chiếc ghế, chỗ người đàn bà già gầy nhom vừa ngồi, bây giờ không có một sinh vật nào. Chỉ có cây chổi lông gà xơ xác, để dựng ngược, dựa vào lưng ghế. Những lông đuôi gà, cái đỏ cái đen loang lổ, đã cùn, chồng lên lờm chờm.

« Tối ngơ ngác đứng giữa gian phòng

trống không, ngó ngược ngó xuôi, rồi thất kinh, bỏ chạy ra cửa. Lúc đó vào khoảng hơn một giờ sáng. Ngõ hẻm trước nhà tối lơ mờ. Nhà ở hai bên đều tắt đèn, mọi người đã ngủ im. Tiếng chân tôi làm cho một người đàn ông tóc bù xù đang vén quần nếp mình tiểu tiện vào một bức vách giắt mình quay đầu ngó lại.

chừng. Bóng Hắc lần lần mờ đi trong màu sương trắng trắng. Tiếng sáo mồm văng vẳng tắt lẩn. Tôi trông thấy người hắc đảo qua đảo lại, phất phơ, rồi xoay tít như một chiếc lá giữa luồng gió ma trốt, hắc xoay loang loáng mấy vòng, cả người hắc nhẹ bồng như khói, rồi tự đứng mất, tôi vẫn mờ mờ mà không trông thấy hắc



« Ra đến đường lớn, ánh đèn sáng làm cho tôi vững dạ. Tôi chậm bước lại, hít ra thở vào mấy cái thật dài cho tỉnh táo. Khi tôi tiếp tục bước đi, tiếng huýt sáo lại se se nổi lên : thì ra cái bóng của tôi vẫn đeo theo tôi, nhàn nhà như chẳng có việc gì.

« Sương xuống nhiều, tôi thấy lạnh, cho cả hai tay vào túi quần ; rùn vai lên, bước nhanh, định đi thẳng về khách sạn. Đi được một lát, tôi để ý tiếng sáo mồm như nhỏ dần xa dần. Tôi liếc mắt về phía cái bóng. Hắc không còn bên cạnh tôi nữa. Hắc đứng lại ở một ngã ba, bên một trụ đèn. Tôi vừa đi vừa ngoái trông

nữa. Hắc tan đi như khói ngay dưới ánh đèn vàng vàng ở một ngã ba đường vắng tanh cuối phố... Giữa khuya, mình đứng chứng kiến một người y hệt như mình tan đi như khói... »

Bành nói câu cuối cùng xong, rút lấy bao thuốc, đánh diêm hút một điếu. Ánh lửa soi lên gương mặt y nhắc lại cho tôi những nét nhăn nhú lầu tầu và những bộ điệu ba hoa của y mà tôi đã gần quên hẳn. Suốt trong khi kể câu chuyện vừa rồi tưởng như y đã hoàn toàn biến đổi thành một con người khác. Tôi có cảm tưởng trong bóng tối y bình tĩnh hơn, cử chỉ được tự do và tự nhiên hơn. Hình như là ánh sáng đánh

thức nơi y một thứ mặc cảm. Phải chăng y tự thấy già nua, gầy gò, xấu xí quá nên có những điệu bộ chờn vờn, suồng sã, vui vẻ quá trớn để tạo ra sự thân mật giả tạo đối với mọi người mà y cho rằng ít có thiện cảm với y ?

Tôi không bật sáng đèn điện trong phòng. Y cũng không đề ý đến. Trong bóng tối, y đứng lên, bước qua bước lại trước mặt tôi, vờ trong tay cái bao thuốc không. Rồi tôi nghe bao thuốc y vút rơi nhẹ nhàng chạm phớt lên bàn chân tôi. Cái bóng khom khom của y tiếp tục qua lại trước tôi vài lần nữa, rồi y trở lại ngồi ở chỗ cũ.

Chờ một lát, y vẫn ngồi thừ người, im lặng, tôi hỏi :

— Rồi về sau chuyện đó ra thế nào ? Ông bảo rằng hôm nào ông cũng gặp lại « hân » ?

Y giật mình như chợt nhớ ra, nhồm dậm, nắm lấy cánh tay tôi, kéo sát lại bên y, chỉ ra góc vườn :

— Đấy ! ông xem, hân kia rồi. Đúng là hân đấy. Ông xem, hân mặc y một bộ đồ như của tôi. Hân lại nghiêng mình dựa lên mặt tường.

Tôi cố nhìn theo phía tay y chỉ, nhưng không thấy gì cả. Nền trời về phía tây

chưa hoàn toàn đen tối, nếu có một bóng người về phía ấy thì nhất định tôi có thể phân biệt được, nhưng quả thực là chỉ có bờ tường đen đùng chắn một đường dài mà thôi.

Tôi còn đang bỡ ngỡ, y lại lắc cánh tay tôi, nói nhỏ :

— Ông nghe nhé ! Đấy ! Tiếng huýt sáo mồn của hân đó rồi ! Ông có nghe thấy không ?

Tôi không nghe thấy gì cả. Tuyệt nhiên không có tiếng sáo nào cả. Bỗng một ý nghĩ thoáng qua trí làm tôi rùng mình. Tôi nhìn lại y, lo sợ, và bất giác nhích xê ra.

Bỗng y buông tôi ra, đứng lên tiến thẳng về phía góc vườn. Một lát sau y đi vào, về trịnh trọng. Y đi qua lối hẻm trước mặt các phòng ngủ để tiến ra cửa, vừa đi vừa né tránh các chiếc xe đạp, vừa như chừa lối cho một kẻ tưởng tượng bước bên cạnh. Trông hình dáng cử chỉ y dưới ánh sáng tôi lại quên hân cái giọng bình tĩnh và những ý tưởng buồn rầu chán nản trong câu chuyện của y lúc ngồi giữa phòng tối với tôi vừa rồi. Dưới ánh sáng, bộ dạng xấu xí của y lại hơi hài hước, trông y lại có vẻ một người trí óc bất bình thường.

VÕ-PHIẾN

★ Nhu-cầu tự-chủ, tự-lập có hai khuynh-hướng : một khuynh - hướng tiêu-cực, không muốn đặt mình dưới bất-luận một kỷ-luật nào ; một khuynh-hướng tích-cực, muốn được đích thân lựa chọn phương thế thích hợp nhất để thu được kết quả trong công việc. Cho nên nghệ-thuật của người chỉ-huy là phải làm sao giúp cho người dưới quyền sử-dụng được phương-thế thích-hợp với họ nhất, để đạt tới mục-dịch chung.

Đêm, đi thuyền máy trên Cửu-Long-Giang

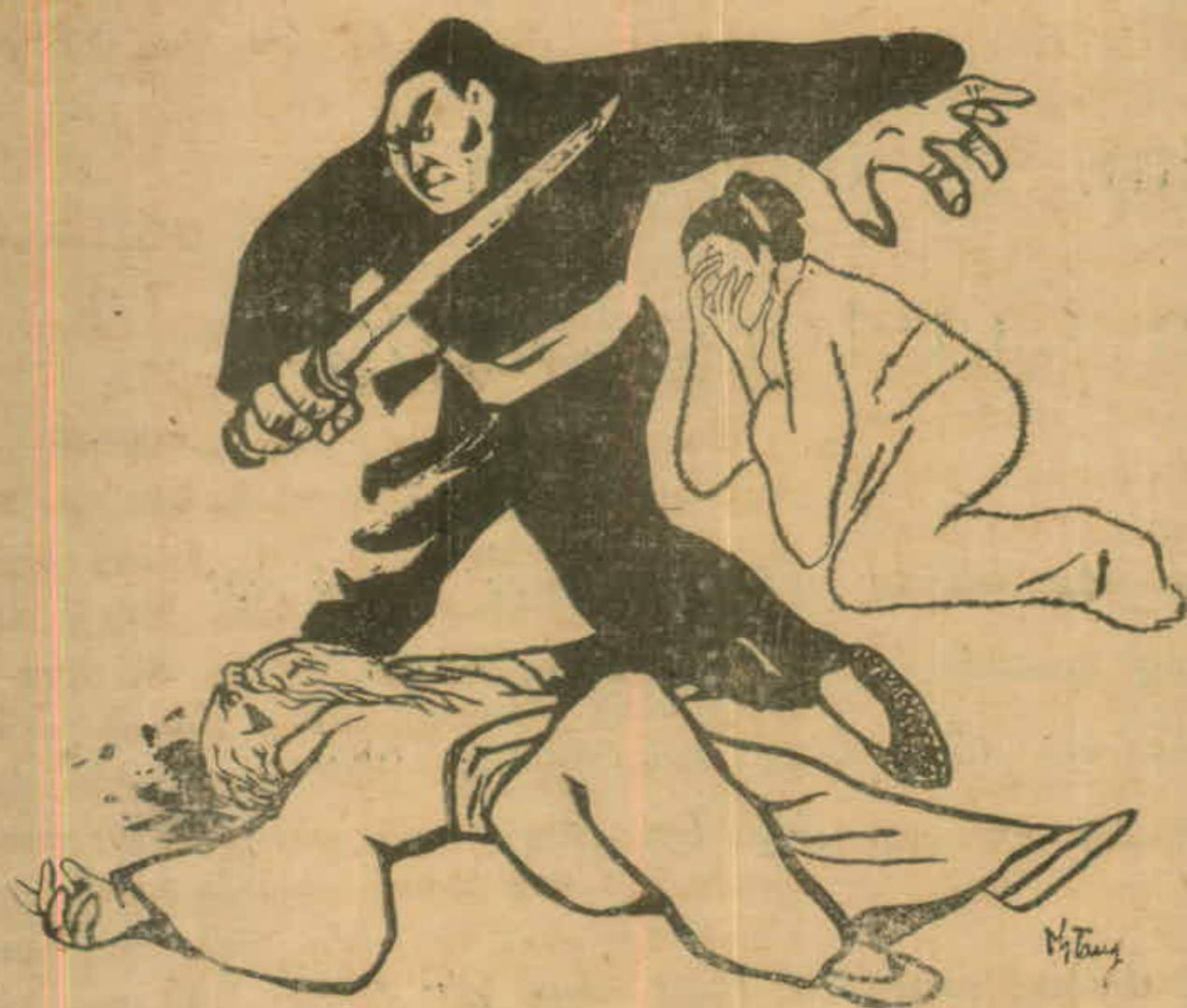
Máy đập không ngừng, nhưng chẳng bắt
Chung quanh bỏ bót vẻ điềm nhiên.
Nước mờ lảng lảng xoa đường rạch,
Mền tối êm êm đắp bụi liền.

Một miếng trời lên theo cửa giờ :
Vẫn màu xanh ấy, mặc thuyền đi,
Thấm vào lòng trái buồn sâu kín
Của cái cao xa chẳng có gì.

Không một mắt tơ buồn hé mí,
Nào đâu hoa ả nở ven sông,
Cho trời cao, rộng thôi trơ trám,
Đề nước sâu, xa đở lạnh lòng...

YÃ-HẠC và TRINH-NGUYỄN

(Thuyền non tay lái)



NGƯỜI NỮ - TỖ

Vũ-Hạnh

(Tiếp theo B.K. số 72)

TRÊN dây tường hoa ở chốn hậu cung, chiều tà nghiêng xuống một lòng huyết thắm. Vườn ngự uyển đắm chìm trong nỗi u-trầm động từ ngàn xưa và phảng phất đâu đây dội lại những luồng vang động mơ hồ, âm ỉ ngoài lũy thành dày của chốn thâm nghiêm.

Thúy-Hoa tỉnh dậy sau giấc trưa nồng trể nải, vừa rời nệm gấm, soi mình ở trước đài gương. Có tiếng giầy khua động ngoài thềm như gió đùa từng chiếc lá khô giữa mùa thu cũ.

Thúy-Hoa :

Liều - hoàn ngoài đây phải không ?

Ta chờ người đến thay lớp màn hoa kéo giấc ngủ trưa nay đã làm nhạt hết hương nồng...

Lã-Thạch-Phủ : (đầy cửa bước vào)

Kính chào hoàng hậu !

Thúy-Hoa : (oạt vàng khép hai thân áo trễ-tràng)

Kìa ! Thừa tướng !

Lã-Thạch-Phủ :

Một kẻ đàn ông đột nhập vào chốn hậu cung, dù rằng người ấy nhuộm màu tóc bạc như tôi cũng đều làm cho tất cả các bà hoàng hậu yếu gan khiếp sợ, hãi hùng.

Thúy-Hoa :

Sao bỗng nhiên ngài đến nơi đây, vào lúc giờ này ?

Lã-Thạch-Phủ :

Trên cõi đời này có gì là ngẫu nhiên đâu ? Những điều mà ta tưởng như đột ngột, vô tình chẳng qua ngoài tầm lượng ước của tâm não ta thôi. Dù gần, dù xa, tất cả đều là dụng ý. Xin hoàng hậu hãy dấu trong nếp áo cái vẻ ngơ-ngác bằng hoàng không hợp với sắc màu điểm lệ của bậc chí-tôn !

Thúy-Hoa :

Hai tiếng chí-tôn, xin ngài hãy dành cho Hoàng-đế !

Lã-Thạch-Phủ :

Hai tiếng ấy ở trong cửa miệng của ta, thì ban phát cho ai, quyền ấy do ta !

Thúy-Hoa :

Nhưng ngài đã biết nơi đây vốn là cấm địa ?

Lã-Thạch-phủ :

Cấm địa nên ta mới đến.

Thúy-Hoa :

Ngài vào bằng ngả lối nào ?

Lã-Thạch-Phủ :

Ngả lối dành riêng cho hạng quân vương.

Thúy-Hoa :

Xin ngài hãy rời khỏi nơi đây tức khắc.

Lã-Thạch-Phủ :

Ta chỉ nghe theo mệnh lệnh của chính ta truyền.

Thúy-Hoa :

Mong ngài hãy giữ gìn thẻ giá cho tôi.

Lã-Thạch-Phủ :

Ta vào đây là để giữ gìn thẻ giá cho... nàng.

Thúy-Hoa :

Tôi không rõ hết ý ngài. Ngài muốn nói gì ?

Lã-Thạch-Phủ :

Muốn nói sự thực. Chỉ sợ tỏ bày sự thực lại khiến cho nàng khiếp hãi như kẻ nào kia, lúc sáng ngọn đèn, hoàng kinh mà nhận thấy bóng mình hiện lên ở một khung tường. Giữ gìn thẻ giá cho nàng ? Nhưng thẻ giá nàng không phải là chiếc hoa vượn lên giữa mùa đông lạnh, đội từng lớp tuyết ủ dầy mà đón lấy vầng dương ! Cũng không phải là chất ngọc kim-cương đợi từ chín kiếp cho than đen tinh-luyện kết thành ! Thẻ giá của nàng chỉ là nét thêu dựa vào chất gấm, bình sơn nung lấy rượu nồng ! Thẻ giá của nàng chỉ là thẻ giá phụ thuộc ! Khi người đàn ông mà nàng cậy tựa đã ngã xiêu rồi thì ta sẽ vì nàng mà dệt gấm thêm tươi, ướp rượu thêm nồng. Ta bước vào đây là vì lẽ ấy.

Thúy-Hoa :

Xin ngài cắt đi những vẻ lạnh lùng của lòng thù hận. Những sự thực mà ngài trình bày không phải là ánh lửa đốt lên trong chốn hoang-vu mà chỉ là nước lá dội thêm giữa tiết đại-hàn. Trong khi hăm hở bước vào mê-cung thù hận, xin ngài cho tôi dừng lại ngoài thềm. Ánh đèn hồng-lạp không quen đón lấy cuồng phong, thuyền nan một chiếc chỉ nương

theo dọc sông hồ. Xin dành^h bề cả cho bướm căng^h mười trượng và canh dài thăm u cho bóng cú ăn đêm!

Lã-Thạch-Phủ :

Nàng hãy nhớ rằng trong khi xao xác hận thù, đầu thêm không phải là nơi trú ẩn, mà bão tố cuồng phong bốc dậy thì sông hồ cũng vùi dập thuyền nan. Dù muốn dù không, nàng đã theo ta từ khi nàng còn là một hài nhi mà ta ủ bên lồng ngực, giữa cánh đồng hoang! Ta đã theo dõi đời nàng như dõi theo sự sống của ta!

Thúy-Hoa :

Xin ngài đừng lời! Tôi nghe như gió từ cõi âm thổi về rờn rợn xuyên qua những vách cung thành... Mặt đất vang rền chuền-dộng... Và lời nói của ngài phải chẳng dấy lên từ chốn hư vô?

Lã-Thạch-Phủ :

Không, lời nói của ta dấy lên từ lòng sự sống, muôn tiếng chuyển rền vang động là sự bừng bừng đứng dậy sau khi cung vàng điện ngọc đã hút khô chất sống của lê-dân. Ngoài lũy, trong thành ta đã cho quân chiếm giữ cả rồi! Kẻ mà thần dân gọi rằng Hoàng-Đế, lâu nay chỉ là xác chết nằm trong bệnh hoạn triền miên khiến bậc chí-tôn hoàng-hậu thánng ngày cô đơn giữa chốn tiêu phòng!

Bắt đầu từ đây, ta sẽ xua đi những vẻ lạnh lùng của lòng thù hận. Vì nàng!

Thúy-Hoa :

Xin Thừa tướng đừng lời! Mắt tôi có lẽ chưa bị mây mờ của huyền tượng phủ che? Tại tôi có lẽ chưa bị sóng cồn của thác loạn xao-dộng? Nhưng làm sao mà tôi có thể ngờ rằng những lời nói kia lại chính của ngài?

Lã-Thạch-Phủ :

Tại sao mãi mãi con người phải nói một lời, phải dùng một điệu, khi nơi lòng ta xôn xao những nỗi muôn ngàn của biết bao người?

Trong kẻ hăm hở báo thù vẫn còn con người muốn lấy niềm vui khuây khỏa thánng ngày, trong vốc già nua tàn tạ vẫn còn một gã thanh niên thêm sống cuồng hăng! Ta biết rằng trong cõi ái-tình nên ăn trái chín vào lúc đương mùa nhưng lòng thù hận đưa ta đi xa không kịp trở về giữa mùa hái quả. Ngày nay khi sắp đưa tay gặt lấy hận thù sắp rụng, ta không dần được tấm lòng sôi nổi đi tìm hái quả yêu đương. Tại sao ta không bảo rằng... ta vốn yêu nàng?

Thúy-Hoa :

Thừa tướng đã nói lần rồi!

Lã-Thạch-Phủ :

Ta chưa bao giờ sáng suốt được như giờ phút này đây.

Thúy-Hoa :

Giữa tôi và ngài có cả muôn trùng xa cách!

Lã-Thạch-Phủ :

Xa cách muôn trùng? Ta xa cách nàng chỉ có năm bước chân thôi.

Thúy-Hoa :

Xin ngài nhớ cho, trước kia tôi là một kẻ nữ-tì.

Lã-Thạch-Phủ :

Ta đã nhớ rồi. Bây giờ nàng là Hoàng-hậu.

Thúy-Hoa :

Nhưng còn nghĩa nữ của ngài?

Lã-Thạch-Phủ :

Nghĩa nữ của ta ? nghĩa nữ của ta !
nghĩa nữ của ta..

Thúy-Hoa :

Thưa ngài, dù cho tình yêu có sức
mạnh trăm muôn cũng xin dừng lại trước
lớp rào thưa đạo đức.

Lã-Thạch-Phủ :

Đạo-đức cũng do con người tạo lập mà
cái ngôi danh nghĩa nữ là ta cất đặt cho
nàng ! Kẻ nào có thể dựng xây, kẻ ấy có
quyền phá hoại. Nghĩa nữ ! Nghĩa nữ ! hai
tiếng mơ hồ vô nghĩa tựa như cành lá tươi
xanh dùng để trang hoàng trong khi hoa
vườn chưa kịp mãn-khai. Ngày nay hoa đã
nở rồi, lá kia chẳng phải úa tàn, nàng hãy vì
ta ném bỏ ra ngoài cửa sổ !

Thúy-Hoa :

Nhưng xin ngài đừng quên tôi đây, là
gái có chồng. Dù cái tước vị hoàng hậu
dưới mắt của ngài có thể xem như một thứ
bội-hoàn mất giá những chất ngọc này
đây vốn là tư trang riêng của một người.

Lã-Thạch-Phủ :

Luân lý, đạo đức là những dây xiềng
giữ trói con người khỏi cơn cuồng loạn để
giữ nguyên trật tự bầy đàn. Nhưng ta là
kẻ chăn dân, tự chuốc lấy chiếc roi dài, tự
xe lấy dây dòn lớn, ta thuộc vào những
kẻ làm nên luân lý để yên vững cuộc đời.
Đã ngàn kiếp rồi, luân lý chỉ dùng cho kẻ
thuộc hạ chưa đủ ý thức về mình, chứ
dâu còn hiệu lực với hạng bề trên vốn
biết mình sẽ về đâu, và mình dừng lại nơi
nào. Luân lý nhiều khi chỉ là món hàng
thừa thãi, một thứ trang sức lỗi thời,
một lớp bụi bám làm cho hoa mờ chất
ngọc. Do đó, chưa có triều đại nào buộc
người hoàng hậu phải biết tông phụ.

Bà Hoàng không còn là tư trang riêng của
một người. Đó là món đồ điểm trang
vô giá chung của ngai vàng, là cái phần
thường dành cho những hạng anh hùng
mưu đồ sự nghiệp.

Huống nữa, ta đâu cướp đoạt lấy nàng
trên tay kẻ khác ? Nàng là của ta, nàng
trở về ta. Kẻ giữ lấy nàng ngày nay đã
mãn nhiệm-kỳ. Món quà sinh lễ của y để
chiếm lấy nàng là chiếc ngai vàng, nhưng
từ đây cho đến mãi mãi, ngai vàng không
thuộc về y. Ta khuyên nhủ nàng cạo gột
sạch đi lớp sơn đạo đức của phường thuộc-
hạ để chờ điểm tô những màu phấn-đại
huy hoàng.

Thúy-hoa :

Lý lẽ của ngài y như nước lũ tuôn
tràn, chỉ cần tìm về biển cả mà cuốn
phăng cả lớp cây rừng, cả bờ đá núi,
vùi dập cỏ hoa cho đến tiên - diều.
Tất cả những bức hàng rào thể - tục
ngài xem như chất hư-không. Khi cần rút
ngắn đoạn đường, ngài đã giã từ lối đất
củ mòn mà trăm họ nương theo để vượt
bằng lối tắt đường ngang, để bay trên vách
sắt tường đồng xã-hội. Nhưng thưa ngài,
nếu người nữ tử trong tôi không là một
kiếp dê-hèn, nếu người nghĩa nữ trong tôi
chỉ là tiếng gọi mơ hồ và bà hoàng-hậu nơi
tôi chỉ là một món điểm trang chung của
ngai vàng thì ở nơi tôi vẫn còn một người,
một người đàn bà, một cánh cửa động
thiên thu chỉ mở trước câu thần chú tình
yêu chứ không nhượng bộ vì lòng thù hận.
Lã Thừa-tướng ! Ngài đã lầm rồi, khi nói
thương yêu. Không, không, ngài chẳng
lầm đâu, nhưng ngài giả dối. Trên năm
mươi năm đeo đuổi mối thù, ngài đã biết
mình đi đâu, về đâu, dừng lại nơi nào. Mỗi
một hành-động của ngài đã được tính đo

Như kẻ thợ chạm thời xưa khắc cả bài thơ Đường luật vào trong hạt gạo bằng ngà. Kể gieo mỗi nhục cho ngài đã vội già từ cõi đời một tối mùa Đông, ngài quay mũi nhọn hận thù vào người kẻ thế. Ngày nay, kẻ ấy đã thất cơ rồi, đã ngã quy rồi, ngài muốn chiếm đoạt cho được con người đàn bà mà kẻ ấy thương yêu, kẻ ấy trân trọng, để nói lên tiếng nói cuối cùng của sự rửa hờn ! Có lẽ cách rửa nhục này không làm vẻ vang bao nhiêu cho một Thừa-tướng uy nghi nên ngài mượn đến tấm áo ngự-trang làm bằng giọng điệu ái tình ! Xin ngài đừng nói yêu tôi mà xúc phạm ngôn-ngữ ái tình vốn là cao quý ! Ngài đẩy tôi vào hàng ngũ kẻ thù, đưa tôi lên đến tột độ vinh-quang để lòng báo hận của ngài tạo dịp thêm được một phần thỏa mãn ! Hận thù là một con rắn trăm đầu phun trăm chất độc. Xin ngài ra khỏi nơi đây. Dù cho cung cấm có thể biến thành tù ngục âm u trọn kiếp, tôi cũng cam đành.

Lã-Thạch-Phủ :

Lời nói của nàng như ngọn roi sắt vút vào hồn ta, nhưng ta thêm đợi những lời như thế. Nàng đã thấy được nẻo đường sâu kín tiến về tâm não của ta, nàng đã bắt gặp một phần u-ẩn trong ta, thực là vạn phước cho ta ! Nàng đừng tưởng rằng nói lên sự thực bấy nhiêu là nàng đẩy ta ra khỏi đời nàng. Trái lại, nàng đã buộc nàng vào ta vĩnh-viễn. Chỉ có những kẻ hiểu nhau, dù hiểu đến phần ô uế ở đáy tâm hồn, mới thực thương nhau. Và cuộc sống không còn giữ nguyên cho nàng cái vẻ ngây thơ nông nổi mà đã diễm thêm cho nàng ít nhiều sâu sắc chua cay. Đó là chất vị thắm thía, đó là men nồng làm nên sự sống say mê. Những kẻ mà cuộc đời chưa làm cho đau khô giày vò là chưa biết sống

là chưa biết yêu. Đó là những mảnh lụa thêu mỏng mảnh cài bên xiêm nghê, không phải là lớp vải căng buồm lộng gió trùng dương vạn dặm.

Nhưng, cố ý hay vô tình, nàng chỉ nghiêng về nửa mảnh hồn ta đen tối, leo lét ngọn đèn thù hận buồn chong đã mấy thời gian mà quay lưng lại nửa phía hồn sáng ngời ánh lửa yêu đương. Thúy-Hoa ! Ta đã yêu nàng ! Đây không phải là lời kêu của người Thừa tướng họ Lã hiên ngang với lớp hồng-bào chói ửng chòm râu đá bạc, đây không phải là lời dối trá của kẻ hầu cận năm xưa mang lòng thù hận khi bị đuổi xua ra khỏi cung vàng ! Đây là tiếng nói của một con người trọn đời thăm thẳm giữa sự cô đơn, tiếng vọng âm u của một hang sâu bốc lạnh đợi chờ mấy kiếp hào quang của ánh sao trời ! Ta đã yêu nàng, như chim luyến cây rừng, như ong thềm nhụy ngọt, như ruộng đồng khô hạn ngóng trông một trận mưa dào, như một kẻ đui mù trọn thuở khát khao ánh sáng.

Tình yêu cũng như mọi loài sinh vật, càng bị câu thúc càng muốn quấy lên trong sự vẫy vùng và lòng ta chưa chịu nằm yên dưới huyết nếu chưa tiếp lấy mặt trời rạo rực, dù chỉ phút giây. Ta chẳng phải là con người buông thả tình yêu vất vưởng ra chốn không gian như ánh mây trời vô định chực chờ gió lạ muôn phương, mà muốn như kẻ làm vườn chăm nom cho cây lá ái tình bén rễ, đơm hoa, kết trái theo lòng sở nguyện. Từ khi bắt gặp trong mắt của nàng vẻ sáng long lanh của ánh sao trời vừa mọc, và máu ở buồng tim của nàng như đóa hoa hồng bừng nở bất thần trên đôi gò má lúc nàng nghiêng mặt cúi đầu, ta bỗng hoảng hốt đổi

diện nơi ta một kẻ lạ mặt, một kẻ tội tù uất hận vùng dậy đập tung tường vách nhà giam ! Dần dần ta trở thành quen thân với người lạ mặt, với kẻ tội tù và nhiều lúc ta với kẻ ấy cơ hồ là một. Ta cũng lấy làm quái dị cho sự hòa hợp lạ lùng và đáng cay này. Ta tưởng đời sống âm thầm trong chốn tù-dinh vách lớn thành dày sẽ khiến cho kẻ tội tù trong ta khô chết từ lâu. Nhưng một hơi thở của nàng đủ làm cho nó sống dậy, và tháng ngày trôi qua sự gần gũi của nàng đã giúp cho nó phục hồi sức mạnh, trở nên lăm liệt khác thường. Từ đấy con người thù hận nơi ta gần như không còn đất sống, ở nơi hồn ta tình yêu bắt đầu thay thế hận thù. Những đêm về khuya, dĩ vãng hiện lên, và con người thù hận được dịp tăng cường sinh-lực, lại đòi đất sống. Thế là trận đấu ác-liệt xảy ra và hồn ta trở thành một bãi chiến-trường đầm máu của ta ! Giữa cơn xô-xát ấy, ta vội rời khỏi nệm gấm, rèm hoa, lảo đảo bước đi, lạc loài qua các phòng đêm, gõ trên vách tường xám lạnh để nhờ âm vang của ngoại cảnh xóa tan một phút bi thương. Nhưng bốn vách tường vây kín lặng âm thầm và ta bàng hoàng ra chốn hoa-viên, ngơ ngác giữa loài thảo mộc, vượt trên sắc lá, nghiêng xuống mùi hoa, cuối cùng cỏ hoa cũng chỉ là loài bạc ác vô tình. Ta phải tìm đến khu biệt thất dành riêng cho hạng nô-tì, áp mình vào cửa phòng nàng, để nghe hơi thở êm đềm của nàng thoát ra từ mảnh chăn đơn. Hơi thở của nàng truyền tiếp cho ta sức sống và con người yêu đương chiến thắng được kẻ hận thù. Nhưng kẻ hận thù không chết, y như một cây đại thụ lâu năm đâm rễ sâu xa, hút lấy

chất màu phi-nhiêu ở trong bề sâu tâm não, giông tố nhiều phen chưa thể rụi tàn. Nàng đâu hiểu đến nỗi khổ của ta, nàng chỉ là mặt hồ yên lặng chờ soi đôi khóm trúc bờ, không phải là tròng dương quang-dại chiếu in núi đá mây trời vạn dặm.

Ta không thể chối bỏ hận thù, nhưng ta cũng không thể từ khước yêu đương. Sung sướng thay những kẻ tấm lòng chỉ nghe xáo động một thứ cảm-tình, hoặc chỉ hận thù như con thú dữ bị thương, hoặc chỉ thương yêu như đấng từ-bi cứu thế. Còn ta, yêu đương quên hẳn hận thù là điều phản bội, hận thù quên hẳn yêu đương là nỗi quân-quai đầy vò. Rồi cuộc, chỉ còn một cách...

Thúy-hoa :

Cách gì ?

Lã-Thạch-Phù :

Đem lòng yêu đương mà tiếp tục hận thù. Đưa nàng cho kẻ thù ta...

Thúy-Hoa :

Đề được tôn xưng Hoàng-hậu, vì tôi là giọt máu của kẻ ăn mày ! Ngài muốn trả thù !

Lã-Thạch-Phù :

Ta muốn trả thù. Nhưng mỗi thù xưa đã được chấp nối bằng mối hận thù khác hẳn : hận thù bị cướp đoạt tình yêu. Nếu không dâng nàng cho kẻ ta thù thì ta không đủ sức rửa lại mối nhục năm mươi năm trước. Nhờ đấy mối thù càng thêm mãnh liệt, thì tình yêu càng lại xói xa. Càng sớm diệt thù ta càng sớm đoạt lại nàng. Càng muốn gần nàng, ta càng muốn diệt kẻ thù.

Thúy-Hoa :

Nhưng tôi vì ngài nuôi dưỡng cảm thù lại hóa thành ra thù địch của ngài !

Lã-Thạch-Phủ :

Xin nàng không nên chua chát, một khi chát chua mới có ngọt-ngào. Nàng đừng tưởng rằng hồn ta chỉ toàn cỏ khô, chát độc mà thiếu màu hoa đẹp hương thơm.

Thúy-Hoa :

Thưa ngài, cánh hoa nở chậm quá mùa và hương thơm đã mờ trong gió lạnh. Giữa khi bóng ngả về chiều, xin đề con thuyền yên nghỉ, tại sao lại toan khua dấy cuồng phong ?

Lã-Thạch-Phủ :

Ta tưởng tình yêu của hạng tâm thường mới nói cách phân tuổi tác. Tình yêu thuần chất không tìm biên giới bên ngoài. Địa vị, tiền tài, năm tháng chỉ là trợ lực tình yêu đâu phải là nguồn xuất phát ? Những kẻ buôn bán cảm xúc mạo xưng tình-ái đều là một lũ tà gian. Những người như ta, không còn nông nổi ban đầu, đã chịu cuộc đời thử thách, bây giờ mới biết yêu đương. Tình yêu phải cần nghệ thuật, tình yêu phải đòi kiến thức. Biết bao nhiêu cuộc tình duyên trên cõi đời này, chỉ là những sự chấp nối hững hờ vụng dại, chỉ là những sự lăm lẩn ngu-ai ? Thêm nữa, nàng là sắc đẹp, ta là tài năng, sắc tài thấy đều biến lộ cho sự hoàn toàn, nào có gì đâu cách trở ? Thông thường sắc đẹp tàn theo tuổi tác mà tài năng sáng với thời gian, ta chỉ e nàng già trước ta thôi !

Thúy-Hoa :

Thưa ngài, còn lại một điều chính yếu mà ngài không biết giùm cho, ấy là con đường đi đến tình yêu không phải làm bằng biện luận. Tình yêu như hoa nở ven đồng

một sớm tan sương khi gió xuân về, như cánh cửa hé nhẹ-nhàng đón lấy ánh trăng một đêm thu vắng, đó là nỗi e-ấp của hương thơm ủ kín, ý rất rào của sóng dậy chiều hôm, ái-tình là hoa cỏ sinh thành giữa chốn tự nhiên, không phải phép lạ hiện lên sau lời cầu chú !

Lã-Thạch-Phủ :

Nàng đã biến lòng tự ái thành bức thành dày mà cản đường ta. ! Được lắm, Thúy-Hoa, nàng hãy nghe lời ta nói : Cái tình của nàng với kẻ trăm họ kêu là Hoàng-đế cũng chỉ do ta tạo tác mà thôi. Ta đã biện luận cho cả hai người nhưng thực ra tình ấy, duyên kia, là trò mua bán ! Ta có hai đường đề đến với nàng : con đường tình ái và con đường hận thù, tùy nàng chọn lấy một đường.

Thúy-Hoa :

Ta đây không phải hạng người có thể tìm đến bằng hai con đường trái ngược. Lã-Thạch-Phủ ! Ái tình của người đã bị sương mờ hận thù che khuất, ta không thấy được nẻo về ! Chỉ còn con đường thù hận, tùy người xử liệu. Thanh danh của một Hoàng-hậu, ta phải bảo vệ đến cùng !

Lã-Thạch-Phủ :

Đừng đem ngôi vị của người mà nói trước mặt ta ! Một ả thị-tì yếu đuối có thể khiến ta xúc động nghiêng mình nhưng một bà Hoàng-hậu uy nghi lộng lẫy chỉ đáng cho ta đạp dưới gót giày ! Ta muốn trả thù một kẻ vợ vua chứ đâu thêm yêu đương một bà Hoàng-hậu. Ngôi cao tước quý, ta xem như thể trò đùa. Tưởng ả thị-tì trong nàng thông minh hơn một bà vua, nhưng nếu quả thực nàng chỉ là phường Hoàng-hậu, thì ta chỉ là tên quân hầu rượu ngày xưa...

Thúy-Hoa :

Ngài quyết rửa hờn ?

Lã-Thạch-Phủ :

Một kẻ ăn mày sẽ chiếm lấy bà Hoàng hậu !

Thúy-Hoa :

Lã-Thạch-Phủ !

Lã-Thạch-Phủ :

Còn muốn nói gì ? Chân ta đã bước lên rồi.

Thúy-Hoa :

Ngài đừng bước lại !

Lã-Thạch-Phủ :

Đừng gọi bằng ngài. Một kẻ ăn mày dẫu xứng với lời tôn quý dường kia ? Nhưng mỗi bước chân ta tiến đến giờ đây sẽ nói rõ thêm sự thực.

Thúy-Hoa :

Ngài định làm gì ? Cưỡng bức ta chăng ?

Lã-Thạch-Phủ :

Cưỡng bức một người đàn bà ! Thái độ của kẻ vô loài, của bầy dã thú ? Không, không, trong thời tuổi trẻ tình ta kiêu hãnh, say mê, lòng ta hiên ngang cao đẹp như ngọn núi xuân gọi chim từ bốn phương về. Ái tình tìm đến với ta chứ ta không tìm đến ái tình. Trên lối ta đi vô tình ta đã dẫm lên những niềm đau khổ và nụ cười thản nhiên của ta khiến cho tuôn trào máu lệ của bao nhiêu kẻ đàn bà. Ta đã ngàng đầu, quay lưng chạy theo tấm lòng uất hận, cho đến bây giờ dẫm lên trên đỉnh giá băng mà ta vẫn tưởng bấy lâu là lớp chân cù ! Ta phải xử sự như phường tục-tử chiếm đoạt đàn bà bằng sức vũ phu ? Không bao giờ ! Lã-Thạch-Phủ uy nghi vẫn ngàng cao

đầu, [như hàng từng bách chồm lên trên lớp thảo-mao !

Thúy-Hoa :

Xin ngài lui lại, nhường lối cho tôi đi qua.

Lã-Thạch-Phủ :

Lui lại cho nàng ra khỏi nơi này ?... Lui lại vĩnh viễn trước nàng ? Già từ mãi mãi chút lòng ước nguyện cuối cùng ? Chối bỏ trọn kiếp tất cả khả năng thù hận ? Không đâu ! Không đâu ! Ta không lui bước bao giờ. Lã-Thạch-Phủ ! Nhà ngươi còn lại những gì trong buổi xế chiều ? Không có tình yêu ít nhất cũng còn chút lòng thù hận bừng trong mạch máu già nua.

Thúy-Hoa :

Xin ngài đừng lại !

Lã-Thạch-Phủ :

Mỗi bước chân ta tiến đến bên nàng đã định từ năm mươi năm trước.

Thúy-Hoa :

Ngài đừng bước lại !

Lã-Thạch-Phủ :

Dừng lại để vĩnh viễn đứng im trong huyết thiên thu ? Không bao giờ ! Đối với ta, đi vào cuộc sống chỉ còn những bước này thôi. Nàng chớ khá lùi, sau nàng là tường vách cản ngăn, trước nàng, ta là định-mệnh.

Thúy-Hoa :

Lã-Thạch-Phủ !

Lã-Thạch-Phủ :

Muôn tâu Hoàng-hậu, tất cả ngôi cao, đèn ngọc, đai vàng cũng đều sụp đổ cả rồi. Còn ba bước nữa, thì cái danh vị cuối cùng của lệnh bà đây cũng sẽ tiêu

trăm. Xin bà chờ lùi, còn hai bước nữa mà thôi.

Thúy-Hoa :

Lã-Thạch-Phủ !

Lã-Thạch-Phủ :

Bà đừng kêu đến tên tôi, hãy gọi tên Ngài Hoàng-đế.

Nguyên-Hạo (bước vào thật lớn)

Cuồng loạn !

Lã-Thạch-Phủ :

Nguyên-Hạo !

Nguyên-Hạo :

Có ta. Tất cả ước vọng của người dồn trong năm bước và xượng sống đời người làm bằng mấy thước đàn bà. Ta đến nơi đây, vào phút giờ này, không phải là điều ngẫu nhĩ.

Thúy-Hoa :

Thực là đội ơn Hoàng-đế đã cho người đến cứu ta !

Nguyên-Hạo :

Hai tiếng Hoàng-đế đã cầm từ đây trên miệng thần dân ! Hoàng-đế ! Hoàng-đế ! âm thanh chất chứa chưa đủ kinh hoàng giấc ngủ muôn dân hay sao mà nhà người lại toan đọc khúc chiến hồn ?

Thúy-Hoa :

Nguyên-Hạo, người vừa nói gì ?

Nguyên-Hạo (tuốt gươm khỏi vỏ) :

Lưỡi gươm đã nói rõ rồi, ta chẳng nhiều lời vô ích.

Thúy-Hoa :

Máu !

Nguyên-Hạo :

Phải rồi, máu của hồn quân, bao chứa sống trên đàn bà lệ dân.

Thúy-Hoa :

Phản nghịch !

Nguyên-Hạo :

Trừ loài ác tặc không phải là phường phản nghịch !

Thúy-Hoa :

Trời ơi ! Hoàng-thượng băng hà ! Thần thiếp làm sao thấy được long nhan trong phút cuối cùng ? Hoàng-thượng ! Hoàng-thượng ! (giật sợi dây tẩm áo choàng, hốt hoảng chạy đi).

Nguyên-Hạo :

Ha ! Ha ! chung tình với cái hư danh, với loài ác quỷ. Hay là đi tìm một cái xác chết đã hết uy quyền, để kéo dài thêm cái quãng thời gian Hoàng-hậu ?

Lã-Thạch-Phủ :

Nguyên-Hạo ! Nhà người đã làm một điều nông nổi khác thường.

Nguyên-Hạo :

Nâng — nôi — kháo — thường ?

Lã-Thạch-Phủ :

Giết kẻ hôn quân, đây là phần việc của ta. Bao nhiêu tháng năm mưu tính, đợi chờ, ta muốn dành lấy cho ta phút giây tàn nhẫn thiêng liêng của lòng thù hận, là đem thanh gươm đã từng là vật phục tòng gặt lấy chiếc đầu vương giả.

Nguyên-Hạo :

Trừ loài gian ác không là quyền riêng của một hạng nào ! Muốn dân sôi nổi căm thù không biết đợi chờ, không quen nhường nhịn. Ta giết hôn quân là điều bức xúc, là việc phải làm, dân phải là kẻ ngấm ngấm oán hận riêng tư tìm thấy trong sự trả thù nỗi niềm hoan lạc và muốn kéo dài phút giây báo hận y như một kẻ thanh nhàn nhai ngậm thức ăn ! Trước hết ta phải

giết lú tham tàn, rồi sau ta sẽ trừ loài vô đạo !

Lã-Thạch-Phủ :

Trừ loài vô đạo ! Người muốn nói gì ?

Nguyên-Hạo :

Muốn nói ta cần sinh mạng của người !

Lã-Thạch-Phủ :

Nguyên-Hạo !

Nguyên-Hạo :

Có đây.

Lã-Thạch-Phủ :

Người đòi giết ta ?

Nguyên-Hạo :

Ta không đòi giết nhà người. Ta muốn nhà người phải chết !

Lã-Thạch-Phủ :

Đồ phản bội !

Nguyên-Hạo :

Kẻ nào phản bội trong chúng ta đây ? Phản bội là ta hay là nhà người ? Phản bội sự sống, phản bội cuộc đời, phản bội lẽ phải, phản bội chính là người đấy. Dem lòng thù hận ra làm lẽ sống, dem cả tình yêu làm vật hy-sinh, say mê trong sự giả-dối, nhiệt thành trong thói mưu mô, chà đạp lên trên đau khổ bao người và tất cả là để thỏa-mãn tâm lòng ích-ký, nhà người mới chính là đồ phản bội.

Lã-Thạch-Phủ :

Thế còn nhà người, Nguyên-Hạo ? Người dành cho người những tiếng gọi gì ?

Nguyên-Hạo :

Ta không chọn lấy cho ta nhân hiệu để tạo lừa dối cuộc đời. Ta đây là sự đứng lên giữa cảnh bất bình. Nơi nào có sự đồ vớ, có nỗi hờn oan, có điều áp bức, có

lẽ thiệt thòi là có đứng lên, sự đứng lên muôn thuở của lòng người khát khao trật tự, khao khát công bằng.

La-Thạch-Phủ :

Người không biết rằng ta đã đứng lên suốt cả đời ta đấy sao ? Đứng lên chống lại tủ nhục, đứng lên giành với cô đơn, ta đã đứng lên mãn kiếp chỉ vì sự sống, giờ nanh nhe vượt những hồng dọa nạt ta đây. Ta ghi sự sống ở trong đôi tay quyết liệt, ta đạp sự sống ở dưới đôi chân lạnh lùng, và ngày nay, sức yếu, tuổi già ta còn đuổi theo bắt nó như người đi săn đuổi theo con mồi đang vương phải tên. Giữa chúng ta đây, kẻ nào là kẻ đứng lên ?

Nguyên-Hạo :

Ta không tranh chấp với người để giành một tiếng xưng hô vô ích. Nhưng người chỉ là hiện thân của sự cô độc vĩnh viễn mang niềm oán ghét cuộc đời mà đứng vững lên. Sau bước chân người, uất hận cũng dần bốc dậy vì người tàn phá con người, giam hãm con người quân quai mãi mãi trong vũng bùn nhơ của trục lợi, hư danh. Con người ngã xuống cho con người đứng lên và trên những thân người rữa nát, chân người chập choạng như đám cát lầy kẻ bên vực thăm.

Lã-Thạch-Phủ :

Vực thăm ấy chính là lưới gươm khát máu của người ? Những phương tàn bạo vong ân lại muốn lộng ngôn phạm thượng mà quên rằng chỉ là một phận dây leo nép dưới bóng cành đại thụ.

Nguyên-Hạo :

Một khi đại thụ biến thành củi mục thì dây leo trườn lên, chẳng qua là lỗ tự nhiên. Cây củi chỉ nên nghĩ đến cái kiếp hóa sinh

ở nơi lò bể mà đứng mơ màng tới cõi tiền thân tươi tốt hiên ngang. Sự kiêu ngạo của nhà người chỉ là lớp màu lòe loẹt bên ngoài của loài nấm độc. Khi ta đứng lên được giữa cuộc đời là ta đã biến hình đổi dạng để khoác lấy cái tính chất mới mà cuộc đời đòi hỏi nơi ta. Ta đây không còn là kẻ linh hầu ở cửa tư dinh họ Lã. Ta đây là sự mạnh, là lệnh truyền, ta là ánh sáng, ta là sự thực.

Lã-Thạch-Phủ :

Thì ra nhà người tượng trưng cho bao nhiêu vẻ tinh-hoa nên phải thêm thưởng sinh mạng của ta đến thế ? Thế ra có giết được ta người mới thỏa lòng khát khao trật tự công bằng ? Phải rồi, những lâu đài nhân đạo xưa nay đều xây bằng xương máu con người !

Nguyên-Hạo :

La vì trăm họ mà buộc người già từ sự sống, buộc người trẻ bỏ vĩnh viễn quyền năng hiềm độc của người.

Lã-Thạch-Phủ :

Nhan danh trăm họ hay cá nhân người, với ta điều ấy là thừa. Ta chỉ có mỗi một sự sống thì Thiên-đường rước lấy hay Địa-ngục mang đi, ta cũng là người khánh tận. Thanh kiếm của ta han rỉ từ lâu không thể đánh bật lưỡi gươm đói máu của hạng diện cường. Nhưng ta không ngờ cái mạng gia nua tiêu tụy của ta cũng có thể trở thành nấc thang danh vọng cho phường tục tử, ngu phu.

Nguyên-Hạo :

Những giọng mỉa mai không giết chết ai mà chỉ chất thêm củi lửa thiêu mình. L o gia Lã-Thạch-Phủ ! Gươm ta đã thấm máu h n quân, người nên tự xử lấy mình.

là hơn, để khỏi tủi nhục chung đời với loài bạo ngược !

Lã-Thạch-Phủ :

Người gọi ta bằng lão gia, lão già Lã-Thạch-Phủ, như ta gọi phường gia-bộc của ta ? Người quên rằng đây là mái tóc trắng màu sương tuyết, đây là nếp da nhăn nếp cây khô, đây là tấm thân đã chờ sự sống lâu bền y như một cây thạch trụ đội lấy tòa đèn vĩ đại ! Lãng-nhục tuổi già, nhà người là hạng vô lương ! Ta tưởng người là lẽ phải và ta những muốn quy hàng, sớm dứt cho ta sự sống, nhưng bây giờ ta mới biết người cũng chỉ là lớp bạo tàn vô loại phải chà đạp con người mới đủ sức vùng lên. Bước chân của người cũng đang tiến đến cát lầy, Nguyên Hạo ! Ta không tự xử ta đâu ! Hai tiếng « Lão già » của người đánh thức dậy từ dưới mồ sâu cái phần hiên ngang trong người họ Lã, và ta thấy người hiện lên ở dưới chân ta, con người thấp bé của người chưa đủ tư cách để đạt đến ta lời xin tự xử. Nếu thêm sinh mạng của ta thì giết ta đi, giết đi cho thỏa cơn đói khát của lũ ăn người, giết đi cho sử sách đời sau ghi rằng Thừa-tướng họ Lã đã phải bỏ mình dưới gươm phản loạn.

Nguyên-Hạo :

Sự sống lâu bền của người không phải im lìm bất động như đá núi cây rừng làm nên muôn vẻ thiên nhiên tươi tốt, cũng không phải ngát dậy xôn xao như hoa đẹp hương thơm phấn khởi lòng người. Sự sống của người chính là nhựa độc dẫu trong chất lá xanh tươi, chính là ý muốn phá hoại nằm trong đợt sóng bạc dẫu dồn dập. Tự hào về sự lâu dài của cuộc sống ấy thực là sĩ diện cường đại, vô duyên.

thực là thói cách tằm thường, ngu muội. Nhà người không muốn tự xử, ấy là quyền của nhà người, nhưng định đoạt số mệnh cho Lã-Thạch-Phủ, quyền ấy do nơi Nguyên-Hạo. Ta chỉ cần cái chết của người, dù bằng cách nào. Nếu bàn tay người không chịu hủy diệt lấy người thì bàn tay của ta sẽ vì cuộc đời đứng dậy mà hủy diệt nhà người. Đừng lầm tưởng rằng sử sách ngày sau sẽ do lớp con lũ cháu của dòng họ Lã chép ghi. Ngày sau, giờ trang sách sử, thế nhân sẽ đọc lên rằng : « Tên vô đạo Lã-Thạch-Phủ đã phải đền mạng dưới gươm chính nghĩa. »

Lã-Thạch-Phủ :

Thôi giết ta đi, chớ có nhiều lời vô ích. Đừng tưởng lầm rằng khi người vươn dậy là người phất lên muôn vẻ tinh hoa, trưng đẹp muôn màu ánh sáng. Khi người vươn dậy, bao cái thấp hèn cũng tựa nương theo, bao cái bỉ ổi cũng luồn lỏi với. Ở nơi râu hùm quắc thước nhưng nhúc nhúc muôn loài sâu bọ gớm ghê, giữa dòng thác nước vượt ghềnh vun-vút cuốn theo biết mấy là bè rác bần ! Và trong cánh tay người vung lên vì lẽ công bằng vẫn thấy gân máu của phỉ rợ hiếu sát. Hãy giết ta đi, cho ta khỏi phải chứng kiến một sự đứng lên nào nữa khi nơi lòng ta dù có đánh thức bao nhiêu cũng chẳng còn người vùng dậy. Giết đi, giết gấp ta đi để hồng khuyến khích một sự đứng lên khác nữa đang chực sau người.

Nguyên-Hạo :

Không cần hối thúc, gươm ta cũng tuốt vỏ rồi. Trong khi chịu tội lại muốn làm người điều khiển, tấm lòng tự ái của người thực cũng buồn cười. Nhưng hãy

phân biệt quyền uy của người đao phủ với lòng ước nguyện của một tội nhân.

Lã-Thạch-Phủ :

Ta không ước nguyện điều gì. Hãy giết ta đi.

Nguyên-Hạo :

Đã sẵn sàng rồi. Nhìn kỹ thanh gươm từng đợi chờ người từ bấy lâu nay.

Lã-Thạch-Phủ :

Hãy đâm cho trúng tim ta, quả tim bao dung che chở cho người làm nên sự nghiệp.

Nguyên-Hạo :

Được rồi, ta sẽ đâm suốt tim người, cho thấu tằm lòng tư kỷ dề hèn mà người cứ tưởng chứa đầy thiện tâm, thiện ý. (Nguyên-Hạo vung gươm đâm mạnh vào Lã-Thạch-Phủ. Họ Lã đưa tay ôm ngực, cố nén tiếng kêu và ngã xuống sàn nhà, máu đào tung tóe tràn ra trên lớp hồng bào. Nguyên - Hạo đá xác vào một góc phòng). Ai ngờ tâm-hồn nặng có ngàn cân ô nhục mà thân xác lại nhẹ như một tấm chiếu manh ! Kìa, Lã-Thạch-Phủ ! (Ờ sao mắt người lại cứ trừng trừng nhìn ta như thế ? Oan uổng gì đâu mà người tỏ ý bất bình ? Chính người đã nấp sau một tấm rèm hoa đề mà tung gieo thảm họa cho muôn ngàn lớp lê dân, ngổ hầu thỏa mãn tấm lòng thù hận, no đầy bản chất tham lam, toại nguyện tâm hồn ích kỷ. Người là tội ác, tội ác chỉ muốn trá hình bằng lời ngụy biện, bằng sự giả dối vĩnh viễn khoác màu chân lý. Chết đi, còn hận nỗi gì ? Người phải chết đi cho cuộc đời quang đãng hơn lên, cho ánh sáng trần gian không còn nhấp nhem bóng tối. Người phải chết đi cho rượu nồng không còn ngai ngừng men độc, cho niềm vui không còn thoáng ý

dau thương. Người phải chết đi cho lộc tốt mầm tươi bưng nở, cho cánh uồm khỏi sợ cuồng phong, cho hoa đêm ngào ngạt hương thơm không thức dậy niềm cô độc mà khơi lên ân ái chan hòa. Chết đi, chết đi, ta sẽ xây đắp cho người nấm mồ lịch sử ghi dấu thiên thu hình ảnh một sự tị tào. Nhưng sao ta nói nhiều lời như tự lòng ta chưa thấy nổi niềm yên tĩnh ? Tại sao ta không phi nhờ vào người, quay lưng ra khỏi nơi này ? Bây giờ người là xác chết mãi mãi đi vào trong chốn hư vô, cặp mắt trợn trừng oán hận của người còn nghĩa lý gì ? Thế mà ta tưởng như người nhìn đuôi theo ta cho đến trọn đời. Nguyên-Hạo ! Người nói đến điều chính nghĩa mà gươm người nhúng máu con người ! Người nói đến sự trật tự mà người dày lên thì thề tha-nhân ? Người nói công bằng mà người gây nên tóe tang thù hận ? Giữa con thú nhe nanh, chĩa vuốt găm giữ và giữa con người tuốt kiếm hoa gươm, phun lời độc dữ nào khác gì nhau ? Phải chăng lẽ phải muôn đời muốn được duy trì phải nương vào sự bạo tàn ? Và uống máu người, lẽ phải mới thêm sinh lực ?

(Thoáng nghe tiếng động, Nguyên-Hạo quay lại và bắt gặp Thúy-Hoa tiều tụy hiện nơi khung cửa).

Thúy-Hoa :

Nguyên-Hạo, không ngờ sự nghiệp của người dựng lên trên những xác người !

Nguyên-Hạo :

Ta có quyền khinh miệt lấy ta chứ nàng không có quyền như thế ! Sự nghiệp của nàng làm bằng phấn đẹp hương nồng cho nên chỉ là sự nghiệp của phương lệ thuộc. Trọn đời tâm hồn ti tiện của nàng không sao hiểu nổi ta đâu !

Thúy-Hoa :

Người giết nhà vua, người giết chồng ta, chưa đủ thỏa lòng căm hận hay sao mà còn muốn lãng nhục thêm ta ? Trong người phảng phất lại thấy cái vẻ bất bình của kẻ lính hầu ngày trước.

Nguyên-Hạo :

Con mắt muôn thuở của hạng lệ thuộc như người chỉ lấy cái vẻ bên ngoài làm một thước đo giá trị. Ta đây là kẻ lính hầu, chính thế, một kẻ lính hầu vĩnh-viễn. Ngày trước không có cơm ăn áo mặc ta làm lính hầu tạm bợ cho kẻ cao sang, bây giờ gây được sức mạnh ta làm lính hầu trọn kiếp hộ-trì sự sống. Đừng có tưởng rằng khi phụ rẫy ta, nàng đã làm ta đau khổ, bất bình. Ta không phải là một hạng người mà sự nồng nôi của kẻ đàn bà có thể gây nên sầu hận ! Ta biết lòng ta, ta hiểu sức ta, và khi nàng quay lưng lại phía tình ta thì ta thấy rõ nàng không xứng đáng với ta được nữa. Tức khắc, sau đó, ta quên nàng đi như quên vết mực phai màu, như không còn nhớ dấu chân trên cát đã bị gió biển thổi mờ. Tình yêu chỉ thành khổ hận khi nào hai kẻ yêu nhau mà bị cuộc đời ngăn trở, biến thành hai mảnh cô đơn đang dờ lạnh lùng. Còn giữa chúng ta, nàng đã vờ vập đón lấy sắc màu vàng son lộng lẫy và tưởng đó là hạnh-phúc trên đời còn ta thấy được rõ mình lầm lạc yêu phải con người thấp kém bây giờ vui mừng thoát khỏi nợ duyên, hai ta mãi mãi là hai kẻ qua đàng đi ngược chiều nhau, mãi mãi là người xa lạ. Oán hận vô ích, vì đối với nàng chỉ biết nhắm mắt tuân theo định mệnh thì cái xác chết hôn quân nói lên ý muốn của Trời và cả cái xác khuất sau cánh cửa này đây cũng là kiếp số.

Thúy-Hoa :

Trời ơi ! Lá Thừa tướng ! Lá Thừa tướng thác rồi ! Nguyên Hạo, người thực là phương khát máu !

Nguyên-Hạo :

Chính thế, ta đây là kẻ khát thêm dòng máu của lũ gian tham, khát thêm mật tủy của phường ác tặc.

Thúy-Hoa :

Xác chồng lên xác cho người treo được ngôi cao, danh vọng của người xây trên thi thề con người.

Nguyên Hạo :

Quả vậy, nhưng ta xây bằng thầy xác của những con người phản bội con người, của những con người bại hoại, suy vong chỉ muốn quay về làm loài thú vật. Những kẻ mà nàng yêu dấu đã xây danh vọng trên những con người hiền lương, con người đau khổ, con người khát khao cuộc sống yên lành. Nàng khóc cho kẻ đã coi nàng như một phương tiện vui chơi, nàng buồn cho kẻ đã coi nàng như một phương tiện trả thù ? Lệ thuộc ! Không dám rời xa khỏi bức hàng rào vương tỵ !

Thúy-Hoa :

Hãy nắm cho vững chuỗi guơm vấy máu mà tự bênh mình bằng tất cả những lời đạo đức cao siêu. Dưới con mắt người bây giờ trần gian chỉ còn lại hạng thánh thần và bầy súc vật. Thánh thần là nhà người đầy, súc vật là chúng ta đây, hãy cứ huyễn hoặc bằng bao nhiêu tiếng phi thường để tự trấn tĩnh cõi lòng trong cơn dằn vặt. Nhưng mà ta lắm, nhà người có biết dằn vặt là gì ! Bản khoán thác mắc đối với nhà người không phải là bản chất con người ! Đó là hoài nghi, là phản

bội, là lệ thuộc, là suy đồi. Nguyên-Hạo, phương tiện nào cũng tốt để cho người được thành công thì người làm sao mà hiểu nổi con người ! Người phải gian nan mà đi đến đích, bởi vì mỗi một thi thề của chúng ta đây cũng làm cho bánh xe người thêm nổi gập ghềnh. Nhưng trước khi trở thành xác chết, ta còn sự sống. Và còn sự sống là còn phản ứng, cho dù lệ thuộc như giống vô loài.

(Thúy-Hoa rút giắt thanh kiếm của Lã Thạch-Phủ, tuốt ra khỏi vỏ, soi lên trước mặt)

Lưỡi kiếm này đây không phải là sự chống đối cuối cùng đối với nhà người.

Nguyên-Hạo :

Nàng muốn chống đối ? Nhưng nàng là ai ? Trong nàng không chỉ là một con người. Ta muốn phân biệt kẻ thù mà ta tiêu diệt.

Thúy-Hoa :

Những kẻ khát khao sinh mạng kẻ khác như người, sợ sự phản ứng như sợ sự rã tan của chính hồn mình, lại còn đối trá mà nói điều phân biệt kẻ thù, không biết ngượng sao ?

Nguyên Hạo :

Ta không thể có cái bên lên ngượng ngùng của loại con gái ngây thơ, bởi vì những kẻ như ta không có xấu hổ. Khi mới đứng lên, ta lấy xác chết để làm bọc nhậy, bây giờ đã đứng lên rồi ta lấy sự sống để dựng trường thành.

Thúy-Hoa :

Và khi trường thành rung chuyển thì lấy xác chết đáp vào ?

Nguyên-Hạo :

Nếu xác chết xét còn hữu dụng.

Thúy-Hoa :

Tan bao !

Nguyên-Hạo :

Đó là tiếng nói của tên Hoàng-Đế trước khi từ giã cõi đời.

Thúy-Hoa :

Phản bội !

Nguyên-Hạo :

Đó là lời kêu của tên họ Lã trước khi lìa bỏ trần gian.

Thúy-Hoa :

(Thúy-Hoa xông đến, xả kiếm vào người Nguyên-Hạo. Nguyên-Hạo lấy gương đánh bật ra ngoài).

Nguyên-Hạo :

Trước khi nàng chết, ta muốn biết nàng là ai ? Nàng là Hoàng-hậu ? Là nghĩa nữ của tên họ Lã ? Hay là nữ tì ở chốn tư dinh ?

Thúy-Hoa :

Ta là con người.

Nguyên-Hạo :

Xin đừng khờ khạo hiểu lầm có thứ con con người ở giữa khói mây lơ lửng làm bằng tinh sắc như không. Mỗi người đều sinh trong một cảnh sống, đều có một thứ lợi quyền, đều mang những niềm ao ước và đeo tên hiệu khác nhau. Con người ! Con người ! Ta chưa hề gặp thứ quái vật ấy bao giờ. Đó là tượng đất của những kẻ ngồi không xây đắp, đó là bùa chú của những tên phù thủy lừa người hay là một tấm bình phong đề che cho bọn vô lương.

Thúy-Hoa :

Ta là Hoàng-hậu !

Nguyên-Hạo :

Tội nàng đáng chết.

Thúy-Hoa :

Ta là nghĩa nữ của Lã-Thạch-Phủ.

Nguyên-Hạo :

Nàng đáng bêu đầu.

Thúy-Hoa :

Hãy giết ta đi !

Nguyên-Hạo :

Nhưng còn gì nữa ?

Thúy-Hoa :

Đã nói hết rồi.

Nguyên-Hạo :

Còn à thị tỳ ?

Thúy-Hoa :

Ta không quen biết với à thị tỳ. Thị tỳ không phải là chức vị của ta, không phải là số kiếp của ta ! Trước mặt ta đây nhà người không được nhắc đến hai tiếng nữ tỳ.

Nguyên-Hạo :

Cổ tình từ chối hai tiếng nữ tỳ như khiếp hãi đối diện với một hồn ma, điều ấy tỏ rằng trong nàng hình bóng của kẻ nữ tỳ chưa chết, mặc dù nàng muốn giết nó nhiều phen (tra gương vào vỏ).

Thúy-Hoa :

Nhà người không còn dối mán nữa sao ?

Nguyên-Hạo :

Ta vẫn thêm máu gian tham cho đến trọn đời, và cả đến bây giờ con cháu ngày sau ta cũng truyền dạy cho chúng khát khao như thế. Nhưng còn nàng, ta vì à thị tỳ trong nàng mà tha tội cho bà Hoàng-hậu, cho người nghĩa nữ.

Thúy-Hoa :

Ta đã bảo người, ta không quen biết với à nữ tỳ.

Nguyên-Hạo :

Mặc nàng ! Nhưng ta gặp lại ả rồi.

Thúy-Hoa :

Người phải đền mạng cho người đã chết !

Nguyên-Hạo :

Mạng ta cao quý, không thể đánh đổi với đồ củi mục.

Thúy-Hoa :

Ta phải giết mày !

(Thúy-Hoa hươi kiếm lăm xả vào chém Nguyên-Hạo. Nguyên-Hạo né mình, bắt lấy thanh kiếm, vút vào góc tường và xô mạnh Thúy-Hoa khiến nàng loạng choạng bước lùi trở lại ngã trên thi thể họ Lã)

Nguyên-Hạo :

Trả thù cho những kẻ tàn phá đời mình ! Muốn treo tấm gương đạo đức ở trên rác bần, cỏ hôi, muốn dệt gấm vóc làm bằng rơm khô, lá úa. Khốn nạn cho nàng !

Thúy-Hoa (Từ từ ngồi dậy, ngơ ngác nhìn hai thân áo vết máu họ Lã, và sờ đôi tay cũng nhuộm máu hồ-g)

Trời ơi ! chỉ còn là máu thôi sao ? Đây là sự sống, là hận thù, là yêu đương sôi sục suốt trong một kiếp lâu dài ? Đây là hư vị, hư vinh, đây là cơ đồ sự nghiệp và đây là những gì còn lại của tham vọng

con người ? (bỗng phá lên cười sặc sụa)
Ha ! Ha ! Tôi đã hiểu ả ngài rồi. Hoàng Đế của ta chưa thấy bãi triều. Rượu đào có sao lại cho tung toé ở trên vat áo cung phòng của thiếp ? (đăm đăm tiến bước lại gần Nguyên Hạo) Người là ai ? là ai ? là ai ?

Nguyên-Hạo :

Điên loạn bởi vì lệ thuộc, khá thương cho số kiếp nàng !

Thúy-Hoa :

Tôi không cần đến ai thương, suốt đời tôi chỉ một mình một bóng như cây bích liễu ngoài kia. Thừa Thừa, ngài định xô tôi xuống vực thăm nào ? À, người đây, Nguyên Hạo .. Xác người đừng có nhìn ta. Kìa, có tiếng gì hò reo ngoài chốn cung thành ? (đưa hai tay bịt kín lấy tai) Im lặng cả rồi... Ta ở đâu đây ?

Nguyên-Hạo :

Nàng đang ở dưới đáy mồ. (Từ từ lui ra phía cửa. Đêm tối trở về, bóng đen rú xuống gian phòng. Bên ngoài vẳng lại những tiếng hò reo và bập bùng lửa sáng Nguyên-Hạo bước vội ra ngoài, khép đôi cánh cửa sau lưng. Gian phòng trở nên tối mịt, chỉ nghe những tiếng nước nở của kẻ nữ-tì ngày xưa.)

VŨ-HẠNH

★ Người ta thường hay đứng ở quan-điểm riêng của mình mà xét đoán sự việc. Nên khi người trên ra lệnh, người dưới thường chỉ thấy khía cạnh phiền hà, sách nhiễu của lệnh, và ít khi thấy được toàn thể sự việc để nhận-định rõ được sự cần-thiết của lệnh. Do đấy người trên phải cố gắng làm cho người dưới hiểu mối liên-quan của mỗi chỉ-thị đối với toàn-thể sự việc hay đối với sự thật hiện công cuộc chung.

HỘP THƯ BÁCH KHOA

Bách-Khoa vừa nhận được :

Ngựa rừng quê — Chiều buồn (Nhất - Chi - Giang). Ngựa nhà quê — Tìm kiếm mùa xuân (Nguyễn-Phan-Quế). Cầu tre — Vọng tưởng ngày xuân (Trình - Quang - Phú). Chuyện đời (Cung - Trường). Đợi một bạn đường (Nguyễn-Phan-An).

Những bài không đăng :

Gợn buồn — Nửa đêm v.v... (S. T.). Về thôn — Vô về — Tôi làm tình nhân — Chuyện lòng... (N.H.). Cuồng điên (T.L.). Chiều nhớ mẹ — Chiều quê — Nỗi niềm (P.N.). Tôi gặp mùa xuân trên búp tay (K. M.H.). Tim em : Nàng nghệ-thuật — Người yêu vạn dặm (L.B.). Mong đợi (T.P.). Đêm sầu — Một đêm vương hận (N.C.G.).

Những bài trên đây vì nhiều lý do nên rất tiếc không đăng ngay được. Mong đợi các bạn gửi thêm cho những bài khác nữa.

Anh Vũ-Hân : « Người bệnh hát cuồng » đăng số Trung-Thu hợp hơn. Mong anh gửi thêm những sáng-tác mới. Thân mến.

Ô. Huyền-Hồ : « Hình ảnh một người » không dở, nhưng mong ông gửi thêm các bài khác.

Ô. Trần-Thị-Khách : Chúng tôi cũng muốn đăng phần chữ Hán ở những bài thơ dịch, nhưng nhiều khi mua chữ bị thiếu nên đành chỉ để phần diễn nôm. Chúng tôi sẽ cố gắng theo ý kiến ông. Sẽ lần lượt đăng

các bài ông gửi. Có báo biểu ông từ số 74.

Ô. Thiết-Luận (Rach-gia) : Chúng tôi đã nhận được thư ông. Những nhận xét của ông rất xác đáng. Chúng tôi sẽ xin nghiên-cứu và cố gắng làm theo.

Ô. Tường-Anh : Đã nhận được bài góp ý của ông. Xin trân-trọng cảm ơn. M.T. là Mặc-Thu.

Ô. Vĩnh-Tùng (Huế) : Đã nhận được thư ông. Rất cảm ơn ông về những nhận xét xây-dựng của ông. Chúng tôi xin tìm cách sửa theo.

Anh Lê-Hùng : Mong đợi anh những gì mới mẻ, và « sáng sủa » hơn.

Ô. Liên-Văn : Sẽ đăng : « Chiếc áo vóc hồng ».

Ô. Thanh-Thuyền : Sẽ đăng : « Một nền văn-hóa dân tộc ». Mong đợi ông những bài khác nữa.

Ô. Nguyễn - Hữu - Thông : Sẽ có thư riêng.

Ô. Nguyễn - Thanh - Nhân : Rất hoan-nghênh đề-tài mà ông cho biết trong thư. Nguyên-tắc của tòa-soạn là sẽ đăng tất cả các bài nào có giá-trị, ý-kiến xác-đáng. Mong đợi tin ông.

Những bài đã nhận được :

Âm-hưởng — Tâm sự — Nỗi lòng — Mong đợi (Huyền-Mộng-Anh). Lược-khảo về cuốn Tự-diễn Việt-Bồ-La (Nguyễn-Khắc-Xuyên).

Trân-trọng cảm ơn các bạn.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Bách Khoa vừa nhận được:

- «Kim-Vân-Kiều», do hai thi-sĩ Pháp và Việt: Xuân-Phúc và Xuân-Việt giới-thiệu và dịch ra Pháp-văn, do hai dịch-giả in rônêô để tặng các bạn văn-thi-hữu. Bản dịch này đã được UNESCO nhận xuất bản trong loại «Tìm hiểu phương Đông».
- Luận đề thế giới sử thi trung học đệ nhất cấp, của Ông Bà Tăng-Xuân-An giáo sư trung học đệ Nhị cấp soạn và gửi tặng. Sách dày 110 trang, giá 20\$
- Luận đề địa lý, — Luận đề Việt sử, cũng do Ô. Bà Tăng-Xuân-An soạn và gửi tặng. Luận đề địa lý giá 18\$ và Luận đề Việt sử giá 20\$
- Chánh tả văn phạm, lớp nhất, luyện thi tiểu học, đệ thất và đệ lục, do giáo sư Từ-Phát soạn và gửi tặng. Sách in lần thứ hai gồm ba bài chánh tả chọn lọc, và 30 bài văn phạm. Dày 180 trang giá 30\$
- Anh Hoa, Thơ của Phạm-Mạnh-Viện, đã được giải thưởng văn chương năm 1957, do cơ sở Báo chí xuất bản Tự-Do gửi tặng. Bản đặc biệt.
- Thi ca Bách tuyên: Văn Nghệ Tinh Hoa, gồm những bài thơ của các thi sĩ trong «Nghị Lực Văn đoàn», do Ngọc-Cầm chủ trương biên tập. Sách in lần 2 giá bán 32\$
- Con đường chính nghĩa (Nhân Vị, Cộng Đồng, Đồng tiến). Quyền V gồm những lời hiệu triệu và diễn văn của Ngô Tổng-thống (từ tháng 7-1958 đến tháng 7-1959)
- «Góp gió» đặc-san của hiệu đoàn trung học Công lập Tây-Ninh số xuân Canh-Tý 1960. Dày 70 trang giá 20\$

- «Ruộng Vàng» tờ báo của nông dân, xuất bản hàng tuần, do ông chủ bút Nguyễn-trung-Bình gửi tặng. Giá bán 4\$.
- «Chu Văn An, giải phàm 60» của hiệu đoàn C.V.A gửi tặng. «Chu Văn An, giải Phàm 60» gồm nhiều bài đặc sắc trình bày trang nhã, một cố gắng của hiệu đoàn. Giá bán 12\$
- Phụng sự, số Xuân Canh Tý đặc san của chi đoàn Hàng không dân sự, giá mỗi số 6\$
- Thủ đô Saigon, số 1 phát hành ngày 21-1-1960 «Thủ đô Saigon» là cơ quan thông tin và sinh hoạt liên gia đô thành, do ông Lê Dũng quản-nhiệm: giá mỗi số 3\$
- «Some recent International press opinions on Vietnam-May-October», 1959 do Bộ thông tin gửi tặng.
- «Mây» thi phàm của Vũ-Hoàng Chương, gồm 2 tập «Mây» và «Thơ Say» tái bản, do tác giả gửi tặng. Bản đặc biệt không ghi giá
- «Ai lạnh» thơ Thái-Anh-Duy do tác giả gửi tặng. «Ai lạnh» do họa sĩ Thái-văn-Ngôn trình bày và minh họa, gồm 24 bài thơ, dày 52 trang giá 50\$.
- «Công-tác xã-hội ở Anh» do Ty Thông-Tin Sĩ-quán Anh gửi tặng. Sách trình-bày khai quát về các chế-định xã-hội Anh-quốc, dày 88 trang.
- «Bảng chia diêm tốc hành», của Ô. Lê-Tương-Ứng, ty tiểu-học An-Giang soạn và gửi tặng. «Bảng chia diêm tốc hành» giản dị, gọn gàng và đầy đủ — giá bán 4\$ 00

Xin trân trọng cảm tạ nhà xuất bản, các tác giả và ân cần giới thiệu cùng độc giả Bách-Khoa.

B. K.

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS —

Hàng-Hải

RISQUES DIVERS

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngành : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

SOCIÉTÉ FIDUCIAIRE DU VIETNAM

55 Đường NGUYỄN-HUỆ - SAIGON

Agent Exclusif

POUR LE VIETNAM ET LE CAMBODGE



LIEN-XA CONG-TY

95. ĐƯỜNG THÔNG-CHÉ DE LATTRE DE TASSIGNY - SAIGON

DISTRIBUTEUR POUR LE VIETNAM

Continental



Thư-Quán XUÂN-THU

185/193 đường Tự Do Saigon — Đ. T. : 20.051

đầy đủ :

- Sách, Báo quốc tế
- Dụng cụ văn-phòng

Đồng hồ Mỹ **TIMEX**

Đúng Chắc Đẹp



Bán ở khắp các tiệm đồng hồ và tại
VIỆT - NAM KHUẾCH TRƯƠNG KÝ - NGHỆ
ĐỒNG HỒ CÔNG TY

176, Hai Bà Trưng — Sài Gòn

VOYAGEZ PAR QUADRMOTEUR STRATOLINER

AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS - RÉSERVATIONS
65, RUE LE-THANH-TON - SAIGON

TÉL. : { 22.102
SGN. 34

ALP 50

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



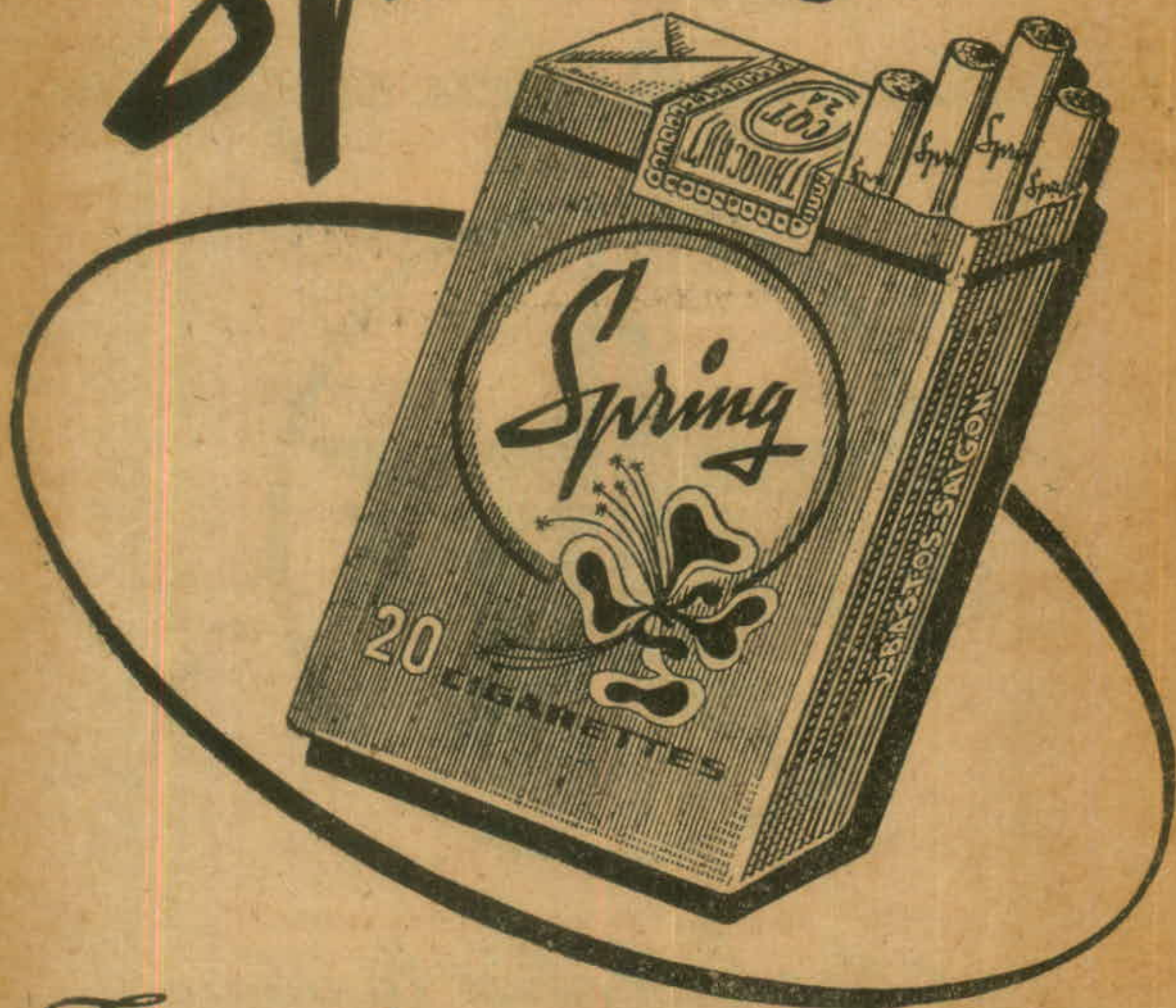
và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

Spring



Thuốc thơm điếu dài :

"MÙA XUÂN"

HƯƠNG-VỊ HUÊ-KỲ

**GIA
BÌNH DÂN**

10%

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim


Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2


Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)


Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac


*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*


Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions**

Capital : 1.500.000.000 Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers**

Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 288.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000 Frs.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913